Sử liệu về Bảo tháp Xá-lợi Phật - Thūpavamsa {Pali Việt} (TK Indacanda dịch)

Lịch sử Phật giáo

Sách Song Ngữ Pāli - Việt

THŪPAVAṂSO

&

SỬ LIỆU VỀ
BẢO THÁP XÁ-LỢI PHẬT
Nguyên tác Pāli: Vācissaratthera
Lời tiếng Việt: Tỳ Khưu Indacanda
SRI JAYAWARDHANARAMAYA COLOMBO – 2005

MỤC LỤC: Mục Lục .....i Lời giới thiệu iii

LIÊN QUAN ĐẾN ẤN ĐỘ:

Chương 1: Giảng Giải về Lời Phát Nguyện 5

Chương 2: Giảng Giải về Các Ngôi Bảo Tháp của Chư Phật 21

Chương 3: Giảng Giải về Hai Ngôi Bảo Tháp Thờ Búi Tóc và Vải Choàng 57

Chương 4: Giảng Giải về Mười Ngôi Bảo Tháp 65

Chương 5: Giảng Giải về sự Lưu Trữ các Xá Lợi 111

Chương 6: Giảng Giải về Tám Mươi Bốn Ngàn Ngôi Bảo Tháp ..119

LIÊN QUAN ĐẾN TÍCH LAN:

Chương 7: Giảng Giải về Tu Viện Bảo Tháp (Thūpārāma) 143

Chương 8: Giảng Giải về Sự Ngự Đến của Cội Bồ Đề 181

i

Chương 9: Giảng Giải về Các Ngôi Bảo Tháp ở Mỗi Do-Tuần 191

Chương 10: Giảng Giải về các Đức Vua Kế Vị nhằm Giải Thích Sự Việc 195

Chương 11: Giảng Giải về Ngôi Bảo Tháp ở Mahiyaṅgana 197

Chương 12: Giảng Giải về Tu Viện Maricavaṭṭi 211

Chương 13: Giảng Giải về Sự Nhận Được Vật Liệu Xây Dựng Ngôi Bảo Tháp 233

Chương 14: Giảng Giải về Sự Khởi Công Xây Ngôi Bảo Tháp 253

Chương 15: Giảng Giải và Mô Tả Hình Thức của Căn Phòng Thờ Xá Lợi 269

Chương 16: Giảng Giải về Việc Tôn Trí Xá Lợi 315

Chương 17: Giảng Giải về Ngôi Đại Bảo Điện 347

Phần Kết Thúc. 367

PHẦN GIỚI THIỆU -ooOoo-

Việc thờ phượng và chiêm bái xá-lợi Phật đã được phổ biến đến Phật tử Việt Nam trong những thập niên gần đây, nhất là từ khi có sự hiện diện của Phật Giáo Nguyên Thủy Việt Nam. Xá-lợi Phật là phần di thể còn lại sau lễ hỏa táng nhục thân của một bậc vĩ nhân đã sanh ra trong hoàng tộc Sakya: Thái tử Siddhattha (Sĩ-đạt-ta). Ngài đã từ bỏ ngai vàng, vợ đẹp, con thơ, lên đường tầm cầu giải thoát, đã thanh lọc mọi ô nhiễm trong tâm và trở thành bậc hoàn toàn giác ngộ, sau đó đã tận tuỵ 45 năm trường dìu dắt chúng sanh thoát qua biển khổ trầm luân của hiện hữu.

Với lòng từ bi vô lượng, Ngài đã chú nguyện lưu lại xá-lợi ở thế gian này sau khi viên tịch Niết Bàn để cho chúng sanh đời sau còn có duyên may chiêm bái và cúng dường. Vì thế, xá-lợi Phật là bằng chứng hùng hồn nhất về sự hiện diện của Ngài và ý nghĩa của sự xuất hiện ấy không ngoài mục đích giúp cho chúng sanh đoạn tận mọi khổ đau, thành tựu cứu cánh giải thoát Niết Bàn, không còn luân hồi sanh tử.

Do lòng kính trọng ân đức Phật Bảo nên chúng ta quý trọng và tôn thờ những gì có liên quan đến Ngài. Do sự bày tỏ lòng tôn kính qua hình thức chiêm bái cúng dường đến xá-lợi của Ngài, nghiệp quả lành sẽ phát sanh, đồng thời niềm tin vào con đường giải thoát sẽ được củng cố và

tăng trưởng. Việc xây dựng các ngôi bảo tháp thờ xá-lợi Phật, trước tiên ở cõi trời, kế đến là Ấn Độ, sau đó là Tích Lan, v.v... và hiện nay đang được tiến hành tại nhiều nơi trên thế giới cũng không ngoài mục đích trên.

Trong phần mở đầu, tác giả trần tình về nguyên nhân thực hiện tác phẩm này; có hai ý: tài liệu viết bằng tiếng Sinhala (ngôn ngữ của Tích Lan) không có ích cho số đông, còn tài liệu viết bằng Pāli (ngôn ngữ của xứ Magadha) có cách sắp xếp bị lẫn lộn, từ ngữ lại khó hiểu, và có nhiều thiếu sót. Sau đó, tác giả giải thích ý nghĩa của “thūpa” rồi lần lượt trình bày một cách khái quát về các tiền thân của đức Phật trong việc thực hành Bồ Tát hạnh và đã được sự chú nguyện của 24 vị Phật. Bắt đầu với lời phát nguyện của đạo sĩ Sumedha trước đức Phật Dīpaṅkara (Nhiên Đăng) cho đến kiếp sống cuối cùng sau khi công hạnh ba-la-mật đã tròn đủ, Ngài đã trở thành vị Phật tên Gotama và tế độ chúng sanh trong 45 năm hoằng khai Giáo Pháp. Tác giả cũng đã tường thuật lại tiến trình phân chia xá-lợi thành 8 phần do công của Bà-la-môn Doṇa và lần lượt đề cập

đến việc xây dựng 84.000 ngôi bảo tháp tại xứ Ấn Độ vào thời đức vua Asoka (thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch). Kế đến là việc Phật Giáo được truyền sang các nước biên địa và vai trò của trưởng lão Mahinda trong việc phát triển Phật Giáo ở hòn đảo Tambapaṇṇi (Sri Lanka ngày nay, tiếng Việt thường dùng là Tích Lan được âm từ tên cũ là Ceylon). Cuối cùng kết thúc tác phẩm vào thời điểm mệnh chung của đức vua Duṭṭhagāmaṇi Abhaya (tức là năm 77 trước Tây lịch). 1

1 Geiger, Wilhelm. The Mahāvaṃsa. (Bản dịch tiếng Anh) 2nd Ed. (Colombo: Government Press, 1986), xxxvii.

iv

Nhờ vào phần kết thúc, chúng ta biết được tác giả là vị trưởng lão Vācissara người xứ Tích Lan và cũng là tác giả của Līnatthadīpanī, sớ giải của Paṭisambhidāmagga (thuộc Tiểu Bộ Kinh), và tài liệu giảng giải ý nghĩa của các tác phẩm Saccasaṅkhepa và Visuddhimaggasaṅkhepa. Vị ấy sống dưới triều đại vua Parakkama và là vị có trách nhiệm ở thư khố (dhammāgāra) của vị vua này (Học giả B. C. Law cho biết đức vua Parakkamabāhu I đã trị vì từ 1153-1186 theo Tây lịch). 2

Với chủ đề chính là xá-lợi, tác giả đã khéo kết hợp những công trình xây dựng các ngôi bảo tháp và những yếu tố lịch sử đương thời. Ngoài những tư liệu liên quan đến sử học Phật Giáo, quý độc giả còn tìm được một số vấn đề có liên quan đến giáo lý cũng như những câu chuyện có thể giúp quý vị củng cố niềm tin và sách tấn việc tu tập của bản thân. Một điểm cần chú ý qua tác phẩm này là việc trích dẫn văn học đã được phổ biến vào thời điểm ấy.

Nhân duyên của việc phiên dịch bản văn: Trong chuyến hành hương kéo dài bốn tháng ở Ấn Độ năm 2001, chúng tôi đã tìm đến các gian hàng trưng bày sách của các nhà xuất bản tại nhiều thành phố lớn với mục đích tìm mua những tài liệu có liên quan đến hai loại ngôn ngữ Sanskrist và Pāli, dầu là nguyên tác hay dịch thuật. Chúng tôi đã mua được bản dịch tiếng Anh “The Legend of the Topes” của vị học giả Bimala Churn Law ở phòng trưng bày sách của Asiatic Society tại thành phố Calcutta. Tuy

2 Law, Bimala Churn. The Legend of the Topes. (Bản dịch tiếng Anh của Thūpavaṃsa) 2nd Ed. (Calcutta: The Asiatic Society, 1993), i.

v

nhiên, chúng tôi đã không được thỏa ý vì có nhiều đoạn văn khó hiểu; điều này khiến chúng tôi khởi ý tìm đọc nguyên bản Pāli.

Phải hơn nữa năm sau, chúng tôi có duyên gặp lại Đại Đức Hộ Phạm đang học MA Phật Học ở Colombo. Đại Đức đã cố gắng tìm mượn cho chúng tôi bản Pāli ghi bằng mẫu tự Sinhala do công sức hiệu đính của Trưởng Lão Paṇḍita Ñāṇavimala Mahāthera. 3 Văn bản này có một khuyết điểm là có nhiều từ liên kết đã bị tách rời ra do lỗi kỹ thuật của nhân công sắp chữ khiến cho việc xác định ý nghĩa của câu văn gặp nhiều khó khăn, đôi lúc còn gây ra nhận định sai lầm nữa. CD của Vipassana Research Institutes cũng có bản văn này nhưng có nhiều lỗi do phiên âm không được chính xác (các văn bản

được lưu lại bằng mẫu tự Sinhala lúc nghiên cứu hoặc chuyển sang mẫu tự La-tinh cần phải đặc biệt lưu ý các chi tiết nhỏ để tránh lầm lẫn). Vì thế, trong lúc thực hiện bản dịch này, chúng tôi đã điều chỉnh lại và trình bày ở đây văn bản Pāli bằng mẫu tự La-tinh với niềm tự tin rằng văn bản này sẽ không phụ lòng các học giả nghiên cứu.

Trong văn bản này, nhằm tạo điều kiện dễ dàng cho việc học hỏi Pāli của các độc giả có trình độ sơ và trung cấp, một số sandhi (sự liên kết giữa các từ) đã được phân tích với dấu ngang (-) và các lời đối thoại đã được đưa vào ngoặc kép trong đa số trường hợp để dễ nhận diện cấu trúc của câu văn. Tuy nhiên, việc này lại gây ra một số chướng ngại về phương diện thẩm mỹ của văn bản, cũng như không có lợi ích thiết thực cho việc đọc trực tiếp

3 Ñāṇavimala, Thūpavaṃsa. (Colombo: M.D. Gunasena, 1962).

nguyên tác của các học giả có trình độ uyên thâm. Trong bản dịch tiếng Việt, các câu kệ thơ Pāli được ghi lại bằng văn xuôi và trình bày chữ nghiêng; mỗi câu kệ Pāli tương đương với hai hoặc ba dòng văn Việt được trình bày thành từng đoạn tách biệt. Các câu đối thoại cũng được trình bày chữ nghiêng trong ngoặc kép và không xuống hàng sau mỗi lời nói của từng nhân vật.

Về văn phong tiếng Việt, e rằng sẽ không làm hài lòng quý độc giả khó tính vì bản dịch này được thực hiện theo trường phái cổ điển của các học giả phương tây trong việc phiên dịch cổ ngữ, ở trường hợp này là Pāli. Vấn đề được đặt ra cho người dịch trong lúc nghiên cứu văn bản gốc không phải chỉ trả lời câu hỏi: “Câu văn Pāli ấy có ý nghĩa thế nào?” mà còn phải tự giải thích: “Vì sao câu văn ấy lại có ý nghĩa như thế?” Đây là trọng tâm của phương pháp học cổ ngữ theo lối phân tích, khác hẳn với lối học từ chương của phương đông. Việc “dịch sát từ” có hai mặt tích cực là dễ dàng xác định trình độ “nắm bắt” ngôn ngữ Pāli của người dịch, đồng thời góp phần vào việc học tập loại ngôn ngữ này của quý độc giả. Trong việc tìm hiểu ý nghĩa các đoạn văn Pāli, các phương pháp phỏng dịch, đoán ý, v.v... tuy tiết kiệm được thời gian và có thể tạo ra những lời dịch tiếng Việt lưu loát, nhưng cũng rất dễ rơi vào trường hợp xa rời văn bản hoặc tánh tùy tiện dễ dãi trong công việc nghiên cứu có cơ hội phát triển (vì không phải suy nghĩ về câu hỏi thứ hai).

Tóm lại, tuy đã nỗ lực tối đa nhưng bản dịch này không sao tránh khỏi những điều sai sót, ngưỡng mong nhận được sự góp ý phê bình của quý vị. Xin gởi điện thơ về địa chỉ: indacanda@gmail.com.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin chân thành tán dương sự ủng hộ nhiệt tình của các vị: Ven. Khánh Hỷ, Ven. Hộ Phạm, Ven. Chánh Kiến, Sư Cô Diệu Linh, Sư Cô Hạnh Bửu, Dr. Binh Anson, Anh Phạm Trọng Độ, Bà Ba Diệu Đài, Bà Diệu Giới, gia đình Cô Sáu Dép, Cô Tư Khánh Huy, Cô Huỳnh Liên Hoa, Cô Lê Thị Huế, gia đình Trương Tuyết Anh, Phật tử Ngọc Ngân, v.v... Sự khích lệ của quý vị có thể được ví như cơn mưa rào hoặc những

làn gió mát tiếp sức cho người lữ hành đơn độc đang lang thang tìm kiếm báu vật trên bãi sa mạc mênh mông; nếu thiếu đi nguồn hỗ trợ về tinh thần và vật chất của quý vị thì Phật sự này có thể sẽ bị trì trệ hoặc phải bỏ dở, ví như chiếc thuyền giữa biển khơi không có nhiên liệu và buồm căng không gió thì người tài công cũng đành bất lực. Thành tâm cầu chúc quý vị luôn đạt được nhiều hạnh phúc trong cuộc sống thế gian và thể nhập niềm an lạc vô biên trên bước đường tu tập giải thoát.

Công đức này xin dâng đến Hòa Thượng trụ trì và chư Tăng chùa Sri Jayawardhanaramaya, Colombo, Tích Lan, đã bảo bọc và tạo điều kiện thuận lợi cho chúng tôi trong công việc tu học và nghiên cứu Phật Pháp trong thời gian qua.

Mong sao hết thảy chúng sanh đều được tiến hóa trong ánh hào quang của Chánh Pháp.

Colombo, ngày 31 tháng 01 năm 2005 Bhikkhu Indacanda (Trương đình Dũng)

viii

THŪPAVAṂSO

&

SỬ LIỆU VỀ BẢO THÁP XÁ-LỢI PHẬT

THŪPAVAṂSO Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa.

“Yasmiṃ sayiṃsu jinadhātuvarā samantā chabbaṇṇa-raṃsi-visarehi samujjalantā, nimmāya lokahitahetu jinassa rūpaṃ taṃ thūpam-abbhūta-tamaṃ sirasā namitvā.

Cakkhāmahaṃ sakala-loka-hitāvahassa thūpassa sabba-jana-nandana-kāraṇassa, vaṃsaṃ surāsura-narindavarehi niccaṃ sampūjitassa ratanujjala-thūpikassa.

Kiñcāpi so yatijanena purātanena atthāya sīhaḷajanassa kato purāpi, vākkena sīhaḷabhavenaʻbhisaṅkhatattā atthaṃ na sādhayati sabbajanassa sammā.

Yasmā ca māgadha-niruttikatopi thūpavaṃso viruddhanaya-sadda-samākulo so, vattabbameva ca bahumpi yato na vuttaṃ tasmā ahaṃ punapi vaṃsamimaṃ vadāmi.

Suṇātha sādhavo sabbe paripuṇṇamanākulaṃ vuccamānaṃ mayā sādhu vaṃsaṃ thūpassa satthuno”ti.

--ooOoo--

SỬ LIỆU VỀ BẢO THÁP XÁ LỢI PHẬT Kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, đấng Chánh Biến Tri!

“Sau khi tạo nên hình tượng của Đấng Chiến Thắng nhằm đem lại lợi ích cho thế gian, tôi xin đê đầu đảnh lễ ngôi bảo tháp kỳ diệu hạng nhất, là nơi tôn trí các xá-lợi cao quý của Đấng Chiến Thắng với vô số hào quang sáu màu tỏa sáng xung quanh. Và tôi xin thuật lại lịch sử của ngôi bảo tháp có đỉnh chóp là ngọc quý sáng ngời. Ngôi bảo tháp ấy là nguồn đem lại phúc lợi cho tất cả thế gian, là nhân sanh niềm hoan hỷ cho tất cả chúng sanh, luôn được chư Thiên, A-tu-la, và các bậc vua chúa cao quý cúng dường.

Mặc dầu lịch sử việc ấy đã được một vị tu sĩ tiền bối thực hiện trước đây nhắm đến sự lợi ích cho người dân xứ Tích Lan, nhưng do nguyên bản đã được sáng tác bằng ngôn ngữ của xứ Tích Lan nên không đem lại sự lợi ích toàn diện cho tất cả chúng sanh. 'Sử Liệu về Bảo Tháp Xá Lợi Phật' cũng đã được thực hiện bằng ngôn ngữ của xứ Magadha (Ma Kiệt Đà) 1 nhưng do cách sắp xếp bị lẫn lộn và từ ngữ khó hiểu, hơn nữa nhiều điều cần được nói đến đã không được đề cập; cho nên tôi sẽ thuật lại sử liệu ấy. Hỡi các bậc thiện tri thức, xin tất cả hãy lắng nghe lịch sử ngôi bảo tháp của bậc Đạo sư đang được tôi trình bày một cách tốt đẹp, đầy đủ, và không bị nhầm lẫn."

--ooOoo--

1 Là ngôn ngữ đã được dùng để ghi chép lại Tam Tạng, ngày nay gọi là ngôn ngữ Pāli.

ABHINĪHĀRAKATHĀ

Tattha "thūpassa vaṃsaṃ vakkhāmī"ti ettha "tathāgato arahaṃ sammā-sambuddho thūpāraho, paccekabuddho thūpāraho, tathāgatassa sāvako thūpāraho, rājā cakkavatti thūpāraho"ti vacanato thūpārahānaṃ buddhādīnaṃ dhātuyo patiṭṭhāpetvā kata-cetiyaṃ abbhunna taṭṭhena "thūpo"ti vuccati, idha pana kañcanamāli-mahāthūpo adhippeto, "so kassa dhātuyo patiṭṭhāpetvā kato"ti ce?

Yo dīpaṅkarādīnaṃ catuvīsatiyā buddhānaṃ santike laddha-vyākaraṇo samatiṃsapāramiyo pūretvā paramābhi- sambodhiṃ patvā dhamma-cakkappavattanato paṭṭhāya yāva subhaddaparibbājaka-vinayanā sabba-buddha-kiccāni niṭṭhā- petvā anupādisesāya nibbānadhātuyā parinibbuto; tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa dhātuyo patiṭṭhā- petvā kato; ayamettha saṅkhepo, vitthāro pana veditabbo.

Chương 1: GIẢNG GIẢI VỀ LỜI PHÁT NGUYỆN

Khi nói rằng: "Tôi xin thuật lại lịch sử của ngôi bảo tháp," ngôi bảo tháp được đề cập ở đây theo ý nghĩa chính của từ ấy là ngôi bảo điện 1 được kiến tạo sau khi đã tôn trí các xá-lợi của những bậc xứng đáng với bảo tháp như là các vị Phật, v.v... theo lời nói rằng: "Đấng Như Lai, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xứng đáng với bảo tháp, Phật Độc Giác xứng đáng với bảo tháp, bậc Thinh Văn của đấng Như Lai xứng đáng với bảo tháp, Vua Chuyển Luân xứng đáng với bảo tháp." 2 Hơn nữa, trong trường hợp này là nói đến ngôi đại bảo tháp có tràng hoa bằng vàng; nếu thế thì "Xá-lợi đã được tôn trí và ngôi đại bảo tháp đã được xây dựng ấy là của vị nào?" Ngôi bảo tháp ấy đã được dựng lên sau khi đã tôn trí các xá-lợi của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác ấy, tức là vị đã nhận được lời thọ ký trong sự hiện diện của hai mươi bốn vị Phật bắt đầu với đức Phật Dīpaṅkara (Nhiên Đăng), v.v..., là vị đã thực hiện đầy đủ đồng đều ba mươi pháp Ba-la-mật, đã đạt đến quả vị Toàn Giác tối thượng, đã hoàn thành tất cả các phận sự của vị Phật tính từ lúc chuyển vận bánh xe Pháp cho đến khi tế độ du sĩ ngoại đạo Subhadda, rồi đã viên tịch Niết Bàn trong cảnh giới Niết Bàn không còn dư sót. Ở đây, điều này là phần tóm tắt; bây giờ phần chi tiết sẽ được giảng giải: 1 Trong tài liệu này, hai từ thūpa (bảo tháp) và cetiya (bảo điện) được sử dụng thay đổi lẫn nhau. Về ý nghĩa tổng quát, thūpa chỉ áp dụng với xá-lợi (sārīrika), còn cetiya có ý nghĩa bao quát

hơn được áp dụng cho: 1/ sārīrika (xá-lợi), 2/ pāribhogika (các vật đã được đức Phật sử dụng lúc còn tại thế), 3/ uddesika (các hình tượng) (Encyclopaedia of Buddhism, vol. IV, p.105). 2 Trích lời đức Phật dạy ở bài kinh Mahāparinibbānasuttaṃ, Dīghanikāya (Kinh Đại Bát Niết Bàn, Trường Bộ I).

Ito kira kappasatasahassādhikānaṃ catunnaṃ asaṅkheyyānaṃ matthake amaravatī nāma nagaraṃ ahosi. Tattha sumedho nāma brāhmaṇo paṭivasati. So aññaṃ kammaṃ akatvā brahmaṇa-sippameva uggaṇhi. Tassa dahara-kāleyeva mātāpitaro kālamakaṃsu. Athassa rāsivaḍḍhanako amacco āyapotthakaṃ āharitvā suvaṇṇa-rajata-maṇi-muttādi bharite gabbhe vivaritvā “ettakaṃ te kumāra mātusantakaṃ, ettakaṃ pitusantakaṃ, ettakaṃ ayyaka-payyakānan”ti yāva sattamā kulaparivaṭṭā dhanaṃ ācikkhitvā “etaṃ paṭijaggāhī”ti āha. So “sādhū”ti sampaṭicchitvā agāraṃ ajjhāvasanto ekadivasaṃ cintesi: “Punabbhave paṭisandhigahaṇaṃ nāma dukkhaṃ, tathā nibbatta-nibbattaṭṭhāne sarīrabhedanaṃ, ahañca jātidhammo jarādhammo vyādhi-dhammo maraṇadhammo. Evaṃ bhūtena mayā ajātiṃ ajaraṃ avyādhiṃ amaraṇaṃ sukhaṃ sītalaṃ nibbānaṃ gavesituṃ vaṭṭatī”ti nekkhamma-kāraṇaṃ cintetvā puna cintesi: “Imaṃ dhanaṃ sabbaṃ mayhaṃ pitu- pitāmahādayo paralokaṃ gacchantā eka-kahāpaṇampi gahetvā na gatā, mayā pana gahetvā gamanakāraṇaṃ kātuṃ vaṭṭatī”ti. Nagare bheriṃ carāpetvā mahājanassa dānaṃ datvā himavannaṃ pavisitvā tāpasa-pabbajjaṃ pabbajitvā sattāhabbhantareyeva abhiññā ca samāpattiyo ca nibbattetvā samāpattisukhena vītināmesi.

Nghe rằng từ đây tính về trước bốn a-tăng-kỳ 1 và hơn một trăm ngàn kiếp, có thành phố tên là Amaravatī. Ở đó, có vị Bà-la-môn tên Sumedha sinh sống. Vị ấy đã không làm công việc nào khác mà chỉ trau dồi có mỗi học nghệ của Bà- la-môn. Song thân đã từ trần ngay từ lúc vị ấy còn niên thiếu. Sau đó, viên quan phụ trách tài sản của vị ấy đã mang lại sổ sách thâu nhập, đã mở ra gian phòng chứa đựng vàng, bạc, ngọc ma-ni, ngọc trai, v.v... và đã tường thuật về tài sản do sự thừa kế của gia tộc cho đến bảy đời: “Thưa công tử, tài sản của mẹ cậu là chừng này, tài sản của cha cậu là chừng này, của ông nội và tổ tiên là chừng này,” rồi nói rằng: “Cậu hãy bảo quản chúng.” Vị ấy đồng ý đáp rằng: “Tốt lắm!” Cho đến một ngày nọ, vị ấy trong lúc đang sống cuộc đời tại gia đã suy nghĩ rằng: “Sự tái sanh vào kiếp sống mới gọi là khổ. Sự tan rã thân xác trong trường hợp sanh đi sanh lại cũng là khổ. Và ta là đối tượng của sự sanh, là đối tượng của sự già, là đối tượng của sự bệnh, là đối tượng của sự chết. Như thế, khi còn tồn tại ta cần phải tầm cầu Niết Bàn an lạc, tịch tịnh, không sanh, không già, không bệnh, không chết.” Sau khi suy tư về động cơ của sự xuất gia, vị ấy đã tiếp tục suy nghĩ rằng: “Trong khi đi đến cảnh giới khác, cha, ông, và tổ tiên của ta đã ra đi không mang theo tất cả tài sản này cho dù chỉ một đồng tiền; vả lại khi ta đã biết được điều ấy thì cần phải chuẩn bị cho sự ra đi.” Sau khi cho đánh trống thông báo ở trong thành phố, vị ấy đã bố thí phẩm vật đến dân chúng rồi đã đi vào núi Hy-mã-lạp xuất gia làm đạo sĩ. Và chỉ trong bảy ngày, vị ấy đã làm sanh khởi các pháp thần thông và các sự đắc chứng, sau đó đã sống với niềm an lạc của sự thành đạt.

1 Asaṅkheyya nghĩa là con số không thể đếm được (có đến 141 số không).

Tadā dīpaṅkaro nāma satthā paramābhisambodhiṃ patvā satta sattāhaṃ bodhisamīpeyeva vītināmetvā sunandārāme dhammacakkaṃ pavattetvā koṭisatānaṃ devamanussānaṃ dhammāmataṃ pāyetvā cātuddīpika-mahāmegho viya dhammavassaṃ vassento catūhi khīṇāsava-satasahassehi parivuto anupubbena cārikaṃ caramāno ramma-nagaraṃ patvā sudassana-mahāvihāre paṭivasati. Tadā ramma- nagaravāsino sappi-phaṇitādīni bhesajjāni gahetvā puppha-dhūpa-gandha-hatthā yena buddho tenupasaṅkamitvā satthāraṃ vanditvā pupphādīhi pūjetvā ekamantaṃ nisīditvā dhammaṃ sutvā svātanāya bhagavantaṃ nimantetvā uṭṭhāyāsanā dasabalaṃ padakkhiṇaṃ katvā pakkamiṃsu.

Lúc bấy giờ, đấng Đạo Sư tên Dīpaṅkara sau khi đạt đến quả vị Toàn Giác tối thượng đã trải qua bảy tuần lễ ở ngay khu vực lân cận cội Bồ Đề. rồi đã chuyển vận bánh xe Pháp ở tu viện Sunandā. Tương tợ như là đám mây lớn đổ mưa xuống khắp cả bốn châu lục, Ngài trong lúc gieo rắc cơn mưa Giáo Pháp đã giúp cho một trăm koṭi 1 Thiên nhân và loài người được nếm vị bất tử của Giáo Pháp. Trong khi tuần tự du hành cùng với bốn trăm ngàn vị Lậu Tận 2 tùy tùng, Ngài đã đi đến thành phố Ramma và đã ngụ tại đại tu viện Sudassana. Khi ấy, cư dân thành phố Ramma đã mang theo các loại dược phẩm như là bơ lỏng, đường mía, v.v... và cầm bông hoa, nhang, dầu thơm ở tay đi đến gặp đức Phật. Họ đã đảnh lễ đấng Đạo Sư, đã cúng dường bông hoa và các phẩm vật khác, rồi đã ngồi xuống ở một bên lắng nghe Giáo Pháp, sau đó đã thỉnh mời đức Thế Tôn vào ngày mai, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy, hướng vai phải nhiễu quanh đấng Thập Lực, và ra đi.

1 100 koṭi tương đương 1 tỷ (1 koṭi là 10 triệu). 2 Khīṇāsava = vị có lậu hoặc đã cạn kiệt, nghĩa là đã thành tựu quả A-la-hán trở thành vị Phật.

Te puna divase asadisa-mahādānaṃ sajjetvā dasabalassa āgamana-maggaṃ sodhenti. Tasmiṃ kāle sumedhatāpaso attano assama-padato uggantvā rammanagaravāsīnaṃ tesaṃ manussānaṃ uparibhāgena ākāsena gacchantā te haṭṭha- pahaṭṭhe maggaṃ sodhente disvā, “Kinnu kho kāraṇan”ti cintento sabbesaṃ passantānaṃyeva ākāsato oruyha ekamante ṭhatvā te manusse pucchi: “Hambho kassa pana imaṃ maggaṃ sodhethā”ti. Te āhaṃsu: “Bhante sumedha, tumhe kiṃ naṃ jānātha. Dīpaṅkaro nāma satthā paramābhisambodhiṃ patvā pavatta-vara-dhammacakko janapada-cārikaṃ caramāno anukkamena amhākaṃ nagaraṃ patvā sudassana-mahāvihāre paṭivasati. Mayaṃ taṃ bhagavantaṃ nimantayimha tassa bhagavato āgamanamaggaṃ sodhemā”ti. Taṃ sutvā sumedhapaṇḍito cintesi: “Buddhoti kho panesa ghosopi dullabho, pāgeva buddhuppādo tena hi mayāpi imehi manussehi saddhiṃ dasabalassa āgamanamaggaṃ sodhetuṃ vaṭṭatī”ti. So te manusse āha: “Sace bho tumhe imaṃ maggaṃ buddhassa sodhetha, mayhampi ekaṃ okāsaṃ detha. Ahampi tumhehi saddhiṃ maggaṃ sodhessāmā”ti. Te “sādhū”ti sampaṭicchatvā “ayaṃ sumedhapaṇḍito mahiddhiko mahānubhāvo”ti jānantā dubbisodhanaṃ udakasambhinnaṃ ativisamaṃ ekaṃ okāsaṃ sallakkhetvā “imaṃ okāsaṃ tumhe sodhetha. Alaṅkarothā”ti adaṃsu.

Vào ngày kế, họ đã chuẩn bị cuộc đại thí không gì sánh bằng và đã làm sạch sẽ con đường đi đến của đấng Thập Lực. Vào thời điểm ấy, đạo sĩ Sumedha đã bay lên từ khu ẩn cư của mình, và trong lúc di chuyển ở khoảng không bên trên đám người là cư dân thành phố Ramma ấy đã nhìn thấy họ đang làm sạch sẽ con đường với vẻ hớn hở vui mừng, liền suy nghĩ rằng: "Vậy là có nguyên nhân gì đây?" Sumedha đã từ không trung đáp xuống phía trước tất cả bọn họ rồi đứng ở một bên và hỏi những người ấy rằng: "Này, các người làm sạch sẽ con đường này cho ai vậy?" Họ đã đáp rằng: "Thưa ngài Sumedha, không lẽ ngài không hay rằng sau khi đạt đến quả vị Toàn Giác tối thượng và có bánh xe Pháp quý báu đã được vận chuyển, đấng Đạo Sư tên Dīpaṅkara trong khi tuần tự du hành ở xứ sở đã đi đến thành phố Ramma của chúng ta và ngụ tại đại tu viện Sudassana hay sao? Chúng tôi đã thỉnh mời đức Thế Tôn ấy và chúng tôi đang làm sạch sẽ con đường đi đến của đức Thế Tôn ấy." Sau khi nghe được điều ấy, bậc trí tuệ Sumedha đã suy nghĩ rằng: "Đức Phật! Quả thật danh hiệu khó đạt được này ít nhiều có liên quan đến việc sanh khởi sự giác ngộ! Chính vì điều ấy, ngay cả ta cũng nên cùng với những người này làm sạch sẽ con đường đi đến của đấng Thập Lực." Vị ấy đã nói với những người ấy rằng: "Này quý vị, nếu các người làm sạch sẽ con đường này cho đức Phật, hãy chừa cho tôi một khoảng. Tôi cũng sẽ cùng với các người làm sạch sẽ con đường." "Tốt lắm!" Họ đã đồng ý, và biết rằng: "Bậc trí tuệ Sumedha này có đại thần lực, có đại oai lực" nên đã chọn lựa một khoảng khó thu dọn, ngập nước, quá gồ ghề, rồi giao cho (nói rằng): "Ngài hãy làm sạch sẽ khoảng này và hãy làm cho đẹp."

Sumedhapaṇḍito buddhārammaṇapītiṃ uppādetvā cintesi: "Ahampanimaṃ okāsaṃ iddhiyā paramadassanīyaṃ kātuṃ pahomi; evaṃ kato pana maṃ na paritoseti. Ajja pana mayā kāyaveyyāvaccaṃ kātuṃ vaṭṭatī"ti paṃsuṃ āharitvā taṃ padesaṃ pūreti, tassa pana tasmiṃ padese asodhite vippakateyeva rammanagaravāsīhi kāle ārocite dasabalo jayasumana-kusuma-sadisa-vaṇṇaṃ dupaṭṭacīvaraṃ timaṇḍalaṃ paṭicchādetvā nivāsetvā tassūpari suvaṇṇa- pāmaṅgena kusumakalāpaṃ parikkhipanto viya vijjullatā- sassirīkaṃ kāyabandhanaṃ bandhitvā kanaka-girisikhara- matthake lākhārasaṃ parisiñcanto viya, suvaṇṇacetiyaṃ pavāḷajālena parikkhipanto viya suvaṇṇagghikaṃ rattakambalena paṭimuñcanto viya, sarada-samaya- rajanikaraṃ rattavalāhakena paṭicchādento viya ca lākhārasena tinna-kiṃsuka-kusumavaṇṇaṃ ratta-vara- paṃsukūla-cīvaraṃ pārupitvā gandhakuṭidvārato kanakaguhāto sīho viya nikkhamitvā chaḷabhiññānaṃ yeva catūhi khīṇāsava-satasahassehi parivuto amaragaṇa-parivuto dasasata-nayato viya brahmagaṇaparivuto mahābrahmā viya ca aparimita-samaya-samupacitāya kusala-bala-janitāya anopamāya buddhalīlāya tārāgaṇaparivuto sarada-samaya-rajanikaro viya gaganatalaṃ alaṅkata-paṭiyattaṃ maggaṃ paṭipajji.

Bậc trí tuệ Sumedha đã sanh khởi niềm hoan hỷ đối với đối tượng đức Phật và đã suy nghĩ rằng: "Đương nhiên ta có khả năng thần thông để làm cho khoảng này trở thành đẹp đẽ nhất, tuy nhiên làm như thế thì ta không ưng ý. Trái lại, hôm nay ta cần phải thể hiện sự phục vụ bằng thân," rồi đã mang đất lại và lấp đầy khu vực ấy. Tuy nhiên, khi khu vực ấy của đạo sĩ Sumedha còn chưa được sạch sẽ và chưa được hoàn tất thì các cư dân thành phố Ramma đã thông báo về thời điểm (thọ thực). Đấng Thập Lực,

sau khi quấn y nội che đủ ba vòng, 1 đã trùm lên y hai lớp có màu sắc như là hoa tử vi, sau đó đã buộc vào người sợi dây thắt lưng sáng chói tợ ánh chớp, trông như là đang quấn quanh chùm hoa bằng dải lụa vàng. Sau khi choàng lên lá y phấn tảo quý giá có màu sắc đỏ của hoa kiṃsuka do được nhuộm bằng nhựa cánh kiến đỏ trông giống như đang rắc đều nhựa cây cánh kiến đỏ lên đỉnh ngọn núi bằng vàng, trông giống như đang trùm lên ngôi bảo điện với tấm lưới san hô đỏ, trông giống như đang choàng lên cột thạch nhũ vàng bằng tấm mền nhuộm đỏ, trông giống như ráng mây hồng đang phủ lên ánh trăng vào mùa thu, Ngài đã đi ra từ cánh cửa của hương thất trông giống như con sư tử đang rời khỏi hang động bằng vàng. Giống như vị thần Ngàn Mắt 2 được tùy tùng bởi tập thể Thiên nhân, giống như vị Trời Đại Phạm được tùy tùng bởi tập thể Phạm Thiên, đức Phật Dīpaṅkara, với vẻ từ hòa vô lượng của bậc Giác Ngộ được tạo nên nhờ vào oai lực của thiện nghiệp đã tích lũy trong khoảng thời gian vô tận, đã cùng với bốn trăm ngàn vị Lậu Tận có sáu Thắng Trí tháp tùng bước đi trên con đường đã được trang hoàng và sửa soạn, trông giống như ánh trăng mùa thu có các vì tinh tú vây quanh di chuyển ở trên bầu trời. 1 Vòng bụng ở rốn và hai vòng đầu gối. 2 Một trong những danh hiệu của thần Inda/Indra.

Sumedhatāpasopi tena alaṅkata-paṭiyattena maggena āgacchantassa dīpaṅkarassa bhagavato dvattiṃsa- varalakkhaṇa-patimaṇḍitaṃ asītiyā anubyañjanehi anubyañjitaṃ byāmappahā parikkhepa-sassirīkaṃ indanīla- maṇisaṅkāse ākāse nānappakārā vijjullatā viya chabbaṇṇabuddharaṃsiyo vissajjentaṃ rūpaggappattaṃ attabhāvaṃ oloketvā “ajja mayā dasabalassa jīvitapariccāgaṃ kātuṃ vaṭṭati. Mā bhagavā kalale akkami. Maṇimayaṃ phalakasetuṃ akkamanto viya saddhiṃ catūhi khīṇāsava-satasahassehi mama piṭṭhiṃ akkamanto gacchatu. Taṃ me bhavissati dīgharattaṃ hitāya sukhāyā”ti, kese mocetvā ajinajaṭā vākacīrāni kalale pattharitvā tattheva kalalapiṭṭhe nipajji. Nipanno ca “sace ahaṃ iccheyyaṃ sabbakilese jhāpetvā saṅghanavako hutvā rammanagaraṃ paviseyyaṃ aññātakavesena pana me kilese jhāpetvā nibbānapattiyā kiccaṃ natthi, yannūnāhaṃ dīpaṅkara- dasabalo viya paramābhisambodhiṃ patvā dhammanāvaṃ āropetvā mahājanaṃ saṃsārasāgarā uttāretvā pacchā parinibbāyeyyaṃ. Idaṃ me patirūpan”ti cintetvā aṭṭha- dhamme samodhānetvā buddhabhāvāya abhinīhāraṃ katvā nipajji.

Khi đức Thế Tôn Dīpaṅkara đang đi đến bằng con đường đã được trang hoàng và sửa soạn ấy, đạo sĩ Sumedha đã chiêm ngưỡng hình dáng có sắc đẹp tột đỉnh được điểm tô với ba mươi hai quý tướng cọng thêm vào tám mươi tướng phụ và được rực rỡ với vầng sáng lan tỏa xung quanh đang phát ra các hào quang sáu màu của đấng Giác Ngộ, giống như là các tia chớp đủ loại lóe sáng ở trên bầu trời màu ngọc xanh biếc. Vị ấy (đã suy nghĩ rằng): “Hôm nay, ta cần phải ra sức cống hiến thân mạng đến đấng Thập Lực. Mong rằng đức Thế Tôn chớ bước đi ở bãi lầy. Mong rằng Ngài cùng với bốn trăm ngàn vị Lậu Tận hãy bước đi trên lưng của ta như là đang bước đi ở cây cầu lót đá phiến làm bằng ngọc ma-ni. Điều ấy sẽ đem lại cho ta sự lợi ích và an lạc lâu dài,” sau đó đã xỏa tóc, trải ra các tấm choàng bằng lông thú và vỏ cây ở trên bãi lầy, rồi đã nằm xuống ngay tại chỗ ấy ở bên trên của bãi lầy. Và khi đang nằm xuống, vị ấy đã suy nghĩ rằng: “Nếu ta muốn, ta có thể thiêu đốt tất cả phiền não và trở thành vị tân thọ của hội chúng

rồi đi vào thành phố Ramma. Tuy nhiên, sau khi thiêu đốt phiền não theo cách thức ấy thì không có sự cống hiến gì trong việc thành tựu Niết Bàn. Hay là ta nên đạt đến quả vị Toàn Giác tối thượng, rồi duy trì con thuyền Giáo Pháp và dìu dắt số đông chúng sanh vượt qua biển cả luân hồi, sau đó mới viên tịch Niết Bàn giống như đấng Thập Lực Dīpaṅkara vậy? Đây là điều tốt đẹp cho ta!" Sau khi liên tưởng đến tám pháp, 1 đạo sĩ Sumedha đã xác định lời phát nguyện trở thành vị Phật rồi nằm xuống.

1 Để lời phát nguyện trở thành Phật có được kết quả, người phát nguyện phải thành tựu tám điều sau: là loài người, là người nam, có thể chứng đạt phẩm vị A-la-hán ngay trong kiếp ấy, được nhìn thấy vị Phật Toàn Giác đang tại thế, là vị ẩn sĩ đã xuất gia, thành tựu về thiền định, có dự định hy sinh thân mạng đến đức Phật, có ước nguyện theo đuổi việc thực hành Ba-la-mật của vị Bồ Tát.

Dīpaṅkaropi bhagavā āgantvā sumedhapaṇḍitassa sīsabhāge ṭhatvā kalalapiṭṭhe nipannaṃ tāpasaṃ disvā "ayaṃ tāpaso buddhatthāya abhinīhāraṃ katvā nipanto, ijjhissati nu kho etassa patthanā, udāhu no"ti upadhārento: "anāgate gotamo nāma buddho bhavissatī"ti ñatvā ṭhitakova parisa- majjhe vyākāsi: "passatha no tumhe bhikkhave imaṃ uggatapaṃ tāpasaṃ kalalapiṭṭhe nipannan"ti. "Evaṃ bhante"ti, "ayaṃ buddhatthāya abhinīhāraṃ katvā nipanno, samijjhissati imassa patthatā kappa-sata-sahassādhikānaṃ catuntaṃ asaṅkheyyānaṃ matthake gotamo nāma buddho bhavissatī"ti sabbaṃ vyākāsi.

Vuttaṃ hetaṃ buddhavaṃse:

"Dīpaṅkaro lokavidū - āhutīnaṃ paṭiggaho, ussīsake maṃ ṭhatvāna - idaṃ vacanamabrūvi.

Passatha imaṃ tāpasaṃ - jaṭila uggatāpanaṃ, aparimeyye ito kappe - ayaṃ buddho 1 bhavissati.

Ahu kapilavhayā rammā - nikkhamitvā tathāgato, padhānaṃ padahitvāna - katvā dukkarakārikaṃ.

Ajapāla-rukkhamūlasmiṃ - nisīditvā tathāgato, tattha pāyāsamaggayha - nerañjaramupehiti.

1 buddho loke - keci.

Sau khi đi đến đứng ở phía trên đầu của bậc trí tuệ Sumedha, đức Thế Tôn Dīpaṅkara đã ngắm nhìn vị đạo sĩ đang nằm ở trên bãi lầy rồi quán xét rằng: "Vị đạo sĩ này nằm xuống sau khi đã xác định lời phát nguyện trở thành Phật, điều thệ nguyện của vị này sẽ thành tựu hay không nhỉ?" Sau khi biết được rằng: "Sẽ trở thành vị Phật tên Gotama trong ngày vị lai," Ngài đã đứng ngay tại nơi ấy ở giữa hội chúng tuyên bố rằng: "Này các tỳ khưu, các ngươi có nhìn thấy vị đạo sĩ vô cùng khổ hạnh này vì chúng ta đã nằm xuống ở trên bãi lầy hay không?" "Bạch ngài, thưa có." Ngài đã chú nguyện toàn bộ như vầy: "Vị này đã xác định lời phát nguyện trở thành Phật rồi nằm xuống, điều thệ nguyện của vị này sẽ được thành tựu sau bốn a-tăng-kỳ và hơn một trăm ngàn kiếp và sẽ là vị Phật tên Gotama."

Vì thế, ở Buddhavaṃsa có lời nói rằng: 1

“Đấng Thông Suốt Thế Gian Dīpaṅkara, vị thọ nhận các vật cúng dường, đã đứng kề cận đỉnh đầu của ta và đã nói lời này: ‘Các ngươi hãy nhìn người đạo sĩ tóc bện có khổ hạnh cao tột này. Trong vô lượng kiếp tính từ thời điểm này, (người này) sẽ trở thành vị Phật ở thế gian. Sau khi rời khỏi (thành phố) xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được (khổ hạnh). Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền).

1 Xem Buddhavaṃsapāli - Phật Sử, Tam Tạng Pali - Việt (TTPV) tập 42, trang 31.

Nerañjarāya tīramhi - pāyāsādāya so jino, paṭiyattavaramaggena - bodhimūlaṃ hi ehīti.

Tato padakkhiṇaṃ katvā - bodhimaṇḍaṃ anuttaro, assattha-rukkha-mūlamhi - bujjhissati mahāyaso.

Imassa janikā mātā - māyā nāma bhavissati, pitā suddhodano nāma - ayaṃ hessati gotamo.

Anāsavā vītarāgā - santacittā samāhitā, kolito upatisso ca - aggā hessanti sāvakā.

Ānando nāmupaṭṭhāko - upaṭṭhissatīmaṃ jinaṃ, khemā uppalavaṇṇā ca - aggā hessanti sāvikā.

Anāsavā vītarāgā - santacittā samāhitā, bodhi tassa bhagavato - ‘assattho’ti pavuccatī”ti.

Abhinīhārakathā.

--ooOoo--

Ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ Đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn. Kế đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ Đề, bậc Vô Thượng, vị có danh tiếng vĩ đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha. 1 Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama. Kolita và Upatissa không còn lậu hoặc, có tham ái đã lìa, có tâm an tịnh và định tĩnh, sẽ là (hai vị) Thinh Văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng ấy. Khemā và Uppalavaṇṇā sẽ là (hai vị) nữ Thinh Văn hàng đầu. (Hai vị) không còn lậu hoặc, có tham ái đã lìa, có tâm an tịnh và định tĩnh. Cội cây Bồ Đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là ‘Assattha.’”

Phần Giảng Giải về Lời Phát Nguyện.

--ooOoo--

1 Các vị Phật đã giác ngộ ở tại gốc cây nào, giống cây ấy được gọi là cây Bồ Đề (bodhirukkha), nghĩa là cây của sự Giác Ngộ (Bồ Đề là từ dịch âm của bodhi có nghĩa là trí giác ngộ). Như vậy, nên hiểu rằng tên gọi cây Bồ Đề là tên gọi chung, còn mỗi cội cây Bồ Đề của từng vị Phật đều có tên gọi riêng. Ví dụ đức Phật Thích Ca đã chứng ngộ Phật

Quả ở dưới cội cây có tên là Assattha, đức Phật Dīpaṅkara là cội cây tên Pipphalī, đức Phật Koṇḍañña là cội cây Sālā, v.v...

BUDDHA-THŪPA-KATHĀ

Tato dīpaṅkaro dasabalo bodhisattaṃ pasaṃsitvā aṭṭhahi pupphamuṭṭhīhi pūjetvā padakkhiṇaṃ katvā pakkāmi. Tepi catusata-sahassa-khīṇāsavā bodhisattaṃ pupphehi ca gandhehi ca pūjetvā padakkhiṇaṃ katvā pakkamiṃsu. Devamanussā ca tatheva pūjetvā vanditvā pakkamiṃsu.

Atha kho bodhisatto dasabalassa vyākaraṇaṃ sutvā buddhabhāvaṃ karatalagatamiva maññamāno pamudita- hadayo sabbesu paṭikkantesu sayanā vuṭṭhāya puppha-rāsi-matthake pallaṅkaṃ ābhujitvā nisinno buddhakārakadhamme upadhārento “kahanu kho buddhakāraka-dhammā, kiṃ uddhaṃ adho disāsu vidisāsū”ti anukkamena sakalaṃ dhammadhātuṃ vicinanto porāṇakabodhisattehi āsevita-nisevitaṃ paṭhamaṃ dānapāramiṃ disvā tattha daḷhasamādānaṃ katvā evaṃ anukkamena sīla-nekkhamma-paññā-viriya-khanti-sacca- adhiṭṭhāna-mettā-upekkhā pāramiyo ca disvā tattha daḷha- samādānaṃ katvā devatāhi abhitthuto ākāsamabbhuggantvā himavantameva agamāsi.

Chương 2: GIẢNG GIẢI VỀ CÁC NGÔI BẢO THÁP CỦA CHƯ PHẬT

Khi ấy, đấng Thập Lực Dīpaṅkara đã khen ngợi đức Bồ Tát, đã cúng dường tám bó hoa, sau đó đã hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi. Bốn trăm ngàn vị Lậu Tận ấy cũng đã cúng dường các bông hoa và các loại hương thơm đến đức Bồ Tát, sau đó đã hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi. Chư Thiên và nhân loại sau khi cúng dường tương tợ như thế, rồi đã đảnh lễ, và ra đi.

Sau đó, khi đã nghe được lời chú nguyện của đấng Thập Lực, đức Bồ Tát tưởng chừng như việc trở thành Phật đã đạt đến trong lòng bàn tay nên tâm tư trở nên hoan hỷ. Đến khi tất cả đã ra đi, đức Bồ Tát đã từ chỗ nằm đứng dậy, rồi đến ngồi xuống ở trên các đống bông hoa, xếp chân thế kiết già. Trong lúc suy tư đến các điều kiện để trở thành Phật: “Các điều kiện để trở thành đức Phật ở nơi đâu? Chúng ở bên trên hay ở bên dưới, ở các hướng chính hay ở các hướng phụ?” và trong lúc lần lượt quán xét toàn bộ các yếu tố chính yếu, vị ấy đã nhìn thấy pháp bố thí Ba-la-mật là điều đầu tiên đã được các vị Bồ Tát tiền bối theo đuổi và thực hành. Sau khi phát nguyện sự kiên quyết thọ trì hạnh Ba-la-mật ấy, đức Bồ Tát đã lần lượt nhìn thấy các hạnh Ba-la-mật như vầy: trì giới, xuất gia, trí tuệ, tinh tấn, kham nhẫn, chân thật, quyết định, bác ái, xả. Sau khi phát nguyện sự kiên quyết thọ trì các hạnh Ba-la-mật ấy và được chư Thiên khen ngợi, đức Bồ Tát đã bay lên không trung và đi thẳng đến dãy Hi-mã-lạp- sơn.

Dīpaṅkaropi satthā catūhi khīṇāsava-satasahassehi parivuto rammanagara-vāsīhi pūjiyamāno devatāhi abhinandiyamāno alaṅkata-paṭiyattena maggena rammanagaraṃ pavisitvā paññatta-vara-buddhāsane nisīdi. Bhikkhusaṅghopi attano attano pattāsane nisīdi. Rammanagaravāsinopi upāsakā buddhapamukhassa bhikkhusaṅghassa mahādānaṃ datvā bhagavantaṃ bhuttāviṃ onīta-pattapāṇiṃ mālā-gandhādīhi pūjetvā dānānumodanaṃ sotukāmā nisīdiṃsu. Bhagavāpi tesaṃ

anumodanaṃ karonto dānakathaṃ sīlakathaṃ saggakathaṃ kāmānaṃ ādīnavaṃ okāraṃ saṃkilesaṃ nekkhamme ānisaṃsañca pakāsetvā amata-pariyosānaṃ dhammakathaṃ kathesi.

Evaṃ tassa mahājanassa dhammaṃ desetvā ekacce saraṇesu ekacce pañcasu sīlesu ekacce sotāpatti-phale ekacce sakadāgāmi-phale ekacce anāgāmi-phale ekacce catusupi phalesu ekacce tīsu vijjāsu ekacce chaḷabhiññāsu ekacce aṭṭhasu samāpattīsu patiṭṭhāpetvā uṭṭhāyāsanā ramma- nagarato nikkhamitvā sudassana-mahāvihārameva pāvisi.

Vuttañhetaṃ: “Tadā te bhojayitvāna - sasaṅghaṃ lokanāyakaṃ, upagañchuṃ saraṇaṃ tassa - dīpaṅkarassa satthuno.

saraṇāgamane kañci - nivaseti 1 tathāgato, kañci pañcasu sīlesu - sīle dasavidhe paraṃ,

1 nivedesi – keci.

Trong lúc được các cư dân thành phố Ramma sùng kính và được chư Thiên đón chào, bậc Đạo Sư Dīpaṅkara cùng với bốn trăm ngàn vị Lậu Tận tùy tùng đã tiến vào thành phố Ramma bằng con đường đã được trang hoàng và sửa soạn, sau đó đã ngồi xuống trên Phật tòa cao quý được sắp đặt sẵn. Hội chúng tỳ khưu cũng đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được quy định cho mỗi vị. Các Phật tử cư trú ở thành phố Ramma đã cúng dường lễ đại thí đến hội chúng tỳ khưu có đức Phật đứng đầu. Khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, họ đã cúng dường các tràng hoa và hương thơm, v.v... rồi đã ngồi xuống với lòng mong mỏi được nghe lời tùy hỷ về sự bố thí. Trong lúc thực hiện lời tùy hỷ đến những người ấy, đức Phật Dīpaṅkara đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về trì giới, bài thuyết về cõi trời, sự ô nhiễm hạ liệt tai hại của các dục, và sự lợi ích trong việc xuất ly, sau đó đã thuyết về Pháp đưa đến Bất Tử. Như thế, sau khi thuyết giảng Giáo Pháp cho đám đông người ấy, Ngài đã thiết lập một số người vào sự quy y Tam Bảo, một số vào Ngũ Giới, một số vào quả vị Dự Lưu, một số vào quả vị Nhất Lai, một số vào quả vị Bất Lai, một số vào luôn cả bốn quả vị, một số vào ba Minh, một số vào sáu Thắng Trí, một số vào tám tầng thiền, sau đó đã từ chỗ ngồi đứng dậy rời khỏi thành phố Ramma và trở về lại đại tu viện Sudassana. Vì thế, có lời nói rằng: “Lúc bấy giờ, sau khi đã dâng vật thực đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng (tỳ khưu), họ đã đi đến nương nhờ (quy y) bậc Đạo Sư Dīpaṅkara ấy. Đức Như Lai đã an trú người này vào việc đi đến nương nhờ, người kia vào năm giới, người khác vào mười giới.

Kassaci deti sāmaññaṃ - caturo phalamuttame, kassaci asame dhamme - deti so paṭisambhidā.

Kassaci varasamāpattiyo - aṭṭha deti narāsabho, tisso kassaci vijjāyo - chaḷabhiññā pavecchati.

Tena yogena janakāyaṃ - ovadeti mahāmuni, tena vitthārikaṃ āsi - lokanāthassa sāsanaṃ.

Mahāhanūsabhakkhandho - dīpaṅkara sanāmako, bahū jane tārayati - parimoceti duggatiṃ.

Bodhaneyyaṃ janaṃ disvā - satasahassepi yojane, khaṇena upagantvāna - bodheti taṃ mahāmunī”ti.

Iti so dīpaṅkaro satthā vassasata-sahassāni ṭhatvā sattānaṃ bandhana-mokkhaṃ kurumāno sabbabuddhakiccāni niṭṭhāpetvā nandārāme anupādisesāya nibbānadhātuyā parinibbāyi.

Naheva dhātuyo tassa - satthuno vikiriṃsu tā, Ṭhitā ekaghanā hutvā - suvaṇṇapaṭimā viya.

Sakalajambudīpavāsino manussā ghanakoṭṭima- suvaṇṇiṭṭhikāhi evaṃ chattiṃsa yojanikaṃ mahāthūpamakaṃsu.

Ngài ban cho vị này tư cách Sa-môn trong bốn quả vị tối thượng. Ngài ban cho vị kia Tuệ Phân Tích thuộc về các pháp không gì sánh kịp. Đấng Nhân Ngưu ban cho người này tám tầng thiền quý báu, ban tặng cho người kia ba Minh, sáu Thắng Trí (Lục Thông). Bậc Đại Hiền Triết ấy đã giáo huấn đám đông bằng phương thức ấy. Nhờ vậy, Giáo Pháp của đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã được phổ biến rộng rãi. Vị có tên Dīpaṅkara, có quai hàm lớn vai rộng, giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua, giúp cho họ hoàn toàn thoát khỏi khổ cảnh. Sau khi nhìn thấy chúng sanh có thể giác ngộ dầu ở cách trăm ngàn do-tuần, bậc Đại Hiền Triết đi đến trong khoảnh khắc và giác ngộ người ấy.” 1

Như thế, bậc Đạo Sư Dīpaṅkara ấy đã tồn tại một trăm ngàn năm, và trong khi cởi trói mối ràng buộc cho chúng sanh đã hoàn thành tất cả phận sự của vị Phật rồi đã viên tịch Niết Bàn trong cảnh giới Niết Bàn không còn dư sót tại tu viện Nanda.

Các xá-lợi ấy của đấng Đạo Sư Dīpaṅkara đã không bị phân tán; chúng được tồn tại và kết thành một khối trông như pho tượng bằng vàng.

Dân chúng cư ngụ ở trên toàn bộ Jambudīpa đã kiến tạo ngôi đại bảo tháp ba mươi sáu do-tuần 2 bằng những viên gạch bằng vàng được nén chặt.

1 Sđd., các câu kệ 1-7, trang 55. 2 1 do-tuần = 4 gāvuta, tương đương 16 km.

Tena vuttaṃ: “Dīpaṅkaro jino satthā - nandārāmamhi nibbuto, tattheva tassa jinathūpo - chattiṃsubbedha-yojano.

Patta-cīvara-parikkhāraṃ - paribhogañca satthuno, bodhimūle tadā thūpo - tīṇi yojanamuggato ”ti.

Dīpaṅkarassa pana bhagavato aparabhāge ekaṃ asaṅkheyyaṃ atikkamitvā koṇḍañño nāma satthā udapādi. Tadā bodhisatto vijitāvī nāma cakkavatti hutvā koṭisatasahassa saṅkhassa buddha-pamukhassa bhikkhusaṅghassa mahādānaṃ adāsi. Satthā bodhisattaṃ “buddho bhavissatī”ti vyāpārikaritvā dhammaṃ desesi. So satthu-dhammakathaṃ sutvā rajjaṃ niyyādetvā pabbaji. So tīṇi piṭakāni uggahetvā aṭṭha-samāpattiyo pañca-abhiññāyo ca uppādetvā aparihīnajjhāno brahmaloke

nibbatti. Sopi buddho vassasata-sahassāni ṭhatvā sabbabuddhakiccāni niṭṭhāpetvā candārāme parinibbāyi. Tassāpi bhagavato dhātuyo na vikiriṃsu. Sakalajambudīpavāsino manussā samāgantvā sattayojanikaṃ sattaratanamayaṃ haritālamanosīlāya mattikākiccaṃ tela-sappīhi udakakiccaṃ katvā cetiyaṃ niṭṭhāpesuṃ.

Vì thế, có lời nói rằng: "Đấng Chiến Thắng, bậc Đạo Sư Dīpaṅkara đã Niết Bàn tại tu viện Nandā. Bảo tháp của đấng Chiến Thắng dành cho vị ấy có chiều cao ba mươi sáu do-tuần là ở ngay tại nơi ấy. 1 Sau đó, một ngôi bảo tháp đã được dựng lên cao ba dotuần tại cội cây Bồ Đề (để phụng thờ) bình bát, y, và vật dụng sở hữu của đấng Đạo Sư."

Kế đến, vào sau thời kỳ của đức Thế Tôn Dīpaṅkara khi đã trải qua một a-tăng-kỳ, bậc Đạo Sư Koṇḍañña đã xuất hiện. Khi ấy, đức Bồ Tát là vị Chuyển Luân Vương tên Vijitāvī đã cúng dường lễ đại thí đến hội chúng tỳ khưu số lượng một trăm ngàn koṭi 2 vị có đức Phật đứng đầu. Đấng Đạo Sư đã chú nguyện cho vị ấy rằng: "Sẽ trở thành Phật," rồi đã thuyết giảng Giáo Pháp. Sau khi lắng nghe bài giảng Pháp của đấng Đạo Sư, đức Bồ Tát đã trao lại vương quyền rồi xuất gia. Vị ấy sau khi học hiểu về Tam Tạng, đã làm sanh khởi tám tầng thiền và năm thắng trí, có thiền định không bị hư hoại, và đã sanh về cõi Phạm Thiên. Vị Phật ấy sau khi tồn tại một trăm ngàn năm và hoàn thành tất cả phận sự của vị Phật cũng đã viên tịch Niết Bàn tại tu viện Canda. Các xá-lợi ấy của đức Thế Tôn ấy cũng đã không bị phân tán. Dân chúng cư ngụ ở trên toàn thể xứ Jambudīpa đã tụ hội lại, sau đó đã thực hiện việc đắp đất bằng đá vàng và đỏ cùng với việc tô màu nước bằng dầu ăn và bơ lỏng, rồi đã dựng nên ngôi bảo điện (kích thước) bảy do-tuần làm bằng bảy loại ngọc quý.

1 Sđd., câu kệ 32, trang 59. 2 100.000 koṭi tương đương 1 triệu triệu.

"Koṇḍañño kira sambuddho - candārāme manorame, nibbāyi cetiyo tassa - sattayojaniko kato"ti.

Tassa aparabhāge ekaṃ asaṅkheyyaṃ atikkamitvā ekasmiṃyeva kappe cattāro buddhā uppajjiṃsu "maṅgalo sumano revato sobhito"ti. Maṅgalassa pana bhagavato kāle bodhisatto suruci nāma brāhmaṇo hutvā "satthāraṃ nimantessāmī"ti upasaṅkamitvā madhura-dhammakathaṃ sutvā svātanāya nimantetvā koṭisatasahassa saṅkhassa buddhapamukhassa saṅghassa sattāhaṃ gavapānaṃ nāma dānamadāsi. Satthā anumodanaṃ karonto mahāpurisaṃ āmantetvā "Tvaṃ kappasatasahassādhikānaṃ dvannaṃ asaṅkheyyānaṃ matthake gotamo nāma buddho bhavissasī"ti vyākāsi. Mahāpuriso vyākaraṇaṃ sutvā "Ahaṃ kira buddho bhavissāmi, ko me gharāvāsena attho pabbajissamī"ti cintetvā tathārūpaṃ sampattiṃ kheḷapiṇḍaṃ viya pahāya satthu-santike pabbajitvā buddhavacanaṃ uggaṇhitvā abhiññā ca samāpattiyo ca nibbattetvā āyupariyosāne brahma-loke nibbatti, tasmimpi buddhe parinibbute dhātuyo na vikiriṃsu. Jambudīpavāsino pubbe viya tiṃsayojanakaṃ thūpamakaṃsu.

“Nghe rằng đấng Chánh Đẳng Giác Koṇḍañña đã tịch diệt ở tu viện Canda xinh đẹp. Ngôi bảo điện (kích thước) bảy do-tuần đã được xây dựng cho vị ấy.” 1

Vào sau thời kỳ của đức Phật Koṇḍañña khi đã trải qua một a-tăng-kỳ, chỉ trong một kiếp đã có bốn vị Phật xuất hiện là Maṅgala, Sumana, Revata, và Sobhita. Vào thời kỳ của đức Thế Tôn Maṅgala, đức Bồ Tát là vị Bà-la-môn tên Suruci đã đi đến (nghĩ rằng) “Ta sẽ thỉnh mời đấng Đạo Sư,” sau khi lắng nghe bài giảng Pháp êm dịu rồi đã thỉnh mời vào ngày kế, và trong bảy ngày đã cúng dường vật thí tên là cơm sữa đến hội chúng tỳ khưu số lượng một trăm ngàn koṭi vị có đức Phật đứng đầu. Trong lúc nói lời tùy hỷ, đấng Đạo Sư đã cho gọi vị đại nhân đến rồi đã chú nguyện rằng: “Về sau hai a-tăng-kỳ và hơn một trăm ngàn kiếp, ngươi sẽ trở thành vị Phật tên Gotama.” Vị đại nhân sau khi nghe được lời chú nguyện đã suy nghĩ rằng: “Nghe nói ta sẽ trở thành vị Phật, vậy tư cách tại gia có lợi ích gì cho ta? Ta sẽ xuất gia,” và đã từ bỏ sự thành đạt như thế ấy giống như nhổ đi bãi nước bọt. Sau khi đã xuất gia trong sự hiện diện của bậc Đạo Sư, vị ấy đã học hiểu Giáo Pháp của đức Phật, đã làm sanh khởi thắng trí và thiền chứng, đến khi dứt tuổi thọ đã sanh về cõi Phạm Thiên. Ngay cả khi đức Phật ấy viên tịch Niết Bàn, các xá-lợi đã không bị phân tán. Tương tợ như trước đây, các cư dân ở Jambudīpa đã xây dựng ngôi bảo tháp (kích thước) ba mươi do-tuần.

1 Sđd., so sánh với câu kệ 41 ở phần đức Phật Koṇḍañña, trang 67.

Tena vuttaṃ: “Uyyāne vasabho nāma - buddho nibbāyi maṅgalo, tattheva tassa jinathūpo - tiṃsayojanamuggato”ti.

Tassa aparabhāge sumano nāma satthā udapādi. Tadā mahāsatto atulo nāma nāgarājā hutvā nibbatti mahiddhiko mahānubhāvo. So “buddho uppanno”ti sutvā ñātisaṅghaparivuto nāgabhavanā nikkhamitvā koṭisatasahassa bhikkhuparivārassa tassa bhagavato dibbaturiyehi upahāraṃ kāretvā mahādānaṃ pavattetvā paccekaṃ dussayugāni datvā saraṇesu patiṭṭhāsi. Sopi naṃ satthā “anāgate buddho bhavissasī”ti vyākāsi. Tasmimpi buddhe parinibbute dhātuyo na vikiriṃsu. Jambudīpavāsano pubbe viya catuyojanikaṃ thūpamakaṃsu.

Tena vuttaṃ: “Sumano yasadharo - buddho aggārāmamhi nibbuto, tattheva tassa jinathūpo - catuyojanamuggato”ti.

Vì thế, có lời nói rằng: “Đức Phật Maṅgala đã tịch diệt ở vườn hoa tên là Vasabha. Chính tại nơi ấy, ngôi bảo tháp của đấng Chiến Thắng (kích thước) ba mươi sáu do-tuần đã được dựng lên cho vị ấy.” 1

Vào sau thời kỳ của vị ấy, đấng Đạo Sư tên là Sumana đã xuất hiện. Khi ấy, đức Bồ Tát làm long vương tên là Atula có đại thần lực có đại oai lực. Vị ấy nghe được rằng: “Đức Phật đã xuất hiện” nên đã cùng tập thể thân quyến tùy tùng rời khỏi long cung rồi đã cho cúng dường các nhạc khúc thần tiên đến đức Thế Tôn ấy và hội chúng tỳ khưu trăm ngàn koṭi vị, sau đó đã tiến hành cuộc đại thí, đã dâng lên mỗi vị hai tấm y, và đã khẳng định sự quy y. Đấng Đạo Sư ấy cũng đã chú nguyện cho vị ấy rằng: “Sẽ trở thành vị Phật trong tương lai.” Khi đức Phật ấy viên tịch Niết Bàn, các xá-lợi cũng đã không bị phân tán. Tương tợ như trước đây, các cư dân ở Jambudīpa đã xây dựng ngôi bảo tháp

(kích thước) bốn do-tuần.

Vì thế, có lời nói rằng: “Đức Phật Sumana là vị có danh tiếng đã tịch diệt ở tu viện Agga. Chính tại nơi ấy, ngôi bảo tháp của đấng Chiến Thắng (kích thước) bốn do-tuần đã được dựng lên cho vị ấy.” 2

1
Sđd., so sánh với câu kệ 44 ở phần đức Phật Maṅgala, trang 75.
2
Sđd., so sánh với câu kệ 46 ở phần đức Phật Sumana, trang 83
Tassa aparabhāge revato nāma satthā udapādi. Tadā bodhisatto atidevo nāma brāhmaṇo hutvā satthu dhammadesanaṃ sutvā saraṇesu patiṭṭhāya sirasi añjaliṃ paggahetvā tassa satthuno kilesappahāne vaṇṇaṃ vatvā uttarāsaṅghena pūjamakāsi. Sopi naṃ satthā “buddho bhavissasī”ti vyākāsi. Tasmiṃ pana buddhe parinibbute dhātuyo vikiriṃsu.

Tena vuttaṃ: “Revato pavaro buddho 1 - nibbuto so mahāpure, dhātu-vitthārikaṃ āsi - tesu tesu padesato”ti.

Tassa aparabhāge sobhito nāma satthā udapādi. Tadā bodhisatto ajito nāma brāhmaṇo hutvā satthu-dhamma- desanaṃ sutvā saraṇesu patiṭṭhāya buddhapamukhassa saṅghassa mahādānaṃ adāsi. Sopi naṃ satthā “buddho bhavissasī”ti vyākāsi. Tassāpi bhagavato dhātuyo vikiriṃsu.

Tena vuttaṃ: “Sobhito varasambuddho - sīhārāmamhi nibbuto, dhātu-vitthārikaṃ āsi - tesu tesu padesato”ti.

Tassa aparabhāge ekamasaṅkheyyaṃ atikkamitvā ekasmiṃyeva kappe tayo buddhā nibbattiṃsu “anomadassī padumo nārado”ti. Anomadassissa bhagavato kāle bodhisatto eko yakkha-senāpati ahosi mahiddhiko mahānubhāvo aneka-koṭisatasahassānaṃ yakkhānaṃ adhipati.

1 yasavaro dhīro - keci.

Vào sau thời kỳ của vị ấy, đấng Đạo Sư tên là Revata đã xuất hiện. Khi ấy, đức Bồ Tát là vị Bà-la-môn tên Atideva, sau khi lắng nghe bài giảng Pháp của đấng Đạo Sư rồi đã khẳng định sự quy y, sau đó đã chắp tay lên ở đầu, đã nói lời tán dương về sự dứt bỏ phiền não, và đã cúng dường thượng y đến đấng Đạo Sư ấy. Đấng Đạo Sư ấy cũng đã chú nguyện cho vị ấy rằng: “Sẽ trở thành vị Phật trong tương lai.” Đến khi đức Phật ấy viên tịch Niết Bàn, các xá-lợi đã được phân tán. Vì thế, có lời nói rằng: “Đức Phật Revata cao quý ấy đã tịch diệt ở thành phố lớn. Xá-lợi đã được phân tán rộng rãi từ xứ sở ấy đến khắp các nơi.” 1 Vào sau thời kỳ của vị ấy, đấng Đạo Sư tên là Sobhita đã xuất hiện. Khi ấy, đức Bồ Tát là vị Bà-la-môn tên Ajito, sau khi lắng nghe bài giảng Pháp của đấng Đạo Sư rồi đã khẳng định sự quy y và đã cúng dường lễ đại thí đến hội chúng có đức Phật đứng đầu. Đấng Đạo Sư ấy cũng đã chú nguyện cho vị ấy rằng: “Sẽ trở thành vị Phật trong tương lai.” Các xá-lợi của đức Thế Tôn ấy cũng đã được phân tán. Vì thế, có lời nói rằng: “Đấng Chánh Đẳng Giác cao quý Sobhita đã tịch diệt ở tu viện Sīha. Xá-lợi

đã được phân tán rộng rãi từ xứ sở ấy đến khắp các nơi.” 2 Vào sau thời kỳ của đức Phật Sobhita khi đã trải qua một a-tăng-kỳ, chỉ trong một kiếp đã sanh lên ba vị Phật là Anomadassī, Paduma, Nārada. Vào thời kỳ của đức Thế Tôn Anomadassī, đức Bồ Tát là một vị lãnh tụ của loài Dạ-xoa có đại thần lực có đại oai lực và là vị chỉ huy hàng triệu triệu Dạ-xoa. 1 Sđd., so sánh với câu kệ 41 ở phần đức Phật Revata, trang 91. 2 Sđd., câu kệ 41 ở phần đức Phật Sobhita, trang 99.

So “buddho uppanno”ti sutvā āgantvā buddha- pamukhassa saṅghassa mahādānamadāsi. Satthāpi naṃ “anāgate buddho bhavissasī”ti vyākāsi. Anomadassimhi pana bhagavate parinibbute dhātuyo na vikiriṃsu. Jambudīpavāsino pañcavīsayojanakaṃ thūpaṃ kariṃsu.

Tena vuttaṃ: “Anomadassī jino satthā - dhammārāmamhi nibbuto, tattheva tassa jinathūpo - ubbedhā paṇṇuvīsatī”ti.

Tassa aparabhāge padumo nāma satthā udapādi. Tathāgate agāmakāraññe viharante bodhisatto sīho hutvā satthāraṃ nirodhasamāpattiyā samāpannaṃ disvā pasannacitto vanditvā padakkhiṇaṃ katvā pītisomanassajāto tikkhattuṃ sīhanādaṃ naditvā sattāhaṃ buddhārammaṇaṃ pītiṃ avijahitvā pītisukheneva gocarāya apakkamitvā jīvitapariccāgaṃ katvā payirupāsamāno aṭṭhāsi. Satthā sattāhaccayena nirodhā vuṭṭhito sīhaṃ oloketvā “bhikkhusaṅghepi cittaṃ pasādetvā saṅghaṃ vandissatī”ti “bhikkhusaṅgho āgacchatū”ti cintesi. Bhikkhū tāvadeva āgamiṃsu. Sīho saṅghe cittaṃ pasādesi. Satthā tassa manaṃ oloketvā “anāgate buddho bhavissatī”ti vyākāsi. Tassa pana bhagavato dhātuyo vikiriṃsu.

Vị ấy sau khi nghe được rằng: “Đức Phật đã xuất hiện” nên đã đi đến và đã cúng dường lễ đại thí đến hội chúng có đức Phật đứng đầu. Đấng Đạo Sư ấy cũng đã chú nguyện cho vị ấy rằng: “Sẽ trở thành vị Phật trong tương lai.” Khi đức Thế Tôn Anomadassī viên tịch Niết Bàn, các xá-lợi đã không bị phân tán. Các cư dân ở Jambudīpa đã xây dựng ngôi bảo tháp (kích thước) hai mươi lăm do-tuần. Vì thế, có lời nói rằng : Bậc Đạo Sư Anomadassī là đấng Chiến Thắng đã tịch diệt ở tu viện Dhamma. Chính tại nơi ấy, ngôi bảo tháp của đấng Chiến Thắng dành cho vị ấy có chiều cao hai mươi lăm do-tuần. 1 Vào sau thời kỳ của vị ấy, đấng Đạo Sư tên là Paduma đã xuất hiện. Trong khi đấng Như Lai cư ngụ ở trong rừng, không ở trong làng, đức Bồ Tát sanh làm con sư tử, sau khi nhìn thấy đấng Đạo Sư đang thể nhập thiền Diệt đã khởi tâm tín thành, đã đảnh lễ, rồi đã hướng vai phải nhiễu quanh. Do sanh khởi tâm hoan hỷ, nó đã gầm lên tiếng rống sư tử ba lần. Trong bảy ngày, nó đã không đánh mất niềm hoan hỷ với hình ảnh của đức Phật ở trong tâm. Và do chính niềm hỷ lạc ấy, nó đã không đi ra ngoài kiếm mồi và đã thực hiện việc xả bỏ mạng sống; nó đã ở lại tiếp tục hầu cận. Sau bảy ngày, bậc Đạo Sư đã xuất khỏi thiền Diệt nhìn thấy con sư tử (biết rằng): “Nó cũng sẽ khởi tâm tịnh tín đối với hội chúng tỳ khưu và sẽ đảnh lễ hội chúng” nên đã khởi ý rằng: “Hội chúng tỳ khưu hãy đi đến.” Ngay lập tức, các vị tỳ khưu đã đi đến. Con sư tử đã khởi tâm tịnh tín đối với hội chúng. Đấng Đạo Sư sau khi xem xét tâm của con sư tử rồi đã chú nguyện rằng: “Sẽ trở thành vị Phật trong tương lai.” Hơn nữa, các xá-lợi của đức Thế Tôn ấy đã không bị phân tán.

1 Sđd., so sánh với câu kệ 41 ở phần đức Phật Anomadassī, trang 107.

Tena vuttaṃ: “Padumo jinavaro satthā - dhammārāmamhi nibbuto, dhātu-vitthārikaṃ āsi - tesu tesu pādesato”ti.

Tassa aparabhāge nārado nāma satthā ahosi. Tadā bodhisatto, isipabbajjaṃ pabbajitvā pañcasu abhiññāsu aṭṭhasu ca samāpattisu ciṇṇavasī hutvā buddhapamukhassa saṅghassa mahādānaṃ datvā lohita-candanena pūjamakāsi. Sopi naṃ “anāgato buddho bhavissatī”ti vyākāsi. Nārada pana bhagavato dhātuyo ekaghanā ahesuṃ. Sabbe deva- manussā sannipatitvā catuyojanikaṃ thūpaṃ kariṃsu.

Tena vuttaṃ: “Nārado jinavasabho - nibbuto sudassane pure, tattheva tassa thūpavaro - catuyojanamuggato”ti.

Tassa aparabhāge ekamasaṅkheyyamatikkamitvā ito kappasatasahassa matthake ekasmiṃ kappe padumuttaro nāma satthā udapādi. Tadā bodhisatto jaṭilo nāma mahāraṭṭhiko hutvā buddhapamukhassa saṅghassa cīvaradānamadāsi. Sopi naṃ “anāgate buddho bhavissatī”ti vyākāsi. Padumuttarassāpi bhagavato dhātuyo ekaghanā ahesuṃ. Sabbe devamanussā sannipatitvā dvādasayojanikaṃ mahāthūpamakaṃsu.

Vì thế, có lời nói rằng: “Bậc Đạo Sư cao quý Paduma là đấng Chiến Thắng đã tịch diệt ở tu viện Dhamma. Xá-lợi đã được phân tán rộng rãi từ xứ sở ấy đến khắp các nơi.” 1

Vào sau thời kỳ của vị ấy, đấng Đạo Sư tên là Nārada đã xuất hiện. Lúc bấy giờ, sau khi xuất gia làm ẩn sĩ và thường xuyên an trú vào năm thắng trí và tám tầng thiền, đức Bồ Tát đã thực hiện cuộc lễ đại thí và đã cúng dường trầm hương màu đỏ đến hội chúng có đức Phật đứng đầu. Đấng Đạo Sư ấy cũng đã chú nguyện cho vị ấy rằng: “Sẽ trở thành vị Phật trong tương lai.” Tuy nhiên, các xá-lợi của đức Thế Tôn Nārada đã kết thành một khối. Tất cả chư Thiên và nhân loại đã tụ hội lại và đã xây dựng ngôi bảo tháp (kích thước) bốn do-tuần. Vì thế, có lời nói rằng: “Ngài Nārada, vị lãnh tụ của các đấng Chiến Thắng, đã tịch diệt ở thành phố Sudassana. Chính tại nơi ấy, ngôi bảo tháp cao quý (kích thước) bốn do-tuần đã được dựng lên cho vị ấy.” 2 Vào sau thời kỳ của vị ấy khi đã trải qua một a-tăng-kỳ, và kể từ đó một trăm ngàn kiếp, vào một kiếp nọ đã xuất hiện đấng Đạo Sư tên là Padumuttara. Khi ấy, đức Bồ Tát là viên quan đại thần tên Jaṭila đã cúng dường vật thí là y đến hội chúng có đức Phật đứng đầu. Đấng Đạo Sư ấy cũng đã chú nguyện cho vị ấy rằng: “Sẽ trở thành vị Phật trong tương lai.” Các xá-lợi của đức Thế Tôn Padumuttara cũng đã kết thành một khối. Tất cả chư Thiên và nhân loại đã tụ hội lại và đã xây dựng ngôi đại bảo tháp (kích thước) mười hai do-tuần. 1 Sđd., câu kệ 41 ở phần đức Phật Paduma, trang 113. 2 Sđd., so sánh với câu kệ 45 ở phần đức Phật Nārada, trang 121.

Tena vuttaṃ: “Padumuttaro jino buddho - nandārāmamhi nibbuto, tattheva tassa thūpavaro - dvādasubbedhayojano”ti.

Tassa aparabhāge tiṃsakappa-sahassāni atikkamitvā sumedho sujāto cāti ekasmiṃ kappe dve buddhā nibbattiṃsu. Sumedhassa pana bhagavato kāle bodhisatto uttaro

nāma māṇavo hutvā nidahitvā ṭhapitaṃyeva asītikoṭidhanaṃ vissajjetvā buddhapamukhassa saṅghassa mahādānaṃ datvā dhammaṃ sutvā saraṇesu patiṭṭhāya nikkhamitvā pabbaji. Sopi naṃ “anāgate buddho bhavissatī”ti vyākāsi. Sumedhassa pana bhagavato dhātuyo vikiriṃsu.

Tena vuttaṃ: “Sumedho jinavaro buddho - medhārāmamhi nibbuto, dhātu-vitthārikaṃ āsi - tesu tesu padesato”ti.

Tassa aparabhāge sujāto nāma satthā udapādi. Tadā bodhisatto cakkavatti-rājā hutvā “buddho uppanno”ti sutvā upasaṅkamitvā dhammaṃ sutvā buddhapamukhassa saṅghassa saddhiṃ sattahi ratanehi catumahādīpaṃ rajjaṃ datvā satthu-santike pabbaji. Sakalaraṭṭhavāsino raṭṭhuppādaṃ gahetvā ārāmika-kiccaṃ sādhento buddhapamukhassa saṅghassa niccaṃ mahādānamadaṃsu.

Vì thế, có lời nói rằng: “Đức Phật Padumuttara là đấng Chiến Thắng đã tịch diệt ở tu viện Nanda. Chính tại nơi ấy, ngôi bảo tháp quý báu cao mười hai do-tuần là dành cho vị ấy.” 1

Vào sau thời kỳ của vị ấy khi đã trải qua ba mươi ngàn kiếp, hai vị Phật là Sumedha và Sujāta đã sanh lên trong một kiếp. Vào thời kỳ của đức Thế Tôn Sumedha, đức Bồ Tát là người thanh niên Bà-la-môn tên Uttara đã tích lũy rồi đã xuất ra tài sản tám mươi koṭi 2 đã được cất giữ ấy và đã cúng dường lễ đại thí đến hội chúng có đức Phật đứng đầu, sau đó đã lắng nghe Giáo Pháp, đã khẳng định sự quy y, đã ra đi, và đã xuất gia. Đấng Đạo Sư cũng đã chú nguyện cho vị ấy rằng: “Sẽ trở thành vị Phật trong tương lai.” Hơn nữa, các xá-lợi của đức Thế Tôn Sumedha đã được phân tán. Vì thế, có lời nói rằng: “Bậc Phật cao quý Sumedha là đấng Chiến Thắng đã tịch diệt ở tu viện Medha. Xá-lợi đã được phân tán rộng rãi từ xứ sở ấy đến khắp các nơi.” 3 Vào sau thời kỳ của vị ấy, đấng Đạo Sư tên là Sujāta đã xuất hiện. Khi ấy, đức Bồ Tát là vị Chuyển Luân Vương, sau khi đã nghe được rằng: “Đức Phật đã xuất hiện” nên đã đi đến, đã lắng nghe Giáo Pháp, đã cúng dường vương quốc gồm bốn hòn đảo lớn cùng với bảy loại châu ngọc đến hội chúng có đức Phật đứng đầu, và đã xuất gia trong sự hiện diện của đấng Đạo Sư. Cư dân trong toàn thể vương quốc sau khi đạt được sự thành lập xứ sở và trong lúc làm tròn phận sự của người hộ tự đã thường xuyên cúng dường lễ đại thí đến hội chúng có đức Phật đứng đầu.

1
Sđd., câu kệ 43 ở phần đức Phật Padumuttara, trang 129.

2 80 koṭi tương đương tám trăm triệu.

3
Sđd., câu kệ 43 ở phần đức Phật Sumedha, trang 137.

Sopi naṃ satthā “anāgate buddho bhavissatī”ti vyākāsi. Sujātassa pana bhagavato dhātuyo ekaghanā ahesuṃ. Jambudīpavāsino tigāvutaṃ thūpamakaṃsu.

Tena vuttaṃ: “Sujāto jinavaro buddho sīlārāmamhi nibbuto, tattheva cetiyo tassa - tīṇi gāvutamuggato”ti.

Tassa aparabhāge aṭṭhārasa-kappasatamatthake ekasmiṃ kappe piyadassī atthadassī dhammadassīti tayo buddhā nibbattiṃsu. Piyadassī buddhakāle bodhisatto kassapo nāma māṇavo tiṇṇaṃ vedānaṃ pāragato hutvā satthu- dhammadesanaṃ sutvā koṭisatasahassa dhana-pariccāgena saṅghārāmaṃ kāretvā saraṇesu ca sīlesu ca patiṭṭhāsi. Atha naṃ satthā “aṭṭhārasa-kappa-sataccayena buddho bhavissatī”ti vyākāsi. Piyadassissa bhagavatopi dhātuyo ekaghanāva ahesuṃ. Jambudīpavāsino sannipatitvā tiyojanikaṃ mahāthūpamakaṃsu.

Tena vuttaṃ: “Piyadassī munivaro - salalārāmamhi nibbuto, tattheva tassa jinathūpo - tīṇi yojanamuggato”ti.

Đấng Đạo Sư ấy cũng đã chú nguyện cho đức Bồ Tát rằng: “Sẽ trở thành vị Phật trong tương lai.” Các xá-lợi của đức Thế Tôn Sujāta đã kết thành một khối. Các cư dân ở Jambudīpa đã xây dựng ngôi bảo tháp (kích thước) ba gāvuta. 1

Vì thế, có lời nói rằng: “Đức Phật cao quý Sujāta là đấng Chiến Thắng đã tịch diệt ở tu viện Sīla. Chính tại nơi ấy, ngôi bảo điện (kích thước) ba gāvuta đã được dựng lên cho vị ấy.” 2

Vào sau thời kỳ của vị ấy khi đã trải qua một ngàn tám trăm kiếp, ba vị Phật là Piyadassī, Atthadassī, và Dhammadassī đã sanh lên trong một kiếp. Vào thời kỳ của đức Phật Piyadassī, đức Bồ Tát là người thanh niên Bà-la- môn tên Kassapa được thông thạo ba bộ Vệ Đà. Sau khi lắng nghe sự thuyết giảng Giáo Pháp của đấng Đạo Sư, vị ấy đã cho xây dựng tu viện dành cho hội chúng với sự dứt bỏ tài sản một trăm ngàn koṭi, sau đó đã an trú vào sự quy y và các giới cấm. Khi ấy, đấng Đạo Sư đã chú nguyện cho vị ấy rằng: “Sẽ trở thành vị Phật sau một ngàn tám trăm kiếp.” Các xá-lợi của đức Thế Tôn Piyadassī cũng đã kết thành một khối. Các cư dân ở Jambudīpa đã tụ hội lại và đã xây dựng ngôi đại bảo tháp (kích thước) ba do-tuần.

Vì thế, có lời nói rằng: “Bậc Hiền Triết cao quý Piyadassī đã tịch diệt ở tu viện Salala. Chính tại nơi ấy, ngôi bảo tháp của đấng Chiến Thắng (kích thước) ba do-tuần đã được dựng lên cho vị ấy.” 3

1 1 gāvuta = ¼ yojana tương đương 4 km.

2

Sđd., so sánh với câu kệ 48 ở phần đức Phật Sujāta, trang 145.

3

Sđd., so sánh với câu kệ 39 ở phần đức Phật Piyadassī, trang 151.

Tassa aparabhāge atthadassī nāma bhagavā udapādi. Tadā bodhisatto mahiddhiko mahānubhāvo susīmo nāma tāpaso hutvā bhagavato santike dhammaṃ sutvā pasīditvā dibbāni mandārava-paduma-pāricchattakādīni pupphāni āharitvā cātuddīpika-mahāmegho viya pupphavassaṃ vassetvā samantato pupphamaṇḍapa-puppha-agghiyatoraṇādīni katvā mandārava-pupphacchattena dasabalaṃ pūjesi. Sopi naṃ bhagavā “anāgate gotamo nāma buddho bhavissatī”ti vyākāsi. Tassa pana bhagavato dhātuyo vikiriṃsu.

Tena vuttaṃ: “Atthadassī jinavaro - anomārāmamhi nibbuto, dhātu-vitthārikaṃ āsi - tesu tesu ca raṭṭhato”ti.

Tassa aparabhāge dhammadassī nāma satthā udapādi. Tadā bodhisatto sakko devarājā hutvā dibbagandhapupphehi ca dibbaturiyehi ca pūjamakāsi. Sopi naṃ “buddho bhavissatī”ti vyākāsi. Dhammadassissa pana bhagavato dhātuyo ekaghanā ahesuṃ. Jambudīpavāsino tiyojanikaṃ thūpamakaṃsu.

Tena vuttaṃ: “Dhammadassī mahāvīro - kelāsārāmamhi nibbuto, tattheva thūpavaro tassa - tīṇi yojanamuggato”ti.

Vào sau thời kỳ của vị ấy, đức Thế Tôn tên là Atthadassī đã xuất hiện. Khi ấy, đức Bồ Tát là đạo sĩ khổ hạnh tên Susīma có đại thần lực có đại oai lực. Sau khi lắng nghe Giáo Pháp trong sự hiện diện của đức Thế Tôn, vị ấy đã khởi niềm tin nên đã mang lại các bông hoa ở cung trời như là hoa mạn-đà-la, hoa sen, hoa cây san hô, v.v..., rồi đã làm rơi xuống trận mưa bông hoa giống như là đám mây lớn đổ mưa xuống khắp bốn châu lục, đã thực hiện ở khắp nơi các cổng chào đắt giá bằng bông hoa và các mái che bằng bông hoa, v.v..., rồi đã cúng dường đến đấng Thập Lực chiếc lọng che kết bằng hoa mạn-đà-la. Đức Thế Tôn ấy cũng đã chú nguyện cho vị ấy rằng: “Sẽ trở thành vị Phật tên là Gotama trong tương lai.” Các xá-lợi của đức Thế Tôn ấy đã được phân tán. Vì thế, có lời nói rằng: “Bậc Phật cao quý Atthadassī là đấng Chiến Thắng đã tịch diệt ở tu viện Anoma. Xá-lợi đã được phân tán rộng rãi từ quốc độ ấy đến khắp các nơi.” 1 Vào sau thời kỳ của vị ấy, đấng Đạo Sư tên là Dhammadassī đã xuất hiện. Khi ấy, đức Bồ Tát là Chúa Trời Sakka đã thực hiện sự cúng dường với các hương thơm và bông hoa của cõi trời cùng các nhạc khúc thần tiên. Đấng Đạo Sư ấy cũng đã chú nguyện cho vị ấy rằng: “Sẽ trở thành vị Phật.” Các xá-lợi của đức Thế Tôn Dhammadassī cũng đã kết thành một khối. Các cư dân ở Jambudīpa đã xây dựng ngôi bảo tháp (kích thước) ba do-tuần. Vì thế, có lời nói rằng: “Vị đại anh hùng Dhammadassī đã tịch diệt ở tu viện Kelāsa. Chính tại nơi ấy, ngôi bảo tháp quý giá (kích thước) ba do-tuần đã được dựng lên cho vị ấy.” 2 1 Sđd., so sánh với câu kệ 38 ở phần đức Phật Atthadassī, trang 157. 2 Sđd., so sánh với câu kệ 37 ở phần đức Phật Dhammadassī, trang 163.

Tassa aparabhāge catunavutikappa-matthake ekasmiṃ kappe ekova siddhattho nāma satthā udapādi. Tadā bodhisatto uggatejo abhiññābala-sampanno maṅgalo nāma tāpaso hutvā mahājambuphalaṃ āharitvā tathāgatassa adāsi. Satthā taṃ phalaṃ paribhuñjitvā “catunavuti kappamatthake buddho bhavissatī”ti vyākāsi. Tassāpi bhagavato dhātuyo na vikiriṃsu. Catuyojanikaṃ ratanamayaṃ thūpamakaṃsu.

Tena vuttaṃ: “Siddhattho munivaro buddho - anomārāmamhi nibbuto, tattheva tassa thūpavaro - catuyojanamuggato”ti.

Tassa aparabhāge ito dvānavutikappamatthake “tisso phusso”ti ekasmiṃ kappe dve buddhā nibbattiṃsu. Tissassa bhagavato kāle bodhisatto mahābhogo mahāyaso sujāto nāma khattiyo hutvā isipabbajjaṃ pabbajitvā mahiddhikabhāvaṃ patvā “buddho uppanno”ti sutvā dibbamandārava-paduma-pāricchattaka-pupphāni ādāya catuparisamajjhe gacchantaṃ tathāgataṃ pūjesi. Ākāse pupphavitānamiva aṭṭhāsi.

Sopi naṃ satthā “ito dvānavuti- kappamatthake buddho bhavissatī”ti vyākāsi. Tassāpi bhagavato dhātuyo na vikiriṃsu dhātuyo gahetvā tiyojanikaṃ thūpamakaṃsu.

Sau thời kỳ của vị ấy chín mươi bốn kiếp, trong một kiếp chỉ có một đấng Đạo Sư xuất hiện tên là Siddhattha. Khi ấy, đức Bồ Tát là vị đạo sĩ khổ hạnh tên là Maṅgala đã thành tựu oai lực của thần thông và có danh tiếng lừng lẫy. Vị ấy đã mang lại trái của cây mận đỏ (jambu) vĩ đại và đã dâng lên đức Như Lai. Đấng Đạo Sư đã thọ dụng trái cây ấy và đã chú nguyện rằng: “Sẽ trở thành vị Phật sau chín mươi bốn kiếp.” Các xá-lợi của đức Thế Tôn ấy cũng đã không bị phân tán. Dân chúng đã xây dựng ngôi bảo tháp làm bằng châu báu (kích thước) bốn do-tuần. Vì thế, có lời nói rằng: “Đức Phật Siddhattha là bậc hiền triết cao quý đã tịch diệt ở tu viện Anoma. Chính tại nơi ấy, ngôi bảo tháp quý giá (kích thước) bốn do-tuần đã được dựng lên cho vị ấy.” 1

Vào sau thời kỳ của vị ấy kể từ đó cho đến chín mươi hai kiếp, hai vị Phật Tissa và Phussa đã sanh lên trong một kiếp. Vào thời kỳ của đức Thế Tôn Tissa, đức Bồ Tát là người dòng dõi Sát-đế-lỵ tên là Sujāta có nhiều tài sản và có nhiều danh tiếng đã xuất gia làm ẩn sĩ và đã đạt đến đại thần lực. Sau khi nghe được rằng: “Đức Phật đã xuất hiện,” vị ấy đã lấy các bông hoa ở cung trời như là hoa mạn-đà-la, hoa sen, và hoa cây san hô rồi cúng dường đến đức Như Lai đang bước đi ở giữa tứ chúng. Vật cúng dường ấy đã được tồn tại giống như là tấm màn che bằng bông hoa ở giữa không trung. Đấng Đạo Sư ấy cũng đã chú nguyện cho vị ấy rằng: “Sẽ trở thành vị Phật kể từ đây đến khi trải qua chín mươi hai kiếp.” Các xá-lợi của đức Thế Tôn ấy đã không bị phân tán. Dân chúng đã nhận lấy các xá-lợi và đã xây dựng ngôi bảo tháp (kích thước) ba do-tuần.

1 Sđd., câu kệ 36 ở phần đức Phật Siddhattha, trang 169.

Tena vuttaṃ: “Tisso jinavaro buddho - nandārāmamhi nibbuto, tattheva tassa thūpavaro - tīṇi yojanamussito”ti.

Tassa aparabhāge phusso nāma buddho udapādi. Tadā bodhisatto vijitāvī nāma khattiyo hutvā mahārajjaṃ pahāya satthu-santike pabbajitvā tīṇi piṭakāni uggahetvā mahājanassa dhammakathaṃ kathetvā sīlapāramiñca pūresi. Sopi naṃ buddho tatheva vyākāsi. Tassa pana bhagavato dhātuyo vikiriṃsu.

Tena vuttaṃ: “Phusso jinavaro satthā - sunandārāmamhi nibbuto, dhātu-vitthārikaṃ āsi - tesu tesu padesato”ti.

Tassa aparabhāge ito ekanavuti kappamatthake vipassī nāma buddho udapādi. Tadā bodhisatto mahiddhiko mahānubhāvo atulo nāma nāgarājā hutvā sattaratanakhacitaṃ sovaṇṇa-mahāpīṭhaṃ bhagavato adāsi. Sopi naṃ “ito ekanavutikappamatthake buddho bhavissatī”ti vyākāsi. Tassa pana bhagavato dhātuyo na vikiriṃsu. Sabbe devamanussā sannipatitvā dhātuyo gahetvā sattayojanikaṃ thūpamakaṃsu.

Vì thế, có lời nói rằng: “Đức Phật Tissa là đấng Chiến Thắng cao quý đã tịch diệt ở tu viện Nanda. Chính tại nơi ấy, ngôi bảo tháp cao quý (kích thước) ba do-tuần đã được dựng lên cho vị ấy.” 1

Vào sau thời kỳ của vị ấy, đức Phật tên Phussa đã xuất hiện. Khi ấy, đức Bồ Tát là người dòng dõi Sát-đế-lỵ tên Vijitāvī đã từ bỏ vương quốc rộng lớn rồi đã xuất gia trong sự hiện diện của đấng Đạo Sư. Vị ấy đã học hiểu Tam Tạng, đã thuyết giảng Giáo Pháp đến đám đông dân chúng, và đã làm tròn đủ Ba-la-mật về giới hạnh. Đức Phật ấy cũng đã chú nguyện cho vị ấy giống y như thế. Các xá-lợi của đức Thế Tôn ấy đã được phân tán.

Vì thế, có lời nói rằng: "Đấng Đạo Sư Phussa là đấng Chiến Thắng cao quý đã tịch diệt ở tu viện Sunanda. Xá-lợi đã được phân tán rộng rãi từ xứ sở ấy đến khắp các nơi." 2

Vào sau thời kỳ của vị ấy kể từ đó cho đến chín mươi mốt kiếp, đức Phật tên là Vipassī đã xuất hiện. Khi ấy, đức Bồ Tát là Long Vương tên Atula có đại thần lực có đại oai lực đã dâng lên đức Thế Tôn cái ghế lớn bằng vàng được trang hoàng với bảy loại châu báu. Đức Phật ấy cũng đã chú nguyện cho vị ấy rằng: "Sẽ trở thành vị Phật kể từ đây đến khi trải qua chín mươi mốt kiếp." Các xá-lợi của đức Thế Tôn ấy đã không bị phân tán. Toàn bộ chư Thiên và nhân loại đã tụ hội lại, đã nhận lấy các xá-lợi, và đã xây dựng ngôi bảo tháp (kích thước) bảy do-tuần.

1
Sđd., so sánh với câu kệ 40 ở phần đức Phật Tissa, trang 177.
2
Sđd., so sánh với câu kệ 37 ở phần đức Phật Phussa, trang 183.
Tena vuttaṃ: "Vipassī jinavaro vīro - sumittārāmamhi nibbuto, tattheva so thūpavaro - sattayojaniko kato"ti.

Tassa aparabhāge ito ekatiṃsa kappamatthake "sikhī vessabhū"ti dve buddhā nibbattiṃsu. Sikhissa bhagavato kāle bodhisatto arindamo nāma rājā hutvā buddhapamukhassa saṅghassa sacīvaraṃ mahādānaṃ pavattetvā sattaratana-patimaṇḍitaṃ hatthiratanaṃ datvā hatthippamāṇaṃ katvā kappiya-bhaṇḍamadāsi. Sopi naṃ "ito ekatiṃsa kappe buddho bhavissatī"ti vyākāsi. Sikhissa bhagavato dhātuyo ekaghanaṃ hutvā aṭṭhaṃsu. Sakala- jambudīpavāsino pana manussā dhātuyo gahetvā tiyojanubbedhaṃ satta-ratanamayaṃ himagiri sadisa sobhaṃ thūpamakaṃsu.

Tena vuttaṃ: "Sikhī munivaro buddho - dussārāmamhi nibbuto, tattheva tassa thūpavaro - tīṇi yojanamuggato"ti.

Tassa aparabhāge vessabhū nāma satthā udapādi. Tadā bodhisatto sudassano nāma rājā hutvā buddhapamukhassa saṅghassa sacīvara-mahādānaṃ datvā tassa santike pabbajitvā ācāraguṇasampanno buddha-ratane cittīkāra-pīti bahulo ahosi. Sopi naṃ satthā "ito ekatiṃsakappe buddho bhavissatī"ti vyākāsi. Vessabhussa pana bhagavato dhātuyo vikiriṃsu.

Vì thế, có lời nói rằng: "Vị anh hùng Vipassī là đấng Chiến Thắng cao quý đã tịch diệt ở tu viện Sumitta. Chính tại nơi ấy, ngôi bảo tháp quý giá ấy có (kích thước) bảy do-tuần đã được xây dựng." 1 Vào sau thời kỳ của vị ấy kể từ đó cho đến ba mươi mốt kiếp, có hai vị Phật tên là Sikhī và Vessabhū đã sanh lên. Vào thời kỳ của đức Thế Tôn Sikhī,

đức Bồ Tát là vị vua tên Arindama đã tiến hành cuộc đại thí có y phục đến hội chúng có đức Phật đứng đầu, đã dâng lên voi báu được trang điểm với bảy loại ngọc quý, và đã thực hiện rồi dâng lên số lượng vật dụng được phép lớn bằng con voi. Đức Phật Sikhī cũng đã chú nguyện cho vị ấy rằng: "Sẽ trở thành vị Phật kể từ đây đến khi trải qua ba mươi mốt kiếp." Các xá-lợi của đức Thế Tôn Sikhī đã được kết thành một khối và tồn tại. Toàn bộ dân chúng cư ngụ ở Jambudīpa đã nhận lấy các xá-lợi và đã xây dựng ngôi bảo tháp làm bằng bảy loại ngọc quý cao ba do-tuần và rực rỡ như là ngọn núi Hi-mã-lạp. Vì thế, có lời nói rằng: "Đức Phật Sikhī là bậc hiền triết cao quý đã tịch diệt ở tu viện Dussa. Chính tại nơi ấy, ngôi bảo tháp quý giá (kích thước) ba do-tuần đã được dựng lên cho vị ấy." 2 Vào sau thời kỳ của vị ấy, đức Phật tên Vessabhū đã xuất hiện. Khi ấy, đức Bồ Tát là vị vua tên Sudassana đã cúng dường lễ đại thí có y phục đến hội chúng có đức Phật đứng đầu, đã xuất gia trong sự hiện diện của vị Phật ấy, đã thành tựu các đức hạnh, và đã có được nhiều pháp hỷ trong khi suy tưởng đến Phật Bảo. Đấng Đạo Sư ấy cũng đã chú nguyện cho vị ấy rằng: "Sẽ trở thành vị Phật sau khi trải qua ba mươi mốt kiếp kể từ kiếp này." Tuy nhiên, các xá-lợi của đức Thế Tôn Vessabhū đã được phân tán. 1 Sđd., so sánh với câu kệ 41 ở phần đức Phật Vipassī, trang 191. 2 Sđd., so sánh với câu kệ 40 ở phần đức Phật Sikhī, trang 199.

Tena vuttaṃ: "Vessabhū jinavaro satthā - khemārāmamhi nibbuto, dhātu-vitthārikaṃ āsi - tesu tesu padesato"ti.

Tassa aparabhāge imasmiṃ kappe cattāro buddhā nibbattiṃsu kakusandho konāgamano kassapo amhākaṃ bhagavāti. Kakusandhassa pana bhagavato kāle bodhisatto khemo nāma rājā hutvā buddhapamukhassa saṅghassa sapattacīvaradānañceva añjanādi bhesajjāni ca datvā satthudhamma-desanaṃ sutvā pabbaji. Sopi naṃ satthā vyākāsi. Tassa pana bhagavato dhātuyo na vikiriṃsu. Sabbe sannipatitvā dhātuyo gahetvā gāvutubbedhaṃ thūpamakaṃsu.

Tena vuttaṃ: "Kakusandho jinavaro - khemārāmamhi nibbuto, tattheva tassa thūpavaro - gāvutaṃ nabhamuggato"ti.

Tassa aparabhāge konāgamano nāma satthā udapādi. Tadā bodhisatto pabbato nāma rajā hutvā amaccagaṇa- parivuto satthu-santikaṃ gantvā dhammadesanaṃ sutvā buddhapamukhaṃ bhikkhusaṅghaṃ nimantetvā mahādānaṃ pavattetvā pattuṇṇacīnapaṭṭa-koseyya-kambala-dukūlāni ceva suvaṇṇapaṭṭakañca datvā satthu-santike pabbaji. Sopi naṃ satthā vyākāsi. Tassa bhagavato dhātuyo vikiriṃsu.

Vì thế, có lời nói rằng: "Đấng Đạo Sư Vessabhū là đấng Chiến Thắng cao quý đã tịch diệt ở tu viện Khema. Xá-lợi đã được phân tán rộng rãi từ xứ sở ấy đến khắp các nơi." 1

Vào sau thời kỳ của vị ấy, trong một kiếp đã sanh lên bốn vị Phật là Kakusandha, Konāgamana, Kassapa, và đức Thế Tôn của chúng ta. Vào thời kỳ của đức Thế Tôn Kakusandha, đức Bồ Tát là vị vua tên Khema đã cúng dường vật thí là y cùng với bình bát và các loại thuốc men như là thuốc bôi, v.v... đến hội chúng có đức Phật đứng đầu, đã lắng nghe lời thuyết giảng Giáo Pháp của đấng Đạo Sư, và đã xuất gia. Đấng Đạo Sư ấy cũng đã chú nguyện cho vị ấy. Các xá-lợi của đức Thế Tôn ấy đã không bị phân tán.

Tất cả đã tụ họp lại, đã nhận lấy các xá-lợi, và đã dựng lên ngôi bảo tháp cao một gāvuta. Vì thế, có lời nói rằng: “Đấng Chiến Thắng cao quý Kakusandha đã tịch diệt ở tu viện Khema. Chính tại nơi ấy, ngôi bảo tháp quý giá vươn lên bầu trời một gāvuta là dành cho vị ấy.” 2 Vào sau thời kỳ của vị ấy, đấng Đạo Sư tên Konāgamana đã xuất hiện. Khi ấy, đức Bồ Tát là vị vua tên Pabbata được đám quan đại thần tháp tùng đã đi đến yết kiến đấng Đạo Sư. Vị ấy sau khi lắng nghe bài thuyết Pháp đã thỉnh mời hội chúng tỳ khưu có đức Phật đứng đầu, đã tiến hành cuộc đại thí, đã cúng dường tấm vải bằng vàng và các loại vải thượng hạng gồm các tấm vải dệt và băng vải bằng len và tơ lụa, rồi đã xuất gia trong sự hiện diện của đấng Đạo Sư. Đấng Đạo Sư ấy cũng đã chú nguyện cho vị ấy. Các xá- lợi của đức Thế Tôn ấy đã được phân tán. 1 Sđd., câu kệ 42 ở phần đức Phật Vessabhū, trang 207. 2 Sđd., câu kệ 39 ở phần đức Phật Kakusandha, trang 215.

Tena vuttaṃ: “Konāgamano sambuddho - pabbatārāmamhi nibbuto, dhātu-vitthārikaṃ āsi - tesu tesu padesato”ti.

Tassa aparabhāge kassapo nāma satthā udapādi. Tadā bodhisatto jotipālo nāma māṇavo hutvā tiṇṇaṃ vedānaṃ pāragū, bhūmiyañceva antalikkhe ca pākaṭo ghaṭikārassa kumbhakārassa mitto ahosi. So tena saddhiṃ satthāraṃ upasaṅkamitvā dhammakathaṃ sutvā pabbajitvā āraddhaviriyo tīṇi piṭakāni uggahetvā vattāvattasampattiyā buddhasāsanaṃ sobhesi. Sopi naṃ satthā vyākāsi. Kassapassa pana satthuno dhātuyo na vikiriṃsu. Sakala- jambu-dīpavāsino manussā sannipatitvā ekekaṃ suvaṇṇaṭṭhikaṃ koṭi agghanakaṃ ratanavicittaṃ bahi racanatthaṃ ekekaṃ aḍḍhakoṭi agghanakaṃ abbhantara- pūraṇatthaṃ manosilāya mattikākiccaṃ telena udakakiccaṃ karontā yojanubbedhaṃ thūpamakaṃsu.

Tena vuttaṃ: “Mahākassapo jino satthā - setavyāyañhi nibbuto, tattheva tassa jinathupo - yojanubbedhamuggato”ti.

Vì thế, có lời nói rằng: “Đấng Toàn Giác Konāgamana đã tịch diệt ở tu viện Pabbata. Xá-lợi đã được phân tán rộng rãi từ xứ sở ấy đến khắp các nơi.” 1

Vào sau thời kỳ của vị ấy, đấng Đạo Sư tên Kassapa đã xuất hiện. Khi ấy, đức Bồ Tát là người thanh niên Bà-la-môn tên Jotipāla thông thạo ba bộ Vệ Đà. Vị ấy được biết tiếng ở đất liền luôn cả ở trên không trung và là bạn của người thợ làm đồ gốm Ghaṭikāra. Đức Bồ Tát cùng với người thợ gốm ấy đã đi đến gặp đấng Đạo Sư. Vị ấy sau khi lắng nghe bài giảng Pháp, đã xuất gia, có sự nỗ lực tinh tấn, đã học hiểu Tam Tạng, và đã làm sáng chói Giáo Pháp của Chư Phật với sự thành tựu về các phận sự lớn nhỏ. Đấng Đạo Sư ấy cũng đã chú nguyện cho vị ấy. Hơn nữa, các xá-lợi của đấng Đạo Sư Kassapa đã không bị phân tán. Toàn bộ dân chúng cư ngụ ở Jambudīpa đã tụ họp lại, và trong lúc thực hiện cái sườn bằng vàng với việc đắp đất bằng đá đỏ nhằm mục đích làm đầy ở phần bên trong mỗi một cái trị giá nửa koṭi và việc tô màu nước bằng dầu ăn nhằm mục đích phối trí ở bên ngoài được trang hoàng bằng ngọc quý cho mỗi một cái trị giá một koṭi, họ đã thực hiện ngôi bảo tháp (kích thước) một do-tuần.

Vì thế, có lời nói rằng:

“Bậc Đạo Sư Mahākassapa là đấng Chiến Thắng đã tịch diệt ở Setavyā. Chính tại nơi ấy, ngôi bảo tháp của đấng
Chiến Thắng cao một do-tuần đã được dựng lên cho vị ấy.”
2
1
Sđd., câu kệ 41 ở phần đức Phật Konāgamana, trang 223.
2
Sđd., so sánh với câu kệ 51 ở phần đức Phật Kassapa, trang 233.
Ettha ca: “Dīpaṅkaro ca koṇḍañño - maṅgalo sumano tathā, anomadassī buddho ca - nārado padumuttaro.

Sujāto piyadassī ca - dhammadassī naruttamo, siddhatthabuddho tisso ca - vipassī ca sikhī tathā.

Kakusandho kassapo cāti - soḷasete mahesayo, thupappamāṇametesaṃ - pāliyaṃyeva dassitaṃ.

Yasmā tasmā mayā sādhū - te sabbepi pakāsitā, thūpā saddhā janā sādhū - te vandeyyātha sādaraṃ.

Sesānaṃ pana aṭṭhannaṃ - sugatānaṃ hitesinaṃ dhātu-vitthārikā āsuṃ - tesu tesu padesato”ti.

Sādhujana-mano-pasādanatthāya kate thūpavaṃse vijjamānathūpānaṃ buddhānaṃ thūpakathā ceva sabbesaṃ santike abhinīhārakathā ca samattā.

--ooOoo--

Và ở đây: “Như thế, đức Phật Dīpaṅkara, đức Phật Koṇḍañña, đức Phật Maṅgala, đức Phật Sumana, đức Phật Anomadassī, đức Phật Nārada, đức Phật Padumuttara. Đức Phật Sujāta, đức Phật Piyadassī, và vị tối thượng nhân Dhammadassī, đức Phật Siddhattha, đức Phật Tissa, đức Phật Vipassī, và đức Phật Sikhī cũng như vậy. Đức Phật Kakusandha, và đức Phật Kassapa; mười sáu vị này là các đại ẩn sĩ. Kích thước về các bảo tháp của các vị này được nêu rõ ở ngay trong Chánh Tạng Pāli. Nhờ vậy, tôi đã giảng giải rõ ràng về tất cả những ngôi bảo tháp ấy. Những người hiền thiện có đức tin nên đảnh lễ các ngôi bảo tháp ấy một cách tôn kính. Tám đức Thiện Thệ còn lại là những vị tầm cầu sự lợi ích. Xá-lợi của các vị ấy đã được phân tán rộng rãi từ xứ sở ấy đến khắp các nơi.”

Phần giảng giải về các ngôi bảo tháp của chư Phật và của các ngôi bảo tháp trong thời hiện tại đồng thời phần giảng giải về lời phát nguyện trước sự hiện diện của chư Phật ấy trong tập “Sử Liệu về Bảo Tháp Xá Lợi Phật” được thực hiện nhằm đem lại tâm thành tín cho những người hiền thiện đã đầy đủ.

--ooOoo--

CŪḶĀMAṆI-DUSSA- THŪPADVAYA-KATHĀ

Kassapassa pana bhagavato aparabhāge ṭhapetvā imaṃ sammā-sambuddhaṃ añño buddho nāma natthi. Evaṃ dīpaṅkarādīnaṃ catuvīsatiyā buddhānaṃ santike laddhavyākaraṇo bodhisatto pāramiyo pūretvā vessantarattabhāve ṭhito-

“Acetanāyaṃ paṭhavī - aviññāya sukhaṃ dukkhaṃ, sāpi dānabalā mayhaṃ - sattakkhattuṃ pakampathā”ti.

Evaṃ mahāpaṭhavi-kampanāni puññāni katvā āyupariyosāne tato cuto tusitabhavane nibbatti. Tattha aññe deve dasahi ṭhānehi adhigaṇhitvā yāvatāyukaṃ dibbasampattiṃ anubhavanto, “manussagaṇanāya sattahi divasehi āyukkhayaṃ pāpuṇissatī”ti “vatthāni kilissanti, mālā milāyanti, kacchehi sedā muccanti, kāye ceva dubbaṇṇiyaṃ okkamati, devo devāsane nābhiramatī”ti imesu pañcasu pubbanimittesu uppannesu. Tāni disvā “suññā vata no saggā bhavissantī”ti saṃvegajātāhi devatāhi mahāsattassa pāramīnaṃ pūritabhāvaṃ ñatvā “imasmiṃ idāni aññaṃ devalokaṃ anupagantvā manussaloke uppajjitvā buddhabhāvaṃ patte puññāni katvā cuta cutā devalokaṃ pūressantī”ti cintetvā.

Chương 3: GIẢNG GIẢI VỀ HAI NGÔI BẢO THÁP THỜ BÚI TÓC VÀ VẢI CHOÀNG

Hơn nữa, sau thời kỳ của đức Thế Tôn Kassapa, không có vị nào khác được gọi là đức Phật ngoại trừ bậc Chánh Đẳng Giác này. Như thế, với sự chú nguyện đã được thọ ký trong sự hiện diện của hai mươi bốn vị Phật bắt đầu là Dīpaṅkara, v.v... đức Bồ Tát đã làm tròn đủ các Ba-la-mật rồi đã hiện diện trong bản thể của Vessantara. “Trái đất này không có tâm tư, không nhận thức được sự an lạc và khổ đau; tuy vậy, nó cũng đã rúng động bảy lần do oai lực về sự bố thí của ta.” 1 Sau khi thực hiện những phước thiện làm rung động đại địa cầu như thế, đức Bồ Tát đến khi hết tuổi thọ đã từ trần tại nơi ấy rồi tái sanh về cõi Tusitā (Đẩu Suất). Ở nơi đây, đức Bồ Tát đã vượt trội các Thiên nhân khác về mười điểm và đã thọ hưởng sự thành tựu ở Thiên giới cho đến khi hết tuổi thọ. Sự chấm dứt tuổi thọ sẽ xảy ra trong bảy ngày theo sự tính đếm của loài người khi năm điềm báo trước này xảy ra: “Các vải choàng bị dơ bẩn, các tràng hoa bị héo úa, mồ hôi bị tiết ra ở các nách, sắc xấu hiện ra ở ngay trên cơ thể, vị Thiên nhân không vui thú trong tư thế của vị trời nữa.” Sau khi nhìn thấy những điều ấy, các Thiên nhân đã tiếc nuối rằng: “Ôi, các cõi trời của chúng ta sẽ trở nên rỗng không!” và khi biết được tư cách tròn đủ về Ba-la-mật của bậc Đại Nhân nên đã suy nghĩ rằng: “Hôm nay, vị ấy từ nơi này sẽ không đi đến cõi trời khác mà sẽ tái sanh trong thế giới loài người, sẽ đạt đến bản thể của vị Phật, và sẽ làm các phước thiện. Rồi các chúng sanh còn luân hồi sẽ tràn đầy Thiên giới.”

1 Cariyāpiṭaka - Hạnh Tạng, TTPV tập 42, câu kệ 124, trang 273.

“Yatohaṃ tusite kāye - santusito nāmahaṃ tadā, dasasahassū samāgantvā - yācanti pañjalī mamaṃ. Kālo te mahāvīra - uppajja mātukucchiyaṃ, sadevakaṃ tārayanto - bujjhassu amataṃ padan”ti.

Evaṃ buddhabhāvatthāya āyācito “kālaṃ-dīpaṃ-desaṃ- kulaṃ-janettiyā āyuppamāṇan”ti imāni pañca mahāvilokanāni viloketvā, katasanniṭṭhāno tato cuto sakyarājakule paṭisandhiṃ gahetvā tattha mahāsampattiyā parihariyamāno

anukkamena bhaddaṃ yobbanaṃ anupāpuṇitvā tiṇṇaṃ utūnaṃ anucchavikesu tīsu pāsādesu devalokasiriṃ viya rajjasiriṃ anubhavamāno uyyānakīḷāya gamana-samaye anukkamena jiṇṇa-vyādhi-matasaṅkhāte tayo devadūte disvā saṃjāta-saṃvego nivattitvā catutthe vāre pabbajitaṃ disvā “sādhu pabbajjā”ti pabbajjāya ruciṃ uppādetvā uyyānaṃ gantvā tattha divasaṃ khepetvā maṅgala-pokkharaṇitīre nisinno kappaka-vesaṃ gahetvā āgatena vissakamma-devaputtena alaṅkata-paṭiyatto, rāhulakumārassa pātasāsanaṃ sutvā putta-sinehassa balavabhāvaṃ ñatvā “yāva imaṃ bandhanaṃ na vaḍḍhati tāvadeva naṃ chindissāmī”ti cintetvā sāyaṃ nagaraṃ pavisanto-

“Bởi vì khi ta có tên là Santusita ở cõi trời Tusitā, mười ngàn (thế giới chư Thiên) đã đến chắp tay thỉnh cầu ta rằng: - Này vị đại anh hùng, đã đến lúc ngài tái sanh vào bụng mẹ. Trong lúc vượt hơn cả chư Thiên, ngài sẽ giác ngộ đạo lộ Bất Tử.” 1

Như thế, khi được thỉnh cầu vì mục đích quả vị Phật, đức Bồ Tát đã xem xét năm điều kiện quan trọng này là: “Thời kỳ, châu lục, xứ sở, gia tộc, và tuổi thọ” sau đó điều quyết định đã được thực hiện. Từ cõi ấy, đức Bồ Tát đã chết đi và tái sanh vào gia tộc vua chúa dòng Sakya (Thích Ca). Ở nơi ấy, được nuôi dưỡng trong điều kiện vật chất dồi dào, theo thời gian đức Bồ Tát đã đạt đến tuổi niên thiếu hạnh phúc. Trong khi thọ hưởng sự vinh hiển của hoàng gia tương tợ sự vinh hiển ở thế giới chư Thiên, đức Bồ Tát đã ngụ trong ba tòa lâu đài thích hợp với ba mùa khí hậu. Trong lúc đi thưởng ngoạn ở công viên, đức Bồ Tát đã lần lượt nhìn thấy ba vị Thiên sứ dưới hình thức già-bệnh-chết khiến tâm xao động sanh khởi nên đã quay trở về. Vào lần thứ tư, sau khi nhìn thấy vị xuất gia đức Bồ Tát (nghĩ rằng): “Tốt đẹp thay cho việc xuất gia!” và đã sanh khởi lòng hoan hỷ với việc xuất gia, sau đó đã đi đến công viên, và đã trải qua trọn ngày ở nơi ấy ngồi cạnh bờ hồ Maṅgala, rồi đã được Thiên tử Vissakamma hóa thân thành người thợ cạo đi đến trang điểm và sửa soạn. Sau khi nghe được tin về sự hạ sanh của hoàng tử Rāhula và nhận biết được bản chất mạnh mẽ của lòng thương mến đứa con trai, đức Bồ Tát đã suy nghĩ rằng: “Ta sẽ cắt đứt sự trói buộc này khi nó còn chưa được phát triển.” Và trong lúc đi vào thành phố lúc chiều tối, đức Bồ Tát đã nghe được rằng:

1 Buddhavaṃsa - Phật Sử, TTPV tập 42, so sánh với 2 câu kệ 66, 67, trang 15.

“Nibbutā nūna sā mātā - nibbuto nūna so pitā, nibbutā nūna sā nārī - yassāyaṃ īdiso patī”ti.

Kisāgotamiyā nāma pitucchā dhītāya bhāsitaṃ imaṃ gāthaṃ sutvā “ahaṃ imāya nibbutapadaṃ sāvito”ti gīvato satasahassagghanakaṃ muttāhāraṃ omuñcitvā tassā pesetvā attano bhavanaṃ pavisitvā sirisayane nipanno niddāvasa gatānaṃ nāṭakānaṃ vippakāraṃ disvā nibbinnahadayo channaṃ uṭṭhāpetvā kanthakaṃ āharāpetvā taṃ āruyha channasahāyo dasasahassa cakkavāḷa-devatāhi kata-parivāro mahābhinikkhamanaṃ nikkhamitvā, teneva rattāvasesena tīṇi rajjāni atikkamma anomāya nadiyā paratīraṃ patvā assa- piṭṭhito oruyha muttarāsi sadise cālikāpuliṇe ṭhatvā “channa tvaṃ mayhaṃ ābharaṇāni ceva kanthakañca ādāya gacchā”ti

ābharaṇāni ceva kanthakañca paṭicchāpetvā dakkhiṇa- hatthena maṅgalakhaggamādāya vāmahatthena moliyā saddhiṃ cūḷaṃ chinditvā “sace ahaṃ buddho bhavissāmi ākāse tiṭṭhatu, no ce bhūmiyaṃ patatū”ti ākāse khipi. Cūḷāmaṇi-bandhanaṃ yojanappamāṇaṃ ṭhānaṃ gantvā ākāse aṭṭhāsi. Atha sakko devarājā yojanikena ratanacaṅgoṭakena paṭiggahesi. Yathāha:

“Người mẹ ấy quả thật được hạnh phúc!
Người cha ấy quả thật được hạnh phúc!
Người đàn bà ấy quả thật được hạnh phúc!
Bởi chồng của nàng là người như thế ấy.”

Sau khi lắng nghe lời kệ này đã được nàng Kisāgotamī là con gái của người cô ruột nói lên, đức Bồ Tát (nghĩ rằng): “Nhờ nàng ta đã được nghe về đạo lộ hạnh phúc” nên đã tháo chuỗi ngọc trai trị giá một trăm ngàn ra khỏi cổ rồi bảo người đem đến tặng nàng, sau đó đã đi vào cung điện của mình và nằm xuống trên chiếc giường sang trọng. Sau khi nhìn thấy dung sắc biến đổi của các vũ nữ đang đắm chìm trong giấc ngủ, đức Bồ Tát sanh tâm nhờm gớm nên đã đánh thức Channa dậy, rồi bảo dẫn đến con ngựa Kanthaka, sau đó đã cỡi lên con ngựa, và đã thực hiện cuộc ra đi vĩ đại có Channa là kẻ hầu cận cùng với chư Thiên trong mười ngàn thế giới tháp tùng. Trong thời gian còn lại của chính đêm ấy, đức Bồ Tát đã vượt qua ba vương quốc và đã đến được bờ bên kia của giòng sông Anomā. Sau khi từ lưng ngựa leo xuống đứng trên bãi cát lấp lánh trông như đống ngọc trai, đức Bồ Tát đã trao lại các đồ trang sức và ngựa Kanthaka (nói rằng): “Này Channa, ngươi hãy cầm lấy các đồ trang sức của ta và ngựa Kanthaka rồi đi đi,” sau đó đã cầm thanh gươm báu bằng bàn tay phải cắt đi chòm tóc cùng với búi tóc đang được nắm bằng bàn tay trái (nguyện rằng): “Nếu ta sẽ trở thành vị Phật thì hãy ở trên không trung, nếu không thì hãy rơi xuống đất” rồi đã ném vào khoảng không. Chòm tóc và búi tóc đã đi đến vị trí khoảng cách một do-tuần và đã ngự ở trên không trung. Sau đó, Chúa Trời Sakka đã tiếp nhận với cái rương bằng ngọc quý có kích thước một do- tuần. Có lời nói thế này:

“Chetvāna moliṃ varagandhavāsitaṃ, vehāsayaṃ ukkhipi sakyapuṅgavo, sahassanetto sirasā paṭiggahi, suvaṇṇa-caṅgoṭavarena vāsavo”ti.

Paṭiggahetvā ca pana devalokaṃ netvā suneru-muddhani tiyojanappamāṇaṃ indanīlamaṇimayaṃ cūḷāmaṇi-cetiyaṃ nāma akāsi. Atha kassapabuddhakāle porāṇa-sahāyako ghaṭikāra-mahābrahmā ekaṃ buddhantaraṃ vināvāsabhāvappattena mittabhāvo cintesi: “Ajja me sahāyako mahābhinikkhamanaṃ nikkhanto samaṇa- parikkhāramassa gahetvā gacchāmī”ti-

“Ticīvarañca patto ca - vāsi sūci ca bandhanaṃ, parissāvanena aṭṭhete - yuttayogassa bhikkhuno”ti.

Ime samaṇaparikkhāre āharitvā adāsi. Mahāpuriso arahaddhajaṃ nivāsetvā uttamaṃ pabbajjāvesaṃ gaṇhitvā sāṭakayugalaṃ ākāse khipi. Taṃ brahmā paṭiggahetvā brahmaloke dvādasayojanikaṃ sabbaratanamayaṃ dussacetiyamakāsi.

“Kilese appahīṇepi - mahāsattassa taṃ khaṇe, yassānubhāvato evaṃ - dussacūḷā hi pūjitā.

tasmā tassaṃ mahābodhi-sattānaṃ paṭipattiyaṃ, na kareyya mahussāhaṃ - ko hi nāma budho jano”ti.

Cūḷāmaṇi-dussa-thūpadvayakathā.

--ooOoo--

“Vị quý phái dòng Sakya đã cắt đi búi tóc được tẩm hương thơm cao quý rồi đã ném vào không trung. Vị Sakka ngàn mắt đê đầu tiếp nhận bằng cái rương vàng cao quý.”

Hơn nữa, Chúa Trời Sakka, sau khi nhận lãnh và đem về Thiên giới, đã xây dựng ngôi bảo điện thờ búi tóc được làm bằng ngọc bích và có kích thước ba do-tuần ở trên đỉnh núi Suneru. Khi ấy, người bạn xưa cũ vào thời đức Phật Kassapa là vị Đại Phạm Thiên Ghaṭikāra do tình bạn hữu vẫn duy trì được trạng thái không thay đổi trong suốt một khoảng thời gian giữa hai vị Phật đã suy nghĩ rằng: “Hôm nay, người bạn hữu của ta đã thực hiện cuộc ra đi vĩ đại, vậy ta hãy đi đến và mang theo vật dụng của Sa-môn cho vị ấy.” “Ba y và bình bát, - dao cạo, kim, dây buộc, lọc nước là tám món - của tỳ khưu gắn bó tu tập.” Vị Đại Phạm Thiên đã mang lại và trao cho tám món vật dụng của Sa-môn. Bậc Đại Nhân đã khoác lên ngọn cờ của vị A-la-hán và nhận lấy hình tướng xuất gia cao thượng rồi đã ném hai tấm áo choàng lên không trung. Vị Phạm Thiên đã nhận lãnh vật ấy và đã xây dựng ngôi bảo điện thờ vải choàng được làm bằng tất cả các loại ngọc quý (kích thước) mười hai do-tuần ở cõi Phạm Thiên. “Mặc dầu phiền não của bậc Đại Nhân chưa được đoạn trừ vào thời điểm ấy, nhưng vì tư chất của ngài vải choàng và búi tóc vẫn được tôn vinh như thế. Do đó, người không thể thực hiện sự nỗ lực lớn lao trong việc thực hành ấy của các bậc Đại Bồ Tát sao được gọi là Phật?” Phần Giảng Giải về Hai Ngôi Bảo Tháp Thờ Búi Tóc và Vải Choàng.

--ooOoo--

DASATHŪPAKATHĀ

Bodhisatto pabbajitvā anukkamena rājagahaṃ gantvā tattha piṇḍāya caritvā paṇḍava-pabbata-pabbhāre nisinno magadharājena rajjena nimantiyamāno taṃ paṭikkhipitvā sabbaññutaṃ patvā tassa vijitaṃ āgamanatthāya tena gahita- paṭiñño āḷāraṃ uddakañca upasaṅkamitvā tesaṃ santike adhigatavisesena aparituṭṭho chabbassāni mahāpadhānaṃ padahitvā visākha-puṇṇama-divase senāni-nigame sujātāya dinnapāyāsaṃ paribhuñjitvā nerañjarāya nadiyā suvaṇṇapātiṃ pavāhetvā nerañjarāya tīre mahāvanasaṇḍe nānāsamāpattīhi divābhāgaṃ vitināmetvā sāyaṇha-samaye sotthiyena dinnaṃ tiṇamuṭṭhiṃ gahetvā kāḷena nāgarājena abhitthuta-guṇo bodhimaṇḍaṃ āruyha tiṇāni santharitvā “na tāvimaṃ pallaṅkaṃ bhindissāmi yāva me anupādāya āsavehi cittaṃ vimuccissatī”ti paṭiññaṃ katvā pācīna dāsābhimukho nisīditvā.

Chương 4: GIẢNG GIẢI VỀ MƯỜI NGÔI BẢO THÁP

Sau khi xuất gia, đức Bồ Tát theo tuần tự đã đi đến thành Rājagaha (Vương Xá), sau khi đi khất thực ở nơi ấy rồi đã ngồi xuống ở hang núi Paṇḍava. Khi được đức vua xứ Magadha thỉnh mời về việc cai trị vương quốc, đức Bồ Tát đã từ chối việc ấy và có nhận lời hứa với đức vua về việc trở lại vương quốc của vị ấy sau khi chứng đạt quả vị Toàn Giác. Sau đó, đức Bồ Tát đã đi đến gặp Āḷāra và Udaka nhưng không được hoàn toàn hài lòng với pháp môn cá biệt đã được chứng đạt trong khi ở với họ. Sau khi đã ra sức nỗ lực cao tột trong sáu năm, rồi vào ngày trăng tròn tháng Vesākha 1 đức Bồ Tát đã thọ dụng món cơm sữa được dâng cúng bởi nàng Sujātā ở thôn làng Senāni, sau đó đã thả trôi cái tô vàng ở giòng sông Nerañjarā, rồi đã trải qua trọn ngày với nhiều sự chứng đạt khác nhau ở khu rừng lớn bên bờ sông Nerañjarā. Vào lúc chiều tối, sau khi nhận lấy nắm cỏ được bố thí bởi Sotthiya, đức Bồ Tát với đức tính đã được Long Vương Kāḷa khen ngợi đã bước lên khuôn viên của cội Bồ Đề trải ra nắm cỏ và đã lập lời nguyện rằng: “Ta sẽ không rời bỏ tư thế kiết già này cho đến khi nào tâm của ta không còn chấp thủ và hoàn toàn giải thoát khỏi các lậu hoặc,” sau đó đã ngồi xuống với mặt nhìn về hướng đông.

1 Rằm tháng tư theo âm lịch Việt Nam.

Suriye anatthamiteyeva mārabalaṃ vidhametvā paṭhamayāme pubbenivāsa-ñāṇaṃ majjhimayāme cutūpapātañāṇaṃ patvā pacchimayāmāvasāne dasabala-catuvesārajjādi sabbaguṇa-patimaṇḍitaṃ sabbaññutañāṇaṃ paṭivijjhitvā satta sattāhaṃ bodhisamīpeyeva vītināmetvā aṭṭhame sattāhe ajapāla-nigrodhamūle nisinno dhamma- gambhīratā paccavekkhanena appossukkataṃ āpajjamāno dasasahassī-mahābrahma-parivārena sahampati-mahā- brahmunā āyācita-dhammadesano buddhacakkhunā lokaṃ olokento brahmuno ajjhesanaṃ ādāya “kassa nu kho paṭhamaṃ dhammaṃ deseyyan”ti olokento āḷāruddakānaṃ kālakatabhāvaṃ ñatvā pañcavaggiyānaṃ bhikkhūnaṃ bahūpakāranaṃ anussaritvā uṭṭhāyāsanā kāsipuraṃ gacchanto antarāmagge upakena saddhiṃ mantetvā āsāḷahipuṇṇama-divase isipatane migadāye pañca- vaggiyānaṃ bhikkhūnaṃ vasanaṭṭhānaṃ patvā te ananucchavikena āvuso vādena samudācarante aññāpetvā dhammacakkaṃ pavattento aññākoṇḍaññattherapamukhe aṭṭhārasa-koṭiyo amatapānaṃ pāyesi.

Ngay khi mặt trời còn chưa lặn, đức Bồ Tát đã chế ngự được lực lượng của Ma Vương và đã chứng đạt Túc Mạng Minh vào canh đầu, Sanh Tử Minh vào canh giữa, và vào lúc tàn canh cuối đã đắc chứng trí tuệ Toàn Giác có đủ tất cả các đức tánh như là mười Lực, bốn Tự Tín, v.v... sau đó đã trải qua bảy tuần lễ ở khu vực lân cận cội Bồ Đề. Vào tuần lễ thứ tám, đấng Toàn Giác đã ngồi xuống ở cội cây si của những người chăn dê và đã đạt đến trạng thái thụ động do sự quán xét về tính chất sâu sắc của Giáo Pháp. Được Đại Phạm Thiên Sahampati cùng với hội chúng Đại Phạm Thiên thuộc mười ngàn thế giới thỉnh cầu thuyết giảng Giáo Pháp, đức Phật trong lúc dùng Phật nhãn xem xét thế gian rồi đã nhận lời thỉnh cầu của vị Phạm Thiên. Trong khi xem xét rằng: “Ta nên thuyết giảng Giáo Pháp đến ai trước tiên?” Ngài biết được sự việc đã tạ thế của Āḷāra và Udaka, sau đó đã nhớ đến những sự hỗ trợ của các tỳ khưu nhóm năm vị nên đã từ chỗ

ngồi đứng dậy đi đến thành Kāsi, giữa đường đã chuyện trò với Upaka. Vào ngày trăng tròn tháng Āsāḷha, Ngài đã đến được chỗ trú ngụ của các tỳ khưu nhóm năm vị 1 ở vườn nai tại Isipatana, sau khi báo cho biết rằng các vị ấy cư xử bằng tiếng gọi "Đạo hữu" là không thích hợp, Ngài đã vận chuyển bánh xe Pháp và đã cho mười tám koṭi chúng sanh đứng đầu là trưởng lão Aññākoṇḍaññā uống nước Bất Tử.

1 Koṇḍañña, Bhaddiya, Vappa, Mahānāma, và Assaji (Tạng Luật, Mahāvagga - Đại Phẩm, chương 1).

Tato paṭṭhāya pañcacattālīsa-saṃvaccharāni ṭhatvā caturāsīti dhammakkhandha-sahassāni desetvā gaṇanapathamatīte satte bhavakantārato santāretvā sabbabuddhakiccāni niṭṭhapetvā kusinārāyaṃ upavattane mallānaṃ sālavane yamakasālānamantare uttarasīsakaṃ paññatte mañcake visākhapuṇṇama-divase dakkhiṇena passena sato sampajāno anuṭṭhānaseyyāya nipajji. Tadā kira bhagavato pūjāya yamakasālā sabbapāliphullā mūlato paṭṭhāya yāva aggā ekacchannā ahesuṃ. Na kevalañca yamakasālāyeva sabbepi rukkhasākhā sabbapāliphullāva ahesuṃ.

Na kevalañca tasmiṃyeva uyyāne sakalepi dasasahassa- cakkavāḷe phalūpaga-rukkhā phalaṃ gaṇhiṃsu. Sabbarukkhānaṃ khandhesu khandha-padumāni, vallīsu vallipadumāni, ākāse ullokapadumāni, paṭhavitalaṃ bhinditvā daṇḍakapadumāni pupphiṃsu. Sabbo mahāsamuddo pañcavaṇṇa-padumasañchanno ahosi. Tiyojana-sahassavitthato pana himavā ghanabaddhamorañchakalāpo viya nirantaraṃ mālādāmagavakkhito viya suṭṭhu pīḷetvā ābaddha-puppha- vaṭaṃsako viya supūrita-puppha-caṅgoṭakaṃ viya ca atiramaṇīyo ahosi.

Kể từ đó, sau khi đã tồn tại bốn mươi lăm năm và đã thuyết giảng tám mươi bốn ngàn Pháp Uẩn, sau khi đã giúp cho chúng sanh với số lượng không thể đếm được thoát khỏi khu rừng của hiện hữu, sau khi đã hoàn thành tất cả phận sự của vị Phật rồi vào ngày trăng tròn tháng Vesākha, Ngài đã nằm xuống trong thế nằm không trở dậy nữa, trú niệm giác tỉnh, nghiêng về bên phải đầu hướng về phía Bắc ở trên chiếc giường đã được xếp đặt sẵn giữa hai cây Sālā trong khu rừng Sālā của xứ Mallā gần thành Kusinārā. Nghe rằng khi ấy, hai cây Sālā đã nở rộ các bông hoa ở toàn thân để cúng dường đến đức Thế Tôn và đã được bao phủ thành một khối tính từ gốc cho đến các ngọn. Và không chỉ riêng hai cây Sālā mà tất cả các cành cây toàn bộ cũng đều nở rộ những hoa.

Và không chỉ riêng ở khu vườn ấy mà tất cả các cây cho quả ở trong mười ngàn thế giới cũng đã kết trái. Các hoa sen mọc ở thân đã nở rộ ở thân của tất cả các cây, các hoa sen mọc ở dây leo đã nở rộ ở các dây leo, các hoa sen mọc hướng lên bầu trời đã nở rộ ở không trung, các hoa sen có cuống dài đã xuyên thủng mặt đất và nở rộ. Tất cả đại dương đã được bao phủ bởi các hoa sen năm màu. Hơn nữa, núi Hi- mã-lạp trải rộng ba ngàn do-tuần đã trở nên vô cùng xinh đẹp trông như là chùm lông đuôi chim công dày rậm được túm chặt lại, như là tràng hoa được dây quấn tròn lại không có khoảng hở, như là lẵng hoa đội đầu đã được kết thành và buộc lại một cách thiện xảo, như là

cái rương có những bông hoa đã khéo được xếp đầy.

Yamakasālā bhummadevatāhi sañcālitakkhandhaviṭapā tathāgata-sarīrassa uparipupphāni vikiranti. Dibbānipi mandārava-pupphāni antalikkhā patanti. Tāni honti suvaṇṇa- vaṇṇāni paṇṇacchattappamāṇāni. Mahātumbamattaṃ reṇu gaṇhanti. Na kevalañca mandārava-pupphāneva, aññānipi sabbāni pāricchattaka-pupphādīni suvaṇṇa-caṅgoṭakāni rajata-caṅgoṭakāni ca pūretvā pūretvā tidasapurepi brahmalokepi ṭhitāhi devatāhi paviddhāni antarā avippakiṇṇāneva hutvā āgantvā patta-kiṃjakkha-reṇu- cuṇṇehi tathāgatassa sarīrameva okiranti. Dibbānipi candana-cuṇṇāni antalikkhā patanti. Tathāgatassa sarīre okiranti. Na kevalañca devatānaṃyeva nāga-supaṇṇa- manussānampi upakappana-candana-cuṇṇāni. Na kevalañca candanacuṇṇāneva kāḷānusārī-tagara-lohitacandanādi sabba-gandha-jāta-cuṇṇāni. Haritālañjana-suvaṇṇa-rajata-cuṇṇāni, sabbagandhavāsa-vikatiyo suvaṇṇa-rajatādisamugge pūretvā cakkavāḷa-mukhavaṭṭi-ādisu ṭhitāhi devatāhi paviddhā antarā avippakiritvā tathāgatasseva sarīraṃ okiranti. Dibbānipi turiyāni antalikkhe vajjanti. Na kevalañca tāniyeva sabbānipi tantibaddha-cammapariyonaddha-susirādi-bhedāni dasasahassa-cakkavāḷe deva-nāgava-supaṇṇa-manussānaṃ turiyāni ekacakkavāḷe sannipatitvā antalikkhe vajjanti.

Hai cây Sālā có thân và cành được chư Thiên địa cầu lay động làm rơi xuống các bông hoa ở trên thi thể của đức Như Lai. Từ trên không trung, các bông hoa Mạn-đà-la của cõi trời cũng đã rơi xuống. Chúng có màu sắc vàng, có kích thước của cái dù che bằng lá, và hạt phấn lớn bằng chén tống uống nước. Và không chỉ riêng các bông hoa Mạn-đà-la, tất cả các loại khác như những bông hoa của các cây san hô, v.v... cũng đã lần lượt phủ đầy các rương bằng vàng và các rương bằng bạc. Vô số loại với phấn hoa, nhụy hoa, lá cây được chư Thiên ngự ở thành phố Đạo Lợi và ở cõi Phạm Thiên ném xuống đã không bị tản mát giữa chừng trời; chúng đã rơi xuống và rải rắc ngay ở trên thi thể của đức Như Lai. Các bột phấn trầm hương của cung trời cũng rơi xuống từ trên không trung và rải rắc trên thi thể của đức Như Lai. Và không chỉ riêng bột phấn trầm hương là sản phẩm của chư Thiên mà còn của các loài rồng, các kim-sỉ-điểu, và của loài người nữa. Và không chỉ riêng các bột phấn của trầm hương mà còn có các loại bột phấn được sanh lên từ mọi hương liệu khác như gỗ trầm đen, gỗ tagara, gỗ trầm đỏ, v.v... Các loại bột phấn màu vàng tươi, màu vàng kim loại, màu bạc, tất cả các loại có mùi thơm chứa đầy các giỏ bằng vàng, bằng bạc, v.v... được chư Thiên ngự ở ranh cửa khẩu của Thiên giới ném xuống đã không bị tản mát giữa chừng trời và đã rải rắc ở thi thể của chính đức Như Lai. Các nhạc khúc thần tiên cũng đã được tấu lên ở trên không trung. Và không chỉ riêng chừng ấy mà còn có tất cả các loại nhạc cụ như là loại đàn được căng dây, loại trống được bọc da, v.v..., của chư Thiên, của các loài rồng, của kim-sỉ-điểu, và của nhân loại ở trong mười thế giới đã tụ họp lại ở một cõi thế giới và tấu lên ở trên không trung.

Varacāraṇadevatā kira nāmekā dīghāyukā devatā “mahāpuriso manussapathe nibbattitvā buddho bhavissatī”ti sutvā “paṭisandhidivase gaṇhitvā gamissāmā”ti mālā

ganthituṃ ārabhiṃsu. Tā ganthamānāva mahāpurise mātukucchiyaṃ nibbatte “tumhe kassa ganthathā”ti vuttā “na tāva tiṭṭhā”ti “kucchito nikkhamana-divase gahetvā gamissāmā”ti āhaṃsu. “Puna nikkhanto”ti sutvā “mahābhinikkhamanadivase gamissāmā”ti. “Mahābhinikkhamanaṃ nikkhanto”ti sutvā “abhisambodhi- divase gamissāmā”ti. “Ajja abhisambuddho”ti sutvā “dhammacakkappavattanadivase gamissāmā”ti. “Dhamma- cakkaṃ pavattayī”ti sutvā “yamakapāṭihāriyadivase gamissāmā”ti. “Ajja yamakapāṭihāriyaṃ karī”ti sutvā “devorohanadivase gamissāmā”ti. “Ajja devorohanaṃ karī”ti sutvā. “Āyusaṅkhārossajjane gamissāmā”ti. “Āyusaṅkhāraṃ ossajī”ti sutvā “na tāva niṭṭhā”ti “parinibbāna-divase gamissāmā”ti.

Nghe rằng có một loại chư Thiên có tuổi thọ lâu dài gọi là chư Thiên tồn tại theo ước muốn đã nghe được rằng: “Bậc Đại Nhân sẽ tái sanh vào cõi nhân loại và sẽ trở thành đức Phật” nên đã bắt đầu kết lại các vòng hoa (nghĩ rằng): “Chúng ta sẽ mang theo và đi đến vào ngày nhập thai.” Khi bậc Đại Nhân đã giáng sanh vào bụng người mẹ thì các vị ấy còn đang kết các vòng hoa nên khi được hỏi: “Các người kết vòng hoa cho ai vậy?” hoặc “Các vị đã trễ rồi,” họ đã đáp rằng: “Chúng tôi sẽ mang theo và đi đến vào ngày đản sanh từ bụng mẹ.” Kế đó, sau khi nghe nói: “Đã đản sanh rồi,” họ đã đáp rằng: “Chúng tôi sẽ đi đến vào ngày ra đi vĩ đại.” Sau khi nghe nói: “Sự ra đi vĩ đại đã qua rồi,” họ đã đáp rằng: “Chúng tôi sẽ đi đến vào ngày Toàn Giác.” Sau khi nghe nói: “Hôm nay là ngày Toàn Giác,” họ đã đáp rằng: “Chúng tôi sẽ đi đến vào ngày vận chuyển bánh xe Pháp.” Sau khi nghe nói: “Hôm nay Ngài đã vận chuyển bánh xe Pháp,” họ đã đáp rằng: “Chúng tôi sẽ đi đến vào ngày thị hiện Song Thông.” Sau khi nghe nói: “Hôm nay Ngài đã thị hiện Song Thông,” họ đã đáp rằng: “Chúng tôi sẽ đi đến vào ngày từ Thiên giới về lại trần gian.” Sau khi nghe nói: “Hôm nay Ngài đã từ Thiên giới về lại trần gian,” họ đã đáp rằng: “Chúng tôi sẽ đi đến vào lúc buông bỏ thọ hành.” Sau khi nghe nói: “Ngài đã buông bỏ thọ hành,” và “Các vị đã trễ rồi,” họ đã đáp rằng: “Chúng tôi sẽ đi đến vào ngày viên tịch Niết Bàn.”

“Ajja bhagavā yamakasālānamantare dakkhiṇena passena sato sampajāno sīhaseyyaṃ upagato balava- paccūsasamaye parinibbāyissati. Tumhe kassa ganthathā”ti vuttā pana, “kinnāmetaṃ ajjeva mātukucchiyā paṭisandhiṃ gaṇhi. Ajjeva kucchito nikkhanto. Ajjeva mahābhinikkhamanaṃ nikkhami. Ajjeva buddho ahosi. Ajjeva dhammacakkaṃ pavattayi. Ajjeva yamakapāṭihāriyaṃ akāsi. Ajjeva devalokā otinaṇṇā. Ajjeva āyusaṅkhāraṃ ossaji. Ajjeva kira parinibbuto. Nanu nāma dutiya-divase yāgupāna-kālamattampi ṭhātabbaṃ assa, dasa- pāramiyo pūretvā buddhattaṃ pattassa nāma ananucchavikan”ti aparinitṭhitāva mālāyo gahetvā āgamma antocakkavāḷe okāsaṃ alabhamānā cakkavāḷa- mukhavaṭṭiyaṃ labhitvā ādhāvantiyo hatthena hatthaṃ gīvāya gīvaṃ gahetvā tīṇi ratanāni ārabbha dvattiṃsa mahāpurisalakkhaṇāni chabbaṇṇaraṃsiyo dasapāramiyo addhacchaṭṭhāni jātakasatāni cuddassa buddhañāṇāni ārabbha gāyitvā tassa tassa avasāne “sahāya he sahāya he”ti vadanti: “Idametaṃ paṭicca-vuttaṃ-dibbānipi saṃgītāni antalikkhe vattantī”ti.

Tuy nhiên, khi được nói rằng: “Hôm nay, vào lúc hừng sáng đức Thế Tôn đã nằm xuống trong thế nằm của loài sư tử, nghiêng về bên phải, trú niệm giác tỉnh, viên tịch Niết Bàn ở khoảng giữa hai cây Sālā. Vậy các người kết vòng hoa cho ai vậy?” (Họ đã đáp rằng): “Chẳng phải chính hôm nay là ngày Ngài đã giáng sanh vào bụng người mẹ hay sao? Chẳng phải chính hôm nay là ngày Ngài đã đản sanh từ bụng mẹ? Chẳng phải chính hôm nay là ngày Ngài đã thực hiện cuộc ra đi vĩ đại? Chẳng phải chính hôm nay là ngày Ngài đã trở thành Phật? Chẳng phải chính hôm nay là ngày Ngài đã vận chuyển bánh xe Pháp? Chẳng phải chính hôm nay là ngày Ngài đã thị hiện Song Thông? Chẳng phải chính hôm nay là ngày Ngài đã từ Thiên giới về lại trần gian? Chẳng phải chính hôm nay là ngày Ngài đã buông bỏ thọ hành? Nghe nói chính hôm nay Ngài đã viên tịch Niết Bàn. Sao Ngài không thể tồn tại thêm một ngày nữa dầu chỉ trong chốc lát cho việc húp cháo? Thật không đáng công cho Ngài sau khi đã tròn đủ Ba-la-mật và chứng đạt quả vị Phật!” rồi đã cầm lấy các tràng hoa chưa được hoàn tất và đi đến. Trong lúc không thể đạt được khoảng trống ở Thiên giới, các Thiên nhân ấy đã chiếm lấy chỗ giáp ranh Thiên giới. Trong khi di chuyển, họ đã tay nắm tay, cổ bá cổ ca hát về ngôi Tam Bảo, về ba mươi hai tướng của bậc Đại Nhân, về các hào quang sáu màu, về mười Ba-la-mật, về năm trăm năm mươi chuyện tiền thân, và mười bốn tuệ của đức Phật. Vào lúc chấm dứt của mỗi phần ấy, họ đã nói rằng: “Này bạn, xem kìa! Này bạn, xem kìa!” Vì việc ấy, điều này đã được nói lên: “Ngay cả các nhạc khúc thần tiên cũng được tấu lên ở trên không trung!”

Bhagavā pana evaṃ mahatiyā pūjāya vattamānayā paṭhamayāme mallānaṃ dhammaṃ desesi. Majjhimayāme subhaddassa dhammaṃ desetvā taṃ maggaphale patiṭṭhāpesi. Pacchimayāme bhikkhū ovaditvā balava- paccūsa-samaye mahāpaṭhaviṃ kampento anupādisesāya nibbānadhātuyā parinibbāyi. Parinibbute pana bhagavate lokanāthe ānandatthero mallarājūnaṃ taṃ pavattiṃ āroceti. Te sutvā va gandhamālaṃ sabbañca tālāvacaraṃ pañca ca dussayugasatāni ādāya gantvā bhagavato sarīraṃ naccehi gītehi vāditehi mālehi gandhehi sakkarontā garukarontā mānentā pūjentā celavitānāni karontā maṇḍala-mālāni paṭiyādentā evaṃ taṃ divasaṃ vītināmesuṃ.

Atha devatānañca kosinārakānaṃ mallānañca etadahosi: “Ativikālo kho ajja bhagavato sarīraṃ jhāpetuṃ, svedāni bhagavato sarīraṃ jhāpessāmā”ti. Tathā dutiyampi divasaṃ vītināmesuṃ. Tathā tatiyaṃ catutthaṃ pañcamaṃ chaṭṭhampi divasaṃ vītināmesuṃ. Sattame divase devatā ca kosinārakā mallā ca bhagavato sarīraṃ dibbehi mānusakehi ca naccehi gītehi vāditehi mālehi gandhehi sakkarontā garukarontā mānentā pūjentā nagaramajjhena nīharitvā yattha makuṭabandhanaṃ nāma mallānaṃ cetiyaṃ tattha nikkhipiṃsu.

Hơn nữa, trong khi đại lễ cúng dường đang được tiến hành như thế, trong canh đầu đức Thế Tôn đã thuyết giảng Giáo Pháp đến những người dân Malla. Vào canh giữa, Ngài đã thuyết giảng Giáo Pháp cho Subhadda và đã an trú vị ấy vào Đạo Quả. Vào canh cuối, Ngài đã giáo giới chư tỳ khưu. Rồi vào lúc hừng sáng, Ngài đã viên tịch Niết Bàn trong cảnh giới Niết Bàn không còn dư sót, khiến cho đại địa cầu bị rúng động.

Hơn nữa, khi đức Thế Tôn là bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã viên tịch Niết Bàn, trưởng lão Ānanda đã thông báo tin ấy cho các vị vua của xứ Malla. Ngay khi nghe được tin, họ đã đi đến mang theo hương thơm, tràng hoa, cùng tất cả các loại nhạc cụ, và năm trăm xấp vải đôi. Trong khi cung kỉnh, tôn vinh, sùng kính, cúng dường thi thể của đức Thế Tôn với các vũ khúc, bài ca, tiếng đàn, tràng hoa, hương thơm, trong khi thực hiện những mái che bằng vải và chuẩn bị các lều mái tròn, họ đã trải qua ngày ấy như thế.

Sau đó, chư Thiên và các người dân Malla ở thành Kusinārā đã khởi ý rằng: “Hôm nay đã quá thời gian để hỏa táng thi thể của đức Thế Tôn; vậy chúng ta sẽ hỏa táng thi thể của đức Thế Tôn vào ngày mai.” Họ cũng đã trải qua ngày thứ nhì như thế. Và họ cũng đã trải qua ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu như thế. Vào ngày thứ bảy, trong lúc chư Thiên và các người dân Malla ở thành Kusinārā đang cung kỉnh, tôn vinh, sùng kính, cúng dường thi thể của đức Thế Tôn với các vũ khúc, bài ca, tiếng đàn, tràng hoa, hương thơm của Thiên giới và của nhân loại, họ đã cung nghinh đi qua giữa thành phố rồi đặt xuống tại ngôi bảo điện của người dân Mallā tên là Makuṭabandhana.

Tena kho pana samayena kusinārā yāva sandhi-samala- saṅkaṭīrā jaṇṇu-mattena odhinā mandārava-pupphena santhatā hoti. Atha kho kosinārakā mallā bhagavato sarīraṃ cakkavattissa sarīraṃ viya ahatena vatthena veṭhesuṃ. Ahatena vatthena veṭhetvā vihatena kappāsena veṭhesuṃ. Vihatena kappāsena veṭhetvā ahatena vatthena veṭhesuṃ. Eteneva nayena pañcahi yugasatehi veṭhetvā āyasāya teladoṇiyā pakkhipitvā aññissā āyasāya doṇiyā paṭikujjetvā sabbagandhānaṃ citakaṃ karitvā bhagavato sarīraṃ citakaṃ āropesuṃ.

Tena kho pana samayena āyasmā mahākassapo pāvāya kusināraṃ addhānamagga-paṭipanno hoti mahatā bhikkhusaṅghena saddhiṃ pañcamattehi bhikkhusatehi. Tena kho pana samayena there cittaṃ pasādetvā sagge nibbattā devatā tasmiṃ samāgame theraṃ adisvā “kuhinnu kho amhākaṃ kulūpaga-thero”ti āvajjentā antarāmaggapaṭipannaṃ disvā “amhākaṃ kulūpaga-there avandite citako mā pajjalitthā”ti adhiṭṭhahiṃsu.

Atha kho cattāro mallapāmokkhā sīsaṃ nahātā ahatāni vatthāni nivatthā “vīsaṃratanasatikaṃ candanacitakaṃ ālimpessāmā”ti aṭṭhapi solasapi dvattiṃsāpi janā hutvā yamaka-ukkāyo gahetvā tālavaṇṭehi vijantā bhastāni dhamantā na sakkontiyeva aggiṃ gāhāpetuṃ.

Vào lúc bấy giờ, thành Kusinārā luôn cả các đống rác rưởi và các bãi chất thải đều được bông hoa Mạn-đà-la phủ lên ngập đến đầu gối. Khi ấy, các người dân Mallā ở thành Kusinārā đã quấn thi thể của đức Thế Tôn bằng vải mới theo như (cách tẩn liệm) thi thể của vị Chuyển Luân Vương. Sau khi quấn lại bằng vải mới, họ đã quấn lại bằng bông vải đã được chải. Sau khi quấn lại bằng bông vải đã được chải, họ đã quấn lại bằng vải mới. Sau khi quấn lại bằng năm trăm lớp vải đôi theo phương thức như thế, họ đã đặt vào trong cái hòm dầu làm bằng sắt rồi đậy lại bằng nắp hòm làm bằng sắt. Sau khi đã thực hiện giàn hỏa thiêu của tất cả các loại hương thơm, họ đã đặt thi thể

của đức Thế Tôn ở giàn hỏa thiêu.

Vào lúc bấy giờ, đại đức Mahākassapa đang đi đường xa từ Pāvā đến Kusinārā cùng với đại chúng tỳ khưu gồm năm trăm vị tỳ khưu. Hơn nữa, vào khi ấy các vị Thiên nhân được tái sanh vào cõi trời do đã có tâm tín thành đối với vị trưởng lão không nhìn thấy vị trưởng lão ở tập thể ấy nên đã bối rối (nghĩ rằng): "Vị trưởng lão quen thuộc của chúng ta đâu rồi?" Sau khi nhìn thấy vị ấy đang di chuyển ở trên đường nên đã chú nguyện rằng: "Khi vị trưởng lão quen thuộc của chúng ta chưa đảnh lễ thì giàn hỏa thiêu chớ có bốc cháy."

Sau đó, bốn vị thủ lãnh của người Mallā đã gội đầu mặc các vải choàng mới (nghĩ rằng): "Chúng ta sẽ châm lửa giàn hỏa thiêu làm bằng gỗ trầm hương và hai ngàn ngọc quý." Rồi tám vị, rồi mười sáu vị, rồi ba mươi hai vị đã đi đến cầm lấy hai cây đuốc, trong lúc quạt bằng quạt lá thốt nốt và thổi bằng bụng nhưng họ vẫn không thể làm cho phát lên ngọn lửa.

Atha kho kosinārakā mallā citakassa apajjalana-kāraṇaṃ āyasmantaṃ anuruddhaṃ pucchitvā devatānaṃ adhippāyaṃ sutvā "Mahākassapo kira bho pañcahi bhikkhu-satehi saddhiṃ 'dasabalassa pāde vandissāmī'ti āgacchati. Tasmiṃ kira anāgate citako na pajjalati. Kīdiso bho so bhikkhu kāḷo odāto dīgho rasso evarūpe nāma bho bhikkhumhi ṭhite kiṃ dasabalassa parinibbānaṃ nāmā"ti keci gandhamālādi hatthā paṭipathaṃ gacchiṃsu. Keci vīthiyo vicittā katvā āgamanamaggaṃ olokayamānā aṭṭhaṃsu. Atha kho āyasmā mahākassapo yena kusinārā makuṭabandhanaṃ nāma mallānaṃ cetiyaṃ, yena bhagavato citako tenupasaṅkami. Upasaṅkamitvā ekaṃsaṃ cīvaraṃ katvā tikkhattuṃ citakaṃ padakkhiṇaṃ katvā āvajjantova sallakkhesi: "Imasmiṃ ṭhāne pādā"ti. Tato pādasamīpe ṭhatvā abhiññāpādakaṃ catutthajjhānaṃ samāpajjatvā vuṭṭhāya "arasahassa patimaṇḍitā dasabalassa pādā saddhiṃ kappāsa-paṭalehi pañcadussayugasatāni suvaṇṇadoṇiṃ candanacitakañca dvedhā katvā mayhaṃ uttamaṅge sirasī patiṭṭhahantū"ti adhiṭṭhāsi. Saha adhiṭṭhāna-cittena tāni dussayugādīni dvedhā katvā valāhakantārā puṇṇacando viya pādā nikkhamiṃsu.

Thero vikasita-rattapaduma-sadise hatthe pasāretvā suvaṇṇavaṇṇe satthu-pāde yāva gopphakā bāḷhaṃ gahetvā attano siravare patiṭṭhāpesi.

Khi ấy, những người Mallā ở thành Kusinārā đã hỏi đại đức Anuruddha về nguyên nhân của sự không bốc cháy ở giàn hỏa thiêu và đã được biết về ý định của chư Thiên (nên đã suy nghĩ rằng): "Nghe rằng ngài Mahākassapa cùng với năm trăm vị tỳ khưu đang đi đến (với ý định): 'Ta sẽ đảnh lễ hai bàn chân của đấng Thập Lực.' Nghe rằng khi vị ấy chưa đến thì giàn hỏa thiêu sẽ không bốc cháy. Vị tỳ khưu ấy là như thế nào? Đen, trắng, cao, thấp? Trong khi vị tỳ khưu như thế còn tồn tại, sao lại xảy ra sự viên tịch Niết Bàn của đấng Thập Lực?" Rồi một số cầm trong tay các vật thơm và tràng hoa, v.v... đã đi ra đón rước. Một số đã trang hoàng các con đường rồi đứng trông ngóng về phía lối đi vào. Sau đó, khi đến được Kusinārā, đại đức Mahākasspa đã đi về hướng ngôi bảo điện Makuṭabandhana của người dân Mallā nơi đặt giàn hỏa thiêu đức Thế

Tôn. Sau khi đến, vị trưởng lão đã đắp thượng y một bên vai, hướng vai phải nhiễu quanh giàn hỏa thiêu ba vòng, và trong lúc quỳ xuống đã xác định rằng: “Hai bàn chân ở chỗ này.” Sau đó, vị trưởng lão đã đứng cạnh hai bàn chân rồi nhập vào tứ thiền có nền tảng là thần thông, sau đó xuất ra và chú nguyện rằng: “Xin cho hai bàn chân có tô điểm ngàn căm của đấng Thập Lực hãy tách hai năm trăm lớp vải đôi được quấn với bông vải, luôn cả chiếc hòm bằng vàng và giàn hỏa thiêu bằng gỗ trầm hương, rồi đặt lên trên đỉnh đầu của ta.” Do tâm chú nguyện, hai bàn chân đã tách hai năm trăm lớp vải đôi ấy, v.v... và đã đưa ra ngoài trông giống như ánh trăng tròn hiện ra từ đám mây dày đặc.

Vị trưởng lão đã đưa lên hai bàn tay, giống như là đóa sen đỏ được hé nở, nắm chặt đến tận mắt cá hai bàn chân có màu sắc vàng chói của đấng Đạo Sư, rồi đã đặt lên đỉnh đầu của mình.

Mahājano taṃ acchariyaṃ disvā ekappahāreneva mahānādaṃ nadi. Gandhamālādīhi pūjetvā yathāruciṃ vandi. Evaṃ pana therena ca mahājanena ca tehi ca pañcahi bhikkhusatehi vanditamatte therassa hatthato muñcitvā alattaka-vaṇṇāni bhagavato pādatalāni dāru-ādisu kiñci acāletvāva yathāṭṭhāne patiṭṭhahiṃsu. Bhagavato pādesu nikkhamantesu vā pavisantesu vā kappāsa-aṃsu vā dasātantu vā telabindu vā dārukhaṇḍaṃ vā ṭhānā calitaṃ nāma nāhosi. Sabbaṃ yathāṭṭhāne ṭhitameva ahosi. Uṭṭhahitvā pana atthaṅgate cande viya sūriye viya ca tathāgatassa pādesu antarahitesu mahājano mahākanditaṃ kandi. Parinibbuta- kālato adhikataraṃ kāruññaṃ ahosi. Atha kho devatānubhāvena panesa citako samantato ekappahāreneva pajjali. Jhāyamānassa bhagavato sarīrassa chavi-camma-maṃsādīnaṃ neva chārikāmattampi antamaso paññāyittha. Na masi, sumana-makula-sadisā pana dhotamutta-sadisā suvaṇṇasadisā ca dhātuyo avasissiṃsu.

Dīghāyuka-buddhānaṃ hi sarīraṃ suvaṇṇakkhandhasadisaṃ ekaghanameva hoti. Bhagavā pana “ahaṃ na ciraṃ ṭhatvā parinibbāyāmi. Mayhaṃ sāsanaṃ na tāva sabbattha vitthāritaṃ, tasmā parinibbutassapi me sāsapamattampi dhātuṃ gahetvā attano attano vasanaṭṭhāne cetiyaṃ katvā paricaranto mahājano saggaparāyano hotī”ti dhātūnaṃ vikiraṇaṃ adhiṭṭhāsi.

Khi nhìn thấy điều kỳ diệu ấy, đám đông người đã đồng loạt thốt lên một tiếng kêu lớn. Rồi họ đã cúng dường bằng các vật thơm, tràng hoa, v.v..., và đã đảnh lễ theo như ý thích. Sau khi được vị trưởng lão cùng với năm trăm vị tỳ khưu ấy và đám đông người đảnh lễ như thế, hai lòng bàn chân có màu sắc đỏ cánh kiến của đức Thế Tôn đã rời khỏi hai bàn tay của vị trưởng lão và đã trở lại vị trí như cũ không làm lay động chút nào ở lớp gỗ, v.v... Khi hai bàn chân của đức Thế Tôn được đưa ra hay rút vào, không một nắm tơ gòn, hay sợi vải, hay giọt dầu, hoặc mẫu gỗ gọi là bị chuyển dịch rời khỏi vị trí. Tất cả đều được duy trì theo đúng vị trí như thế. Hơn nữa, khi hai bàn chân của đấng Như Lai biến mất, tương tợ như mặt trăng và tương tợ như mặt trời đã lặn xuống, đám đông người đã đứng dậy và khóc lớn lên. Nỗi niềm thương tiếc đã gia tăng so với thời điểm viên tịch Niết Bàn. Khi ấy, do oai lực của chư Thiên giàn hỏa thiêu ấy đồng

một lúc đã phát cháy ở xung quanh. Sau khi thi thể của đức Thế Tôn đã được hỏa táng, thậm chí không chút gì về tro của da ngoài, da trong, thịt, v.v... được tìm thấy, cũng không có bụi than. Và các xá-lợi còn lại trông giống như nụ hoa nhài, hơn thế nữa trông giống như là các hạt ngọc trai trong suốt và trông giống như là vàng vậy.

Bởi vì di thể của chư Phật có tuổi thọ dài chỉ là một khối trông giống như khối vàng. Trái lại, đức Thế Tôn đã chú nguyện về việc phân tán các xá-lợi rằng: "Ta không tồn tại lâu dài và sẽ viên tịch Niết Bàn. Giáo Pháp của ta chưa được truyền bá rộng rãi đến tất cả mọi nơi. Vì thế, khi ta đã viên tịch Niết Bàn, có số đông người sau khi đạt được xá-lợi dầu chỉ bằng hạt mè sẽ kiến tạo ngôi bảo điện ở chỗ cư ngụ của mỗi cá nhân và sẽ thường xuyên cúng dường; họ sẽ được sanh về cõi trời."

"Kati panassa dhātuyo vippakiṇṇā, kati na vippakiṇṇā"ti catasso dāṭhā, dve akkhakā, uṇhīsanti imā satta-dhātuyo na vippakiṇṇā. Sesā vippakiriṃsu. Tattha sabbakhuddakādhātu sāsapa-bījamattā ahosi. Mahādhātu majjhe bhinnataṇḍulamattā. Atimahatī majjhe bhinnamugga-bījamattā ahosi.

Daḍḍhe kho pana bhagavato sarīre ākāsato aggabāhumattāpi jaṅghamattāpi tālakkhandhamattāpi udakadhārā patitvā citakaṃ nibbāpesi. Na kevalaṃ ākāsatoyeva parivāretvā ṭhitasālarukkhānampi sākhantara- viṭapantarepi udakadhārā nikkhamitvā nibbāpesuṃ. Bhagavato citako mahanto, santā paṭhaviṃ bhinditvā naṅgalasīsamattā udakavaṭṭi eḷika-vaṭaṃsaka-sadisā gantvā citakameva gaṇhi. Mallarājāno ca suvaṇṇaghaṭe rajataghaṭe ca pūretvā ābhata-nānāgandhodakena suvaṇṇa-rajata-mayehi aṭṭhadantakehi vikiritvā candanacitakaṃ nibbāpesuṃ.

Tattha citake jhāyamāne parivāretvā ṭhitasālarukkhānaṃ sākhantarepi viṭapantarepi pattantarepi ca jāle uggacchante pattaṃ vā sākhā vā daḍḍhā nāma natthi. Kipillikāpi makkaṭakāpi pāṇakāpi jālānaṃ antareneva vicaranti.

Ākāsato patita-udakadhārāsupi sālarukkhehi nikkhanta- udakadhārāsupi paṭhaviṃ bhinditvā nikkhanta- udakadhārāsupi dhammatāva pamāṇaṃ.

Như vậy "có bao nhiêu loại xá-lợi của Ngài đã được phân tán? Bao nhiêu đã không được phân tán?" Bốn cái răng, hai xương đòn ở vai, và xương xọ, bảy phần xá-lợi này không bị phân tán. Các phần còn lại đã được phân tán. Trong đó, tất cả các xá-lợi nhỏ là có kích thước của hạt mè, xá-lợi loại lớn là có kích thước của hạt gạo bể hai ở giữa, xá-lợi loại cực lớn là có kích thước của hạt đậu bể hai ở giữa.

Hơn nữa, khi thi thể của đức Thế Tôn đã được thiêu đốt, từ trên không trung có những vòi nước kích thước bằng bắp tay, kích thước bằng cẳng chân, kích thước bằng thân cây thốt-nốt phun xuống và làm nguội cái hòm. Không chỉ từ trên không trung, thậm chí ở phần giữa các cành và ở phần giữa các nhánh của những cây Sālā mọc xung quanh cũng có các vòi nước đã phun ra và dập tắt. Giàn hỏa thiêu đức Thế Tôn thật là vĩ đại, có luồng nước kích thước bằng đầu cán cày vạch đất phun lên và phủ lấy giàn hỏa thiêu như là tràng hoa trùm lên ngưỡng cửa. Các vị vua xứ Mallā đã đổ đầy các chậu vàng và các chậu bạc với nước có đủ loại hương thơm đã được mang lại, rồi đã dùng tám cây gậy làm bằng vàng và bạc khơi ra và dập tắt giàn hỏa thiêu bằng gỗ trầm

hương.

Tại nơi ấy, trong khi giàn hỏa thiêu đang được đốt cháy và ngọn lửa đã vươn lên đến các cành, các nhánh, và các lá của những cây Sālā mọc ở xung quanh nhưng không có lá cây hoặc cành cây nào bị đốt cháy. Thậm chí các loài kiến, loài nhện, và các loài sinh vật còn bò băng ngang đám lửa.

Điểm đặc biệt chính là tính chất tự nhiên của các vòi nước phun xuống từ hư không, của các vòi nước phun ra từ các cây Sālā, và của các luồng nước xẻ đất phun lên.

Evaṃ citakaṃ nibbāpetvā pana mallārājāno santhāgāre catujātigandha-paribhaṇḍaṃ kāretvā lāja-pañcamāni pupphāni vikiritvā upari celavitānaṃ bandhāpetvā suvaṇṇatārakāhi khacetvā tattha gandhadāma-mālādāma- ratanadāmāni olambetvā santhāgārato yāva makuṭabandhana-saṅkhātā sīsappasādhana-maṅgalasālā tāva ubhohi passehi sāṇikilañja-parikkhepaṃ kāretvā upari celavitānaṃ bandhāpetvā suvaṇṇatārakāhi khacetvā tatthāpi gandhadāma-mālādāma-ratanadāmāni olambetvā maṇidaṇḍehi pañcavaṇṇadhaje ussāpetvā samantā dhajapatākā parikkhipitvā sittasammaṭṭhāsu vīthīsu kadaliyo puṇṇaghaṭe ca ṭhapetvā daṇḍadīpikā jāletvā alaṅkata- hatthikkhandhe sahadhātūhi suvaṇṇadoṇiṃ ṭhapetvā mālāgandhādīhi pūjetvā sādhukīḷaṃ kīḷantā antonagaraṃ pavesetvā santhāgāre sarabhamaya-pallaṅke ṭhapetvā upari setacchattaṃ dhārayitvā satti-hatthehi purisehi parikkhipāpetvā hatthīhi kumbhena kumbhaṃ paharantehi parikkhipāpetvā tato assehi gīvāya gīvaṃ paharantehi, tato rathehi āṇikoṭiyā āṇikoṭiṃ paharantehi, tato yodhehi bāhūhi bāhuṃ paharantehi, tesaṃ pariyante koṭiyā koṭiṃ paharamānehi dhanūhi parikkhipāpesuṃ.

Hơn nữa, sau khi giàn hỏa thiêu đã được dập tắt như thế, các vị vua xứ Mallā đã cho tẩm bốn loại hương thơm ở tại hội trường, đã rải rắc các loại bông hoa với bắp rang là loại thứ năm, đã cho buộc lên và trang hoàng với những ngôi sao bằng vàng ở bên trên các mái che bằng vải, rồi đã cho treo lên ở đó những vòng hương thơm, những vòng bông hoa, và những vòng châu ngọc. Họ đã cho làm hàng rào bằng màn che và thảm ở hai bên từ hội trường cho đến đại sảnh tế lễ được trang hoàng ở chóp đỉnh có tên là Makuṭabandhana, sau đó đã cho buộc lên và trang hoàng với những ngôi sao bằng vàng ở bên trên các mái che bằng vải, rồi đã cho treo lên ở đó những vòng hương thơm, những vòng bông hoa và những vòng châu ngọc. Họ đã cho dựng lên những lá cờ ngũ sắc có các cán bằng ngọc ma-ni, đã cho bố trí các cờ và các biểu ngữ ở xung quanh, rồi đã cho bố trí những cây chuối và những hũ đầy (nước) ở các con đường đã được tẩy uế và quét dọn. Họ đã cho đốt lên những ngọn đuốc và đặt chiếc hòm vàng có các xá-lợi ở trên lưng con voi đã được trang hoàng, rồi đã cúng dường với các tràng hoa, các loại hương thơm, v.v... Trong khi hân hoan với cuộc lễ hội thánh thiện, họ đã tiến vào trung tâm thành phố, và đã đặt lên chiếc long sàng bằng da hươu có che lọng trắng ở phía trên ở bên trong hội trường, sau đó đã bố trí xung quanh với những nam nhân có giáo ở tay, đã bố trí xung quanh với những con voi có đầu với đầu đối diện nhau, kế đến là những con ngựa có cổ với cổ sánh cùng nhau, những xe ngựa có trục xe với trục xe kề sát nhau, những chiến binh có cánh tay kề với các cánh tay. Và vây

quanh những nhóm ấy, họ đã bố trí đều khắp các cung thủ đang dùng tên đối chọi với tên.

Iti samantā yojanappamāṇaṃ ṭhānaṃ sannāhagacchitaṃ viya katvā ārakkhaṃ saṃvidahiṃsu. Kasmā panete evamakaṃsūti. Ito purimesu dvīsu sattāhesu te bhikkhusaṅghassa ṭhānanisajjokāsaṃ karontā khādanīya- bhojanīyaṃ saṃvidahantā sādhukīḷāya okāsaṃ na labhiṃsu. Tato tesaṃ ahosi: “Imaṃ sattāhaṃ sādhukīḷaṃ kīḷissāma. Ṭhānaṃ kho panetaṃ vijjati yaṃ amhākaṃ pamattabhāvaṃ ñatvā kocideva āgantvā dhātuyo gaṇheyya-tasmā ārakkhaṃ ṭhapetvā kīḷissāmā”ti. Tena te evamakaṃsu.

Atha kho assosi kho rājā māgadho ajātasattu “Bhagavā kira kusinārāyaṃ parinibbuto”ti kathaṃ assosi. Paṭhamamevassa amaccā sutvā cintayiṃsu: “satthā nāma parinibbuto, na so sakkā puna āharituṃ pothujjanika- saddhāya pana amhākaṃ raññā sadiso natthi. Sace esa iminā̃va niyāmena suṇissati, hadayamassa phaḷissati. Rājā kho panamhehi anurakkhitabbo”ti, te tisso suvaṇṇadoṇiyo āharitvā catumadhurassa pūretvā raññο santikaṃ gantvā etadavocuṃ. “Deva amhehi supinako diṭṭho tassa paṭighātatthaṃ tumhehi dukūlapaṭṭaṃ nivāsetvā yathā nāsāpuṭamattaṃ paññāyati evaṃ catumadhuradoṇiyaṃ nipajjituṃ vaṭṭatī”ti. Rājā atthacarakānaṃ vacanaṃ sutvā “evaṃ hotu tātā”ti sampaṭicchitvā tathā akāsi.

Sau khi thực hiện khu vực chung quanh có khoảng cách một do-tuần như là được xuất hành chiến trận, họ đã sắp đặt sự bảo vệ như thế. Vì sao những người ấy đã làm như thế? Trước đây hai tuần lễ, trong lúc chuẩn bị chỗ ngồi và sắp đặt vật thực loại cứng loại mềm cho hội chúng tỳ khưu, họ đã không có cơ hội thưởng thức cuộc lễ hội thánh thiện; do đó họ đã khởi ý rằng: “Tuần lễ này, chúng ta sẽ vui hưởng cuộc lễ hội thánh thiện. Vả lại, điều được biết chắc rằng người nào đó khi đã nắm rõ tình trạng xao lãng của chúng ta có thể xâm nhập và lấy đi các xá-lợi; vì thế chúng ta sẽ vui hưởng sau khi đã sắp đặt sự bảo vệ.” Vì lý do ấy, họ đã làm như thế.

Khi ấy, đức vua Ajātasattu xứ Magadha đã nghe được rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn đã viên tịch Niết Bàn ở Kusinārā.” Đã nghe được bằng cách nào? Trước tiên, các viên quan đại thần của nhà vua đã nghe tin rồi đã suy nghĩ rằng: “Bậc Đạo Sư đã viên tịch Niết Bàn, không còn cách nào để níu kéo Ngài lại nữa rồi. Vả lại, về đức tin của phàm nhân thì không có ai sánh bằng đức vua của chúng ta. Nếu đức vua nghe được tin theo cách thức này thì trái tim của ngài sẽ bị vỡ tan; hơn nữa, đức vua cần được chúng ta bảo vệ.” Rồi họ đã mang lại ba cái hòm bằng vàng, cho đổ đầy bốn loại mật ong, sau đó đã đi đến gặp đức vua, và đã nói điều này: “Tâu bệ hạ, điều mộng mị đã được chúng tôi nhìn thấy. Nhằm diệt trừ việc ấy, việc cần làm là bệ hạ phải mặc y phục mỏng, rồi nằm xuống ở trong hòm chứa bốn loại mật ong sao cho chỉ còn nhìn thấy lỗ mũi.” Sau khi lắng nghe lời nói của những người tâm phúc, đức vua đã đồng ý: “Này các khanh, hãy vậy đi” và đã làm như thế.

Atheko amacco alaṅkāraṃ omuñcitvā kese parikiriya yāya disāya satthā parinibbuto tadabhimukho hutvā añjaliṃ paggayha rājānaṃ āha: “Deva maraṇato

muñcanakasatto nāma natthi. Amhākaṃ āyuvaddhako cetiyaṭṭhānaṃ puññakkhettaṃ abhisekapiṭṭhikā bhagavā satthā kusinārāyaṃ parinibbuto”ti. Rājā sutvā visaññī jāto catumadhuradoṇi usumaṃ muñci. Rājānaṃ ukkhipitvā dutiyāya doṇiyā nipajjāpesuṃ. So saññaṃ labhitvā “Tāta kiṃ vadathā”ti pucchi. “Satthā mahārāja parinibbuto”ti, puna visaññī jāto catumadhuradoṇi usumaṃ muñci. Atha naṃ tatopi ukkhipitvā tatiyāya doṇiyā nipajjāpesuṃ. So puna saññaṃ paṭilabhitvā “Tāta kiṃ vadathā”ti pucchi. “Satthā mahārāja parinibbuto”ti. Rājā puna visaññī jāto catumadhuradoṇi usumaṃ muñci.

Atha naṃ tatopi ukkhipitvā nahāpetvā matthake ghaṭehi udakaṃ āsiñciṃsu. Rājā saññaṃ paṭilabhitvā āsanā uṭṭhāya gandhaparibhāvite maṇivaṇṇakese suvaṇṇaphalaka-vaṇṇāya piṭṭhiyaṃ pakiritvā pavāḷaṅguravaṇṇāhi suvaṭṭitaṅgulīhi suvaṇṇa-bimbaka-vaṇṇaṃ uraṃ saṃsibbanto viya gahetvā paridevamāno ummattakaveseneva antaravīthiṃ otiṇṇo.

Sau đó, một viên quan đại thần đã cởi bỏ đồ trang sức và xõa tóc ra, rồi quay mặt về hướng bậc Đạo Sư đã viên tịch Niết Bàn, chắp tay lên tâu với đức vua rằng: “Tâu bệ hạ, không có chúng sanh nào thoát khỏi tử thần. Đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư của chúng ta, là sự tăng thịnh của cuộc sống, là vị trí của ngôi bảo điện, là thửa ruộng của phước báu, là vương miện của sự tôn vương, đã viên tịch Niết Bàn ở Kusinārā.” Đức vua sau khi nghe tin đã bị bất tỉnh và chiếc hòm chứa bốn loại mật ong đã tiết ra hơi nóng. Họ đã nâng đức vua ra khỏi và đặt nằm xuống ở chiếc hòm thứ hai. Đức vua sau khi hồi tỉnh đã hỏi rằng: “Này khanh, người nói điều gì?” “Tâu bệ hạ, bậc Đạo Sư đã viên tịch Niết Bàn.” Đức vua lại bị bất tỉnh và chiếc hòm chứa bốn loại mật ong đã tiết ra hơi nóng. Khi ấy, họ đã nâng đức vua ra khỏi chỗ ấy và đặt nằm xuống ở chiếc hòm thứ ba. Sau khi hồi tỉnh lại lần nữa, đức vua đã hỏi rằng: “Này khanh, người nói điều gì?” “Tâu bệ hạ, bậc Đạo Sư đã viên tịch Niết Bàn.” Đức vua lại bị bất tỉnh và chiếc hòm chứa bốn loại mật ong đã tiết ra hơi nóng.

Sau đó, họ đã nâng đức vua ra khỏi chỗ ấy, đã cho tắm rửa, rồi đã rưới nước từ các chum lên trên đầu. Sau khi hồi tỉnh, đức vua đã từ chỗ ngồi đứng dậy khiến mái tóc màu ngọc ma-ni được tẩm hương thơm xõa xuống ở trên lưng có hình dáng của tấm khiên bằng vàng, sau đó đã nắm lấy bộ ngực có màu sắc của ánh mặt trời vàng chói giống như là đang cấu xé bằng những ngón tay có mầu sắc của mầm san hô đang được quặp cong vào. Và trong lúc than vãn, đức vua đã bước ra giữa đường với dáng vẻ của người điên.

So alaṅkata-nāṭaka-parivuto nagarā nikkhamma jīvakambavanaṃ gantvā yasmiṃ ṭhāne nisinnena bhagavatā dhammo desito taṃ oloketvā “Bhagavā sabbaññu nanu me imasmiṃ ṭhāne nisīditvā dhammaṃ desayittha. Tumhe sokasallaṃ vinodayittha. Tumhe mayhaṃ sokasallaṃ nīharittha. Ahaṃ tumhākaṃ saraṇaṃ gato. Idāni pana me paṭivacanampi na detha bhagavā”ti punappuna paridevitvā “Nanu bhagavā ahaṃ aññadā evarūpe kāle ‘tumhe mahābhikkhusaṅgha-parivārā jambudīpatale cārikaṃ carathā’ti suṇāmi. Idāni pana ahaṃ tumhākaṃ ananurūpaṃ ayuttaṃ pavattiṃ suṇāmī”ti evamādīni ca vatvā saṭṭhimattāhi gāthāhi bhagavato guṇaṃ anussaritvā

cintesi. “Mama paridevite neva na sijjhati. Dasabalassa dhātuyo āharāpessāmī”ti mallarājunaṃ dūtañca paṇṇañca pāhesi.

“Bhagavāpi khattiyo, ahampi khattiyo, ahampi arahāmi bhagavato sarīrānaṃ thūpañca mahañca kāretun”ti. Pesetvā pana “sace dassanti sundaraṃ, no ce dassanti āharaṇūpāyena āharissāmī”ti caturaṅginiṃ senaṃ sannayhitvā sayampi nikkhantoyeva yathā ca Ajātasattu evaṃ vesāliyaṃ licchavirājāno kapilavatthumhi sakyarājāno allakappake bulayo rāmagāmake koḷiyā veṭhadīpake brāhmaṇo pāvañce mallā dūtaṃ pesetvā sayampi caturaṅginiyā senāya nikkhamiṃsuyeva.

Khoác lên chiếc áo choàng đã được trau chuốt, đức vua đã rời khỏi thành phố đi đến vườn xoài của Jīvaka, sau đó đã nhìn vào địa điểm đức Thế Tôn đã ngồi thuyết giảng Giáo Pháp, rồi mải miết than vãn rằng: “Bạch đức Thế Tôn đấng Toàn Tri, phải chăng Ngài đã ngồi ở chỗ này thuyết giảng Giáo Pháp đến con? Ngài đã nhổ lên mũi tên sầu muộn. Ngài đã lấy đi mũi tên sầu muộn của con. Con đã quy y với Ngài. Bạch đức Thế Tôn, vậy mà giờ đây Ngài không ban cho con lời dạy bảo nào nữa!” “Bạch đức Thế Tôn, phải chăng vào một lúc khác ở thời điểm như thế này con đã được nghe rằng: ‘Ngài cùng với đại chúng tỳ khưu tùy tùng đang đi du hành ở Jambudīpa’? Vậy mà giờ đây con lại được nghe về điều không hợp lý và sai lạc về Ngài.” Sau khi đã nói những lời tương tợ như thế, v.v..., đức vua đã tưởng niệm đến ân đức của Thế Tôn bằng sáu mươi bài kệ, sau đó đã suy nghĩ rằng: “Ta chẳng được gì trong khi than vãn. Ta sẽ bảo mang lại các xá-lợi của đấng Thập Lực,” rồi đã phái sứ giả mang thơ đến gặp các vị vua xứ Mallā (nói rằng):

“Đức Thế Tôn là dòng dõi Sát-đế-ly, ta cũng là dòng dõi Sát-đế-ly; ta cũng xứng đáng để xây dựng ngôi đại bảo tháp cho các xá-lợi của đức Thế Tôn.” Hơn nữa, sau khi đã phái người đi, đức vua (nghĩ rằng): “Nếu họ trao cho thì tốt đẹp; nếu họ không trao cho, thì ta sẽ chiếm đoạt bằng cách cướp lấy,” sau đó đã đích thân tập hợp đoàn quân gồm bốn loại binh chủng và xuất chinh. Tương tợ như đức vua Ajātasattu, các vị vua Licchavi ở Vesālī, các vị vua Sakya ở Kapilavatthu, các vị Buli người xứ Allakappa, các vị Koliya người xứ Rāmagāma, vị Bà-la-môn người xứ Veṭhadīpa, và các người Mallā xứ Pāvā sau khi phái sứ giả đi rồi cũng đã đích thân tập hợp đoàn quân gồm bốn loại binh chủng và cũng đã xuất chinh.

Tattha pāveyyakā sabbehi āsannatarā kusinārāto tigāvutantare nagare vasanti. Bhagavāpi pāvaṃ pavisitvā kusināraṃ gato. Mahāparihārā panete rājāno parihāraṃ karontāva pacchato jātā. Te sabbepi sattanagara-vāsino āgantvā “Amhākaṃ dhātuyo vā dentu yuddhaṃ vā”ti kusinārā-nagaraṃ parivārayiṃsu.

Tato Mallarājāno etadavocuṃ: “Bhagavā amhākaṃ gāmakkhette parinibbuto, na mayaṃ satthusāsanaṃ pahiṇimha na gantvā ānayimha. Satthā pana sayameva āgantvā sāsanaṃ pesetvā amhe pakkosāpesi. Tumhepi kho pana yaṃ tumhākaṃ gāmakkhette ratanaṃ uppajjati. Na taṃ amhākaṃ detha. Sadevake loke buddharatana-samaṃ ratanaṃ nāma natthi, evarūpaṃ uttamaṃ ratanaṃ labhitvā mayaṃ na dassāmā”ti.

Evaṃ te kalahaṃ vaḍḍhetvā “na kho pana tumhehiyeva mātu-thanato khīraṃ pītaṃ, amhehipi pītaṃ, tumheyeva purisā, amhe na purisā. Hotu hotū”ti aññamaññaṃ ahaṅkāraṃ katvā sāsana-paṭisāsanaṃ pesentā aññamaññaṃ mānagajjitaṃ gajjiṃsu. Yuddhe pana sati kosinārakānaṃ yeva jayo abhavissa, kasmā dhātupāsanatthaṃ āgatā devatā tesaṃ pakkhā ahesuṃ.

Trong trường hợp ấy, các người dân xứ Pāvā là gần hơn tất cả; họ cư ngụ ở thành phố cách Kusinārā chưa đến ba gāvuta. Ngay cả đức Thế Tôn cũng đã ghé vào Pāvā rồi mới đi đến Kusinārā. Tuy nhiên, các vị vua vô cùng thận trọng này, trong lúc thể hiện sự thận trọng, đã xuất hiện ở phía sau. Thậm chí tất cả cư dân của bảy thành phố ấy cũng đã đi đến bao vây thành phố Kusinārā (tuyên bố rằng): “Hãy trao ra các xá-lợi cho chúng tôi hoặc là sẽ có chiến tranh.”

Do đó, các vị vua xứ Malla đã nói điều này: “Đức Thế Tôn đã viên tịch Niết Bàn trong khuôn viên ngôi làng của chúng tôi. Chúng tôi đã không nhắn tin đến bậc Đạo Sư và đã không đi đến rước về. Hơn nữa, chính bậc Đạo Sư đã đích thân đi đến, đã nhắn tin, và đã cho gọi chúng tôi đến. Ngay cả các vị cũng thế, khi báu vật phát sanh trong khuôn viên ngôi làng của các vị, các vị sẽ không cho vật ấy đến chúng tôi. Trong thế gian tính luôn cả Thiên giới, không có báu vật nào sánh bằng Phật Bảo; sau khi nhận được báu vật tối thượng như thế này chúng tôi sẽ không trao ra.”

Sau khi đã làm căng thẳng cuộc tranh cãi như thế, họ đã thể hiện sự cao ngạo với nhau rằng: “Chính các ngươi đã không được bú sữa từ vú mẹ, còn chúng tôi đã được bú. Không lẽ các ngươi là đàn ông, còn chúng tôi không phải là đàn ông sao! Hãy vậy đi! Hãy vậy đi!” Trong khi nhắn tin qua lại, họ đã thốt lên những lời la hét ngạo mạn với nhau. Hơn nữa, nếu chiến trận xảy ra, chiến thắng sẽ thuộc về chính những người ở thành Kusinārā. Tại sao? (Bởi vì) chư Thiên đã đến để tôn vinh xá-lợi hùa theo phe những người ấy.

Tato doṇo brāhmaṇo imaṃ vivādaṃ sutvā “ete rājāno bhagavato parinibbutaṭṭhāne vivādaṃ karonti. Na kho panetaṃ patirūpaṃ alaṃ iminā kalahena vūpasamessāmi nan”ti uṇṇatappadese ṭhatvā dvebhāṇavāra-parimāṇaṃ doṇagajjitaṃ nāma avoca. Tattha paṭhamakabhāṇavāre tāva ekapadampi te na jāniṃsu. Dutiyakabhāṇavāra-pariyosāne “ācariyassa viya bho saddo, ācariyassa viya bho saddo”ti sabbe nīravā ahesuṃ. Sakala-jambudīpatale kira kulaghare jāto yebhuyyena tassa na antevāsiko nāma natthi. Atha so te attano vacanaṃ sutvā tuṇhībhūte viditvā puna etadavoca:

“Suṇantu bhonto mama ekavākyaṃ amhākaṃ buddho ahu khantivādo, na hi sādhayaṃ uttamapuggalassa sarīrabhaṅge siyā sampahāro.

Sabbeva bhonto sahitā samaggā sammodamānā karomaṭṭhabhāge, vitthārikā hontu disāyu thūpā bahujjano cakkhumato pasanno”ti.

Vì thế, Bà-la-môn Doṇa đã nghe được sự cãi vả ấy (và đã suy nghĩ rằng): “Những vị vua này gây nên cuộc cãi vả ở địa điểm đã viên tịch Niết Bàn của đức Thế Tôn. Hơn nữa, điều này là không thích hợp. Quá đủ với cuộc gây gỗ này rồi! Ta sẽ làm lắng dịu việc

ấy," rồi đã đứng ở bục cao nói lời phát biểu có tên là "Tiếng rống của Doṇa" dài tương đương hai tụng phẩm. Tại nơi ấy, khi còn ở vào tụng phẩm thứ nhất, mọi người đã không hay biết gì dầu chỉ một phân đoạn. Đến khi chấm dứt tụng phẩm thứ nhì, (họ đã bàn tán rằng): "Này quý vị, hình như là tiếng nói của thầy giáo thọ! Này quý vị, hình như là tiếng nói của thầy giáo thọ!" rồi tất cả đều im lặng. Nghe rằng ở trên toàn bộ Jambudīpa, người sanh ra ở gia đình danh giá phần nhiều đều là học trò của vị ấy. Khi ấy, biết họ đã nghe được tiếng nói của mình nên im lặng, vị Bà-la-môn đã nói tiếp điều này:

"Thưa các ngài, hãy lắng nghe một lời nói của tôi. Đức Phật của chúng ta là vị giáo huấn về kham nhẫn. Thật là điều không được tốt đẹp nếu có sự tranh giành trong việc chia phần xá-lợi của bậc Thượng Nhân.

Tất cả các ngài đây hãy đoàn kết, hòa hợp, và thuận thảo. Hãy phân chia thành tám phần. Hãy để cho các ngôi bảo tháp được lan rộng ở các phương để nhiều người có được niềm tin vào bậc Hữu Nhãn."

Tatrāyamattho "amhākaṃ buddho ahu khantivādo"ti buddhabhūmiṃ appatvāpi pāramiyo pūrentā khantivāda- tāpasakāle dhammapālakumārakāle chaddanta-hatthikāle bhūridatta-nāgarājakāle campeyya-nāgarājakāle saṅkhapāla-nāgarājakāle mahākapikāle aññesupi bahūsu jātakesu paresu kopaṃ akatvā khantimeva akāsi. Khantimeva vaṇṇayi. Kimaṅga pana etarahi iṭṭhāniṭṭhesu tādilakkhaṇaṃ patto sabbathāpi amhākaṃ buddho khantivādo ahosi.

Tassa evaṃ vidhassa na hi sādhayaṃ uttamapuggalassa sarīrabhaṅge siyā sampahāro, "na hi sādhayanti" na hi sādhu ayaṃ, "sarīrabhaṅge"ti "sarīra-bhaṅganimittaṃ dhātukoṭṭhāsahetū"ti attho "siyā sampahāro"ti "āyudha- sampahāro na hi sādhu siyā"ti vuttaṃ hoti. "Sabbeva bhonto sahitā"ti sabbeva bhavanto sahitā hotha mā bhijjittha. "Samaggā"ti kāyena vācāya ca ekasannipātā ekavacanā samaggā hotha. "Sammādamānā"ti cittenāpi aññamaññaṃ modamānā hotha. "Karomaṭṭhabhāgo"ti bhagavato sarīrāni aṭṭhabhāge karoma.

Ở đây, lời nói rằng: "Đức Phật của chúng ta là vị giáo huấn về kham nhẫn" có nghĩa là: Ngay cả khi chưa đạt đến bản thể của vị Phật, trong lúc đang làm tròn đủ các Ba-la- mật vào thời kỳ là đạo sĩ khổ hạnh Khantivāda, vào thời kỳ là vương tử Dhammapāla, vào thời kỳ là con voi Chaddanta, vào thời kỳ là rồng chúa Bhūridatta, vào thời kỳ là rồng chúa Campeyya, vào thời kỳ là rồng chúa Saṅkhapāla, vào thời kỳ là con khỉ đầu đàn, thậm chí trong nhiều kiếp sống khác đức Bồ Tát đã không tức giận vì những người khác và đã thực hiện sự kham nhẫn. Ngài đã ca ngợi sự kham nhẫn. Hơn nữa, trong trường hợp được thỏa mãn hay không được thỏa mãn đã xảy ra như tình trạng hiện nay, đức Phật sẽ giáo huấn cho chúng ta về kham nhẫn có liên quan đến mọi khía cạnh còn nhiều hơn nữa.

Việc ấy là như vầy: "Thật là điều không được tốt đẹp nếu có sự tranh giành trong việc chia phần xá-lợi của bậc Thượng Nhân." "Điều không được tốt đẹp" nghĩa là điều này không được tốt đẹp. "Trong việc chia phần xá-lợi" có ý nghĩa là "hiện tượng chia phần

xá-lợi tức là lý do của việc phân chia xá-lợi.” “Nếu có sự tranh giành” là đề cập đến “nếu xảy ra sự tranh giành bằng vũ khí là không tốt đẹp.” “Tất cả các ngài đây hãy đoàn kết” nghĩa là tất cả các ngài đây hãy đoàn kết, chớ có chia rẽ. “Hòa hợp” nghĩa là các ngài hãy là một khối, chung một lời, hợp nhất về phương diện thân và khẩu. “Thuận thảo” nghĩa là các ngài hãy hoan hỷ với nhau ngay cả trong tâm. “Hãy phân chia thành tám phần” nghĩa là hãy thực hiện xá-lợi của đức Thế Tôn thành tám phần.

“Cakkhumato”ti pañcahi cakkhūhi cakkhumato buddhassa, na kevalaṃ tumheyeva bahujjano pasanno tesu ekopi laddhuṃ ayutto nāma natthī”ti bahuṃ kāraṇaṃ vatvā saññāpesi.

Atha sabbepi rājāno evamāhaṃsu: “Tena hi brāhmaṇa tvaññeva bhagavato sarīrāni aṭṭhadhā samaṃ suvibhattaṃ vibhajāhī”ti. “Evaṃ bho”ti kho doṇo brāhmaṇo tesaṃ rājūnaṃ paṭissutvā dhātuyo samaṃ suvibhattaṃ vibhaji.

Tatrāyamanukkamo doṇo kira tesaṃ paṭissutvāva suvaṇṇa-doṇiṃ vivarāpesi. Rājāno āgantvā doṇiyaṃ yeva tā suvaṇṇa-vaṇṇā dhātuyo disvā “bhagavā sabbaññu pubbe mayaṃ tumhākaṃ dvattiṃsa-lakkhaṇa-patimaṇḍitaṃ chabbaṇṇabuddharasmikhacitaṃ suvaṇṇavaṇṇaṃ sarīraṃ addasāma. Idāni pana suvaṇṇavaṇṇā dhātuyova avasiṭṭhā jātā, na yuttamidaṃ bhagavā tumhākan”ti parideviṃsu. Brāhmaṇo tasmiṃ samaye tesaṃ pamattabhāvaṃ ñatvā dakkhiṇadāṭhaṃ gahetvā veṭhantare ṭhapesi. Atha pacchā samaṃ suvibhattaṃ vibhaji. Sabbāpi dhātuyo pākatika- nāḷiyā soḷasa-nāḷiyo ahosuṃ. Ekekanagaravāsino dve dve nāḷiyo labhiṃsu.

“Vào bậc Hữu Nhãn” nghĩa là đối với đức Phật, tức là bậc Hữu Nhãn, là vị có năm loại nhãn quan. 1 Nhưng không hẳn chỉ riêng các ngài mà còn có nhiều người cũng đã có tín tâm. Nếu mỗi một người trong bọn họ đều được nhận lãnh (xá-lợi) thì cũng không phải là điều vô lý. Sau khi nêu ra nhiều lý do, vị ấy đã làm cho mọi người thấu hiểu. Khi ấy, tất cả các vị vua đều đã nói như vầy: “Này vị Bà- la-môn, như vậy thì chính ông hãy phân chia các xá-lợi của đức Thế Tôn thành tám phần đồng đều một cách chính xác.” “Thưa các ngài, xin vâng.” Bà-la-môn Doṇa nghe theo các vị vua ấy và đã chia các xá-lợi một cách chính xác và đồng đều. Tại nơi ấy, việc này đã xảy ra kế tiếp: Nghe rằng Doṇa đã lập tức nghe theo lời các vị vua ấy và đã cho người mở ra cái hòm bằng vàng. Các vị vua đã đi đến và nhìn thấy các xá-lợi có màu sắc hoàng kim ấy ở ngay bên trong cái hòm nên đã tiếc nuối rằng: “Ôi đức Thế Tôn! Ôi đấng Toàn Tri! Trước đây chúng tôi đã nhìn thấy cơ thể có màu sắc hoàng kim được điểm tô bằng ba mươi hai tướng trạng và rực rỡ với hào quang sáu màu của đấng Giác Ngộ. Thế mà giờ đây chỉ còn có các xá-lợi màu hoàng kim được lưu lại. Ôi đức Thế Tôn! Điều này là không hợp lý đối với Ngài!” Vào lúc bấy giờ, vị Bà-la-môn biết được các vị vua đang rơi vào trạng thái xao lãng nên đã cầm lấy chiếc răng bên phải để vào bên trong chiếc khăn đội đầu. Cuối cùng, vị ấy đã phân chia một cách chính xác và đồng đều. Tất cả các xá-lợi ấy là mười sáu nāḷī 2 tính theo nāḷī khuôn mẫu. Các cư dân của mỗi một thành phố đã nhận được hai nāḷī.

1 Năm loại nhãn quan (cakkhu) là: maṃsa-cakkhu: nhục nhãn, dibba-cakkhu: thiên nhãn, paññā-cakkhu: huệ nhãn, buddha-cakkhu: Phật nhãn, samanta- cakkhu: tuệ Toàn Giác (Được giải thích chi tiết ở Mahāniddesa, Tiểu Bộ). 2 1 nāḷī = 2 pattha (pattha là lượng chứa của hai bàn tay bụm lại).

Brāhmaṇassa pana dhātuyo vibhajantasseva sakko devānamindo “kena nu kho sadevakassa lokassa kaṅkhācchedanāya catusaccakathāya paccayabhūtā bhagavato dakkhiṇādāṭhā gahitā”ti olokento “brāhmaṇena gahitā”ti disvā “brāhmaṇo dāṭhāya anucchavikaṃ sakkāraṃ kātuṃ na sakkhissati. Gaṇhāmi nan”ti veṭhantarato gahetvā suvaṇṇa-caṅgoṭake ṭhapetvā devalokaṃ netvā cūḷāmaṇi- cetiye patiṭṭhāpesi. Brāhmaṇopi dhātuyo vibhajitvā dāṭhaṃ apassanto “kena me dāṭhā gahitā”ti pucchitumpi nāsakkhi. “Nanu tayā dhātuyo vibhajitā, kiṃ tvaṃ paṭhamaṃyeva attano dhātūhi atthibhāvaṃ na aññāsī”ti. Attani dosāropanaṃ sampassamāno “mayhampi koṭṭhāsaṃ dethā”ti vattumpi nāsakkhi.

Tato “ayaṃ suvaṇṇakumbhopi dhātugatikoyeva yena tathāgatassa dhātuyo minitā, imassāhaṃ thūpaṃ karissāmī”ti cintetvā “imaṃ me bhonto kumbhaṃ dadantū”ti āha. Tato rājāno brāhmaṇassa kumbhamadaṃsu.

Hơn nữa, trong khi vị Bà-la-môn đang phân chia các xá- lợi, Chúa Trời Sakka đã xem xét: “Ai đã lấy đi chiếc răng bên phải của đức Thế Tôn là vật thiết yếu trong việc thuyết giảng Tứ Diệu Đế nhằm đoạn trừ mối nghi hoặc của thế gian gồm luôn cả Thiên giới nữa?” và đã nhìn thấy rằng: “Vị Bà-la-môn đã lấy đi” (nên đã suy nghĩ rằng): “Vị Bà-la-môn sẽ không có khả năng thực hiện sự tôn kính một cách đúng đắn đối với chiếc răng. Ta hãy lấy đi vật ấy,” rồi đã lấy ra từ bên trong chiếc khăn đội đầu và đặt vào trong chiếc rương bằng vàng, sau đó đã đưa về Thiên giới và tôn trí trong ngôi bảo điện bằng ngọc quý. Còn vị Bà-la-môn sau khi phân chia các xá-lợi xong, trong lúc không nhìn thấy chiếc răng, cũng đã không thể hỏi rằng: “Ai đã lấy đi phần chiếc răng của ta?” (vì ngại bị chất vấn rằng): “Không phải các xá-lợi đã được ông phân chia hay sao? Chẳng lẽ ngay từ lúc ban đầu bản thân ông đã không biết về tình trạng hiện hữu của các xá-lợi?” Trong khi suy xét về việc gây ra sự sai lầm của bản thân, vị ấy cũng đã không thể nói rằng: “Các ngài cũng phải cho phần chia đến tôi nữa chớ.”

Do đó, vị ấy đã suy nghĩ rằng: “Cái chén vàng này cũng được xem là xá-lợi vì nhờ nó các xá-lợi của đấng Như Lai đã được đo lường, ta sẽ xây dựng ngôi bảo tháp cho vật này” rồi đã nói rằng: “Xin các ngài hãy cho tôi cái chén này.” Vì thế, các vị vua đã cho cái chén vàng đến vị Bà-la-môn.

Pipphalivaniyāpi kho moriyā bhagavato parinibbutabhāvaṃ sutvā “bhagavāpi khattiyo, mayampi khattiyo, mayampi arahāma labhituṃ bhagavato sarīrānaṃ bhāgan”ti dūtaṃ pesetvā yuddha-sajjā nikkhamitvā āgatā. Tesaṃ rājāno evamāhaṃsu: “Natthi bhagavato sarīrānaṃ bhāgo, vibhattāni bhagavato sarīrāni ito aṅgāraṃ harathā”ti. Te tato aṅgāraṃ hariṃsu.

Atha kho rājā Ajātasattu kusinārāya ca rājagahassa ca antare pañcavīsati-yojanamaggaṃ aṭṭha-usabha-vitthataṃ samatalaṃ kāretvā, yādisaṃ

mallarājāno makuṭabandhanassa ca santhāgārassa ca antare pūjaṃ kāresuṃ tādisaṃ pañcavīsatiyojanepi magge pūjaṃ kāretvā lokassa anukkaṇṭhanatthaṃ sabbattha antarāpaṇe pasāretvā suvaṇṇadoṇiyaṃ pakkhittadhātuyo sattipañjarena parikkhipāpetvā attano vijite pañcayojanasata-parimaṇḍale manusse sannipātāpesi.

Te dhātuyo gahetvā kusinārato dhātukīḷaṃ kīḷantā nikkhamitvā yattha yattha vaṇṇavantāni pupphāni passanti, tattha tattha dhātuyo satti-antare ṭhapetvā tesaṃ pupphānaṃ khīṇakāle gacchanti. Rathassa dhuraṭṭhānaṃ pacchimaṭṭhāne sampatte sattadivase sādhukīḷaṃ kīḷanti.

Những người Moriya xứ Pipphalivana sau khi hay tin về sự kiện viên tịch Niết Bàn của đức Thế Tôn cũng đã phái sứ giả đến (nói rằng): “Đức Thế Tôn là dòng dõi Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là dòng dõi Sát-đế-ly; chúng tôi cũng xứng đáng nhận lãnh phần chia về các xá-lợi của đức Thế Tôn” rồi đã xuất quân đi đến với sự sẵn sàng gây chiến. Các vị vua đã nói với họ như vầy: “Không còn phần chia về các xá-lợi của đức Thế Tôn. Các xá-lợi của đức Thế Tôn đã được phân chia, vì thế các vị hãy nhận lấy phần tro tàn ở đây vậy.” Do đó, những người ấy đã mang đi phần tro tàn. Sau đó, đức vua Ajātasattu đã cho thực hiện con đường dài hai mươi lăm do-tuần nối liền Kusinārā và Rājagaha có bề mặt bằng phẳng và bề rộng tám usabha. 1 Rồi các vị vua xứ Mallā đã thực hiện sự cúng dường ở khoảng giữa của Makuṭabandhana và hội trường như thế nào thì đức vua Ajātasattu cũng đã thực hiện sự cúng dường ở con đường dài hai mươi lăm do-tuần như thế ấy. Sau khi đã cho trưng bày các tiệm buôn ở tất cả các nơi nhằm để xoa dịu nỗi buồn thảm của thế gian và sau khi đã bố trí các dàn gươm giáo chung quanh các xá-lợi được đặt trong rương vàng, đức vua Ajātasattu đã cho triệu tập lại dân chúng thuộc phạm vi năm trăm do-tuần trong lãnh thổ của mình. Sau khi nhận lấy các xá-lợi, họ đã rời khỏi Kusinārā đồng thời đã tiến hành cuộc lễ hội xá-lợi. Tại những nơi nào họ nhìn thấy các bông hoa xinh đẹp thì họ đã an vị các xá-lợi ở tại nơi ấy giữa những hàng gươm giáo, đến khi các bông hoa ấy héo tàn thì họ lại di chuyển. Họ đã vui hưởng cuộc lễ hội thánh thiện trong bảy ngày rồi đến được địa điểm cuối cùng là đoạn đường dành cho xe ngựa.

1 1 yojana = 4 gāvuta = 320 usabha; vậy 1 usabha = 1/320 yojana = 16/320 km = 1/20 km = 1000/20 m = 50 m. Như vậy 8 usabha = 400 m. Một cách tính khác, 1 usabha = 20 yaṭṭhi = 140 ratana = 1680 aṅgula # 420 m.

Evaṃ dhātuyo gahetvā āgacchantānaṃ sattavassāni sattamāsāni satta ca divasāni vītivattāni. Micchādiṭṭhikā “samaṇassa gotamassa parinibbuta-kālato paṭṭhāya balakkārena sādhukīḷikāya upaddutamhā, sabbe no kammantā naṭṭhā”ti ujjhāyantā manaṃ padūsetvā chaḷāsītisahassamattā apāye nibbattā, khīṇāsavā āvajjitvā “mahājano manaṃ padūsetvā apāye nibbatto”ti sakkaṃ devarājānaṃ disvā “dhātu āhāraṇūpāyaṃ karissāmā”ti tassa santikaṃ gantvā tamatthaṃ ārocetvā “dhātu āharaṇūpāyaṃ karohi mahārājā”ti āhaṃsu.

Sakko āha: “Puthujjano nāma ajātasattunā samo saddho natthi, na so mama vacanaṃ karissati. Api ca kho māravibhīsakasadisaṃ vibhīsakaṃ dassessāmi. Yakkha-

gāhaka-khipanaka-arocake karissāmi. Tumhe ‘Mahārāja amanussā kupitā, dhātuyo āharāpethā’ti vadeyyātha. Evaṃ so āharāpessatī”ti. Atha kho sakko taṃ sabbaṃ akāsi.

Therāpi rājānaṃ upasaṅkamitvā “mahārāja amanussā kupitā, dhātuyo āharāpehī”ti bhaṇiṃsu. Rājā “na tāva bhante mayhaṃ cittaṃ tussati, evaṃ santepi āharatū”ti āha. Sattame divase dhātuyo āhariṃsu.

Như thế, sau khi nhận được các xá-lợi, những người rước xá-lợi đã trải qua bảy năm, bảy tháng, bảy ngày. Trong khi phàn nàn rằng: “Kể từ thời điểm Sa-môn Gotama viên tịch Niết Bàn trở đi, chúng ta đã bị quấy rầy bởi cuộc lễ hội thánh thiện với hình thức rầm rộ khiến tất cả các việc kinh doanh của chúng ta không tồn tại,” những kẻ tà kiến đã làm cho tâm trí bị ô nhiễm và đã bị sanh vào địa ngục với số lượng tám mươi sáu ngàn người. Các bậc Lậu Tận đã suy xét rằng: “Nhiều người đã làm cho tâm trí bị ô nhiễm và đã bị sanh vào địa ngục,” đến khi nhìn thấy Chúa Trời Sakka đã suy nghĩ rằng: “Chúng ta sẽ tạo ra phương thức đem lại xá- lợi,” sau đó đã đi đến gặp Chúa Trời Sakka, kể lại sự việc ấy, và đã nói rằng: “Tâu đại vương, ngài hãy thực hiện phương thức đem lại xá-lợi.”

Chúa Trời Sakka đã nói rằng: “Phàm nhân không ai có đức tin bằng Ajātasattu, vị ấy sẽ không làm theo lời nói của ta đâu. Thế thì ta sẽ thị hiện sự kinh hoàng tương tợ như sự kinh hoàng của Ma Vương vậy. Ta sẽ tạo ra các Dạ-xoa, các sự cướp bóc, các sự chuyển dời, và sự tăm tối. Các vị hãy nói rằng: ‘Tâu đại vương, phi nhân nổi giận, ngài hãy ra lệnh đem lại các xá-lợi.’ Như thế, đức vua sẽ ra lệnh đem lại.” Sau đó, Chúa Trời Sakka đã thực hiện tất cả các việc ấy.

Các vị trưởng lão đã đi đến gặp đức vua nói rằng: “Tâu đại vương, phi nhân nổi giận, ngài hãy ra lệnh đem lại các xá-lợi.” Đức vua đã nói rằng: “Bạch các ngài, đến thế mà tâm của trẫm còn chưa được hoan hỷ. Tuy nhiên, nếu xảy ra các việc như vậy thì hãy đem lại (các xá-lợi).” Và họ đã mang lại các xá-lợi vào ngày thứ bảy.

Evaṃ āhata-dhātuyo gahetvā rājā rājagahe thupamakāsi. Itarepi rājāno attano balānurūpena nīharitvā sakasakaṭṭhāne thūpamakaṃsu. Doṇopi brāhmaṇo pipphalivaniyāpi moriyā sakasakaṭṭhāne thūpamakaṃsūti.

Eko thūpo rājagahe - eko vesāliyā pure, eko kapilavatthusmiṃ - eko ca allakappake.

Eko thūpo rāmagāme - eko ca veṭhadīpake, eko pāveyyake malle - eko ca kusinārake.

Ye te sārīrikā thūpā - jambudīpe patiṭṭhitā, aṅgārakumbhathūpehi - dasathūpā bhavanti te.

Dasāpi thūpā purisuttamassa ye yathānurūpaṃ nararājapūjitā, sabbena lokena sadevakena te namassaneyyāva bhavanti sabbadāti.

Dasathūpakathā.

--ooOoo--

Như thế, sau khi nhận lấy các xá-lợi đã được đem lại, đức vua đã xây dựng ngôi bảo tháp ở thành Rājagaha. Các vị vua khác cũng đã rước đi các xá-lợi tùy theo năng lực

của mình và đã xây dựng ngôi bảo tháp tại lãnh thổ của mỗi vị. Bà-la-môn Doṇa và các người Moriya xứ Pipphalivana cũng đã xây dựng ngôi bảo tháp tại địa điểm của mỗi người.

Một ngôi bảo tháp ở Rājagaha, một ở thành Vesālī, một ở Kapilavatthu, và một ở Allakappa.

Một ngôi bảo tháp ở Rāmagāma, và một ở Veṭhadīpa, một ở Mallā xứ Pāvā, và một ở Kusinārā.

Các ngôi bảo tháp có chứa xá-lợi ấy đã được xây dựng lên ở Jambudīpa, với hai ngôi bảo tháp thờ tro và chén là có mười ngôi bảo tháp.

Mười bảo tháp của bậc Thượng Nhân được các vị vua cúng dường một cách xứng đáng. Các ngôi bảo tháp ấy luôn luôn được tôn kính bởi tất cả thế gian và luôn cả Thiên giới.

Phần Giảng Giải về Mười Ngôi Bảo Tháp.

--ooOoo--

DHĀTU-NIDHĀNA-KATHĀ

Evaṃ patiṭṭhitesu pana thūpesu mahākassapatthero dhātūnaṃ antarāyaṃ disvā Ajātasattuṃ upasaṅkamitvā “Mahārāja ekaṃ dhātunidhānaṃ kātuṃ vaṭṭatī”ti āha. “Sādhu bhante nidhānakammaṃ tāva mama hotu, dhātuyo pana kathaṃ āharāpemī”ti. “Na mahārāja dhātu-āharaṇaṃ tuyhaṃ bhāro, amhākaṃ bhāro”ti. “Sādhu bhante tumhe dhātuyo āharatha. Ahaṃ dhātunidhānaṃ karissāmī”ti. Thero tesaṃ tesaṃ rājakulānaṃ paricaraṇa-mattakameva ṭhapetvā sesadhātuyo āhari.

Rāmagāme pana dhātuyo nāgā gaṇhiṃsu. “Tāsaṃ antarāyo natthi, anāgate laṅkādīpe mahāvihāre mahācetiyamhi nidhīyissatī”ti. Taṃ na āharittha. Sesehi sattahi nagarehi āharitvā rājagahassa pācīna-dakkhiṇadisābhāge ṭhapetvā “imasmiṃ ṭhāne yo pāsāṇo atthi, so antaradhāyatu, paṃsu suvisuddhā hotu, udakañca mā uṭṭhahatū”ti adhiṭṭhāsi.

Chương 5: GIẢNG GIẢI VỀ SỰ LƯU TRỮ CÁC XÁ-LỢI

Vả lại, khi các bảo tháp đã được thiết lập như thế, trưởng lão Mahākassapa nhận thấy sự nguy hiểm cho các xá-lợi nên đã đi đến gặp Ajātasattu nói rằng: “Tâu đại vương, cần tiến hành việc lưu trữ các xá-lợi chung một chỗ.” “Bạch ngài, lành thay! Vậy hãy để trẫm phụ trách công việc lưu trữ. Tuy nhiên, trẫm sẽ cho thâu hồi các xá-lợi bằng cách nào?” “Tâu đại vương, việc thâu hồi các xá-lợi là trách nhiệm của chúng tôi, không phải là phận sự của ngài.” “Bạch ngài, lành thay! Vậy các ngài hãy thâu hồi các xá-lợi. Trẫm sẽ lưu trữ các xá-lợi.” Chỉ trừ ra các xá-lợi đang được thờ phụng bởi các dòng dõi hoàng tộc ấy, các xá-lợi còn lại đã được vị trưởng lão thâu hồi.

Tuy nhiên, các loài rồng đã lấy đi các xá-lợi ở Rāmagāma. Vị trưởng lão (nghĩ rằng): “Không có nguy hiểm cho các xá-lợi ấy, trong tương lai sẽ được tôn trí ở ngôi đại bảo điện của Mahāvihāra (Đại Tự) trên đảo Laṅkā” nên đã không thâu hồi phần ấy. Sau khi đã thâu hồi từ bảy thành phố còn lại, vị trưởng lão đã tôn trí (các xá-lợi) ở khu vực phía đông nam của thành phố Rājagaha rồi đã chú nguyện rằng: “Ở tại địa điểm này, đá

tảng hãy biến mất, đất bụi hãy được thanh lọc sạch sẽ, và nước chớ có dâng lên.”

Rājā taṃ ṭhānaṃ khaṇāpetvā tato uddhaṭa-paṃsunā iṭṭhikā kāretvā asīti mahāsāvakānaṃ thūpe kāreti. “Idha rājā kiṃ kāretī”ti pucchantānampi “mahāsāvakānaṃcetiyānī”ti vadanti na koci dhātunidhānabhāvaṃ jānāti asītihatthagambhīre pana tasmiṃ padese jāte heṭṭhā lohasantharaṃ santharāpetvā tattha thūpārāme cetiya- gharappamāṇaṃ tambalohamayaṃ gehaṃ kārāpetvā aṭṭhaṭṭha haricandanādimaye karaṇḍe ca thūpe ca kārāpesi.

Atha kho bhagavato dhātuyo haricandana-karaṇḍe pakkhipitvā taṃ haricandana-karaṇḍaṃ aññasmiṃ haricandana-karaṇḍe, tampi aññasminti evaṃ aṭṭha- haricandana-karaṇḍe ekato katvā eteneva upāyena aṭṭha- karaṇḍe aṭṭhasu haricandana-thūpesu, aṭṭha- haricandanathūpe aṭṭhasu lohitacandana-karaṇḍesu, aṭṭha- lohitacandanakaraṇḍe aṭṭhasu lohitacandanathūpesu, aṭṭha-lohitacandanathūpe aṭṭhasu dantakaraṇḍesu, aṭṭha- dantakaraṇḍe aṭṭhasu dantathūpesu, aṭṭha-dantathūpe aṭṭhasu sabba ratanakaraṇḍesu, aṭṭha-sabbaratanakaraṇḍe aṭṭhasu sabbaratanathūpesu, aṭṭha-sabbaratanathūpe aṭṭhasu suvaṇṇakaraṇḍesu, aṭṭha-suvaṇṇakaraṇḍe aṭṭhasu suvaṇṇathūpesu, ...

Sau khi đã cho đào xới khu vực ấy lên, với đất đã được đào lên từ chỗ ấy, đức vua đã cho thực hiện các viên gạch rồi đã cho xây dựng các bảo tháp cho tám mươi vị đại đệ tử. Ngay cả đối với những người thắc mắc: “Đức vua cho làm gì ở đây vậy?” họ đáp rằng: “Các ngôi bảo điện của các vị đại đệ tử;” và không ai biết đến sự việc lưu trữ các xá-lợi. Hơn nữa, khi khu vực ấy đạt được độ sâu tám mươi cánh tay, đức vua đã cho lát nền bằng kim loại ở bên dưới, rồi đã cho xây dựng gian nhà làm bằng đồng đỏ có kích thước bằng gian nhà của ngôi bảo điện ở tại nơi đó trong khuôn viên bảo tháp, sau đó đã cho thực hiện các ngôi bảo tháp và các hòm làm bằng gỗ trầm hương màu vàng, v.v... tám thứ mỗi loại.

Sau đó, đức vua đã đặt các xá-lợi của đức Thế Tôn vào trong cái hòm gỗ trầm hương màu vàng, rồi đặt cái hòm gỗ trầm hương màu vàng ấy vào trong cái hòm gỗ trầm hương màu vàng khác, rồi đặt cái ấy vào trong cái khác nữa; như thế đức vua đã thực hiện tổng cộng tám hòm gỗ trầm hương màu vàng. Rồi theo đúng phương thức ấy, đức vua đã đặt tám cái hòm vào trong tám bảo tháp bằng gỗ trầm hương màu vàng, rồi tám bảo tháp bằng gỗ trầm hương màu vàng vào trong tám cái hòm bằng gỗ trầm hương màu đỏ, rồi tám cái hòm bằng gỗ trầm hương màu đỏ vào trong tám bảo tháp bằng gỗ trầm hương màu đỏ, rồi tám bảo tháp bằng gỗ trầm hương màu đỏ vào trong tám cái hòm bằng ngà, rồi tám cái hòm bằng ngà vào trong tám bảo tháp bằng ngà, rồi tám bảo tháp bằng ngà vào trong tám cái hòm bằng tất cả các loại châu báu, rồi tám cái hòm bằng tất cả các loại châu báu vào trong tám bảo tháp bằng tất cả các loại châu báu, rồi tám bảo tháp bằng tất cả các loại châu báu vào trong tám cái hòm bằng vàng, rồi tám cái hòm bằng vàng vào trong tám bảo tháp bằng vàng, ...

... aṭṭha-suvaṇṇathūpe aṭṭhasu rajatakaraṇḍesu, aṭṭha-rajata- karaṇḍe aṭṭhasu rajata-thūpesu, aṭṭha-rajatathūpe aṭṭhasu maṇikaraṇḍesu, aṭṭha-maṇikaraṇḍe aṭṭhasu

maṇithūpesu, aṭṭha-maṇithūpe aṭṭhasu lohitaṅka-karaṇḍesu, aṭṭha- lohitaṅka-karaṇḍe aṭṭhasu lohitaṅkathūpesu, aṭṭha- lohitaṅkathūpe aṭṭhasu masāragallakaraṇḍesu, aṭṭha-masāragallakaraṇḍe aṭṭhasu masāragalla-thūpesu, aṭṭha- masāragallathūpe aṭṭhasu phaḷika-karaṇḍesu, aṭṭha-phaḷika karaṇḍe aṭṭhasu phaḷikathūpesu ca pakkhipi. Sabba-uparimaṃ phaḷika-cetiyaṃ thūpārāma-cetiyappamāṇaṃ ahosi.

Tassa upari sabbaratanamayaṃ gehaṃ kāresi tassa upari suvaṇṇamayaṃ, tassa upari rajatamayaṃ, tassa upari tambalohamayaṃ gehaṃ kāresi. Tattha sabbaratanamayaṃ vālukaṃ okiritvā jalaja-thalaja-pupphānaṃ sahassāni vippakiritvā addhacchaṭṭhāni jātakasatāni āsīti mahāthere suddhodana-mahārājānaṃ mahāmāyādeviṃ satta sahajāte sabbanetāni suvaṇṇa-mayāneva kāresi. Pañcapañcasate suvaṇṇarajatamaye puṇṇaghaṭe ṭhapāpesi. Pañcasuvaṇṇadhajasate pañcasate suvaṇṇadīpake ca kārāpetvā sugandha-telassa pūretvā tesu dukūlavaṭṭiyo ṭhapesi.

... rồi tám bảo tháp bằng vàng vào trong tám cái hòm bằng bạc, rồi tám cái hòm bằng bạc vào trong tám bảo tháp bằng bạc, rồi tám bảo tháp bằng bạc vào trong tám cái hòm bằng ngọc ma-ni, rồi tám cái hòm bằng ngọc ma-ni vào trong tám bảo tháp bằng ngọc ma-ni, rồi tám bảo tháp bằng ngọc ma-ni vào trong tám cái hòm bằng hồng ngọc, rồi tám cái hòm bằng hồng ngọc vào trong tám bảo tháp bằng hồng ngọc, rồi tám bảo tháp bằng hồng ngọc vào trong tám cái hòm bằng ngọc bích, rồi tám cái hòm bằng ngọc bích vào trong tám bảo tháp bằng ngọc bích, rồi tám bảo tháp bằng ngọc bích vào trong tám cái hòm bằng pha-lê, rồi tám cái hòm bằng pha-lê vào trong tám bảo tháp bằng pha-lê, và bên trên tất cả là ngôi bảo điện bằng pha-lê có kích thước bằng ngôi bảo điện ở Tu Viện Bảo Tháp.

Ở trên đó, đức vua đã cho xây dựng gian nhà làm bằng tất cả các loại ngọc quý, rồi ở trên đó đã cho xây dựng gian nhà làm bằng vàng, rồi ở trên đó đã cho xây dựng gian nhà làm bằng bạc, rồi ở trên đó đã cho xây dựng gian nhà làm bằng đồng đỏ. Tại nơi ấy, đức vua đã rải rắc loại cát làm bằng tất cả các loại ngọc quý rồi rải đều hàng ngàn loại bông hoa mọc ở trong nước và mọc ở trên đất liền. Về năm trăm năm mươi câu chuyện Bổn Sanh, tám mươi vị đại trưởng lão, đại vương Suddhodana, hoàng hậu Mahāmayā, bảy người và vật đồng sanh một lượt, đức vua đã cho xây dựng tất cả các thứ ấy hoàn toàn bằng vàng. Đức vua đã cho thiết lập các chum chứa đầy vàng và bạc năm trăm chum mỗi loại, sau đó đã cho thực hiện năm trăm ngọn cờ bằng vàng với năm trăm cây đèn bằng vàng, rồi đã cho đổ đầy dầu có hương thơm và cho sử dụng các tim đèn bằng loại vải tốt.

Athāyasmā mahākassapo “mālā mā milāyantu, gandhā mā vinassantu, dīpā mā vijjhāyantū”ti adhiṭṭhahitvā suvaṇṇapaṭṭe akkharāni chindāpesi. “Anāgate piyadāso nāma kumāro chattaṃ ussāpetvā asoko nāma dhammarājā bhavissati so imā dhātuyo vitthārikā karissatī”ti. Rājā sabbapasādhanehi pūjetvā ādito paṭṭhāya dvāraṃ pidahanto nikkhami. Tambalohadvāraṃ pidahitvā āviñjana-rajjuyaṃ kuñcikamuddikaṃ bandhi. Tattheva mahantaṃ maṇikkhandhaṃ ṭhapesi. “Anāgate daḷiddarājāno imaṃ maṇiṃ gahetvā dhātūnaṃ sakkāraṃ karontū”ti akkharāni chindāpesi.

Sakko devarājā vissakammaṃ āmantetvā: “Tāta, ajātasattunā dhātu-nidhānaṃ kataṃ, ettha ārakkhaṃ ṭhapehī”ti pahiṇi. So āgantvā vāḷasaṅghāṭayantaṃ yojesi. Kaṭṭharūpakāni tasmiṃ dhātugabbhe phaḷika-vaṇṇa-khagge gahetvā vātasadisena vegena anupariyāyantaṃ yojetvā ekāya eva āṇiyā bandhitvā samantato giñjakāvasathākārena silāparikkhepaṃ katvā upari ekāya pidahitvā paṃsuṃ pakkhipitvā bhūmiṃ samaṃ katvā tassūpari pāsāṇathūpaṃ patiṭṭhāpesi.

Dhātunidhānakathā.

--ooOoo--

Sau đó, đại đức Mahākassapa đã chú nguyện rằng: “Các tràng hoa chớ có héo úa, các hương thơm chớ bị tiêu hoại, các ngọn đèn chớ có lụi tàn” rồi đã cho khắc ở trên cái mâm bằng vàng các chữ: “Trong ngày vị lai, vị hoàng tử tên Piyadāsa sẽ xứng đáng quyền cai trị và sẽ trở thành vị vua công chính tên là Asoka. Vị ấy sẽ làm cho các xá-lợi này được phổ biến lan rộng.” Sau khi đã cúng dường với tất cả các vật trang điểm, đức vua đã lần lượt đóng lại từng cánh cửa rồi đi ra. Sau khi đóng lại cánh cửa bằng đồng đỏ, đức vua đã buộc lại chìa khoá và dấu niêm ở sợi dây thừng để luồn qua. Ngay tại chỗ ấy, đức vua đã để khối lớn ngọc ma- ni rồi cho khắc các chữ rằng: “Trong ngày vị lai, các vị vua gặp khó khăn hãy lấy ngọc ma-ni này rồi tiến hành việc tôn vinh các xá-lợi.”

Chúa Trời Sakka đã gọi Vissakamma lại nhắn nhủ rằng: “Này khanh, việc lưu trữ các xá-lợi đã được Ajātasattu thực hiện. Khanh hãy thiết lập sự bảo vệ ở nơi ấy.” Sau khi đi đến, vị ấy đã thiết kế bẫy để giết các con thú. Sau khi cầm lấy các thanh gươm màu ngọc pha-lê ở trong căn phòng thờ xá-lợi ấy, vị ấy đã treo các bức tranh gỗ vòng quanh với tốc độ nhanh như làn gió sau khi đóng vào chỉ bằng một chốt đinh. Sau đó, vị ấy đã thực hiện hàng rào bằng đá ở xung quanh theo hình thức căn nhà bằng gạch, rồi đã đậy lại bằng một tảng đá ở bên trên, sau đó đã rải đất lên, san bằng bề mặt, rồi dựng lên ngôi bảo tháp bằng đá ở trên đó.

Phần Giảng Giải về sự Lưu Trữ các Xá Lợi.

--ooOoo--

CATURĀSĪTISAHASSA- THŪPAKATHĀ

Evaṃ niṭṭhite dhātunidhāne yāvatāyukaṃ ṭhatvā thero parinibbuto, rājāpi yathākammaṃ gato, tepi manussā kālakatā, aparabhāge piyadāso kumāro chattaṃ ussāpetvā asoko nāma dhamma-rājā hutvā tā dhātuyo gahetvā jambudīpe caturāsītiyā cetiyasahassesu patiṭṭhāpesi. Kathaṃ? Bindusārassa kira ekasataṃ puttā ahesuṃ. Te sabbe asoko attanā saddhiṃ ekamātikaṃ tissa kumāraṃ ṭhapetvā ghātesi. Ghātento cattāri vassāni anabhisitto rajjaṃ kāretvā catunnaṃ vassānaṃ accayena tathāgatassa parinibbānato dvinnaṃ vassasatānaṃ upari aṭṭhārasame vasse sakalajambudīpe ekarajjābhisekaṃ pāpuṇi.

Abhisekānubhāvena imā rājiddhiyo āgatā. Mahāpaṭhaviyā heṭṭhā yojanappamāṇe āṇā pavatti, tathā upari ākāse, anotattadahato aṭṭhahi kājehi soḷasa pānīyaghaṭe divase

divase devatā āharanti. Yato sāsane uppanna-saddho hutvā aṭṭha-ghaṭe bhikkhusaṅghassa adāsi. Dve ghaṭe saṭṭhi- mattānaṃ tipiṭaka-bhikkhūnaṃ, dve ghaṭe aggamahesiyā asandhimittāya, cattāro ghaṭe attanā paribhuñji.

Chương 6: GIẢNG GIẢI VỀ TÁM MƯƠI BỐN NGÀN NGÔI BẢO THÁP

Khi việc lưu trữ các xá-lợi đã được hoàn tất như thế, vị trưởng lão đã sống đến hết tuổi thọ rồi đã viên tịch Niết Bàn, đức vua cũng đã đi theo nghiệp tương ứng, luôn cả những người ấy cũng đã qua đời. Vào triều đại kế tiếp, vị hoàng tử tên Piyadāsa xứng đáng quyền cai trị và đã trở thành vị vua công chính tên là Asoka. Sau khi nhận được các xá-lợi ấy, đức vua đã thiết lập nên tám mươi bốn ngàn ngôi bảo điện ở Jambudīpa. Bằng cách nào? Nghe rằng Bindusāra có một trăm người con trai. Asoka đã giết chết tất cả bọn họ ngoại trừ hoàng tử Tissa có cùng một mẹ với chính mình. Trong khi cho giết hại và cai trị vương quốc đã bốn năm mà Asoka vẫn chưa được đăng quang. Khi bốn năm trôi qua, tính từ khi đức Như Lai viên tịch Niết Bàn thì đã hơn hai trăm mười tám năm, Asoka đã đạt được sự tấn phong vương quyền trên toàn lãnh thổ Jambudīpa.

Do oai lực của lễ đăng quang, các vương quyền này đã được thành tựu: Sự ra lệnh có hiệu lực khoảng cách một do- tuần về phía bên dưới của đại địa cầu, về phía bên trên ở không trung cũng như thế. Hàng ngày, các Thiên nhân dùng tám đòn gánh mang lại mười sáu chum nước uống từ hồ Anotatta. Kể từ khi đã sanh khởi niềm tin vào Giáo Pháp, đức vua đã dâng tám chum đến hội chúng tỳ khưu, hai chum đến các tỳ khưu thông Tam Tạng số lượng sáu mươi vị, hai chum đến chánh cung hoàng hậu Asandhimittā, và bốn chum bản thân đã thọ dụng.

Devatā eva himavante nāgalatā danta-kaṭṭhaṃ nāma atthi siniddhaṃ mudukaṃ rasavantaṃ, taṃ divase divase āharanti yena rañño ca aggamahesiyā ca soḷasannaṃ nāṭakasahassānaṃ saṭṭhimattānaṃ bhikkhusahassānaṃ devasikaṃ dantapoṇa-kiccaṃ nipphajji.

Devasikamevassa devatā agadāmalakaṃ agadaharīṭakaṃ suvaṇṇavaṇṇañca gandhasampannaṃ ambapakkaṃ āharanti. Tathā chaddanta-dahato pañca-vaṇṇaṃ nivāsana-pāpuraṇaṃ, pītakavaṇṇaṃ hattha-puñchanaka-paṭṭaṃ dibbañca pānakaṃ āharanti. Devasikameva panassa anulepagandhaṃ pārupanatthāya asuttamayikaṃ sumanapupphapaṭaṃ mahārahañca añjanaṃ nāgabhavanato nāgarājāno āharanti. Chaddantadaheyeva uṭṭhitassa sālino navavāhasahassāni divase divase suvā āharanti. Mūsikā nitthusa-kaṇe karonti. Ekopi khaṇḍataṇḍulo na hoti. Rañño sabbaṭṭhānesu ayameva taṇḍulo paribhogaṃ gacchati. Madhumakkhikā madhuṃ karonti. Kammārasālāsu acchā kūṭaṃ paharanti. Dīpikā cammāni cālenti. Karavīka-sakuṇā āgantvā madhurassaraṃ vikūjentā rañño balikammaṃ karonti.

Ở Hy-mã-lạp-sơn có loại dây trầu trơn láng, mềm mại, và có hương vị gọi là nha mộc, chính các Thiên nhân mang lại vật ấy mỗi ngày; nhờ đó đã hoàn thành công việc làm sạch sẽ răng hàng ngày của đức vua, của chánh cung hoàng hậu, của mười sáu ngàn vũ công, và của các vị tỳ khưu số lượng sáu mươi ngàn vị.

Hàng ngày, các Thiên nhân còn mang lại cho đức vua dược phẩm āmalaka, dược phẩm harītaka, và xoài chín có mùi thơm và màu sắc vàng rực. Tương tợ như thế, họ đã mang lại từ hồ Chaddanta hạ y và thượng y năm màu, khăn lau tay màu vàng, và thức uống của Thiên đình. Hơn nữa, hàng ngày các long vương còn mang lại từ long cung cho đức vua dầu thoa và hương liệu, vải hoa nhài không đường chỉ dệt để trang phục, và loại thuốc bôi đắt giá. Các con chim két mỗi một ngày mang lại loại gạo sālī mọc ở ngay tại hồ Chaddanta số lượng chín ngàn xe kéo. Các con chuột làm cho sạch trấu và cám, thậm chí không làm vỡ một mảnh của hạt gạo. Chính loại gạo này được làm thành thức ăn cho đức vua ở tại mọi địa điểm. Các con ong mật thực hiện mật ong. Ở trong các trại rèn các con gấu vung tay búa. Các con báo di chuyển các tấm khiên. Các con chim cu đi đến và kêu lên tiếng rù rù ngọt ngào hiến tặng đức vua.

Imāhi iddhīhi samannāgato rājā ekadivasaṃ suvaṇṇa- saṅkhalika-bandhanaṃ pesetvā catunnaṃ buddhānaṃ adhigata-rūpadassanaṃ kappāyukaṃ mahākāḷa-nāgarājānaṃ ānayitvā setacchattassa heṭṭhā mahārahe pallaṅke nisīdāpetvā anekasatavaṇṇehi jalaja-thalaja-pupphehi suvaṇṇapupphehi ca pūjaṃ katvā sabbālaṅkāra- patimaṇḍitehi ca soḷasahi nāṭaka-sahassehi samantato parikkhipitvā “anantañāṇassa tāva me saddhammavaracakkavattino sammāsambuddhassa rūpaṃ imesaṃ akkhīnaṃ āpāthaṃ karohī”ti vatvā tena nimmitaṃ sakalasarīraṃ vippakiṇṇa-puññappabhāva-nibbattāsīti anubyañjana-patimaṇḍitaṃ dvattiṃsa mahāpurisa-lakkhaṇa- sassirīkatāya vikasita-kamalupphala-puṇḍarīka- patimaṇḍitamiva salilatalaṃ tārāgaṇa-raṃsijāla-visara- vipphurita-sobhāsamujjalamiva gaganatalaṃ nīla-pīta-lohitādi-bheda-vicitta-vaṇṇa-raṃsi-vinaddha-byāmappabhā parikkhepa-vilāsitāya sañjhāppabhānurāga-indadhanu- vijjullatā-parikkhittamiva kanakagiri-sikharaṃ nānā-virāga- vimala-ketumālā-samujjalita-cāru-matthaka-sobhaṃ nayana-rasāyanamiva brahma-deva-manuja-nāga-yakkha-gaṇānaṃ buddharūpaṃ passanto sattadivasaṃ akkhipūjaṃ nāma akāsi.

Được phú cho những năng lực này, đức vua vào một ngày nọ đã phái đem đi sợi dây xích trói bằng vàng và bảo dẫn đến vị Long Vương Mahākāḷa đã sống trọn kiếp và đã được sự chiêm ngưỡng hình dáng của bốn vị Phật, rồi đã cho vị Long Vương ngồi lên long sàng vô cùng quý giá ở bên dưới chiếc lọng màu trắng, sau đó đã cúng dường với các bông hoa có hàng trăm màu sắc mọc ở nước hoặc mọc ở đất liền và các bông hoa bằng vàng, rồi đã phân bố mười sáu ngàn vũ công đã được tô điểm với tất cả các loại đồ trang sức ở xung quanh, sau đó đã nói rằng: “Hãy làm cho các con mắt này của trẫm thấy được hình ảnh của vị Phật Chánh Đẳng Giác có trí tuệ vô biên đã chuyển vận bánh xe Diệu Pháp cao quý.” Vị Long Vương đã tạo nên toàn bộ thân thể với ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân được điểm tô với tám mươi tướng phụ đã được sanh lên nhờ vào oai lực của phước báu đã được ban phát, ví như mặt nước được điểm tô với những đóa hoa sen và hoa súng màu trắng đang nở rộ, ví như bầu trời rực rỡ với vô số ánh sáng rung động từ mạng lưới hào quang của các chòm tinh tú, ví như đỉnh trái núi vàng được bao quanh bởi các tia chớp của cầu vồng xen kẽ với ánh sáng hoàng hôn, với vẻ đẹp được bao quanh bởi ánh sáng hào quang tròn đều có vô số tia sáng đầy màu

sắc được phân chia thành màu xanh, màu vàng, màu đỏ, v.v... giống như là ánh sáng chói lọi có vẻ đẹp rực rỡ của vô số hào quang tinh khiết, không vướng bụi, đem lại sự thích thú cho ánh mắt của tập thể Phạm Thiên, Thiên nhân, loài người, loài rồng, và Dạ-xoa. Trong khi nhìn dáng vóc của đức Phật, đức vua Asoka đã thực hiện việc được gọi là sự cúng dường đôi mắt trong bảy ngày.

Rājā kira abhisekaṃ pāpuṇitvā tīṇayeva saṃvaccharāni bāhiraka-pāsaṇḍaṃ parigaṇhi. Catutthe saṃvacchare buddhasāsane pasīdi. Tassa kira pitā bindusāro brāhmaṇabhatto ahosi. So brāhmaṇānaṃ brāhmaṇajātiyā pāsaṇḍānañca paṇḍaraṅga-paribbājakānañca saṭṭhisahassamattānaṃ niccabhattaṃ paṭṭhapesi.

Asoko pitarā pavattitaṃ dānaṃ attano antepure tatheva dadamāno ekadivasaṃ sīhapañjare ṭhito upasama- paribāhirena ācārena bhuñjamāne asaṃyatindriye avinīta- iriyāpathe disvā cintesi: “Īdisaṃ dānaṃ upaparikkhitvā yuttaṭṭhāne dātuṃ vaṭṭatī”ti. Evaṃ cintetvā amacce āha: “Gacchatha bhaṇe attano attano sādhusammate samaṇa- brāhmaṇe antepuraṃ atiharatha, dānaṃ dassāmā”ti. Amaccā “sādhu devā”ti rañño paṭissutvā te te paṇḍaraṅga- paribbājakājīvaka-nigaṇṭhādayo ānetvā “ime mahārāja amhākaṃ arahanto”ti āhaṃsu.

Nghe rằng sau khi đạt được sự phong vương, đức vua đã đặt niềm tin vào truyền thống ngoại đạo trong ba năm. Đến năm thứ tư, đức vua có được sự tín thành vào Giáo Pháp của đức Phật. Nghe rằng vua cha Bindusāra là nguồn vật thực của các vị Bà-la-môn. Vua cha đã thiết lập bữa ăn thường kỳ cho các Bà-la-môn, các ngoại đạo thuộc dòng dõi Bà-la- môn, và các du sĩ thân bôi tro trắng có số lượng sáu mươi ngàn vị.

Đức vua Asoka trong lúc thường xuyên ban phát sự bố thí đã được người cha quy định ở nội cung của mình đúng y như thế, cho đến một ngày kia, đã đứng tại cửa sổ và nhìn thấy những người đang ăn có sở hành bên ngoài dường như an tịnh, nhưng các giác quan không được thu thúc và các cử chỉ không được kiềm chế, nên đã suy nghĩ rằng: “Cần xem xét lại sự bố thí này và cần phải bố thí ở chỗ xứng đáng.” Sau khi suy nghĩ như thế, đức vua đã nói với các viên quan đại thần rằng: “Này các khanh, hãy đi rồi đưa đến nội cung các Sa-môn và Bà-la-môn được đánh giá là tốt đẹp theo ý kiến riêng của từng cá nhân, trẫm sẽ dâng cúng vật thí.” Các viên quan đã trả lời đức vua rằng: “Tâu bệ hạ, lành thay!” rồi họ đã lần lượt dắt lại các du sĩ thân bôi tro trắng, các đạo sĩ lõa thể, các vị ngoại đạo, v.v... và đã nói rằng: “Tâu đại vương, những vị này là các vị A-la-hán của chúng tôi.”

Atha rājā antepure uccāvacāni āsanāni paññāpetvā “āgacchantū”ti vatvā āgatāgate āha “attano attano anurūpe āsane nisīdathā”ti. Ekacce bhadda-pīṭhake ekacce phalakapīṭhakesu nisīdiṃsu. Taṃ disvā rājā “natthi etesaṃ antosāro”ti ñatvā tesaṃ anurūpaṃ khādanīyaṃ bhojanīyaṃ datvā uyyopesi.

Evaṃ gacchante kāle ekadivasaṃ sīhapañjare ṭhito addasa nigrodha-sāmaṇeraṃ rājaṅgaṇena gacchantaṃ dantaṃ guttaṃ santindriyaṃ iriyāpatha-sampannaṃ. Ko panāyaṃ nigrodho nāma, Bindusāra-rañño jeṭṭhaputtassa sumanarājakumārassa putto tatrāyaṃ anupubbīkathā: Bindusāra-rañño kira dubbalakāleyeva asoka kumāro

attanā laddhaṃ ujjenirajjaṃ pahāya āgantvā sabbaṃ nagaraṃ attano hatthagataṃ katvā sumana-rājakumāraṃ aggahesi.

Khi ấy, đức vua đã cho sắp xếp các chỗ ngồi theo nhiều kiểu rồi bảo rằng: “Hãy để họ đi vào,” sau đó đã nói với những người đang lần lượt đi vào rằng: “Các vị hãy ngồi ở chỗ ngồi thích hợp đối với bản thân.” Một số vị đã ngồi ở những chỗ ngồi đẹp đẽ, một số ở các chỗ ngồi rộng lớn. Sau khi nhìn thấy điều ấy, đức vua đã biết rằng: “Những người này không có phẩm chất!” nên đã bố thí vật thực loại cứng loại mềm tương xứng cho họ rồi đã giải tán.

Như thế thời gian trôi qua, vào một ngày nọ đức vua đang đứng ở cửa sổ đã nhìn thấy vị sa di Nigrodha có các giác quan đã được huấn luyện, thu thúc, an tịnh, và thành tựu các oai nghi đang đi ở khuôn viên hoàng cung. Vị Nigrodha này là ai vậy? Là con trai của thái tử Sumana và là cháu nội đích tôn của đức vua Bindusāra. Trong trường hợp này, câu chuyện trước đây là thế này: Nghe rằng vào lúc đức vua Bindusāra bị bệnh, hoàng tử Asoka, sau khi rời bỏ lãnh thổ Ujjenī do bản thân chiếm được, đã đi đến thâu tóm toàn bộ thành phố vào tay mình và đã bắt giữ thái tử Sumana.

Taṃ divasameva sumanassa rājakumārassa sumanā nāma devi paripuṇṇa-gabbhā ahosi. Sā aññātaka-vesena nikkhamitvā avidūre aññataraṃ caṇḍāla-gāmaṃ sandhāya gacchantī, jeṭṭhaka-caṇḍālassa gehato avidūre ekasmiṃ nigrodha-rukkhe adhivatthāya devatāya “ito ehi sumane”ti vadantiyā saddaṃ sutvā tassā samīpaṃ gatā. Devatā attano ānubhāvena ekaṃ sālaṃ nimminitvā “ettha vāsāhī”ti padāsi. Sā taṃ sālaṃ pāvisi. Gatadivaseyeva puttaṃ vijāyi. Sā tassa nigrodha-devatāya pariggahitattā “nigrodho”tveva nāmaṃ akāsi.

Jeṭṭhaka-caṇḍālo diṭṭhadivasatoppabhuti taṃ attano sāmidhītaraṃ viya maññāmāno nibaddhaṃ vaṭṭaṃ paṭṭhapesi. Rājadhītā tattha sattavassāni vasi. Nigrodhakumāropi satta vassiko jāto. Tadā mahāvaruṇatthero nāma eko arahā dārakassa hetusampadaṃ disvā viharamāno “sattavassiko dāni dārako kāle naṃ pabbājetun”ti cintetvā rājadhītāya ārocāpetvā nigrodha- kumāraṃ pabbājesi. Kumāro khuraggeyeva arahattaṃ pāpuṇi. So ekadivasaṃ pātova sarīraṃ paṭijaggitvā ācariyupajjhāyānaṃ vattaṃ katvā pattacīvaramadāya “mātu- upāsikāya gehadvāraṃ gacchāmī”ti nikkhami. Mātu- nivesanaṭṭhānañcassa dakkhiṇadvārena nagaraṃ pavisitvā nagara-majjhena gantvā pācīnadvārena nikkhamitvā gantabbaṃ hoti. Tena ca samayena asoko dhammarājā pācīna-disābhimukho sīhapañjare caṅkamati.

Vào đúng ngày hôm ấy, vương phi của thái tử Sumana tên là Sumanā mang thai đã tròn tháng. Nàng ta đã cải trang khác đi và thoát ra bên ngoài. Trong khi đi về phía ngôi làng của nhóm người hạ cấp ở gần đó, nàng đã được vị Thiên nhân ngự trên một cội cây Nigrodha không xa ngôi nhà của người đứng đầu nhóm người hạ cấp bảo rằng: “Này Sumanā, hãy đi đến đây.” Nghe theo lời nói, nàng đã đi đến gần vị Thiên nhân ấy. Vị Thiên nhân đã dùng năng lực của cá nhân làm hiện ra một gian nhà rồi dâng lên (nói rằng): “Hãy cư ngụ ở nơi đây.” Nàng đã đi vào gian nhà ấy và đã hạ sanh người con trai vào chính ngày hôm ấy. Do lòng nhớ ơn vị Thiên nhân ở cội cây Nigrodha nên

nàng đã đặt tên đứa bé là “Nigrodha.” Vị đứng đầu nhóm người hạ cấp, kể từ ngày được nhìn thấy, đã xem nàng như là con gái của chủ nhân mình nên đã thường xuyên cống hiến sự phục vụ. Vị vương phi đã sống ở nơi ấy bảy năm. Và hoàng tử Nigrodha được sanh ra cũng đã bảy tuổi. Khi ấy, vị đại trưởng lão tên Varuṇa là một vị A-la- hán thấy được sự thành tựu nhân duyên của đứa bé trai nên trong khi cư ngụ ở đó đã suy nghĩ rằng: “Giờ đây, đứa bé trai đã được bảy tuổi; đã đến lúc cho nó xuất gia,” rồi đã cho người thông báo đến vị vương phi và đã cho hoàng tử Nigrodha xuất gia. Vị hoàng tử đã thành tựu quả vị A-la-hán ngay trong lúc cạo đầu. Vào buổi sáng của một ngày nọ, sau khi chăm sóc cơ thể và thực hành phận sự đối với các vị thầy giáo thọ và thầy tế độ, vị ấy đã cầm lấy y và bình bát rồi ra đi (nghĩ rằng): “Ta sẽ đi đến cửa nhà của người mẹ cư sĩ.” Để đi đến địa điểm ngôi nhà người mẹ của vị ấy thì nên đi vào thành bằng cổng thành phía nam, sau đó đi đến trung tâm thành phố, rồi đi ra bằng cổng thành phía tây. Và vào lúc bấy giờ, vị vua công chính Asoka đang đi qua lại ở cửa sổ, với khuôn mặt nhìn về hướng tây.

Taṃ khaṇaṃyeva nigrodha-sāmaṇero rājaṅgaṇaṃ pāpuṇi santindriyo santamānaso yugamattaṃ pekkhamāno. Tena vuttaṃ: “Ekadivasaṃ sihapañjare ṭhito addasa nigrodhasāmaṇeraṃ rājaṅgaṇena gacchantaṃ dantaṃ guttaṃ santindriyaṃ iriyāpatha-sampannan”ti. Disvā panassa etadahosi: “Ayaṃ jano sabbopi vikkhittacitto hanta- maga-paṭibhāgo, ayampana dārako avikkhittacitto ativiyassa alokita-vilokitaṃ sammiñjana-pasāraṇañca sobhati. Addhā etassa abbhantaraṃ lokuttara-dhammā bhavissatī”ti. Rañño sahadassaneneva sāmaṇere cittaṃ pasīdi. Pemaṃ saṇṭhahi. Kasmā? Pubbe kira puñña-karaṇakāle esa rañño jeṭṭhabhātā vāṇijako ahosi.

Atha rājā sañjātapemo sabahumāno “sāmaṇeraṃ pakkosathā”ti amacce pesesi. “Aticirāyātī”ti puna dve tayo pesesi “turitaṃ āgacchatū”ti. Sāmaṇero attano pakatiyā eva agamāsi. Rājā “patirūpāsanaṃ ñatvā nisīdathā”ti āha. Ito cito ca oloketvā “natthidāni añño bhikkhū”ti samussita- setacchattaṃ rājapallaṅkaṃ upasaṅkamitvā pattagahaṇatthāya rañño ākāraṃ dassesi. Rājā taṃ pallaṅkasamīpaṃ gacchantaṃ disvā evaṃ cintesi: “Ajjevadāni ayaṃ sāmaṇero imassa gehassa sāmiko bhavissatī”ti. Sāmaṇero rañño hatthe pattaṃ datvā pallaṅkaṃ ahiruhitvā nisīdi.

Chính vào thời điểm ấy, vị sa-di Nigrodha có các giác quan thanh tịnh, có tâm ý thanh tịnh, có tầm nhìn trong khoảng cách của cán cày đã đi đến khuôn viên hoàng cung. Vì thế, có lời nói rằng: “Vào một ngày nọ, đức vua đang đứng ở cửa sổ đã nhìn thấy vị sa di Nigrodha có các giác quan được huấn luyện, thu thúc, an tịnh, và thành tựu các oai nghi đang đi ở khuôn viên hoàng cung.” Hơn nữa, sau khi nhìn thấy đức vua đã khởi ý điều này: “Thậm chí hết thảy đám người này đều có tâm tán loạn như là con thú đã bị đâm; thế mà thiếu niên này lại có tâm không bị tán loạn, sự nhìn qua nhìn lại và hành động co duỗi chân tay của vị này lại vô cùng rạng rỡ. Chắc hẳn pháp thượng nhân có ở bên trong của người này?” Chỉ với ánh nhìn, đức vua tâm đã khởi tâm tín thành vào vị sa di và sanh lòng mến mộ. Vì sao? Nghe rằng trước kia trong thời kỳ làm phước thiện, vị này là người thương buôn và là anh cả của đức vua.

Khi ấy, đức vua với niềm quý mến sanh khởi và có nhiều sự kính trọng nên đã phái các vị quan đại thần bảo rằng: “Hãy thỉnh vị sa di đến.” Sau đó (đã suy nghĩ): “Chậm đến vậy!” nên đã nhắn thêm hai ba lần nữa rằng: “Hãy đến nhanh lên!” Vị sa di đã bước đi theo đúng như bản chất tự nhiên của mình. Đức vua đã nói rằng: “Hãy nhận biết chỗ ngồi thích hợp rồi ngồi xuống.” Vị sa di sau khi nhìn xem bên này và bên kia (nghĩ rằng): “Hôm nay, không có vị tỳ khưu nào khác,” nên đã đi đến bên long sàng có chiếc lọng trắng che ở phía trên, rồi ra dấu hiệu cho nhà vua về việc nhận lãnh cái bình bát. Khi nhìn thấy vị ấy đang đi đến cạnh long sàng, đức vua đã suy nghĩ như vầy: “Giờ đây, ngay trong ngày hôm nay, vị sa di sẽ là chủ nhân của ngôi nhà này.” Vị sa di đã trao bình bát ở tay của đức vua rồi bước lên long sàng và ngồi xuống.

Rājā attano atthāya sampāditaṃ sabbaṃ yāgu-khajjaka- bhatta-vikatiṃ upanāmesi. Sāmaṇero attano yāpanamattameva sampaṭicchi. Bhatta-kiccāvasāne rājā āha: “Satthārā tumhākaṃ dinnovādaṃ jānā”ti. “Jānāmi mahārāja ekadesenā”ti. “Tāta, mayhamapi naṃ kathehī”ti. “Sādhu rājā”ti rañño anurūpaṃ dhammapade appamāda vaggaṃ anumodanatthāya abhāsi.

Rājā pana “Appamādo amatapadaṃ, pamādo maccuno padan”ti sutvāva, “aññātaṃ tāta pariyosāpehī”ti āha. Anumodanāvasāne dvattiṃsa dhura-bhattāni labhitvā puna divase dvattiṃsa bhikkhū gahetvā rājantepuraṃ pavisitvā bhattakiccamakāsi. Rājā “aññepi dvattiṃsa bhikkhū tumhehi saddhiṃyeva bhikkhaṃ gaṇhantū”ti eteneva upāyena divase divase vaḍḍhāpente saṭṭhisahassānaṃ brāhmaṇa- paribbājakānaṃ bhattaṃ upacchinditvā antonivesane saṭṭhisahassānaṃ bhikkhūnaṃ niccabhattaṃ paṭṭhapesi, nigrodhatthera-gateneva pasādena. Nigrodhattheropi rājānaṃ saparisaṃ tīsu saraṇesu pañcasu ca sīlesu patiṭṭhāpetvā buddhasāsane pothujjatikena pasādena acalappasādaṃ katvā patiṭṭhāpesi.

Đức vua đã cho đem lại tất cả các loại cháo, vật thực cứng, vật thực mềm đã được chuẩn bị để phục vụ cho bản thân. Vị sa di đã thọ nhận số lượng chỉ vừa đủ cho mình. Đến khi chấm dứt bữa thọ thực, đức vua đã nói rằng: “Ngài có biết lời giáo huấn đã được ban bố bởi bậc Đạo Sư của ngài không?” “Tâu đại vương, tôi biết được một phần.” “Ngài yêu quý, hãy thuyết giảng phần ấy đến trẫm đi.” “Tâu bệ hạ, lành thay!” rồi đã nói lên chương “Không Dễ Duôi” ở trong Kinh Pháp Cú phù hợp với đức vua nhằm mục đích tùy hỷ phước báu.

Hơn nữa, sau khi nghe được rằng: “Không dễ duôi là con đường bất tử, dễ duôi là con đường của diệt vong,” 1 đức vua đã nói rằng: “Ngài yêu quý, vấn đề đã được hiểu rõ. Xin ngài hãy kết thúc.” Sau khi hoàn tất việc tùy hỷ phước báu, vị ấy đã nhận lời về bữa ăn của ba mươi hai vị. Vào ngày hôm sau, vị sa di đã đưa ba mươi hai vị tỳ khưu đi vào hoàng cung và đã thực hiện phận sự của việc thọ thực. Đức vua đã thỉnh mời rằng: “Chính các ngài đây cùng với ba mươi hai vị tỳ khưu khác nữa hãy nhận lãnh vật thực.” Trong lúc làm cho gia tăng từng ngày một theo đúng phương thức như thế, đức vua đã chấm dứt bữa ăn của sáu mươi ngàn Bà-la-môn và du sĩ ngoại đạo, đồng thời đã thiết lập bữa ăn thường kỳ cho sáu mươi ngàn vị tỳ khưu ở nội cung chỉ nhờ vào niềm tin đã hướng đến trưởng lão Nigrodha. Trưởng lão Nigrodha cũng đã an trú đức vua

cùng với tùy tùng vào Tam Quy và Ngũ Giới, rồi đã tạo ra và thiết lập niềm tin bất động ở Giáo Pháp của đức Phật nhờ vào đức tin thuộc về phàm nhân.

1 Dhammapadapāḷi - Pháp Cú, Phẩm 2: Không Phóng Dật, câu 21.

Puna rājā Asokārāmaṃ nāma mahāvihāraṃ kārāpetvā saṭṭhisahassānaṃ bhikkhūnaṃ bhattaṃ paṭṭhapesi. Sakalajambudīpe caturāsītiyā nagara-sahassesu caturāsīti vihārasahassāni kārāpesi caturāsīti cetiyasahassa- patimaṇḍitāni dhammeneva no adhammena. Ekadivasaṃ kira rājā asokārāme mahādānaṃ datvā saṭṭhisahassa- saṅkhassa bhikkhusaṅghassa majjhe nisajja saṅghaṃ catūhi paccayehi pavāretvā imaṃ pañhaṃ pucchi: “Bhante bhagavatā desitadhammā nāma kittako hotī”ti. “Mahārāja nava aṅgāni, khandhato caturāsīti dhammakkhandha- sahassānī”ti.

Rājā dhamme pasīditvā “ekekaṃ dhammakkhandhaṃ ekekena vihārena pūjessāmī”ti ekadivasameva channavuti koṭidhanaṃ vissajjetvā amacce āṇāpesi, “Etha bhaṇe ekekasmiṃ nagare ekamekaṃ vihāraṃ kārentā caturāsītiyā nagarasahassesu caturāsīti vihārasahassāni kārāpethā”ti sayañca asokārāme asoka-mahāvihāratthāya kammaṃ paṭṭhapesi.

Saṅgho indaguttattheraṃ nāma mahiddhiyaṃ mahānubhāvaṃ khīṇāsavaṃ navakammādhiṭṭhāyakaṃ adāsi. Thero yaṃ yaṃ na niṭṭhāti taṃ taṃ attano ānubhāvena niṭṭhāpesi. Evaṃ tīhi saṃvaccharehi vihārakammaṃ niṭṭhāpesi. Ekadivasameva sabbanagarehi paṇṇāni āgamiṃsu. Amaccā rañño ārocesuṃ: “Niṭṭhitāni deva caturāsīti vihārasahassānī”ti. Atha rājā bhikkhusaṅghaṃ upasaṅkamitvā “bhante mayā caturāsīti vihārasahassāni kāritāni dhātuyo kuto labhissāmī”ti pucchi.

Sau khi cho xây dựng ngôi đại tự tên là Tu Viện Asoka, đức vua tiếp tục cung cấp bữa ăn đến sáu mươi ngàn vị tỳ khưu. Ở khắp xứ Jambudīpa, đức vua đã cho xây dựng tám mươi bốn ngàn tu viện được tô điểm bởi tám mươi bốn ngàn ngôi bảo tháp đúng thể thức và không sái quy cách ở tám mươi bốn ngàn thành phố. Nghe rằng một ngày nọ, đức vua sau khi cúng dường lễ đại thí ở tu viện Asoka đã ngồi xuống giữa hội chúng tỳ khưu số lượng sáu mươi ngàn vị, rồi đã thỉnh cầu hội chúng về bốn món vật dụng và đã hỏi câu hỏi này: “Bạch các ngài, Pháp đã được thuyết giảng bởi đức Thế Tôn có bao nhiêu?” “Tâu đại vương, có chín thể loại, tính theo uẩn thì có tám mươi bốn ngàn Pháp uẩn.” Đức vua sau khi hâm mộ Giáo Pháp (đã suy nghĩ rằng): “Mỗi một Pháp uẩn ta sẽ cúng dường bằng một tu viện,” rồi chỉ trong một ngày đã xuất ra tài sản chín mươi sáu koṭi và đã ra lệnh cho các quan đại thần rằng: “Này các khanh, trong khi cho xây dựng mỗi một tu viện ở mỗi một thành phố, hãy cho xây dựng tám mươi bốn ngàn tu viện ở tám mươi bốn ngàn thành phố,” còn bản thân thì sắp đặt công việc cho đại tu viện Asoka ở khu vườn Asoka. Hội chúng đã giao phó trách nhiệm về công trình mới cho trưởng lão tên Indagutta có đại thần lực có đại oai lực và đã đoạn tận lậu hoặc. Bất cứ việc nào không được hoàn tất thì vị trưởng lão đã dùng năng lực của mình làm cho hoàn thành việc ấy. Như thế, vị trưởng lão đã hoàn tất việc xây dựng các tu viện trong ba năm. Vào cùng một ngày nọ, các lá thơ từ tất cả các thành phố đã gởi đến. Các quan

đại thần đã trình lên đức vua rằng: “Tâu bệ hạ, tám mươi bốn ngàn tu viện đã được hoàn tất.” Khi ấy, đức vua đã đi đến gặp hội chúng tỳ khưu và hỏi rằng: “Bạch các ngài, tám mươi bốn ngàn tu viện đã được trẫm cho xây dựng, trẫm sẽ nhận các xá-lợi ở đâu?”

“Mahārāja ‘dhātunidhānaṃ nāma atthī’ti suṇoma. Na pana paññāyati asukāṭṭhāne”ti. Rājā rājagahe cetiyaṃ bhindāpetvā dhātuṃ apassanto paṭipākatikaṃ kāretvā bhikkhu-bhikkhuniyo-upāsaka-upāsikāyoti catasso parisā gahetvā vesāliṃ gato. Tatrāpi alabhitvā kapilavatthuṃ, tatrāpi alabhitvā rāmagāmaṃ gato, rāmagāme nāgā cetiyaṃ bhindituṃ na adaṃsu. Cetiye nipatita-kuddālo khaṇḍākhaṇḍaṃ hoti. Evaṃ tatrāpi alabhitvā allakappaṃ- pāvaṃ-kusināranti sabbattha cetiyāni bhinditvā dhātuṃ alabhitvā paṭipākatikāni katvā rājagahaṃ gantvā catasso parisā sannipātetvā “atthi kenaci sutapubbaṃ asukaṭṭhāne nāma dhātu-nidhānan”ti pucchi.

Tattheko vīsaṃvassasatiko thero “‘asukaṭṭhāne dhātunidhānan’ti na jānāmi. Mayhaṃ pana pitāmahatthero mayi satta-vassika-kāle mālācaṅgoṭakaṃ gāhāpetvā ehi sāmaṇera, asuka-gacchantare pāsāṇathūpo atthi, tattha gacchāmā”ti gantvā pūjetvā ‘imaṃ ṭhānaṃ upadhāretuṃ vaṭṭati sāmaṇerā’ti āha. Ahaṃ ettakameva jānāmi mahārājā”ti āha.

“Tâu đại vương, chúng tôi được nghe rằng: ‘Có việc gọi là sự lưu trữ các xá-lợi,’ nhưng ở chỗ nào thì không được biết đến.” Đức vua sau khi cho phá vỡ ngôi bảo điện ở thành Rājagaha nhưng không tìm thấy xá-lợi nên đã cho xây dựng lại như trước đây, rồi đã hướng dẫn tứ chúng gồm có tỳ khưu, tỳ khưu ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ đi đến thành Vesālī. Ngay cả ở tại nơi ấy cũng không nhận được, nên đã đi đến Kapilavatthu. Thậm chí ở tại nơi này cũng không nhận được, nên đã đi đến Rāmagāma. Các loài rồng ở Rāmagāma đã không cho phép phá vỡ ngôi bảo điện; cuốc xẻng bổ xuống ngôi bảo điện đều trở thành mảnh vụn. Như thế, sau khi không nhận được ở tại nơi ấy và sau khi đã đập vỡ các ngôi bảo điện ở tất cả các nơi như Allakappa, Pāva, Kusinārā mà không nhận được xá-lợi, nên đức vua đã cho xây dựng lại như trước đây rồi đã đi đến thành Rājagaha cho triệu tập tứ chúng lại hỏi rằng: “Có người nào trước đây đã được nghe về việc gọi là sự lưu trữ các xá-lợi ở tại nơi nào hay không?”

Tại nơi ấy, có vị trưởng lão một trăm hai mươi tuổi đã nói rằng: “Tôi không biết sự lưu trữ các xá-lợi là ở tại nơi nào. Tuy nhiên, vào lúc tôi được bảy tuổi, vị trưởng lão là ông nội của tôi đã bảo mang theo tràng hoa và cái rương nói rằng: ‘Này sa di, hãy đi. Có ngôi bảo tháp bằng đá ở giữa chòm cây như thế, chúng ta hãy đi đến nơi ấy.’ Sau khi đi đến và cúng dường rồi đã nói rằng: ‘Này sa di, phải ghi nhớ địa điểm này.’ Tâu đại vương, tôi biết chỉ có chừng ấy.”

Rājā “etadeva ṭhānan”ti vatvā gacche harāpetvā pāsāṇa- thūpaṃ paṃsuñca apanetvā heṭṭhā sudhābhūmiṃ addasa. Tato sudhañca iṭṭhakāyo ca harāpetvā anupubbena pariveṇaṃ oruyha satta-ratanavālikaṃ asīti hatthāni ca kaṭṭharūpāni samparivattantāni addasa. So yakkha-dāsake pakkosāpetvā balikammaṃ kāretvāpi neva antaṃ na koṭiṃ passanto devatā namassamāno “Ahaṃ imā dhātuyo gahetvā

caturāsītiyā vihārasahassesu nidahitvā sakkāraṃ karomi mā devatā antarāyaṃ karontū”ti āha.

Sakko devarājā cārikaṃ caranto taṃ disvā vissakammaṃ āmantetvā āha: “tāta, asoko dhammarājā ‘dhātuyo nīharissāmī’ti pariveṇaṃ otiṇṇā, gantvā kaṭṭharūpāni hārehī”ti. So pañcacūḷa-gāmadāraka-vesena āgantvā rañño purato dhanukahattho ṭhatvā “hāremi mahārājā”ti āha. “Hara tātā”ti, saraṃ gahetvā sandhimhiyeva vijjhi, sabbaṃ vippakirīyittha.

Atha rājā āviñjane baddha-kuñcika-muddikaṃ gaṇhi, maṇikkhandhaṃ passi, “anāgate daḷiddarājāno imaṃ maṇiṃ gahetvā dhātūnaṃ sakkāraṃ karontū”ti pana akkharāni disvā kujjhitvā “mādisaṃ nāma rājānaṃ ‘daḷiddarājā’ti vattuṃ yuttan”ti punappuna ghaṭetvā dvāraṃ vicaritvā antogehaṃ paviṭṭho.

Đức vua đã nói rằng: “Đúng là chỗ ấy rồi!” sau đó đã cho dời đi chòm cây và đã cho di chuyển ngôi bảo tháp bằng đá cùng với đất cát thì đã nhìn thấy mặt nền bằng vữa hồ ở bên dưới. Sau khi đã cho dời đi vữa hồ và các viên gạch khỏi nơi ấy, theo tuần tự đức vua đã đi xuống căn phòng và đã nhìn thấy bãi cát gồm bảy loại ngọc quý và các tranh gỗ dài tám mươi cánh tay quây tròn. Sau khi cho mời các Dạ-xoa phục vụ đến, và ngay cả sau khi đã thực hiện nghi thức cúng tế mà vẫn không nhìn thấy ở bên trong và phía bên trên, nên đã bày tỏ sự cung kính đến các Thiên nhân nói rằng: “Trẫm lấy đi các xá-lợi này rồi sẽ tôn trí trong tám mươi ngàn tu viện và sẽ thực hiện sự tôn kính. Xin các Thiên nhân chớ có gây ra điều chướng ngại.” Chúa Trời Sakka trong lúc đi du hành đã nhìn thấy việc ấy nên đã gọi Vissakamma nói rằng: “Này khanh yêu quý, vị vua công chính Asoka đã xuống đến căn phòng (nghĩ rằng): ‘Trẫm sẽ mang đi các xá-lợi.’ Ngươi hãy đi đến và dời đi các bức tranh gỗ.” Vị ấy đã hóa thân thành đứa bé trai ở thôn quê có năm bím tóc tay cầm cung đi đến đứng phía trước của đức vua nói rằng: “Tâu đại vương, tôi sẽ làm cho dời đi.” “Này khanh yêu quý, hãy mang đi.” Vị ấy đã cầm lấy mũi tên ghim vào ngay tại chỗ nối và tất cả đã bị rã tan. Sau đó, đức vua đã cầm lấy chìa khoá và dấu niêm được buộc ở sợi dây thừng và đã nhìn thấy khối ngọc ma-ni, hơn nữa còn nhìn thấy dòng chữ “Trong ngày vị lai, các vị vua gặp khó khăn hãy lấy ngọc ma-ni này rồi tiến hành việc tôn vinh các xá-lợi” nên đã bực bội (nghĩ rằng): “Có thích đáng để gọi vị vua như ta là ‘vị vua gặp khó khăn’ hay không?” rồi đã loay hoay ra sức mở ra cánh cửa và đã đi vào bên trong gian nhà.

Aṭṭhārasa-vassādhikānaṃ dvinnaṃ vassasatānaṃ upari āropitadīpā tatheva pajjalanti. Niluppala-pupphāni taṃ khaṇaṃ āharitvā āropitāni viya, pupphasantharo taṃ khaṇaṃ santhato viya, gandhā taṃ muhuttaṃ piṃsitvā ṭhapitā viya.

Rājā suvaṇṇapaṭṭaṃ gahetvā “Anāgate piyadāso nāma kumāro chattaṃ ussāpetvā asoko nāma dhammarājā bhavissati so imā dhātuyo gahetvā vitthārikā karissatī”ti vācetvā “Diṭṭho’haṃ ayyena mahākassapattherenā”ti vatvā vāmahatthaṃ ābhujitvā dakkhiṇahatthena appoṭhesi.

So tasmiṃ ṭhāne paricaraṇaka-dhātumattakameva ṭhapetvā sesadhātuyo sabbā gahetvā dhātugharaṃ pubbe pihitanayeneva pidahitvā sabbaṃ yathā pakatiyāva

kāretvā upari pāsāṇacetiyaṃ patiṭṭhāpetvā caturāsītiyā vihāra- sahassesu dhātuyo patiṭṭhāpesi. Evaṃ jambudīpatale asoko dhammarājā caturāsīti cetiyasahassāni kārāpesi.

Sabbe thūpā sabbalokekadīpā sabbesaṃ ye saggamokkhāvahā ca, hitvā sabbaṃ kiccamaññaṃ janena vandeyyā te sabbathā sabbakālanti.

Caturāsītisahassathūpakathā.

--ooOoo--

Các cây đèn đã được thiết lập trải qua hơn hai trăm mười tám năm vẫn tỏa sáng như thế ấy. Những đóa hoa sen xanh trông như là đã được mang lại và trang hoàng vào thời khắc ấy, thảm trải bằng bông hoa trông như là đã được trải ra vào thời điểm ấy, và các hương thơm dường như đã được nghiền giã và phô bày ra vào giây phút ấy. Đức vua đã cầm lấy cái mâm vàng và đọc lên rằng: "Trong ngày vị lai, vị hoàng tử tên Piyadāsa sẽ xứng đáng quyền cai trị và sẽ trở thành vị vua công chính tên là Asoka. Vị ấy sẽ làm cho các xá-lợi này được phổ biến lan rộng" rồi đã nói rằng: "Ta đã được ngài đại đức trưởng lão Mahākassapa nhìn thấy" sau đó đã lật ngửa bàn tay trái ra và vỗ vào bằng bàn tay phải. Sau khi để lại chỉ một phần xá-lợi cho việc phụng thờ ở tại nơi ấy, đức vua đã lấy đi tất cả các xá-lợi còn lại, sau đó đã đóng lại gian nhà xá-lợi theo cách thức đã được đóng lại trước đây, rồi đã cho xây dựng lại tất cả theo như tình trạng nguyên thủy. Sau khi cho thiết lập ngôi bảo điện bằng đá ở bên trên, đức vua đã an vị các xá-lợi trong tám mươi bốn ngàn tu viện. Như thế, ở xứ Jambudīpa vị vua công chính Asoka đã cho kiến tạo tám mươi bốn ngàn ngôi bảo điện. "Tất cả các ngôi bảo tháp là ngọn đèn chung cho tất cả thế gian và là phương tiện đưa đến cõi trời và sự giải thoát cho tất cả. Sau khi đã dứt bỏ tất cả các phận sự khác, chúng sanh nên đảnh lễ các ngôi bảo tháp ấy, bằng mọi cách, vào mọi thời điểm."

Phần Giảng Giải về Tám Mươi Bốn Ngàn Ngôi Bảo Tháp.

--ooOoo--

THŪPĀRĀMA-KATHĀ

Evaṃ asoko dhammarājā caturāsīti vihārasahassamahaṃ katvā mahāthere vanditvā pucchi: "Dāyādomhi bhante buddhasāsane"ti. "Kissa dāyādo tvaṃ mahārāja? Bāhirako tvaṃ sāsanassā"ti. "Bhante channavutikoṭidhanaṃ vissajjetvā caturāsīti vihārasahassāni sacetiyāni kārāpetvā ahaṃ na dāyādo; aññe ko dāyādo"ti, "Paccaya-dāyako nāma tvaṃ mahārāja, yo pana attano puttañca dhītarañca pabbājeti, ayaṃ sāsane dāyādo nāmā"ti.

Evaṃ vutte asoko rājā sāsane dāyādabhāvaṃ patthayamāno avidūre ṭhitaṃ mahindakumāraṃ disvā "sakkhissasi tvaṃ tāta pabbajitun"ti āha. Kumāro pakatiyā pabbajitukāmo rañño vacanaṃ sutvā ativiya pāmojjajāto "pabbajāmi deva, maṃ pabbājetvā sāsane dāyādo hothā"ti āha. Tena ca samayena rājadhītā saṅghamittāpi tasmiṃ ṭhāne ṭhitā hoti, taṃ disvā āha: "Tvampi amma pabbajituṃ sakkhissasī"ti, "Sādhu tātā"ti sampaṭicchi.

Chương 7: GIẢNG GIẢI VỀ TU VIỆN BẢO THÁP

Đức vua công chính Asoka, sau khi đã thực hiện lễ hội của tám mươi bốn ngàn tu viện như thế, rồi đã đảnh lễ các vị đại trưởng lão, và hỏi rằng: "Bạch các ngài, trẫm có phải là thân quyến của Phật Giáo không?" "Tâu đại vương, ngài là thân quyến của cái gì? Ngài là người dưng đối với Giáo Pháp." "Bạch các ngài, trẫm đã xuất ra của cải chín mươi sáu ngàn koṭi và đã cho xây dựng tám mươi bốn ngàn tu viện có cả ngôi bảo tháp mà không phải là thân quyến, vậy những người khác ai là thân quyến?" "Tâu đại vương, ngài được gọi là người thí chủ về vật dụng, còn người nào cho con trai và con gái xuất gia, người ấy được gọi là thân quyến của Giáo Pháp."

Được nói như vậy, đức vua Asoka, trong lúc đang mong mỏi việc trở thành thân quyến của Giáo Pháp, đã nhìn thấy hoàng tử Mahinda đang đứng gần đó nên đã nói rằng: "Này con, con có thể xuất gia không?" Hoàng tử Mahinda có ước muốn xuất gia từ trong bản chất nên khi nghe được lời nói của đức vua đã phát sanh niềm vui sướng vô tận và đã thưa rằng: "Tâu bệ hạ, con sẽ xuất gia. Cha hãy cho con xuất gia và trở thành thân quyến của Giáo Pháp." Và vào lúc bấy giờ, công chúa Saṅghamittā cũng đang đứng tại nơi ấy. Đức vua đã nhìn thấy nàng nên đã nói rằng: "Này con, con cũng có thể xuất gia không?" Nàng đã đồng ý (đáp rằng): "Thưa cha, thật tốt đẹp thay!"

Rājā puttānaṃ manaṃ labhitvā pahaṭṭhacitto bhikkhusaṅghaṃ upasaṅkamitvā "bhante ime dārake pabbājetvā maṃ sāsane dāyādaṃ karothā"ti. Saṅgho rañño vacanaṃ sampaṭicchitvā kumāraṃ moggaliputtatissattherena upajjhāyena mahādevattherena ca ācariyena pabbajjāpesi. Majjhantikattherena ācariyena upasampādesi. Upasampadāmālakeyeva sahapaṭisambhidāhi arahattaṃ pāpuṇi.

Saṅghamittāyapi rājadhītāya ācariyā āyupālattheri nāma upajjhāyā pana dhammapālattherī nāma ahosi. Atha mahindatthero upasampanna-kālatoppabhūti attano upajjhāyasseva santike dhammañca vinayañca pariyāpuṇanto dvepi saṅgītiyo ārūḷhaṃ tipiṭaka-saṅgahitaṃ sāṭṭhakathaṃ theravādaṃ tiṇṇaṃ vassānaṃ abbhantare uggahetvā attano upajjhāyassa antevāsikānaṃ sahassamattānaṃ bhikkhūnaṃ pāmokkho ahosi.

Tena kho pana samayena moggaliputtatissatthero "kattha nu kho anāgate sāsanaṃ suppatiṭṭhitaṃ bhaveyyā"ti upaparikkhanto "paccantimesu janapadesu suppatiṭṭhitaṃ bhavissatī"ti ñatvā tesaṃ tesaṃ bhikkhūnaṃ bhāraṃ katvā te te bhikkhū tattha tattha pesesi.

Sau khi tiếp nhận ý định của hai con, đức vua với tâm tư phấn khởi đã đi đến gặp hội chúng tỳ khưu (nói rằng): "Bạch các ngài, xin hãy cho hai trẻ xuất gia và hãy làm cho trẫm trở thành thân quyến của Giáo Pháp." Hội chúng đã chấp nhận lời thỉnh cầu của đức vua, sau đó đã cho người con trai xuất gia với thầy tế độ là trưởng lão Moggalliputtatissa và thầy giáo thọ là trưởng lão Mahādeva, rồi đã cho tu lên bậc trên với thầy giáo thọ là trưởng lão Majjhantika. Mahinda đã thành tựu phẩm vị A-la-hán với các Tuệ Phân Tích ngay trong lúc còn đang tiến hành nghi thức tu lên bậc trên.

Về phần công chúa Saṅghamittā thì trưởng lão ni tên Āyupālā là thầy giáo thọ ni và trưởng lão ni tên Dhammapālā là thầy tế độ ni. Sau đó, tính từ thời điểm đã được tu lên bậc trên, trưởng lão Mahinda, trong lúc rèn luyện về Pháp và Luật với chính thầy tế độ của mình, đã học tập trong ba năm về truyền thống Theravāda gồm có Tam Tạng và Chú Giải đã được tổng hợp và truyền lại qua hai kỳ kết tập, và đã là vị đứng đầu trong số một ngàn tỳ khưu học trò của thầy tế độ của mình.

Vào lúc bấy giờ, trưởng lão Moggalliputtatissa trong lúc suy xét rằng: "Trong tương lai, Giáo Pháp có thể phát triển bền vững ở nơi đâu?" và biết được rằng: "Sẽ được phát triển bền vững ở các quốc độ lân bang" nên đã giao trách nhiệm cho từng nhóm các vị tỳ khưu rồi đã phái các vị tỳ khưu ấy một số đi chỗ này, một số đi chỗ nọ.

Majjhantikattheraṃ kasmīra-gandhāra-raṭṭhaṃ pesesi: "Tvaṃ etaṃ raṭṭhaṃ gantvā tattha sāsanaṃ patiṭṭhāpehī"ti, mahādevattheraṃ tatheva vatvā mahiṃsakamaṇḍalaṃ pesesi. Rakkhitattheraṃ vanavāsiṃ, yonakadhamma-rakkhitattheraṃ aparantakaṃ, mahādhammarakkhitattheraṃ mahāraṭṭhaṃ, mahārakkhitattheraṃ yonakalokaṃ, majjhimattheraṃ himavantadesa-bhāgaṃ, soṇattheraṃ uttarattherañca suvaṇṇabhūmiṃ.

Attano saddhivihārikaṃ mahindattheraṃ, iṭṭiyattherena uttiyattherena bhaddasālattherena sambalattherena ca saddhiṃ "Tambapaṇṇidīpaṃ gantvā ettha sāsanaṃ patiṭṭhāpethā"ti. Sabbepi taṃ taṃ disābhāgaṃ gacchantā attapañcamā agamiṃsu sabbepi therā gatagataṭṭhāne manusse pasādetvā sāsanaṃ patiṭṭhāpesuṃ.

Mahindatthero pana "tambapaṇṇidīpaṃ gantvā sāsanaṃ patiṭṭhāpehī"ti upajjhāyena bhikkhusaṅghena ca ajjhiṭṭho "kālo nu kho me tambapaṇṇi-dīpaṃ gantuṃ no"ti upadhārento; muṭasīvarañño mahallakabhāvaṃ cintesi: "Ayaṃ mahārājā mahallako, na sakkā imaṃ gaṇhitvā sāsanaṃ paggahetuṃ, idāni panassa putto devānampiyatisso rajjaṃ kāressatī"ti. Taṃ gaṇhitvā "sakkā bhavissati sāsanaṃ paggahetuṃ, handa yāva so samayo āgacchati tāva ñātake olokema, puna'dāni imaṃ janapadaṃ āgaccheyyāma vā na vā"ti.

Ngài đã phái trưởng lão Majjhantika đến xứ Kasmīra và Gandhāra (nói rằng): "Ngươi hãy đi đến xứ sở ấy và phát triển Giáo Pháp ở đó." Sau khi đã nói y như thế với trưởng lão Mahādeva rồi đã phái đến xứ Mahiṃsaka-maṇḍala, trưởng lão Rakkhita đến xứ Vanavāsi, trưởng lão Dhamma- rakkhita người xứ Yona đến Aparantaka, trưởng lão Mahādhammarakkhita đến Mahāraṭṭha, trưởng lão Mahārakkhita đến lãnh thổ Yonaka, trưởng lão Majjhima đến khu vực Hi Mã Lạp Sơn, trưởng lão Soṇa và trưởng lão Uttara đến Suvaṇṇabhūmi. Còn đệ tử của mình là trưởng lão Mahinda cùng với trưởng lão Iṭṭiya, trưởng lão Uttiya, trưởng lão Bhaddasāla, và trưởng lão Sambala (nói rằng): "Các ngươi hãy đi đến hòn đảo Tambapaṇṇi và phát triển Giáo Pháp ở nơi ấy." Tất cả các vị ấy trong khi đi đến xứ này xứ nọ ở các phương đã đi thành nhóm năm người. Tất cả các vị trưởng lão ấy đều tạo được niềm tin cho dân chúng và đã thiết lập Giáo Pháp ở tại địa điểm đã đi đến. Phần trưởng lão Mahinda, khi được thầy tế độ và hội chúng tỳ khưu yêu cầu: "Ngươi hãy đi đến và thiết lập Giáo Pháp ở hòn đảo

Tambapaṇṇi," trong lúc quán xét rằng: "Có phải bây giờ là lúc để ta đi đến hòn đảo Tambapaṇṇi hay không?" đã nghĩ đến tình trạng già nua của đức vua Muṭasīva: "Vị đại vương này thì già cả, không thể thuyết phục vị này để hoằng khai Giáo Pháp được. Vả lại, con trai của vị ấy là Devānampiyatissa sẽ trị vì xứ sở trong đời hiện tại." Sau khi nắm được điều ấy (đã suy nghĩ rằng): "Phải chăng vị ấy sẽ có khả năng hoằng khai Giáo Pháp? Vậy chúng ta hãy đi thăm các thân quyến cho đến khi nào thời điểm ấy đến. Khi ấy, biết chúng ta có thể trở lại xứ sở này lần nữa hay không đây?"

So evaṃ cintetvā upajjhāyañca bhikkhusaṅghañca vanditvā asokārāmato nikkhamma tehi iṭṭiyādīhi catūhi therehi saṅghamittāya puttena sumana-sāmaṇerena bhaṇḍukena ca upāsakena saddhiṃ rājagahanagara- upavattake dakkhiṇagiri-janapade cārikaṃ caramāno ñātake olokento cha māse atikkāmesi. Athānupubbena mātunivesanaṭṭhānaṃ veṭisa-nagaraṃ nāma sampatto. Sampattañca pana theraṃ disvā theramātā devī pāde sirasā vanditvā bhikkhaṃ datvā theraṃ attanā kataṃ veṭisagiri- vihāraṃ nāma āropesi.

Thero tasmiṃ vihāre nisinno cintesi: "Amhākaṃ idha kattabba-kiccaṃ niṭṭhitaṃ. Samayo nu kho idāni laṅkādīpaṃ gantun"ti. Tato cintesi: "Anubhavatu tāva me pitarā pesitaṃ abhisekaṃ devānampiyatisso ratanattayaguṇañca suṇātu, chaṇatthañca nagarato nikkhamitvā missaka-pabbataṃ abhirūhatu, tadā taṃ tattha dakkhissāmā"ti. Athāparaṃ ekamāsaṃ tattheva vāsaṃ kappesi.

Māsātikkame sakko devānamindo mahindattheraṃ upasaṅkamitvā etadavoca: "Kālakato bhante muṭasīvarājā, idāni devānampiyatissarājā rajjaṃ kāreti. Sammāsambuddhena ca tumhe vyākatā 'anāgate mahindo nāma bhikkhu tambapaṇṇidīpaṃ pasādessatī'ti. Tasmā tiha vo bhante kālo dīpavaraṃ gamanāya, ahampi vo sahāyo bhavissāmī"ti

Sau khi suy nghĩ như thế, vị ấy đã đảnh lễ thầy tế độ và hội chúng tỳ khưu rồi đã cùng với bốn vị trưởng lão ấy là Iṭṭiya, v.v..., người con trai của Saṅghamittā là sa di Sumana, và nam cư sĩ Bhaṇḍuka rời khỏi tu viện Asoka. Trong khi du hành ở xứ sở Dakkhiṇāgiri ở gần thành Rājagaha và thăm viếng các thân quyến, sáu tháng đã trôi qua. Sau đó, theo tuần tự vị ấy đã đến được nơi trú ngụ của người mẹ là thành phố tên Veṭisa. Hơn nữa, vị hoàng hậu mẹ của trưởng lão, khi nhìn thấy vị trưởng lão vừa đi đến, đã đê đầu đảnh lễ ở chân, đã dâng vật thực, rồi đã bàn giao tu viện tên Veṭisagiri do bà kiến tạo đến vị trưởng lão.

Khi đang ngồi ở tu viện ấy, vị trưởng lão đã suy nghĩ rằng: "Công việc chúng ta cần phải làm ở đây đã được hoàn tất. Có phải bây giờ là lúc để đi đến đảo Laṅkā không?" Sau đó, lại suy nghĩ rằng: "Hãy để cho Devānampiyatissa trải qua lễ phong vương do cha ta phái đến và được nghe về ân đức của Tam Bảo, sau đó rời khỏi thành phố vì mục đích săn bắn và leo lên ngọn núi Missaka, khi ấy chúng ta sẽ gặp vị ấy tại chỗ ấy;" và vị trưởng lão đã trú ngụ ở tại nơi ấy thêm một tháng nữa.

Khi một tháng đã trôi qua, Chúa Trời Sakka đã đi đến gặp trưởng lão Mahinda và đã nói điều này: "Thưa ngài, đức vua Muṭasīva đã băng hà, giờ đây vị đại vương

Devānampiyatissa trị vì vương quốc. Và ngài đã được bậc Chánh Đẳng Giác chú nguyện rằng: 'Trong ngày vị lai, vị tỳ khưu tên Mahinda sẽ gieo niềm tin ở hòn đảo Tambapaṇṇi này.' Thưa ngài, vì thế đối với ngài bây giờ là thời điểm của việc đi đến hòn đảo cao quý ấy, và ta sẽ là bạn đồng hành với ngài."

Thero tassa vacanaṃ sampaṭicchitvā atta-sattamo veṭisapabbatavihārā vehāsaṃ uppatitvā anurādhapurassa puratthimāya disāya missakapabbate patiṭṭhahi. Yaṃ etarahi "cetiyapabbato"tipi sañjānanti. Tasmiṃ divase tambapaṇṇidīpe jeṭṭhamūla-nakkhattaṃ nāma hoti. Rājā nakkhattaṃ ghosāpetvā "chaṇaṃ karothā"ti amacce āṇāpetvā cattālīsa purisa-sahassa-parivāro nagaramhā nikkhamitvā yena missakapabbato tena pāyāsi migavaṃ kīḷitukāmo. Atha tasmiṃ pabbate adhivatthā devatā "rañño there dassessāmī"ti rohita-migarūpaṃ gahetvā avidūre tiṇapaṇṇāni khādamānā viya carati.

Rājā disvā "ayuttaṃ dāni pamattaṃ vijjhitun"ti jiyaṃ poṭhesi. Migo ambatthalamaggaṃ gahetvā palāyituṃ ārabhi. Rājāpi piṭṭhito piṭṭhito anubandhanto ambatthalameva āruhi. Migo therānaṃ avidūre antaradhāyi.

Mahindatthero rājānaṃ avidūre āgacchantaṃ "Mama yeva rājā passatu, mā itare"ti adhiṭṭhahitvā "Tissa! Tissa! Ito ehī'ti āha. Rājā sutvā cintesi: "Imasmiṃ tambapaṇṇidīpe jāto maṃ 'tisso'ti nāmaṃ gahetvā ālapituṃ samattho nāma natthi. Ayampana chinnabhinnapaṭadharo bhaṇḍukāsāva- vasano maṃ nāmena ālapati, ko nu kho ayaṃ bhavissati manusso vā amanusso vā"ti. Thero āha:

Đồng ý với lời nói của vị ấy, bản thân vị trưởng lão là người thứ bảy đã từ tu viện Veṭisapabbata bay lên không trung rồi đã đáp xuống ngọn núi Missaka ở phía đông thành phố Anurādhapura; bây giờ nơi ấy được biết đến là "Núi Cetiya." Vào ngày hôm ấy, trên hòn đảo Tambapaṇṇi là dịp lễ kỷ niệm tháng Jeṭṭhamūla. Sau khi cho thông báo về lễ kỷ niệm, đức vua đã ra lệnh cho các quan đại thần rằng: "Hãy tổ chức lễ hội" sau đó cùng với đoàn tùy tùng bốn mươi ngàn nam nhân đã rời khỏi thành phố đi về hướng ngọn núi Missaka với ý định tiêu khiển việc săn thú. Khi ấy, vị Thiên thần ngự ở ngọn núi ấy (nghĩ rằng): "Ta sẽ tạo điều kiện cho đức vua gặp các vị trưởng lão" nên đã biến thành con nai màu đỏ bước đi ở gần đó như là đang ăn cỏ và lá cây.

Đức vua sau khi nhìn thấy (nghĩ rằng): "Không đáng để bắn con vật lơ đễnh vào lúc này," nên đã khẽ búng sợi dây cung. Con nai đã ra sức tẩu thoát theo lối đi đến Ambatthala. Đức vua trong lúc đuổi theo sát phía sau cũng đã lên đến Ambatthala. Và con nai đã biến mất ở nơi không xa các vị trưởng lão lắm.

Khi đức vua đang đi đến gần, trưởng lão Mahinda đã chú nguyện rằng: "Hãy để nhà vua chỉ nhìn thấy ta chớ không nhìn thấy các vị khác" rồi đã nói rằng: "Này Tissa! Này Tissa! Hãy đi đến đây." Nghe tiếng, nhà vua đã suy nghĩ rằng: "Không ai sanh ra trên hòn đảo Tambapaṇṇi này có thể biết được và gọi ta bằng tên là 'Tissa,' vậy mà kẻ mặc vải choàng cắt ngang dọc, đầu cạo trọc, khoác y ca-sa lại gọi ta bằng tên. Kẻ này là ai, người hay là phi nhân?" Vị trưởng lão đã nói rằng:

“Samaṇā mayaṃ mahārāja - dhammarājassa sāvakā, tameva anukampāya - jambudīpā idhāgatā”ti.

Tena samayena devānampiyatissarājā ca asokadhammarājā ca adiṭṭha-sahāyakā honti. Devānampiyatissa rañño ca puññānubhāvena chātapabbata- pāde ekasmiṃ veḷugumbe tisso veḷuyaṭṭhiyo nibbattiṃsu; ekā latāyaṭṭhi nāma, ekā pupphayaṭṭhi nāma, ekā sakuṇayaṭṭhi nāma. Tāsu latāyaṭṭhi sayaṃ rajatavaṇṇā hoti. Taṃ alaṅkaritvā uppannalatā kañcanavaṇṇā khāyati. Pupphayaṭṭhiyaṃ pana nīla-pīta-lohita-odāta-kāḷavaṇṇāni pupphāni suvibhatta-vaṇṭa-patta-kiñjakkhā hutvā khāyanti sakuṇayaṭṭhiyaṃ haṃsa-kukkuṭa-jīvaṃjīvakādayo sakuṇā nānappakārāni ca catuppadāni sajīvāni viya khāyanti samuddatopissa muttā-maṇi-veḷuriyādi anekavihitaṃ ratanaṃ uppajji.

- “Tâu Đại Vương, chúng tôi là các Sa-môn đệ tử của đấng Pháp Vương từ Jambudīpa đã đi đến đây vì lòng bi mẫn đến chính bản thân ngài.” 1

Vào lúc bấy giờ, đức vua Devānampiyatissa và vị vua công chính Asoka là bạn bè nhưng chưa hề gặp mặt. Và do năng lực phước báu của đức vua Devānampiyatissa, tại lùm tre ở chân núi Chāta có ba chồi măng tre đã mọc lên: một gọi là chồi măng dây leo, một gọi là chồi măng bông hoa, và một gọi là chồi măng chim chóc. Trong số đó, bản thân chồi măng dây leo có màu bạch kim, nhưng sau khi được tô điểm bởi nó các dây leo mọc lên được nhìn thấy có màu hoàng kim. Hơn nữa, ở chồi măng bông hoa được nhìn thấy những bông hoa mọc lên có màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, và có các cành, lá, và nhụy hoa khéo được phân bố. Ở chồi măng chim chóc, các con chim như là thiên nga, gà trống, chim jīvaṃjīvaka, v.v... và vô số loài thú bốn chân được nhìn thấy như là loài thú đang còn sức sống. Thậm chí vô số loại ngọc quý như là ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc bích, v.v... từ biển cả cũng đã phát sanh lên cho vị ấy.

1 Mahāvaṃsa, chương XIV, câu kệ thứ 8.

Tambapaṇṇiyaṃ pana aṭṭhamuttā uppajjiṃsu: hayamuttā gajamuttā rathamuttā āmalakamuttā valayamuttā aṅgulīveṭhakamuttā kakudhaphala-muttā pākatikamuttāti. So tā ca yaṭṭhiyo tā ca muttāyo aññañca bahuṃ ratanaṃ asokassa dhammarañño paṇṇākāratthāya pesesi. Asokopi pasīditvā pañcarājakakudhabhaṇḍāniceva aññe ca abhisekatthāya bahūpaṇṇākāre pahiṇi. Na kevalañca etaṃ āmisa-paṇṇākāraṃ, imaṃ kira dhamma-paṇṇākārampi pesesi.

“Ahaṃ buddhañca dhammañca saṅghañca saraṇaṃ gato, upāsakattaṃ vedesiṃ sakyaputtassa sāsane.

Imesu tīsu vatthūsu unnamesu naruttama, cittaṃ pasādayitvāna saddhāya saraṇaṃ vajā”ti.

Rājā acirasutaṃ sāsanapavattiṃ anussaramāno therassa taṃ “samaṇā mayaṃ mahārāja dhammarājassa sāvakā“ti vacanaṃ sutvā “ayyā nu kho āgatā”ti tāvadeva āvudhaṃ nikkhipitvā ekamantaṃ nisīdi, sammodanīyaṃ kathaṃ kathayamāno, sammodanīyakathaṃ kurumāneyeva tasmiṃ tānipi cattālīsa purisasahassāni āgantvā

taṃ parivāresuṃ. Tadā thero itarepi jane dassesi.

Hơn nữa, ở Tambapaṇṇi đã phát sanh lên tám loại ngọc trai là: Mã ngọc, tượng ngọc, xa ngọc, ngọc āmalaka, ngọc vòng, ngọc nhẫn, ngọc kakudha, và ngọc thiên nhiên. Chính các chồi măng ấy, các ngọc trai ấy, và nhiều loại ngọc quý khác nữa đã được gởi đến vị vua công chính Asoka để làm quà biếu. Đức vua Asoka được hoan hỷ cũng đã gởi đến năm vật biểu tượng của hoàng gia và nhiều quà biếu khác để dùng cho lễ đăng quang. Và toàn bộ việc ấy không chỉ là quà biếu về vật chất, việc này được nghe nói là đức vua còn gởi đến quà biếu Giáo Pháp nữa:

"Trẫm đã đi đến nương tựa đức Phật, Giáo Pháp, và Hội Chúng. Trẫm đã tuyên bố về tư cách cận sự nam trong Giáo Pháp của người con trai dòng Sakya (Thích Ca).

Hỡi bậc tối thượng nhân, ngài hãy khiến tâm được hoan hỷ, với lòng tín thành, ngài hãy đi đến nương tựa vào ba ngôi cao quý này." 1

Sau khi nghe được lời nói ấy của vị trưởng lão rằng: "Tâu Đại Vương, chúng tôi là các Sa-môn đệ tử của đấng Pháp Vương" và trong khi nhớ lại lời nhắn nhủ về Giáo Pháp đã được nghe trong thời gian gần đây, đức vua (nghĩ rằng): "Quả nhiên các ngài đại đức đã đến!" ngay lập tức đã hạ vũ khí, sau đó đã ngồi xuống ở một bên, và nói lời chào hỏi thân thiện. Ngay trong lúc đức vua đang nói lời chào hỏi thân thiện, bốn mươi ngàn nam nhân ấy đã đi đến và đứng quanh đức vua. Khi ấy, vị trưởng lão cũng đã làm cho nhìn thấy các vị kia.

1 Sđd., chương XI, so sánh với hai câu kệ 34-35.

Rājā disvā "ime kadā āgatāti pucchi mayā saddhiṃyeva mahārājā"ti. "Idāni pana jambudīpe aññopi evarūpā samaṇā santī"ti. "Mahārāja etarahi jambudīpo kāsāvapajjoto isivātaparivāto, tasmiṃ-

Tevijjā iddhipattā ca - cetopariyāya kovidā, khīṇāsavā arahanto - bahū buddhassa sāvakā"ti.

Atha rājā "bhante sve rathaṃ pesessāmi. Taṃ abhirūhitvā āgaccheyyāthā"ti vatvā pakkāmi. Thero acirapakkantassa raññho sumanasāmaṇeraṃ āmantesi. "Ehi tvaṃ sumana dhammasavanakālaṃ ghosehī"ti sāmaṇero abhiññā-pādakaṃ catutthajhānaṃ samāpajjitvā vuṭṭhāya adhiṭṭhahitvā samāhitena cittena sakalatambapaṇṇidīpaṃ sāvento dhammasavanakālaṃ ghosesi.

Sāmaṇerassa saddaṃ sutvā bhummā devatā saddamanussāvesuṃ, etenupāyena yāva brahmalokā saddo abbhuggañchi. Tena saddena mahādevatā sannipāto ahosi. Thero mahantaṃ devatā sannipātaṃ disvā samacittasuttantaṃ kathesi. Kathāpariyosāne asaṅkheyyānaṃ devānaṃ dhammābhisamayo ahosi. Bahū nāga supaṇṇā ca saraṇesu patiṭṭhahiṃsu.

Sau khi nhìn thấy, đức vua đã hỏi rằng: "Những người này đã đến khi nào vậy?" "Tâu Đại Vương, họ đã đến cùng lúc với bần tăng." "Hiện nay ở Jambudīpa cũng có những vị Sa-môn khác như thế này hay sao?" "Tâu Đại Vương, hiện nay Jambudīpa đang rực rỡ

với bóng dáng của y ca-sa và được tràn ngập bởi vô số hiền triết. Ở nơi ấy:

“Nhiều vị đệ tử đức Phật là các bậc A-la-hán, có các lậu hoặc đã cạn kiệt, có ba Minh, đạt được thần thông, biết được tâm người khác.”

Sau đó, đức vua đã nói rằng: “Bạch ngài, ngày mai trẫm sẽ phái xe đến. Xin ngài hãy lên xe ấy và đi đến” rồi đã ra đi. Sau khi đức vua ra đi không bao lâu, vị trưởng lão đã bảo với vị sa di Sumana rằng: “Này Sumana, hãy đi và thông báo giờ giấc nghe Pháp.” Vị sa di đã thể nhập vào tứ thiền có nền tảng là thần thông, sau đó đã xuất thiền rồi chú nguyện bằng tâm định, và đã thông báo về giờ giấc nghe Pháp khiến cho toàn bộ đảo Laṅkā đều nghe được.

Khi nghe được lời thông báo của vị sa di, chư Thiên địa cầu đã lập lại lời ấy. Và bằng phương thức trên, lời thông báo đã đi lên đến tận cõi trời Phạm Thiên. Nhờ lời thông báo ấy, đông đảo chư Thiên đã tụ hội lại. Khi nhìn thấy đông đảo chư Thiên đã tụ hội lại, vị trưởng lão đã thuyết bài kinh Tâm Thăng Bằng (Samacittasuttantaṃ). 1 Đến khi chấm dứt bài thuyết pháp, vô số chư Thiên đã lãnh hội được Giáo Pháp; nhiều loài rồng và kim-sỉ-điểu đã an trú vào sự quy y (Tam Bảo).

1 Tăng Chi Bộ, Chương Hai Pháp, Phẩm 4.

Atha tassā rattiyā accayena rājā therānaṃ rathaṃ pesesi. Therā “na mayaṃ rathaṃ āruhāma. Gaccha tvaṃ, pacchā mayaṃ āgacchissāmā”ti vatvā vehāsaṃ abbhuggantvā anurādhapurassa pacchimadisāya paṭhamaka cetiyaṭṭhāne otariṃsu.

Rājāpi sārathiṃ pesetvā anto nivesane maṇḍapaṃ paṭiyādetvā cintesi: “Nisīdissanti nu kho ayyā āsane na nisīdissantī”ti. Tassevaṃ cintayantasseva sārathi nagaradvāraṃ patvā addasa there paṭhamataraṃ āgantvā kāyabandhanaṃ bandhitvā cīvaraṃ pārupante, disvā ativiya pasannamānaso hutvā āgantvā rañño ārocesi: “āgatā deva therā”ti.

Rājā “rathaṃ āruḷhā”ti pucchi. “Na ārūḷhā deva, api ca pacchato nikkhamitvā paṭhamataraṃ āgantvā pācīnadvāre ṭhitā”ti. Rājā “rathaṃ na āruhiṃsū”ti sutvā “tena hi bhaṇe bhummattharaṇa-saṅkhepena āsanāni paññāpethā”ti vatvā paṭipathaṃ āgamāsi. Amaccā paṭhaviyaṃ taṭṭikaṃ paññāpetvā upari kojavakādīni vicittattharaṇāni paññāpesuṃ. Rājāpi gantvā there vanditvā mahindattherassa hatthato pattaṃ gahetvā mahatiyā pūjāya ca sakkārena ca there nagaraṃ pavesetvā anto nivesanaṃ pavesesi.

Sau đó, khi trải qua đêm ấy nhà vua đã cho xe đến rước các vị trưởng lão. Các vị trưởng lão đã nói rằng: “Chúng tôi không lên xe đâu. Ngươi cứ việc đi, sau đó chúng tôi sẽ đi đến,” rồi đã bay lên không trung, và đã đáp xuống vùng đất của ngôi bảo tháp thứ nhất ở về phía tây 1 của thành phố Anurādhapura.

Phần nhà vua, sau khi đã phái người đánh xe đi và cho chuẩn bị mái che ở nội cung, đã suy nghĩ rằng: “Các ngài đại đức sẽ ngồi hay sẽ không ngồi ở trên ghế?” Ngay lúc đức vua đang suy nghĩ như thế, người đánh xe đã đi đến cổng thành và nhìn thấy các vị trưởng lão đã đến trước đang buộc dây thắt lưng và khoác lại y. Sau khi nhìn thấy,

người đánh xe đã sanh tâm tín thành cao độ rồi đã đi đến trình lên đức vua rằng: “Tâu bệ hạ, các vị trưởng lão đã đến.”

Đức vua đã hỏi rằng: “Các vị có bước lên xe không?” “Tâu bệ hạ, không có bước lên. Hơn nữa, họ khởi hành sau nhưng lại đến trước và đang đứng ở cửa thành phía đông.” Đức vua sau khi nghe rằng: “Các vị đã không lên xe” liền nói: “Này các khanh, như thế thì hãy sắp xếp các chỗ ngồi theo lối đơn giản là tấm trải ở trên mặt nền” rồi đã đi ra đón rước. Các quan đại thần đã cho sắp xếp thảm lông thú ở trên mặt đất và ở bên trên xếp đặt các tấm trải sặc sỡ như là thảm lông cừu, v.v... Đức vua đã đi đến và đảnh lễ các vị trưởng lão, sau đó đã nhận lấy bình bát từ tay của trưởng lão Mahinda, rồi đã đưa các vị trưởng lão đi vào thành phố với sự tôn vinh và cung kính vô cùng trọng thể, sau đó đã đưa vào nội cung.

1 Bản Thūpavaṃsa ghi là “pacchimadisāya” (ở phía tây) là không phù hợp với Mahāvaṃsa.

Rājā there paṇītena khādanīyena bhojanīyena sahatthā santappetvā anulādevī pamukhā pañca-itthisatāni “therānaṃ abhivādanaṃ pūjāsakkārañca karontū”ti pakkosāpetvā ekamantaṃ nisīdi. Thero rañño saparijanassa dhammaratanavassaṃ vassento petavatthuṃ- vimānavatthuṃ-saccasaṃyuttañca kathesi. Taṃ sutvā tānipi pañca itthisatāni sotāpattiphalaṃ sacchikariṃsu.

Tadā nāgarā therānaṃ guṇe sutvā “there daṭṭhuṃ na labhāmā”ti upakkosanti. Atha rājā “idha okāso natthī”ti cintetvā, “Gacchatha bhaṇe hatthisālaṃ paṭijaggitvā vālukaṃ okiritvā pañcavaṇṇāni pupphāni vikiritvā vitānaṃ bandhitvā maṅgala-hatthiṭṭhāne therānaṃ āsanāni paññāpethā”ti āha, amaccā tathā akaṃsu.

Thero tattha gantvā nisīditvā devadūtasuttantaṃ kathesi. Kathāpariyosāne pāṇasahassaṃ sotāpattiphale patiṭṭhahi. Tathā “hatthisālā sambādhā”ti dakkhiṇadvāre nandanuyyāne āsanaṃ paññāpesuṃ. Thero tattha nisīditvā āsivisopama- suttantaṃ kathesi. Tampi sutvā pāṇasahassaṃ sotāpattiphalaṃ paṭilabhi. Evaṃ āgatadivasato dutiyadivase aḍḍhateyyānaṃ pāṇasahassānaṃ dhammābhisamayo ahosi.

Sau khi tự tay làm hài lòng các vị trưởng lão với vật thực thượng hạng loại cứng loại mềm, đức vua đã cho gọi hoàng hậu Anulā dẫn đầu năm trăm nữ nhân (bảo rằng): “Hãy đảnh lễ, cúng dường, và tôn vinh các vị trưởng lão,” rồi đã ngồi xuống ở một bên. Vị trưởng lão, trong lúc ban phát cơn mưa Pháp Bảo cho nhà vua và những người tùy tùng, đã thuyết giảng về Chuyện Ngạ Quỷ, Chuyện Thiên Cung, và Tương Ưng Sự Thật. 1 Sau khi lắng nghe vị trưởng lão, luôn cả năm trăm nữ nhân ấy đã chứng ngộ quả vị Nhập Lưu.

Kế đến, những cư dân trong thành phố sau khi nghe được đức hạnh của các vị trưởng lão đã than vãn rằng: “Chúng tôi không được nhìn thấy các vị trưởng lão.” Khi ấy, đức vua suy nghĩ rằng: “Ở đây, không có khoảng trống!” nên đã nói rằng: “Này các khanh, hãy đi và dọn dẹp khu trại voi, rải đều cát lên, rắc các bông hoa ngũ sắc, cột mái che, rồi xếp đặt chỗ ngồi cho các vị trưởng lão ở vị trí của vương tượng.” Các quan đại thần

đã thực hiện theo như thế. Vị trưởng lão sau khi đi đến nơi ấy đã ngồi xuống và đã thuyết giảng bài kinh Thiên Sứ. 2 Khi chấm dứt bài thuyết giảng, vị ấy đã an trú một ngàn người vào quả vị Nhập Lưu. Tương tợ, họ (nghĩ rằng): “Trại voi bị đông đúc!” nên đã sắp xếp chỗ ngồi nơi vườn hoa Nandana ở cửa thành phía nam. Vị trưởng lão đã ngồi xuống tại chỗ ấy và đã thuyết giảng bài kinh Rắn Độc. 3 Khi chấm dứt bài thuyết giảng, một ngàn người đã chứng đạt quả vị Nhập Lưu. Như thế, vào ngày thứ nhì kể từ ngày đi đến, hai ngàn năm trăm người đã lãnh hội Giáo Pháp.

1
Tương Ưng Bộ, Tập 5, Thiên Đại Phẩm, Chương Mười Hai.
2
Trung Bộ III, bài kinh 130.
3
Tương Ưng Bộ, Tập IV: Thiên Sáu Xứ, Chương 1: Tương Ưng Sáu Xứ, Phẩm 19: Rắn Độc, bài kinh thứ nhất.

Therassa nandanavane āgatāgatāhi kulitthīhi kulasuṇhāhi kulakumārīhi saddhiṃ sammodamānasseva sāyaṇhasamayo jāto. Thero kālaṃ sallakkhetvā “gacchāmi’dāni missaka- pabbatan”ti uṭṭhahi. Amaccā mahāmeghavanuyyāne there vāsesuṃ. Rājāpi kho tassā rattiyā accayena therassa samīpaṃ gantvā sukhasayitabhāvaṃ pucchitvā “Kappati bhante bhikkhusaṅghassa ārāmo”ti pucchi. Thero “kappati mahārājā”ti āha. Rājā tuṭṭho suvaṇṇa-bhiṃkāraṃ gahetvā therassa hatthe udakaṃ pātetvā mahāmeghavanuyyānaṃ adāsi. Thero punadivasepi rājageheyeva bhuñjitvā nandanavane anamataggiyāni kathesi. Puna divase aggikkhandhopama-suttantaṃ kathesi. Eteneva upāyena sattadivasāni kathesi. Aḍḍha navamānaṃ pāṇasahassānaṃ dhammābhisamayo ahosi. Sattame divase pana thero antopure rañño appamāda-suttantaṃ kathayitvā cetiyagirimeva agamāsi.

Ở tại khu vườn Nandana, trong lúc vị trưởng lão còn bận tiếp chuyện với các phụ nữ gia đình danh giá, với các cô dâu gia đình danh giá, với các thiếu nữ gia đình danh giá đang lần lượt đi đến, thì trời sụp tối. Vị trưởng lão nhận biết về thời gian nên đã đứng dậy (nói rằng): “Bây giờ, tôi đi về núi Missaka.” Các quan đại thần đã đưa các vị trưởng lão đến ngụ tại vườn thượng uyển Mahāmegha. Khi trải qua đêm ấy, nhà vua cũng đã đi đến gặp các vị trưởng lão hỏi han về việc nghỉ ngơi có được an lạc không rồi đã hỏi như vầy: “Bạch ngài, tu viện có được phép đối với hội chúng tỳ khưu không?” Vị trưởng lão đã nói rằng: “Tâu Đại Vương, được phép.” Đức vua mừng rỡ đã cầm lấy cái bình bằng vàng chế nước trên tay của vị trưởng lão và đã cúng dường khu vườn thượng uyển Mahāmegha. Vào ngày kế tiếp, vị trưởng lão đã thọ thực ở ngay tại hoàng cung rồi đã thuyết giảng về Luân Hồi Vô Thỉ 1 ở khu vườn Nandana, vào ngày kế đã thuyết giảng bài kinh Ví Dụ về Đám Lửa. 2 Theo phương thức ấy, vị trưởng lão đã thuyết giảng bảy ngày. Tám ngàn năm trăm người đã lãnh hội Giáo Pháp. Tuy nhiên, vào ngày thứ bảy sau khi thuyết giảng đến đức vua bài kinh Không Phóng Dật 3 ở nội cung, vị trưởng lão đã đi thẳng về núi Cetiyagiri.

1

Sđd., Tập II: Thiên Nhân Duyên, Chương 4: Tương Ưng Vô Thỉ, Phẩm Thứ Hai.

2

Tăng Chi Bộ, Chương Bảy Pháp, Phẩm 7, Đoạn viii.

3

Tương Ưng Bộ, Tập I: Thiên Có Kệ, Chương 3: Tương Ưng Kosala, Phẩm Thứ Hai, bài kinh viii: Không Phóng Dật.

Atha kho rājā “therā ayācito sayamevāgato, tasmā anāpucchā gamanampi bhaveyyā”ti cintetvā rathaṃ abhirūhitvā, cetiyagiriṃ agamāsi mahatā rājānubhāvena gantvā therānaṃ santikaṃ upasaṅkamanto ativiya kilantarūpo hutvā upasaṅkami. Tato naṃ thero āha: “Kasmā tvaṃ mahārāja evaṃ kilamamāno āgato”ti. “‘Tumhe mama gāḷhaṃ ovādaṃ datvā idāni gantukāmā nu kho’ti jānanatthaṃ bhante”ti. “Na mayaṃ mahārāja gantukāmā, api ca vassūpanāyika-kālo nāmāyaṃ, samaṇena nāma vassūpanāyikaṃ ṭhānaṃ ñātuṃ vaṭṭatī”ti. Rājāpi kho taṃ khaṇaṃyeva karaṇḍaka-cetiyaṅgaṇaṃ parikkhipitvā aṭṭhasaṭṭhiyā leṇesu kammaṃ paṭṭhapetvā nagarameva agamāsi.

Sau đó, đức vua đã suy nghĩ rằng: “Vị trưởng lão không do thỉnh cầu đã tự mình đi đến; do đó cũng có thể xảy ra việc ra đi mà không từ giã!” nên đã leo lên xe ngựa đi đến núi Cetiya. Trong khi đi đến gặp các vị trưởng lão, đức vua đã ra đi với oai quyền lộng lẫy của hoàng gia nhưng lúc đến gần lại có dáng vẻ vô cùng mệt nhọc. Khi ấy, vị trưởng lão đã nói với đức vua rằng: “Tâu đại vương, vì sao ngài đi đến có vẻ mệt nhọc như thế này?” “Bạch ngài, với mục đích để biết được rằng: ‘Chẳng lẽ sau khi ban lời giáo giới đến trẫm một cách mật thiết rồi bây giờ Ngài lại có ý định ra đi hay sao?’” “Tâu đại vương, chúng tôi không có ý định ra đi, tuy nhiên lúc này gọi là thời điểm vào mùa an cư mưa. Gọi là Sa-môn thì cần phải biết địa điểm vào mùa an cư mưa.” Đúng vào thời điểm ấy, đức vua đã rào quanh lại khuôn viên ngôi bảo điện Karaṇḍaka và đã cho khởi sự công việc xây dựng sáu mươi tám chỗ trú ngụ rồi đã đi về thành phố. Và các vị trưởng lão ấy, trong lúc giáo giới đám đông dân chúng, cũng đã cư trú mùa mưa ở tại núi Cetiya.

Tepi thero mahājanaṃ ovadamānā cetiyagirimhi vassaṃ vasiṃsu. Athāyasmā mahāmahindo vutthavasse pavāretvā kattikapuṇṇamāyaṃ uposathadivase rājānaṃ etadavoca: “Ciraditṭho no mahārāja sammāsam-buddho, abhivādana-paccupaṭṭhāna-añjalikamma-sāmīcikamma-karaṇaṭṭhānaṃ natthi, tenamhā ukkaṇṭhitā”ti. “Nanu bhante tumhe avacuttha parinibbuto sammāsambuddho”ti. Kiñcāpi mahārāja parinibbuto, athassa sarīradhātuyo tiṭṭhantī”ti. “Aññātaṃ bhante thūpaṃ patiṭṭhāpemi. Bhūmibhāgaṃ vicinathā”ti. “Api ca dhātuyo kuto lacchāmī”ti. “Sumanena saddhiṃ mantehi mahārājā”ti. Rājā sumanaṃ upasaṅkamitvā pucchi: “Kutodāni bhante dhātuyo lacchāmā”ti. Sumano āha: “Appossukko tvaṃ mahārāja, vīthiyo sodhāpetvā dhaja- patāka-puṇṇaghaṭādīhi alaṅkārāpetvā saparijano uposathaṃ samādiyitvā sabbatālāvacare upaṭṭhapetvā maṅgala-hatthiṃ sabbālaṅkārehi patimaṇḍitaṃ kāretvā upari vassa setacchattaṃ ussāpetvā

sāyaṇhasamaye mahānāgavanuyyānābhimukho yāhi addhā tasmiṃ ṭhāne dhātuyo lacchasī”ti, rājā “sādhū”ti sampaṭicchi. Therā cetiyagirimeva agamiṃsu.

Sau đó, khi đã trải qua mùa (an cư) mưa và đã hành lễ Pavāraṇā (lễ Tự Tứ) vào ngày Uposatha nhằm ngày trăng tròn tháng Kattika, 1 đại đức Mahāmahinda đã nói với đức vua điều này: “Tâu đại vương, đã lâu chúng tôi không còn được nhìn thấy bậc Chánh Đẳng Giác và không còn cơ hội thực hiện các việc đảnh lễ, phục vụ, chắp tay, và hành động thích hợp; vì thế chúng tôi tiếc nuối.” “Bạch ngài, không phải ngài đã nói là bậc Chánh Đẳng Giác đã viên tịch Niết Bàn rồi hay sao?” “Tâu đại vương, mặc dầu đã viên tịch Niết Bàn nhưng di thể xá-lợi của Ngài còn tồn tại.” “Bạch ngài, trẫm đã hiểu rồi. Hãy để trẫm cho xây dựng ngôi bảo tháp. Xin ngài hãy xác định khu đất.” Rồi thêm vào: “Từ đâu trẫm sẽ nhận được các xá-lợi?” “Tâu đại vương, ngài hãy thỉnh ý vị sa di Sumana.” Đức vua đã đi đến gặp vị sa di Sumana và hỏi rằng: “Bạch ngài, trẫm sẽ nhận được các xá- lợi từ đâu bây giờ?” Vị Sumana đã nói rằng: “Tâu đại vương, ngài không phải nhọc công. Ngài hãy cho làm sạch sẽ các con đường rồi trang hoàng với những lá cờ, biểu ngữ, và các lu chứa đầy (nước), v.v... Hãy cùng với đoàn tùy tùng thọ trì trai giới, hãy cho tập trung tất cả các nhạc công lại, hãy cho thực hiện việc trang điểm con vương tượng với tất cả các loại trang sức, hãy cho che lọng trắng phía trên nó rồi quay mặt về khu vườn thượng uyển và đi đến vào ban đêm, chắc chắn rằng ngài sẽ nhận được các xá-lợi ở tại địa điểm ấy.” Đức vua đã đồng ý rằng: “Lành thay!” Rồi các vị trưởng lão đã đi thẳng đến núi Cetiya.

1 Tương đương ngày rằm tháng 9 âm lịch Việt Nam là ngày cuối cùng của mùa an cư mưa kỳ đầu.

Tatrāyasmā mahindatthero sumana-sāmaṇeramāha: “Gaccha tvaṃ sāmaṇera jambudīpe ayyakaṃ asokadhammarājānaṃ upasaṅkamitvā mama vacanena evaṃ vadehi: ‘Sahāyo te mahārāja devānampiyatisso buddha- sāsane pasanno thūpaṃ patiṭṭhāpetukāmo, tumhākaṃ kira hatthe bhagavato paribhuttapatto ceva dhātu ca atthi, tamme dethā’ti taṃ gahetvā sakkaṃ devarājānaṃ upasaṅkamitvā ‘tumhākaṃ kira mahārāja hatthe dve dhātuyo atthi dakkhiṇadāṭhā ca dakkhiṇakkhakañca, tato tumhe dakkhiṇa- dāṭhaṃ pūjetha, dakkhiṇakkhakaṃ pana mayhaṃ dethā’ti, evañca naṃ vadehi: ‘Kasmā tvaṃ mahārāja amhe tambapaṇṇidīpaṃ pahiṇitvā pamajjitthā’”ti.

“Sādhu bhante”ti kho sumano therassa vacanaṃ sampaṭicchitvā tāvadeva pattacīvaramādāya vehāsamabbhuggantvā pāṭaliputtadvāre oruyha rañño santikaṃ gantvā tamatthaṃ ārocesi. Rājā tuṭṭho sāmaṇerassa hatthato pattaṃ gahetvā bhojetvā bhagavato pattaṃ gandhehi ubbaṭṭetvā varamutta-sadisānaṃ dhātūnaṃ pūretvā adāsi.

Tại đó, đại đức trưởng lão Mahinda đã nói với vị sa di Sumana rằng: “Này sa di, ngươi hãy đi đến gặp ông ngoại tức là đức vua công chính Asoka ở Jambudīpa rồi hãy nói với lời của ta như vầy: ‘Tâu đại vương, người bạn của ngài là Devānampiyatissa đã tin tưởng Phật Pháp và có ý định cho xây dựng ngôi bảo tháp. Nghe nói ngài có trong tay

cái bình bát đã được đức Thế Tôn sử dụng và cả xá-lợi nữa. Xin ngài hãy trao cho tôi vật ấy.' Sau khi nhận lấy vật ấy, ngươi hãy đi đến gặp Chúa Trời Sakka (nói rằng): 'Tâu đại vương, Nghe nói ngài có trong tay hai loại xá-lợi là chiếc răng bên phải và mảnh xương vai bên phải. Do đó, ngài hãy thờ phượng chiếc răng bên phải và hãy cho chúng tôi mảnh xương vai bên phải.' Và ngươi hãy nói với vị ấy rằng: 'Tâu đại vương, tại sao sau khi phái chúng tôi đến hòn đảo Tambapaṇṇi ngài lại thờ ơ vậy?'"

"Bạch ngài, lành thay!" Sau khi tiếp nhận lời nói của vị trưởng lão, vị Sumana ngay lập tức đã cầm lấy y và bình bát bay lên không trung rồi hạ xuống ở cổng thành Pātaliputta 1 đi đến gặp đức vua và kể lại sự việc ấy. Đức vua mừng rỡ đã nhận lấy cái bình bát từ tay của vị sa di, đã dâng thức ăn, sau đó đã tẩm bình bát của đức Thế Tôn bằng các loại hương thơm và chứa đầy các loại xá-lợi trông giống như các hạt ngọc trai quý báu, rồi đã dâng lại.

1 Nay là thành phố Patnā của nước Ấn Độ.

So taṃ gahetvā sakkaṃ devarājānaṃ upasaṅkami. Sakko devārājā sāmaṇeraṃ disvā "Kiṃ bhante sumana āhiṇḍasī"ti āha. "Tvaṃ mahārāja amhe tambapaṇṇidīpaṃ pahiṇitvā kasmā pamajjasī"ti. "Nappamajjāmi bhante, vadehi kiṃ karomī"ti. "Tumhākaṃ kira hatthe dve dhātuyo atthi dakkhiṇadāṭhā ca dakkhiṇakkhakañca, tato tumhe dakkhiṇadāṭhaṃ pūjetha. Dakkhiṇakkhakaṃ pana mayhaṃ dethā"ti. "Sādhu bhante"ti kho sakko devānamindo yojanappamānaṃ maṇithūpaṃ ugghāṭetvā dakkhiṇakkhakaṃ nīharitvā sumanassa adāsi.

So taṃ gahetvā cetiyagirimhiyeva patiṭṭhāsi. Atha kho mahindapamukhā sabbe te mahānāgā asokadhammarājena dinnadhātuyo cetiyagiriyamhiyeva patiṭṭhāpetvā dakkhiṇakkhakaṃ ādāya vaḍḍhamānakacchāyāya mahānāga-vanuyyānamagamaṃsu. Rājāpi kho sumanena vuttappakāraṃ pūjā-sakkāraṃ katvā hatthikkhandhavaragato sāyaṃ maṅgalahatthimatthake setacchattaṃ dhārayamāno mahānāgavanuyyānaṃ sampāpuṇi.

Athassa etadahosi: "Sace ayaṃ sammāsambuddhassa dhātu, chattaṃ apanamatu, maṅgalahatthi jaṇṇukehi bhūmiyaṃ patiṭṭhahatu, dhātu-caṅgoṭakaṃ mayhaṃ matthake patiṭṭhahatū"ti.

Vị sa di sau khi nhận lấy vật ấy rồi đã đi đến gặp Chúa Trời Sakka. Sau khi nhìn thấy vị sa di, Chúa Trời Sakka đã nói rằng: "Bạch ngài Sumana, việc gì mà ngài đi thưởng ngoạn vậy?" "Tâu đại vương, sau khi phái chúng tôi đến hòn đảo Tambapaṇṇi tại sao ngài lại thờ ơ vậy?" "Bạch ngài, tôi đâu có thờ ơ. Ngài bảo tôi làm việc gì?" "Nghe nói ngài có trong tay hai loại xá-lợi là chiếc răng bên phải và mảnh xương vai bên phải. Do đó, ngài hãy thờ phượng chiếc răng bên phải và hãy cho chúng tôi mảnh xương vai bên phải." "Bạch ngài, lành thay!" Vị Chúa Trời Sakka đã mở ra ngôi bảo tháp bằng ngọc ma-ni có kích thước một do-tuần rồi đã mang lại mảnh xương vai bên phải trao cho vị Sumana. Vị sa di đã nhận lấy vật ấy rồi đã tôn trí ở ngay tại ngọn núi Cetiya.

Khi ấy, tất cả các nhân vật kiệt xuất ấy có ngài Mahinda dẫn đầu đã tôn trí các xá-lợi đã được vị vua công chính Asoka trao tặng ở ngay tại ngọn núi Cetiya rồi đã cầm lấy mảnh

xương vai phải đi đến vườn thượng uyển Mahānāga trong lúc hoàng hôn đang kéo đến. Phần đức vua, sau khi thực hiện sự cúng dường và tôn vinh theo cách thức đã được vị Sumana giảng giải, rồi vào ban đêm đã cỡi lên mình con voi cao quý, nắm giữ chiếc lọng trắng che ở đầu con vương tượng, rồi đã ngự đến vườn thượng uyển Mahānāga.

Khi ấy, đức vua đã khởi ý điều này: "Nếu đây là xá-lợi của đấng Chánh Đẳng Giác thì chiếc lọng hãy cúi lạy, con vương tượng hãy quỳ xuống bằng các đầu gối ở trên mặt đất, và chiếc hòm xá-lợi hãy ngự lên trên đầu của ta."

Saha rañño cittuppādena chattaṃ apanami. Hatthi jaṇṇukehi patiṭṭhahi. Dhātucaṅgoṭakaṃ rañño matthake patiṭṭhahi. Rājā amatenevābhisittagatto paramena pītipāmojjena samannāgato hutvā pucchi: "Dhātuṃ bhante kiṃ karomī"ti. "Hatthi-kumbhamhiyeva tāva mahārāja ṭhapehī"ti. Rājā dhātucaṅgoṭakaṃ hatthikumbhe ṭhapesi. Pamudito nāgo kuñcanādaṃ nadi. Mahāmegho uṭṭhahitvā pokkharavassaṃ vassi. Ukadapariyantaṃ katvā mahābhūmi cālo ahosi. "Paccantepi nāma sammāsambuddhassa dhātuyo patiṭṭhahissantī"ti.

Atha so hatthināgo aneka-tālāvacaraparivuto ativiya uḷārena pūjāsakkārena sakkariyamāno pacchima- disābhimukho hutvā apasakkanto yāva nagarassa puratthimadvāraṃ tāva gantvā puratthimena dvārena nagaraṃ pavisitvā sakalanagare uḷārāya pūjāya kayiramānāya dakkhiṇadvārena nikkhamitvā thūpārāmassa pacchimadisābhāge pahejavatthu nāma kira atthi. Tattha gantvā puna thūpārāmābhimukho eva paṭinivatti. So ca purimakānaṃ tiṇṇaṃ sammāsambuddhānaṃ dhammakarakaṃ kāyabandhanaṃ udaka-sāṭikaṃ patiṭṭhāpetvā katacetiyaṭṭhānaṃ hoti. Tadetaṃ vinaṭṭhesupi cetiyesu devatānubhāvena kaṇṭaka-samākiṇṇa-sākhāhi nānāgacchehi parivutaṃ tiṭṭhati. "Mā naṃ koci ucciṭṭhāsuvimalakacavarehi sandusesī"ti.

Khi tâm của đức vua vừa khởi, chiếc lọng đã cúi lạy, con voi đã quỳ xuống bằng các đầu gối, và chiếc hòm xá-lợi đã ngự lên trên đầu của đức vua. Với thân thể như là được rưới nước thánh bất tử, đức vua đã đạt đến niềm phỉ lạc cùng tột và đã hỏi rằng: "Bạch ngài, trẫm sẽ làm gì với xá -lợi?" "Tâu đại vương, ngài chỉ việc đặt ở ngay trên trán của con voi." Đức vua đã đặt chiếc hòm xá-lợi ở trên trán của con voi. Con voi đã mừng rỡ rống lên tiếng rống của loài voi. Một đám mây lớn đã hiện ra và đổ xuống cơn mưa các đóa hoa sen. Đại địa cầu đã dâng nước lên ở xung quanh và đã rúng động, có ý rằng: "Các xá-lợi của bậc Chánh Đẳng Giác sẽ được tôn trí ở ngay cả xứ biên địa."

Sau đó, trong lúc đang được vây quanh bởi nhiều nhạc công đang cung kính bày tỏ sự cúng dường và tôn vinh vô cùng trọng thể, con long tượng ấy đã quay mặt về hướng tây rồi khởi hành đi đến cửa thành phía đông, sau đó đã đi vào thành phố bằng cửa thành phía đông. Và khi đang được cúng dường trọng thể trong khắp cả thành phố, con long tượng đã rời khỏi bằng cửa thành phía nam rồi đi đến khu vực phía tây của Tu Viện Bảo Tháp, là nơi nghe nói có mảnh đất dành cho việc tế lễ. Sau khi đi đến nơi ấy, con long tượng đã quay mình lại với khuôn mặt hướng về Tu Viện Bảo Tháp. Và nơi ấy

là vị trí của ngôi bảo điện đã được xây dựng sau khi tôn trí bình lọc nước, dây buộc thân, và vải choàng tắm của ba vị Chánh Đẳng Giác thời quá khứ. Ngay cả khi các ngôi bảo điện đã bị tiêu hoại, chính nơi ấy đã tồn tại và được bao quanh bởi nhiều lùm cây và các cành bao phủ những gai nhọn nhờ vào năng lực của chư Thiên: "Chớ cho bất cứ người nào làm ô uế khu vực ấy với những chất thải và rác rến dơ bẩn."

Atha tassa hatthino purato gantvā rājapurisā sabbe gacche chinditvā bhūmiṃ sodhetvā taṃ hatthatalasadisaṃ akaṃsu. Hatthināgo gantvā taṃ ṭhānaṃ purato katvā tassa pacchimadisābhāge bodhirukkhaṭṭhāne aṭṭhāsi. Athassa matthakato dhātuṃ oropetuṃ ārabhiṃsu. Nāgo oropetuṃ na deti. Theraṃ pucchi: "Kasmā bhante nāgo dhātuṃ oropetuṃ na detī"ti. "Āruḷhaṃ mahārāja oropetuṃ na vaṭṭatī"ti.

Tasmiñca kāle abhayavāpiyā udakaṃ chinnaṃ hoti samantā bhūmi phalitā su-uddharā mattikapiṇḍā. Tato mahājano sīghasīghaṃ mattikaṃ āharitvā hatthakumbhappamāṇaṃ vatthumakāsi. Tāvadeva thūpakaraṇatthaṃ iṭṭhikā kātuṃ ārabhiṃsu. Yāva iṭṭhikā pariniṭṭhanti tāva hatthināgo katipāhaṃ divā bodhirukkhaṭṭhāne hatthisālāyaṃ tiṭṭhati rattiyaṃ thūpapatiṭṭhāna-bhūmiyaṃ pariyāyati.

Atha vatthuṃ cināpetvā rājā theraṃ pucchi: "Kīdiso bhante thūpo kātabbo"ti. "Vīhirāsi sadiso mahārājā"ti. "Sādhu bhante"ti rājā jaṅghappamāṇaṃ thūpaṃ cināpetvā dhātu-oropanatthāya mahāsakkāraṃ kāresi.

Sau đó, những người của đức vua đã đi đến phía trước của con voi ấy rồi đã chặt đứt tất cả các lùm cây, đã làm sạch sẽ mặt đất, và làm cho khu vực ấy trở thành như là lòng bàn tay vậy. Con long tượng đã đi đến, hướng mặt về địa điểm ấy, rồi đã đứng tại vị trí của cội Bồ Đề ở trên phần đất phía tây của khu vực ấy. Sau đó, họ đã khởi sự đưa xá-lợi từ đầu của con voi ấy xuống. Con voi đã không cho lấy xuống. (Đức vua) đã hỏi vị trưởng lão rằng: "Bạch ngài, tại sao con voi lại không cho lấy xá-lợi xuống." "Tâu đại vương, đã được nâng lên rồi không tiện hạ thấp xuống."

Và vào lúc bấy giờ, nước ở hồ Abhaya rút cạn đi, mặt đất xung quanh nứt ra, các khối đất sét được nâng lên dễ dàng. Từ đó, đám đông người đã nhanh chóng hối hả mang đất sét lại và đã thực hiện nền móng có kích thước bằng cái trán của con voi. Kể từ lúc ấy, họ đã bắt đầu thực hiện các viên gạch cho mục đích xây dựng ngôi bảo tháp. Cho đến khi các viên gạch được hoàn tất, con long tượng, trong những ngày ấy, vào ban ngày đứng trong trại voi ở tại vị trí của cội Bồ Đề, còn vào ban đêm thì đi vòng quanh khu đất sẽ được xây dựng lên ngôi bảo tháp.

Sau đó, khi đã cho xây dựng nền móng, đức vua đã hỏi vị trưởng lão rằng: "Bạch ngài, bảo tháp nên được thực hiện như thế nào?" "Tâu đại vương, giống như là đống lúa vậy." "Bạch ngài, đúng vậy!" Sau khi cho xây dựng ngôi bảo tháp đến độ cao của đầu gối, đức vua đã cho thực hiện sự tôn vinh trọng thể nhằm mục đích đưa xá-lợi xuống.

Tato sakalanāgarā ca jānapadā ca dhātumahadassanatthaṃ santipatiṃsu. Sannipatite ca tasmiṃ mahājane dasabalassa dhātu hatthikumbhato sattatālappamānaṃ vehāsamabbhuggantvā yamakapāṭihāriyaṃ dassesi. Tehi tehi dhātuppadesehi

chabbaṇṇaraṃsiyo udakadhārā ca aggikkhandhā ca pavattanti. Sāvatthiyaṃ gaṇḍambamūle bhagavatā dassita- pāṭihāriya sadisaṃ eva pāṭihāriyaṃ ahosi. Tañca kho neva therānubhāvena na devatānubhāvena, api ca kho buddhānaṃ yeva ānubhāvena. Bhagavā kira dharamānova adhiṭṭhāsi: “Tambapaṇṇidīpe anurādhapurassa dakkhiṇadisā-bhāge purimakānaṃ tiṇṇaṃ buddhānaṃ cetiyaṭṭhāne mama dakkhiṇakkhakadhātu patiṭṭhāna-divase yamakapāṭihāriyaṃ hotū”ti.

Evaṃ acintiyā buddhā - buddhadhammā acintiyā, acintiyesu pasannānaṃ - vipāko hoti acintiyoti.

Kế đến, toàn thể người dân trong thành phố và xứ sở đã tụ hội lại để chiêm ngưỡng lễ hội xá-lợi. Và khi đám dân chúng ấy đã tụ hội lại, xá-lợi của đấng Thập Lực từ cái trán của con voi đã bay lên không trung với độ cao bảy thân cây thốt-nốt và đã thị hiện song thông. Các hào quang sáu màu, các nguồn nước, và các khối lửa đã tuôn ra từ mỗi một vị trí của xá-lợi. Thần thông này cũng giống y như thần thông đã được đức Thế Tôn thị hiện tại cội cây xoài Gaṇḍa ở thành Sāvatthi. Và điều ấy không phải do năng lực của các vị trưởng lão, cũng không phải do năng lực của chư Thiên, mà chính là do oai lực của chư Phật. Nghe rằng đức Thế Tôn ngay trong lúc còn tại tiền đã chú nguyện rằng: “Hãy xuất hiện song thông vào ngày tôn trí xá-lợi xương vai phải của ta tại địa điểm ngôi bảo điện của ba vị Phật quá khứ ở khu vực phía nam của thành Anurādhapura trên hòn đảo Tambapaṇṇi.”

“Như vậy, chư Phật là vượt trên sự suy luận! Các Pháp của chư Phật là vượt trên sự suy luận! Quả thành tựu cho những người đã đặt niềm tin vào chư Phật và các Pháp của chư Phật là vượt trên sự suy luận!” 1

1 Apadānapāḷi - Thánh Nhân Ký Sự tập 1, TTPV tập 39, câu kệ 81, trang 13. .

Dhātusarīrato nikkhanta-udakaphusitehi sakalepi tambapaṇṇidīpatale na koci aphuṭṭhokāso nāma ahosi. Evamassa taṃ dhātusarīraṃ udakaphusitehi tamba-paṇṇitthalassa paridāhaṃ vūpasametvā mahājanassa pāṭihāriyaṃ dassetvā otaritvā rañño matthake patiṭṭhāsi. Rājā “saphalaṃ manussatta-paṭilābhan”ti maññamāno mahantaṃ sakkāraṃ katvā dhātuṃ patiṭṭhāpesi. Saha dhātupatiṭṭhānena mahābhūmi cālo ahosi. Niṭṭhite pana thūpe rājā ca rājabhātikā ca deviyo ca deva-nāga-yakkhānaṃ vimhayakaraṃ paccekaṃ thūpamakaṃsu.

Evaṃ jino dhātusarīrakena gatopi santiṃ janatāhitañca, sukhañca dhammā bahudhā kareyya ṭhito hi nāthonukaraṃ kareyya.

Sādhujana-mano-pasādanatthāya kate thūpavaṃse thūpārāmakathā.

--ooOoo--

Thậm chí, ở trên toàn bộ bề mặt hòn đảo Tambapaṇṇi, không có khoảng không gian nào gọi là không được chạm đến bởi các hạt nước phát xuất từ di thể xá-lợi. Như thế, bằng những hạt nước di thể xá-lợi ấy của đức Phật đã làm tan biến cơn nóng ở trên mặt đất của hòn đảo Tambapaṇṇi, đã thị hiện thần thông của bậc Đại Nhân, rồi đã hạ

xuống và an vị ở trên đầu của đức vua. Trong khi suy nghĩ rằng: "Việc thành tựu thân người đã được tưởng thưởng!" đức vua đã tôn trí xá-lợi và đã thể hiện sự tôn vinh thật trọng thể. Do sự tôn trí xá-lợi, đại địa cầu đã rúng động. Hơn nữa, khi ngôi bảo tháp đã được hoàn tất, đức vua cùng các anh em của đức vua và các hoàng hậu đã xây dựng từng ngôi bảo tháp riêng biệt khiến cho chư Thiên, các loài rồng, và các Dạ-xoa phải ngạc nhiên.

Với di thể xá-lợi, đấng Chiến Thắng, mặc dầu đã Niết Bàn, vẫn có thể tạo nên các pháp đem lại lợi ích và an lạc cho nhân loại về nhiều phương diện như thế. Đương nhiên khi còn tại tiền, bậc Lãnh Đạo đã thực hiện việc làm tương tợ. 1

Phần Giảng Giải về Tu Viện Bảo Tháp trong tập "Sử Liệu về Bảo Tháp Xá Lợi Phật" được thực hiện nhằm tạo niềm tin trong tâm trí của các thiện nhân.

--ooOoo--

1 Mahāvaṃsa, so sánh với câu kệ 65, chương 17.

BODHI-ĀGAMANA- KATHĀ

Niṭṭhitāya pana dhātupūjāya patiṭṭhite dhātuvare mahindatthero mahāmeghavanuyyānameva gantvā vāsaṃ kappesi. Tasmiṃ kho pana samaye anulādevī pabbajitukāmā hutvā rañño ārocesi. Rājā tassā vacanaṃ sutvā theraṃ etadavoca: "Bhante anulādevī pabbajitukāmā, pabbājetha nan"ti. "Na mahārāja amhākaṃ mātugāmaṃ pabbājetuṃ kappati. Pāṭaliputte pana mayhaṃ bhagini saṅghamittā therī nāma atthi; taṃ pakkosāpehi mahārāja, imasmiñca dīpe purimakānañca tiṇṇaṃ sammā-sambuddhānaṃ bodhi patiṭṭhāsi. Amhākampi bhagavato sarasaraṃsijāla- vissajjanakena bodhinā patiṭṭhātabbaṃ, tasmā sāsanaṃ pahiṇeyyasi yathā saṅghamittā bodhiṃ gahetvā āgaccheyyā"ti.

Rājā therassa vacanaṃ sampaṭicchitvā amaccehi saddhiṃ mantento ariṭṭhaṃ nāma attano bhāgineyyaṃ āha: "Sakkhissasi tvaṃ tāta Pāṭaliputtaṃ gantvā mahābodhinā saddhiṃ ayyaṃ saṅghamittattheriṃ ānetun"ti. "Sakkhissāmi deva sace me pabbajjaṃ anujānissasī"ti. "Gaccha tāta theriṃ ānetvā pabbajjāhī"ti.

Chương 8: GIẢNG GIẢI VỀ VIỆC NGỰ ĐẾN CỦA CỘI BỒ ĐỀ

Hơn nữa, khi việc cúng dường xá-lợi đã được hoàn tất và xá-lợi cao quý đã được tôn trí, trưởng lão Mahinda đã đi đến vườn thượng uyển Mahāmegha và ngụ tại đó. Vào lúc bấy giờ, hoàng hậu Anulā có ý muốn xuất gia và đã kể lại cho đức vua. Sau khi lắng nghe lời nói của hoàng hậu, đức vua đã nói với vị trưởng lão điều này: "Bạch ngài, hoàng hậu Anulā có ý muốn xuất gia, xin ngài hãy cho nàng xuất gia." "Tâu đại vương, chúng tôi không được phép cho người nữ xuất gia. Tuy nhiên, ở Pātaliputta có trưởng lão ni tên Saṅghamittā là em gái của tôi. Tâu đại vương, hãy triệu vời vị ni ấy đến. Và ở trên hòn đảo này, cội bồ đề của ba vị Chánh Đẳng Giác thời quá khứ đã được vun trồng, vậy cội bồ đề của đức Thế Tôn chúng tôi có mạng lưới hào quang đủ màu tỏa ra cũng nên được vun trồng. Vì thế, đức vua hãy nhắn tin đi; như thế Saṅghamittā sẽ mang theo cội Bồ Đề và đi đến."

Đức vua đã đồng ý lời đề nghị của vị trưởng lão, và trong lúc thảo luận với các quan đại thần đã bảo người cháu trai của mình là Ariṭṭha rằng: “Này cháu yêu dấu, cháu có thể đi đến Pātaliputta rước vị đại đức trưởng lão ni Saṅghamittā cùng với cội Đại Bồ Đề về không?” “Tâu bệ hạ, thần có thể nếu bệ hạ sẽ cho phép thần xuất gia.” “Này cháu yêu dấu, hãy đi! Sau khi rước vị trưởng lão ni về rồi hãy xuất gia.”

So rañño ca therassa ca sāsanaṃ gahetvā therassa adhiṭṭhānavasena ekadivasena jambukolapaṭṭanaṃ gantvā nāvaṃ abhirūhitvā samuddaṃ atikkamitvā Pāṭaliputtaṃ gantvā rañño sāsanaṃ ācikkhi: “Putto te deva mahindathero evamāha: ‘Sahāyassa kira te devānampiyatissassa bhātujāyā anulādevī nāma pabbajitukāmā, taṃ pabbājetuṃ ayyaṃ saṅghamittattheriṃ pahiṇeyyātha, ayyāya eva ca saddhiṃ mahābodhin’”ti.

Therassa sāsanaṃ ārocetvā saṅghamittattheriṃ upasaṅkamitvā evamāha: “Ayye tumhākaṃ bhātā mahindatthero maṃ tumhākaṃ santikaṃ pesesi: ‘devānampiyatissa rañño bhātujāyā Anulā devī nāma pañcahi kaññāsatehi pañcahi ca antepurikāsatehi saddhiṃ pabbajitukāmā’ti, taṃ kira āgantvā pabbājethā”ti.

Sā tāvadeva turita-turitā gantvā rañño tamatthaṃ ārocetvā “Gacchāmahaṃ mahārāja tambapaṇṇidīpan”ti āha. “Tena hi amma mahābodhiṃ gahetvā gacchāhī”ti vatvā Pāṭaliputtato yāva mahābodhi tāva maggaṃ paṭijaggāpetvā sattayojanāyāmāya tiyojana-vitthatāya mahatiyā senāya pāṭaliputtato nikkhamitvā ariyasaṅghaṃ ādāya mahābodhisamīpaṃ agamāsi.

Senāya samussita-dhajapaṭākaṃ nānāratanavicittaṃ anekālaṅkāra-patimaṇḍitaṃ nānāvidha-kusuma-samākiṇṇaṃ aneka-turiya-saṅghuṭṭhaṃ mahābodhiṃ parikkhipi.

Sau khi đã nhận lấy tin nhắn cho đức vua và vị trưởng lão ni rồi nhờ vào sự chú nguyện của vị trưởng lão, Ariṭṭha chỉ trong một ngày đã đi đến hải cảng Jambukola lên tàu băng qua biển cả, sau đó đã đến được Pātaliputta và đã thông báo lời nhắn tin đến đức vua rằng: “Tâu bệ hạ, con trai của bệ hạ là trưởng lão Mahinda đã nói như vầy: ‘Nghe rằng hoàng hậu tên Anulā, vợ của người em trai của Devānam- piyatissa là bạn của ngài, có ý muốn xuất gia, xin ngài hãy phái vị đại đức trưởng lão ni Saṅghamittā đi để cho cô ấy xuất gia, và cùng với vị đại đức ni là cội Đại Bồ Đề nữa.’”

Sau khi thông báo lời nhắn tin của vị trưởng lão, Ariṭṭha đã đi đến gặp trưởng lão ni Saṅghamittā và đã nói như vầy: “Bạch ni sư, anh trai của ni sư là trưởng lão Mahinda đã phái tôi đến gặp ni sư (nói rằng): ‘Vợ của người em trai của đức vua Devānampiyatissa là hoàng hậu tên Anulā cùng với năm trăm công nương và năm trăm cung nữ có ý muốn xuất gia.’ Nghe nói ni sư hãy đi đến và cho hoàng hậu xuất gia.”

Ngay lập tức, vị ni đã nhanh chóng đi đến và trình lại sự việc ấy cho đức vua rồi đã nói rằng: “Tâu đại vương, thần sẽ đi đến hòn đảo Tambapaṇṇi.” “Này con, như vậy thì con hãy nhận lấy cội Đại Bồ Đề rồi hãy đi.” Nói xong, đức vua đã cho dọn dẹp con đường từ Pāṭaliputta đến cội Đại Bồ Đề, sau đó đã rời khỏi thành Pāṭaliputta cùng với đoàn quân vĩ đại dài bảy do-tuần ngang ba do-tuần, đã rước theo hội chúng Thánh Nhân, và đã đi đến khu vực lân cận cội Đại Bồ Đề. Đức vua đã cho đoàn quân bao quanh cội Đại Bồ Đề

có các cờ và biểu ngữ đã được dương lên, được sặc sỡ với vô số ngọc quý các loại, được trang hoàng với nhiều loại trang sức, được rải rắc bởi những bông hoa vô số loại, và được vang dội bởi nhiều loại nhạc cụ.

Tato rājā puppha-gandha-mālādīhi pūjetvā tikkhattuṃ padakkhiṇaṃ katvā aṭṭhasu ṭhānesu vanditvā uṭṭhāya añjalimpaggayha ṭhatvā saccavacanakiriyāya bodhiṃ gaṇhitukāmo ratana-pīṭhaṃ āruyha tulikaṃ gahetvā manosilāya lekhaṃ katvā “Yadi mahābodhinā laṅkādīpe patiṭṭhātabbaṃ, yadi cāhaṃ buddhasāsane nibbematiko bhaveyyaṃ, mahābodhi-sayameva imasmiṃ suvaṇṇakaṭāhe patiṭṭhahatū”ti saccakiriyamakāsi. Saha saccakiriyāya bodhisākhā manosilāya paricchinnaṭṭhānehi chinditvā gandha-kalala-pūrassa suvaṇṇakaṭāhassa upari aṭṭhāsi.

Tato rājā mahābodhiṃ bodhimaṇḍato mahantena sakkārena Pāṭaliputtaṃ ānetvā sabbaparihārāni datvā mahābodhiṃ gaṅgāya nāvaṃ āropetvā sayampi nagarato nikkhamitvā viñjhāṭaviṃ samatikkamma anupubbena sattadivasehi tāmalittiṃ anuppatto. Antarāmagge deva-nāgamanussā uḷāraṃ mahābodhi pūjamakaṃsu.

Rājāpi samuddatīre sattadivasāni mahābodhiṃ ṭhapetvā mahantaṃ sakkāraṃ katvā bodhimpi saṅghamittattherimpi saparivāraṃ nāvaṃ āropetvā “Gacchati vata re dasabalassa sarasa-raṃsijālaṃ muñcamāno mahābodhi-rukkho”ti kanditvā añjalimpaggahetvā assūni pavattayamāno aṭṭhāsi sāpi kho mahābodhi samārūḷha-nāvā passato mahārājassa mahāsamuddatalaṃ pakkhandi; mahāsamuddepi samantā yojanaṃ vīci vūpasantā. Pañcavaṇṇāni padumāni pupphitāni.

Kế đến, sau khi cúng dường với các bông hoa, hương thơm, tràng hoa, v.v..., đức vua đã hướng vai phải nhiễu quanh ba vòng, đã đảnh lễ tại tám địa điểm, rồi đã đứng dậy, chắp tay lên, đứng yên, sau đó với ước muốn nhận được cội Bồ Đề bằng hành động của lời nói chân thật, nên đã bước lên bảo tọa cầm lấy cây bút làm dấu bằng đá đỏ, sau đó đã thực hiện hành động chân thật rằng: “Nếu cội Đại Bồ Đề cần được vun trồng ở đảo Laṅkā và nếu trẫm có thể vững tin vào Giáo Pháp của đức Phật, xin cội Đại Bồ Đề hãy tự động được ươm trồng ở trong cái chậu bằng vàng này.” Do hành động chân thật, nhánh Bồ Đề đã được cắt rời ở vị trí đánh dấu bằng đá đỏ rồi đã an vị ở trên cái chậu bằng vàng có chứa đầy đất thơm. Sau đó, đức vua đã rước cội Đại Bồ Đề từ khuôn viên cội Bồ Đề về Pāṭaliputta với sự tôn vinh trọng thể và đã biểu lộ tất cả mọi niềm sùng kính, sau đó đã đưa cội Đại Bồ Đề lên chiếc thuyền ở sông Gaṅgā. Ngay cả bản thân đức vua cũng đã rời khỏi thành phố, tự mình vượt qua khu rừng Viñjha, cuối cùng đã đến được Tāmalitti sau bảy ngày. Trên đường đi, chư Thiên, các loài rồng, nhân loại đã thực hiện việc cúng dường cao cả đến cội Đại Bồ Đề. Đức vua cũng đã đặt cội Đại Bồ Đề ở trên bờ biển và đã thực hiện việc tôn vinh long trọng trong bảy ngày, sau đó đã đưa cội Bồ Đề cùng với trưởng lão ni Saṅghamittā và đoàn tùy tùng lên thuyền rồi than khóc rằng: “Ôi! Cội Đại Bồ Đề của đấng Thập Lực đang phát ra mạng lưới hào quang đủ màu đã ra đi thật rồi!” sau đó đã chắp tay lên, đứng yên, tuôn trào nước mắt. Chiếc thuyền ấy mang theo cội Đại Bồ Đề đã lướt đi trên mặt đại dương trong lúc đức vua đang dõi nhìn theo. Ngay cả ở trong đại dương, sóng được lặng yên ở xung quanh một do-tuần,

các đóa hoa sen năm màu nở rộ.

Antalikkhe dibbaturiyāni vajjiṃsu. Ākāse jala-thala- sannissitāhi devatāhi pavattitā ativiya uḷāra-pūjā ahosi. Evaṃ mahatiyā pūjāya sā nāvā jambukolapaṭṭanaṃ pāvisi.

Devānampiyatissa mahārājāpi uttaradvārato paṭṭhāya yāva jambukola-paṭṭanā maggaṃ sodhāpetvā alaṅkārāpetvā nagarato nikkhamana-divase uttaradvāra-samīpe samuddasālā-vatthusmiṃ ṭhito tāya vibhūtiyā mahāsamudde āgacchantaṃyeva mahābodhiṃ therassānubhāvena disvā tuṭṭhamānaso nikkhamitvā sabbaṃ maggaṃ pañcavaṇṇehi pupphehi okiranto antarantarā puppha-agghiyāni ṭhapento ekāheneva jambukola-paṭṭanaṃ gantvā sabbatālāvacara- parivuto pupphadhūpagandhādīhi pūjayamāno galappamānaṃ udakaṃ oruyha “Āgato vata re dasabalassa sarasa-raṃsijālaṃ vissajjanako bodhirukkho”ti pasannacitto mahābodhiṃ ukkhipitvā uttamaṅge sirasmiṃ patiṭṭhapetvā mahābodhiṃ parivāretvā āgatehi soḷasahi jātisampannakulehi saddhiṃ samuddato paccuttaritvā samuddatīre bodhiṃ ṭhapetvā tīṇi divasāni sakalatambapaṇṇi-rajjena pūjesi.

Ở trên không trung, các khúc nhạc thần tiên đã được tấu lên. Chư Thiên ngự ở trên không trung, ở biển cả, và ở đất liền đã tiến hành sự cúng dường vô cùng trọng thể. Chiếc thuyền ấy đã đi vào bến tàu Jambukola với sự tôn vinh lớn lao như thế.

Đại vương Devānampiyatissa cũng đã cho làm sạch sẽ và cho trang hoàng con đường bắt đầu từ cửa thành phía Bắc cho đến bến tàu Jambuloka. Rồi vào ngày khởi hành từ thành phố, đức vua đã đứng ở khu đất của Hải Dương Xá gần cửa thành phía Bắc, rồi nhờ vào oai lực của vị trưởng lão đã nhìn thấy ở trên biển cả cội Đại Bồ Đề với sự rạng rỡ ấy đang đi đến gần. Với tâm ý vui mừng, đức vua đã đi ra tung lên những bông hoa ngũ sắc ở khắp cả con đường rồi đã cho dựng lên cổng chào bằng bông hoa ở khoảng chính giữa, sau đó đã đi đến bến tàu Jambukola nội trong ngày hôm ấy. Trong lúc được vây quanh bởi toàn thể các nhạc công và được cúng dường bằng những bông hoa, nhang, và hương thơm, v.v... đức vua đã lội xuống nước ngập đến cổ, rồi với tâm tín thành (nói rằng): “Ôi! Quả nhiên cội Bồ Đề của đấng Thập Lực là vật phát ra mạng lưới hào quang đủ màu đã đi đến!” sau đó đã nâng cội Đại Bồ Đề đặt lên trên đỉnh đầu. Rồi cùng với mười sáu người xuất thân gia đình danh giá đã đi đến đứng quanh cội Đại Bồ Đề, đức vua đã cung nghinh cội Bồ Đề rời khỏi biển cả, sau đó đã đặt xuống ở bờ biển, và đã cúng dường với vương quyền của toàn thể hòn đảo Tambapaṇṇi trong ba ngày.

Atha catutthe divase mahābodhiṃ ādāya uḷāraṃ pūjaṃ kurumāno anupubbena anurādhapuraṃ sampatto anurādhapurepi mahāsakkāraṃ katvā cātuddasī divase vaḍḍhamānakacchāyāya mahābodhiṃ uttaradvārena pavesetvā nagaramajjhena atiharitvā dakkhiṇadvārena nikkhamitvā dakkhiṇadvārato pañcadhanusatike ṭhāne yattha amhākaṃ sammāsam-buddho nirodha-samāpattiṃ samāpajjitvā nisīdi. Purimakā ca tayo sammāsambuddhā samāpattiṃ appetvā nisīdiṃsu. Yattha ca kakusandhassa bhagavato sirīsabodhi, konāgamanassa bhagavato udumbarabodhi, kassapassa bhagavato nigrodhabodhi patiṭṭhāsi; tasmiṃ mahāmegha-vanuyyānassa tilakabhūte katabhūmiparikamme rājavatthudvāra-koṭṭhakaṭṭhāne mahā- bodhiṃ

patiṭṭhāpesi.

“Evaṃ laṅkāhitatthāya – sāsanassa ca vuddhiyā, mahāmeghavane ramme - mahābodhi patiṭṭhito”ti.

Bodhi-āgamana-kathā.

--ooOoo--

Sau đó vào ngày thứ tư, trong lúc nhận lấy cội Đại Bồ Đề và tiến hành sự cúng dường cao quý, đức vua theo tuần tự đã đi đến Anurādhapura và cũng đã thực hiện sự tôn vinh trọng thể ở tại Anurādhapura. Vào ngày thứ mười bốn, lúc hoàng hôn đang bao phủ, đức vua đã rước cội Đại Bồ Đề vào bằng cửa thành phía bắc rồi đã băng ngang giữa thành phố và đã đi ra bằng cửa thành phía nam, rồi tiến đến địa điểm cách cửa thành phía nam năm trăm cây cung. Nơi ấy là nơi mà bậc Chánh Đẳng Giác của chúng ta đã ngồi xuống thể nhập thiền diệt và ba vị Chánh Đẳng Giác quá khứ đã ngồi xuống nhập định. Và là nơi cội Bồ Đề Sirīra của đức Phật Kakusandha, cội Bồ Đề Udumbara của đức Phật Konāgamana, và cội Bồ Đề Nigrodha của đức Phật Kassapa đã được vun trồng. Đức vua đã cho vun trồng cội Đại Bồ Đề ở vị trí cổng ra vào của khu vực hoàng gia, ở khu đất đã được thực hiện việc chuẩn bị cho việc trồng mè, trong khu vườn Mahāmegha ấy.

“Như thế, vì sự phát triển của Giáo Pháp và nhắm đến lợi ích cho xứ Laṅkā, cội Đại Bồ Đề đã được vun trồng ở khu vườn thượng uyển Mahāmegha xinh xắn.” 1

Phần Giảng Giải về Việc Ngự Đến của Cội Bồ Đề.

--ooOoo--

1 Sđd., so sánh với câu kệ 84, chương 19.

YOJANA-THŪPA- KATHĀ

Anulādevī pañcahi kaññāsatehi pañcahi antepurikā satehīti mātugāmasahassena saddhiṃ saṅghamittattheriyā santike pabbajitvā nacirasseva saparivārā arahatte patiṭṭhāsi. Ariṭṭhopi kho rañño bhāgineyyo pañcahi purisasatehi saddhiṃ therassa santike pabbajitvā saparivāro nacirasseva arahatte patiṭṭhāsi. Athekadivasaṃ rājā bodhiṃ vanditvā therena saddhiṃ thūpārāmaṃ gacchati. Tassa lohapāsādaṭṭhānaṃ sampattassa purisā pupphāni āhariṃsu; rājā therassa pupphāni adāsi. Thero pupphehi lohapāsādaṭṭhānaṃ pūjesi. Pupphesu bhūmiyā patitamattesu mahābhūmi cālo ahosi.

Rājā “Kasmā bhante bhūmi calitā”ti pucchi. “Imasmiṃ mahārāja okāse anāgate saṅghassa uposathāgāraṃ bhavissati. Tassetaṃ pubbanimittan”ti āha. Puna tassa mahācetiyaṭṭhānaṃ sampattassa campaka-pupphāni abhihariṃsu. Tānipi rājā therassa adāsi. Thero mahācetiyaṭṭhānaṃ pupphehi pūjetvā vandi. Tāvadeva mahāpathavī saṃkampi.

Chương 9: GIẢNG GIẢI VỀ CÁC NGÔI BẢO THÁP Ở MỖI DO-TUẦN

Sau khi cùng với một ngàn phụ nữ gồm có năm trăm công nương và năm trăm cung nữ đã xuất gia trong sự chứng minh của trưởng lão ni Saṅghamittā, chẳng bao lâu sau đó hoàng hậu Anulā cùng với nhóm tùy tùng đã an trú vào phẩm vị A-la-hán. Ariṭṭho, cháu trai của đức vua, cùng với năm trăm nam nhân đã xuất gia trong sự chứng minh của vị trưởng lão. Cũng chẳng bao lâu sau, Ariṭṭho cùng với nhóm tùy tùng đã an trú vào phẩm vị A-la-hán. Sau đó vào một ngày nọ, đức vua sau khi đảnh lễ cội Bồ Đề rồi đã cùng với vị trưởng lão đi đến Tu Viện Bảo Tháp. Khi đức vua đi đến vị trí của Lohapāsāda, 1 các nam nhân đã mang lại các bông hoa và đức vua đã dâng các bông hoa đến vị trưởng lão. Vị trưởng lão đã cúng dường đến địa điểm của Lohapāsāda bằng các bông hoa. Ngay khi các bông hoa được đặt xuống mặt đất, đại địa cầu đã chấn động.

Đức vua đã hỏi rằng: "Bạch ngài, tại sao địa cầu bị rung chuyển?" Vị trưởng lão đã nói rằng: "Tâu đại vương, tại địa điểm này trong ngày vị lai sẽ là nhà hành lễ Uposatha của hội chúng. Đây là điều báo trước của việc ấy." Hơn nữa, khi đức vua đi đến địa điểm của ngôi đại bảo điện, họ đã mang lại các bông hoa campaka. Đức vua cũng đã cúng dường các bông hoa ấy đến vị trưởng lão. Vị trưởng lão sau khi cúng dường địa điểm của ngôi đại bảo điện bằng các bông hoa rồi đã đảnh lễ. Chính vào lúc ấy, đại địa cầu đã rúng động.

1 Lohapāsāda nghĩa là tòa lâu đài bằng đồng. Vào thời điểm này, Lohapāsāda còn chưa được xây dựng, nhưng địa điểm đã được xác định trước.

Rājā "Bhante kasmā pathavī kampitthā"ti pucchi. "Mahārāja imasmiṃ ṭhāne anāgate buddhassa bhagavato asadiso mahāthūpo bhavissati. Tassetaṃ pubba-nimittan"ti āha. "Ahameva karomi bhante"ti. "Alaṃ mahārāja tumhākaṃ aññaṃ bahuṃ kammaṃ atthi. Tumhākaṃ pana nattā duṭṭhagāmaṇī abhayo nāma kāressatī"ti. Atha rājā "Sace bhante mayhaṃ nattā karissati, kataṃyeva mayā"ti dvādasahatthaṃ pāsāṇatthamhaṃ āharāpetvā devānampiyatissarañño nattā duṭṭhagāmaṇi abhayo nāma imasmiṃ padese thūpaṃ karotī"ti akkharāni likhāpetvā patiṭṭhāpesi.

Atha devānampiyatissarājā cetiyapappate nihitā sammāsambuddha-bhutta-pattaṃ pūretvā āhaṭā dhātuyo hatthikkhandhena āharāpetvā sakalatambapaṇṇidīpe yojane yojane thūpaṃ kāretvā dhātuyo patiṭṭhāpesi. Bhagavato pattaṃ pana rājageheyava ṭhapetvā pūjamakāsīti.

"Nidhāpetvāna sambuddha - dhātuyo pattamattakā, kārāpesi mahārāja - thūpe yojana-yojane"ti.

Yojana-thūpa-kathā.

--ooOoo--

Đức vua đã hỏi rằng: "Bạch ngài, tại sao quả địa cầu lại rúng động?" Vị trưởng lão đã nói rằng: "Tâu đại vương, tại địa điểm này trong ngày vị lai sẽ có ngôi đại bảo tháp không gì sánh bằng của đức Phật Thế Tôn. Đây là điều báo trước của việc ấy." "Bạch ngài, chính trẫm sẽ thực hiện." "Tâu đại vương, thôi đi! Có nhiều công việc khác cho

ngài. Hơn nữa, cháu trai của ngài tên là Duṭṭhagāmaṇi Abhaya sẽ thực hiện." Khi ấy, đức vua (nói rằng): "Bạch ngài, nếu cháu trai của trẫm sẽ thực hiện, thì công việc sẽ được tiến hành là nhờ vào trẫm," sau đó đã cho mang lại cột đá cao mười hai cánh tay và đã cho khắc hàng chữ: "Cháu trai của đức vua Devānampiyatissa tên là Duṭṭhagāmaṇi Abhaya sẽ xây dựng ngôi bảo tháp ở tại khu vực này," rồi đã cho dựng lên. Sau đó, đức vua Devānampiyatissa đã cho mang lại từ lưng con voi các xá-lợi đã được tôn trí ở ngọn núi Cetiya và được đưa đến sau khi chứa đầy bình bát đã được đấng Chánh Đẳng Giác sử dụng, sau đó đã cho xây dựng ngôi bảo tháp ở mỗi do-tuần trên toàn thể hòn đảo Tambapaṇṇi, và đã tôn trí các xá-lợi. Hơn nữa, đức vua đã tôn trí bình bát của đức Thế Tôn ở ngay tại hoàng cung và đã thực hiện việc cúng dường.

"Sau khi ra lệnh tôn trí các xá-lợi và cái bình bát của đấng Chánh Giác, vị đại vương đã cho xây dựng các ngôi bảo tháp ở mỗi do-tuần."

Phần Giảng Giải về Các Ngôi Bảo Tháp ở Mỗi Do-Tuần.

--ooOoo--

TADATTHADĪPANATTHAṂ AYAMANUPUBBAKATHĀ

Atha rājā aññāni ca bahūni puññakammāni katvā cattālīsa vassāni rajjaṃ kāresi. Tassa accayena taṃ kaniṭṭho uttiyarājā dasavassāni rajjaṃ kāresi. Tassa accayena taṃ kaniṭṭho mahāsīvo dasavassāneva rajjaṃ kāresi. Tassa accayena tassāpi kaniṭṭho sūratisso dasavassāneva rajjaṃ kāresi. Tato assanāvika-puttā dve damiḷā sūratissaṃ gahetvā dvevīsavassāni dhammena rajjaṃ kāresuṃ. Te gahetvā muṭasīvassa raññο putto aselo nāma dasavassāni rajjaṃ kāresi. Atha coḷaraṭṭhato āgantvā eḷāro nāma damilo asela- bhūpatiṃ gahetvā catucattālīsa vassāni rajjaṃ kāresi. Eḷāraṃ gahetvā duṭṭhagāmaṇi abhayo rājā ahosi.

Tadatthadīpanatthaṃ ayamanupubbakathā.

--ooOoo--

Chương 10: GIẢNG GIẢI VỀ CÁC ĐỨC VUA KẾ VỊ NHẰM GIẢI THÍCH SỰ VIỆC

Sau đó, đức vua đã thực hiện nhiều việc phước báu khác nữa và đã trị vì vương quốc bốn mươi năm. Đến khi đức vua băng hà, người em trai của ngài là đức vua Uttiya đã trị vì vương quốc mười năm. Đến khi vị ấy băng hà, người em trai của vị ấy là Mahāsīva đã cai trị vương quốc chỉ mười năm. Đến khi vị ấy băng hà, người em trai của vị ấy là Sūratissa đã cai trị vương quốc cũng chỉ mười năm. Từ đó, hai người Damiḷa 1 là con trai của người lái buôn ngựa đã bắt Sūratissa và cai trị vương quốc một cách công minh trong hai mươi hai năm. Con trai của đức vua Muṭasīva tên là Asela đã bắt hai người ấy và đã cai trị vương quốc mười năm. Sau đó, người Damiḷa tên là Eḷāro đến từ xứ sở Coḷa đã bắt đức vua Asela và đã cai trị vương quốc bốn mươi bốn năm. Duṭṭhagāmaṇi Abhaya đã bắt Eḷāra và trở thành vị vua.

Phần Giảng Giải về các Đức Vua Kế Vị nhằm Giải Thích Sự Việc.

--ooOoo--

1 Thủy tổ của người Tamil hiện nay.

MAHIYAṄGANA- THŪPA-KATHĀ

Devānampiyatissarañño kira dutiyabhātiko uparājā mahānāgo nāma ahosi. Atha rañño devī attano puttassa rajjaṃ icchantī taracchanāmaṃ vāpiṃ karontassa uparājassa visena ambaṃ yojetvā ambamatthake ṭhapetvā pesesi. Deviyā putto uparājena saddhiṃ gato bhājane vivaṭe sayameva ambaṃ gahetvā khāditvā kālamakāsi. Uparājā taṃ kāraṇaṃ ñatvā deviyā bhīto tatoyeva attano deviñca balavāhanañca gahetvā rohaṇaṃ agamāsi. Tassa aggamahesi antarāmagge yaṭṭālavihāre nāma puttaṃ vijāyi. Tassa tissoti bhātunāmamakāsi.

So tassa gahetvā mahāgāme vasanto rohaṇe rajjaṃ kāresi. Tassa accayena tassa putto yaṭṭālatisso mahāgāmeyeva rajjaṃ kāresi. Tassa accayena tassāpi putto goṭhābhayo nāma tattheva rajjaṃ kāresi. Goṭhābhayassa putto kākavaṇṇatisso nāma tattheva rajjaṃ kāresi. Kākavaṇṇatissa rañño kira kalyāṇitissa rañño dhītā vihāramahādevī nāma aggamahesi ahosi. Sā rañño piyā ahosi manāpā. Rājā tāya saddhiṃ samaggavāsaṃ vasanto puññāni karonto vihāsi.

Chương 11: GIẢNG GIẢI VỀ NGÔI BẢO THÁP Ở MAHIYAṄGANA

Nghe nói người em thứ hai của đức vua Devānampiyatissa là vị phó vương tên Mahānāga. Khi ấy, trong lúc vị phó vương đang thực hiện cái hồ nước tên là Taraccha, hoàng hậu của đức vua mong muốn vương quyền cho con trai của mình nên đã tẩm độc trái xoài rồi để ở bên trên các trái xoài và gởi đến. Người con trai của hoàng hậu, đi với vị phó vương, đã tự mình cầm lấy trái xoài ở mâm đã được mở ra rồi ăn vào nên đã bị thiệt mạng. Vị phó vương biết được nguyên nhân ấy trở nên khiếp sợ bà hoàng hậu, rồi từ chính chỗ đó đã đưa nương tử của mình và đoàn quân đi đến Rohaṇa. Giữa đường ở tại trú xá tên Yaṭṭāla, chánh cung nương tử của vị ấy đã hạ sanh người con trai và đã lấy tên Tissa của người anh trai đặt cho đứa bé.

Vị phó vương đã chiếm giữ vùng đất ấy và đã cai trị vương quốc Rohaṇa trong lúc cư ngụ tại Mahāgāma. Khi vị phó vương băng hà, con trai của vị ấy tên Yaṭṭālatissa đã trị vì vương quốc ở ngay tại Mahāgāma. Khi vị ấy băng hà, con trai của vị ấy tên Goṭhābhaya đã cai trị vương quốc ở ngay tại nơi ấy. Con trai của Goṭhābhaya tên Kākavaṇṇatissa đã cai trị vương quốc ở ngay tại nơi ấy. Nghe nói con gái của đức vua Kalyāṇitissa tên Vihāramahādevī là chánh cung hoàng hậu của đức vua Kākavaṇṇatissa. Nàng được đức vua yêu thương và quý mến. Trong lúc sống chung hòa hợp cùng nàng, đức vua đã thực hiện các phước thiện.

Athekadivasaṃ devī rājageheyeva bhikkhusaṅghassa mahādānaṃ datvā sāyaṇhasamaye gandhamālādīni gāhāpetvā dhammaṃ sotuṃ vihāraṃ gatā, tattha nipannaṃ bāḷhagilānaṃ āsannamaraṇaṃ sīlavantaṃ sāmaṇeraṃ disvā gandhamālādīhi pūjetvā attano sampattiṃ vaṇṇetvā “mama puttabhāvaṃ patthetha bhante”ti yāci. So na icchi, yāpi punappuna yāciyeva. Sāmaṇeropi “evaṃ sante sāsanānuggahaṃ kātuṃ sakkā”ti sampaṭicchitvā gatinimittavasena upaṭṭhitampi devalokaṃ chaḍḍetvā nikantivasena suvaṇṇa-sivikāya gacchantiyā deviyā kucchimhi

paṭisandhiṃ gaṇhi.

Sā dasamāsaccayena puttaṃ vijāyi. Tassa gāmaṇi abhayoti nāmaṃ kariṃsu. Aparabhāge aparampi tassa tissoti nāmaṃ kariṃsu. Gāmaṇi kumāro kamena vaḍḍhento soḷasavassiko hutvā hatthassatharusippesu kovido tejo-balaparakkama-sampanno ahosi. Atha kho kākavaṇṇatissa rājā nandimitto-sūrani mmilo-mahāseno-goṭhayimbarotheraputtābhayo-bharaṇo-veḷusumano-khañcadevoph ussadevo-labhiyavasabhoti ime dasamahāyodhe puttassa santike ṭhapetvā vāsesi.

Tesaṃ uppattikathā mahāvaṃsato gahetabbā. Rājā dasamahāyodhānaṃ puttassa sakkārasamaṃ sakkāraṃ kāresi. Tissakumāraṃ janapada-rakkhanatthāya dīghavāpiyaṃ ṭhapesi.

Cho đến một ngày kia, sau khi thực hiện lễ đại thí đến hội chúng tỳ khưu ở ngay tại hoàng cung, vào buổi chiều vị hoàng hậu đã bảo mang theo các vật thơm và tràng hoa, v.v... đi đến tu viện để nghe Pháp và đã nhìn thấy một vị sa di giới đức bị bệnh trầm trọng gần chết đang nằm ở nơi ấy. Vị hoàng hậu đã cúng dường với các vật thơm và tràng hoa, v.v... rồi đã khen ngợi sự vinh hiển của bản thân sau đó đã yêu cầu rằng: "Bạch ngài, ngài hãy ước nguyện tái sanh làm con trai của tôi đi." Vị ấy đã không đồng ý, tuy nhiên hoàng hậu vẫn cứ tiếp tục thỉnh cầu. Vị sa di cũng đã suy nghĩ như vầy: "Nếu là như vậy thì có thể thực hiện việc hộ trì Giáo Pháp" nên đã đồng ý. Sau khi đã buông bỏ Thiên giới cho dầu cảnh tướng đã được xác định, rồi do nguyện ước vị ấy đã tái sanh vào bụng vị hoàng hậu đang ngồi trong chiếc kiệu vàng. Sau mười tháng, nàng đã sanh ra người con trai. Họ đã đặt tên cho đứa bé là Gāmaṇi Abhaya. Thời gian sau, họ cũng đã có người con khác nữa và đã đặt tên cho đứa bé ấy là Tissa. Trong lúc tuần tự lớn lên và đạt đến lứa tuổi mười sáu, hoàng tử Gāmaṇi là người thông thạo về voi, ngựa, kiếm thuật và đã thành tựu về danh tiếng, sức mạnh, và sự trì chí. Khi ấy, đức vua Kākavaṇṇatissa đã bố trí mười đại dũng sĩ là Nandimitta, Sūranimmila, Mahāsena, Goṭhayimbara, Theraputtābhaya, Bharaṇa, Veḷusumana, Khañcadeva, Phussadeva, và Labhiyavasabha sống kề cận người con trai. Phần nói về sự xuất thân của những vị ấy có thể xem ở Mahāvaṃsa. 1 Đức vua đã quý trọng mười vị đại dũng sĩ cũng như đã quý trọng người con trai vậy. Ngài đã bố trí hoàng tử Tissa ở Dīghavāpī nhằm mục đích bảo vệ lãnh thổ.

1 Sđd., xem chương 23,

Athekadivasaṃ gāmiṇī kumāro attano balavāhanasampattiṃ disvā "Damiḷehi saddhiṃ yujjhassāmī"ti rañño kathāpesi. Rājā puttaṃ anurakkhanto "alaṃ oragaṅgan"ti nivāresi. So yāva tatiyaṃ kathāpesi rājā kujjhitvā "Hemasaṅkhalikaṃ karotha. Bandhitvā rakkhissāmī"ti. Abhayo piturañño kujjhitvā palāyitvā malayaṃ agamāsi. Tato paṭṭhāya pitari duṭṭhattā duṭṭhagāmaṇīti paññāto. Rājā puttānaṃ kalahaṭṭhānaṃ agamanatthāya yodhehi sapathaṃ kāresi.

Atha kākavaṇṇatissa rājā catusaṭṭhivihāre kāretvā catusaṭṭhi saṃvaccharāneva ṭhatvā kālamakāsi tissakumāro pitukālakatabhāvaṃ sutvā dīghavāpito āgantvā pitusarīrakiccaṃ kāretvā mātaraṃ kaṇḍula-hatthiñca gahetvā bhātubhayā

dīghavāpiṃ agamāsi. Amaccā sannipatitvā taṃ pavattiṃ vatvā duṭṭhagāmaṇissa santikaṃ pesesuṃ. So taṃ sāsanaṃ sutvā bhuttasālaṃ āgamma bhātu santikaṃ dūte pesetvā tato mahāgāmaṃ āgantvā abhisekaṃ patvā “Mātaraṃ kaṇḍulahatthiñca pesetū”ti yāva tatiyaṃ bhātu santikaṃ lekhā pesetvā apesana-bhāvaṃ ñatvā yuddhāya nikkhami. Culaṅgaṇiya piṭṭhiyaṃ dvinnaṃ bhātūnaṃ mahāyuddhaṃ ahosi.

Vào một ngày nọ, sau khi nhận thấy sự thành tựu binh lực của mình, hoàng tử Gāmaṇi đã cho người thông báo với đức vua rằng: “Con sẽ gây chiến với những người Damiḷa.” Đức vua trong lúc bảo vệ đứa con trai đã ngăn cản rằng: “Bên này sông Gaṅgā là đủ rồi!” Vị hoàng tử đã cho người thông báo đến lần thứ ba khiến đức vua đã nổi giận (ra lệnh rằng): “Hãy làm sợi xích bằng vàng. Ta sẽ trói lại và bảo vệ nó.” Abhaya đã hờn giận vua cha nên đã trốn thoát và đi đến Malaya; do bản tánh hờn giận người cha nên từ đó trở đi được biết đến là Duṭṭhagāmaṇi. 1 Đức vua đã buộc các dũng sĩ thực hiện lời thề là không đi đến tham dự chiến trận của người con trai.

Sau đó, đức vua Kākavaṇṇatissa đã cho xây dựng sáu mươi bốn tu viện và đã sống chỉ sáu mươi bốn năm rồi băng hà. Hoàng tử Tissa nghe được tin người cha đã băng hà nên đã từ Dīghavāpī đi đến và cho tiến hành việc mai táng thi thể của vua cha, sau đó đã giữ lại người mẹ và con voi Kaṇḍula rồi trở về lại Dīghavāpī vì sự e ngại đối với người anh trai. Các quan đại thần sau khi tụ họp đã bàn thảo về sự kiện ấy rồi đã phái người đi đến gặp Duṭṭhagāmaṇi. Vị ấy, sau khi nghe được lời nhắn ấy, đã đi đến Bhuttasālā 2 và đã phái các sứ giả đến gặp người em trai, rồi từ nơi ấy đã đi đến Mahāgāma và đã thành tựu lễ đăng quang, sau đó đã phái người đưa thơ cho người em đến lần thứ ba (ra lệnh rằng): “Hãy đưa mẹ và con voi Kaṇḍula về.” Và khi biết được tình trạng không chịu phục tòng (của người em), Duṭṭhagāmaṇi đã xuất binh ra trận. Trận chiến dữ dội của hai anh em đã diễn ra tại sườn núi ở Culaṅgaṇiya.

1

Duṭṭha: hờn giận, giận dữ, xấu xa. Duṭṭha được ghép thêm vào ở phía trước tên của đức vua.

2

Mahāvaṃsa ghi là Guttahāla (Chương 24, câu kệ 17).

Te kira yodhā sapathassa katattā tesaṃ yuddhe sahāyā na bhaviṃsu. Tadā rañño anekasahassa manussā mariṃsu. Rājā parajjitvā tissāmaccaṃ dīghatūṇikaṃ vaḷavañca gahetvā palāyi. Kumāro pacchato pacchato anubandhi. Antare bhikkhū pabbataṃ māpesuṃ. Taṃ disvā kumāro “bhikkhusaṅghassa kamman”ti ñatvā nivatti. Rājā palāyitvā kappakandara-nadiyā jalamālatitthaṃ nāma gantvā “chātomhī”ti āha. Amacco suvaṇṇasarake pakkhittabhattaṃ nīharitvā adāsi.

Rājā kālaṃ sallakkhetvā “Saṅghassa datvā bhuñjāmī”ti “saṅghassa-amaccassa-vaḷavāya-attano cā”ti catubhāgaṃ katvā kālaṃ ghosāpesi. Tadā piyaṅgudīpato kuṭumbiyatissatthero nāma āgantvā purato aṭṭhāsi. Rājā theraṃ disvā pasannamānaso saṅghassa ṭhapitabhāgaṃ attano bhāgañca therassa patte pakkhipi. Amaccopi attano bhāgaṃ pakkhipi. Vaḷavāpi dātukāmā ahosi. Tassādhippāyaṃ ñatvā amacco tassāpi bhāgaṃ patte pakkhipi.

Iti so rājā therassa paripuṇṇa-bhattapattaṃ adāsi. Thero pattaṃ gahetvā gantvā gotamattherassa nāma adāsi. So pañcasata-bhikkhū bhojetvā puna tato laddhehi bhāgehi pattaṃ pūretvā ākāse khipi. Patto gantvā rañño purato aṭṭhāsi.

Nghe rằng những dũng sĩ thân cận ấy đã không tham dự trận chiến của họ do đã thực hiện lời thề. Khi ấy, hàng ngàn binh sĩ của đức vua đã bị chết. Đức vua bị thua trận nên đã đem theo viên quan đại thần Tissa 1 và con lừa Dīghatūṇika tẩu thoát. Vị hoàng tử 2 đã đuổi theo sát phía sau. Các vị tỳ khưu đã biến hóa ra ngọn núi ở giữa. Sau khi nhìn thấy điều ấy, vị hoàng tử biết được: "Việc làm của hội chúng tỳ khưu" nên đã quay lui. Đức vua sau khi tẩu thoát đã đi đến hải cảng tên Jalamāla ở giòng sông Kappakandara và đã nói rằng: "Ta đói." Viên quan đại thần đã đem lại bữa ăn được đặt vào trong cái tô bằng vàng rồi dâng lên. Đức vua đã xem xét thời giờ (nghĩ rằng): "Ta sẽ dâng đến hội chúng rồi mới ăn" và đã chia làm bốn phần cho hội chúng, vị quan đại thần, con lừa, và cho bản thân, rồi đã bảo thông báo về giờ giấc. Khi ấy, vị trưởng lão tên Kuṭumbiyatissa đã đi đến từ hòn đảo Piyaṅgu và đứng ở phía trước. Đức vua sau khi nhìn thấy vị trưởng lão liền sanh tâm tịnh tín và đã đặt phần chia dành riêng cho hội chúng và phần ăn của mình vào bình bát của vị trưởng lão. Viên quan đại thần cũng đã đặt phần ăn của mình (vào bình bát). Ngay cả con lừa cũng đã khởi tâm bố thí. Viên quan đại thần nhận biết được ý định của con lừa nên cũng đã đặt phần ăn của nó vào bình bát. Như thế, vị vua ấy đã dâng bình bát đầy vật thực đến vị trưởng lão. Sau khi nhận lấy bình bát, vị trưởng lão đã ra đi và đã dâng đến vị trưởng lão tên là Gotama. Sau khi đã giải quyết bữa ăn cho năm trăm vị tỳ khưu, vị trưởng lão đã làm đầy bình bát bằng những phần ăn được nhận lại từ nơi ấy, sau đó đã ném lên không trung. Bình bát đã di chuyển rồi dừng lại ở phía trước đức vua. 1 Viên quan đại thần có trùng tên Tissa với vị hoàng tử. 2 Vị hoàng tử là người em trai tên Tissa, còn đức vua là Duṭṭhagāmaṇi Abhaya.

Tisso pattaṃ gahetvā rājānaṃ bhojetvā tato sayaṃ bhuñjitvā vaḷāvaṃ bhojesi. Tato rājā sannāhaṃ cumbaṭakaṃ katvā pattaṃ vissajjesi. Tato gantvā therassa hatthe patiṭṭhāsi. Rājā puna mahāgāmaṃ āgantvā senaṃ saṅkaḍḍhitvā saṭṭhisahassa balaṃ gahetvā puna bhātarā saddhiṃ yujjhi. Tadā kumārassa anekasahassā manussā patiṃsu.

Kumāro palāyitvā vihāraṃ pavisitvā mahātherassa gehaṃ pāvisi. Rājā pacchato pacchato anubandhanto vihāraṃ paviṭṭhabhāvaṃ ñatvā nivatti. Pacchā therā te ubho bhātaro aññamaññaṃ khamāpesuṃ. Tadā rājā sassakammāni kāretuṃ tissakumāraṃ dīghavāpimeva pahiṇitvā sayampi bheriṃ carāpetvā sassakammāni kāresi. Atha mahājanassa saṅgahaṃ katvā kunte dhātuṃ nidhāpetvā balavāhana- parivuto tissārāmaṃ gantvā saṅghaṃ vanditvā "Bhante sāsanaṃ jotetuṃ pāragaṅgaṃ gamissāmi sakkāretuṃ amhehi sahagāmino bhikkhū dethā"ti āha. Saṅgho pañcasatabhikkhū adāsi. Rājā bhikkhusaṅghaṃ gahetvā kaṇḍulahatthimāruyha yodhehi parivuto mahatā balakāyena yuddhāya nikkhamitvā mahiyaṅgaṇaṃ āgantvā tattha damiḷehi saddhiṃ yujjhanto mahiyaṅgaṇe kañcuka-thūpaṃ kāresi. Tassa thūpassa vibhāvanatthaṃ ayamānupubbakathā.

(Viên quan đại thần) Tissa đã nhận lấy bình bát rồi phục vụ bữa ăn cho đức vua, bản thân đã thọ dụng phần còn lại, rồi mới cho con lừa ăn. Sau đó, đức vua đã buộc chặt lớp vải rồi ném bình bát đi. Từ chỗ đó, bình bát đã đi đến và đáp vào bàn tay của vị trưởng lão. Đức vua đã quay trở lại Mahāgāma và đã quy tụ lại quân đội, sau khi đạt được binh lực sáu mươi ngàn đã chiến đấu với người em lần nữa. Lần này, hàng ngàn binh sĩ của vị hoàng tử đã gục ngã.

Vị hoàng tử sau khi trốn thoát đã đi vào tu viện rồi vào đến gian nhà của vị đại trưởng lão. Trong lúc đuổi theo sát phía sau, đức vua đã biết được việc đi vào tu viện (của người em) nên đã quay về. Sau đó, các vị trưởng lão đã hòa giải cả hai anh em họ với nhau. Rồi đức vua đã phái hoàng tử Tissa đến ngay tại Dīghavāpī để hướng dẫn các công việc mùa màng, còn bản thân sau khi cho nổi trống lên cũng đã điều hành các công việc trồng trọt. Sau đó, khi đã quy tụ được đông người, đức vua đã gắn xá-lợi ở cây thương rồi cùng với đoàn quân tùy tùng đi đến tu viện Tissa đảnh lễ hội chúng rồi đã nói rằng: "Bạch các ngài, trẫm sẽ đi đến bên kia sông Gaṅgā để làm sáng chói Giáo Pháp. Xin hãy cho các vị tỳ khưu cùng đi để chúng tôi được vinh hạnh." Hội chúng đã trao cho năm trăm vị tỳ khưu. Sau khi tiếp nhận hội chúng tỳ khưu, đức vua đã leo lên lưng con voi Kaṇḍula, được hộ vệ bởi các dũng sĩ, rồi tiến ra chiến trường cùng với binh lực hùng mạnh tiến đến Mahiyaṅgana. Trong lúc chiến đấu với những người Damiḷa ở tại nơi ấy, đức vua đã cho xây dựng ngôi bảo tháp Kañcuka tại Mahiyaṅgana. Sau đây là phần giảng giải tuần tự nhằm mục đích nói rõ về ngôi bảo tháp ấy:

Bhagavā kira bodhito navame māse imaṃ dīpamāgantvā gaṅgātīre tiyojanāyate yojanavitthate mahānāgavanuyyāne yakkha-samāgamaṃ āgantvā tesaṃ yakkhānaṃ uparibhāge mahiyaṅgaṇa-thūpassa ṭhāne vehāsayaṃ ṭhito, vuṭṭhivātandhakārādīhi yakkhe santāsetvā tehi abhayaṃ yācito "Tumhākaṃ abhayaṃ dassāmi tumhe samaggā mayhaṃ nisīdanaṭṭhānaṃ dethā"ti āha. Yakkhā, "Mārisa te imaṃ sakaladīpaṃ demi. Abhayaṃ no dehī"ti āhaṃsu.

Tato bhagavā tesaṃ bhayaṃ apanuditvā tehi dinnabhūmiyaṃ camma-khaṇḍaṃ pattharitvā tattha nisinno tejokasiṇaṃ samāpajjitvā cammakhaṇḍaṃ samantato jāletvā vaḍḍhesi. Te cammakhaṇḍena abhibhūtā samantato sāgara- pariyante rāsibhūtā ahesuṃ. Bhagavā iddhibalena giridīpaṃ nāma idhānetvā tattha yakkhe pavesetvā dīpaṃ yathāṭṭhāne ṭhapetvā cammakhaṇḍaṃ saṅkhipi. Tadā devatā samāgamo ahosi. Tasmiṃ samāgame bhagavā dhammaṃ desesi. Tadā-

"Nekesaṃ pāṇakoṭīnaṃ - dhammābhisamayo ahu, saraṇesu ca sīlesu - ṭhitā āsuṃ asaṅkhiyā.

Sotāpattiphalaṃ patvā - sele sumanakūṭake, mahāsumana devindo - pūjiyaṃ yāci pūjiyaṃ.

Nghe rằng vào tháng thứ chín kể từ khi được giác ngộ, đức Thế Tôn đã ngự đến hòn đảo này và đã đi đến cộng đồng các Dạ-xoa ở khu vườn Mahānāga có chiều dài ba do-tuần chiều rộng một do-tuần ở bờ sông Gaṅgā, sau đó đã đứng ở không trung phía bên trên các Dạ-xoa ấy tại vị trí của bảo tháp Mahiyaṅgana và đã làm cho các Dạ-xoa

hoảng sợ bởi các cơn mưa, gió, và bóng tối, v.v... Khi được các Dạ-xoa ấy cầu xin sự không còn sợ hãi, đức Phật đã nói rằng: "Ta sẽ ban cho các ngươi sự không còn sợ hãi, các ngươi hãy đồng ý cho ta một chỗ ngồi." Các Dạ-xoa đã nói rằng: "Quý nhân ơi, chúng tôi xin dâng ngài toàn thể hòn đảo này. Hãy ban cho chúng tôi sự không còn sợ hãi." Sau đó, đức Thế Tôn đã xua tan nỗi sợ hãi của các Dạ- xoa, rồi đã trải ra mảnh da thú ở trên mặt đất đã được chúng dâng cho, và đã ngồi xuống tại chỗ ấy. Ngài đã thể nhập đề mục lửa rồi đã làm cho phát hỏa ở xung quanh mảnh da thú, sau đó đã làm cho lan rộng ra. Bị chế ngự bởi mảnh da thú, các Dạ-xoa đã co cụm lại ở ven bờ biển xung quanh. Bằng năng lực của thần thông, đức Thế Tôn đã mang hòn đảo tên Giri đến nơi ấy, đã đưa các Dạ-xoa lên hòn đảo, rồi đã mang hòn đảo trở về lại vị trí cũ, sau đó đã gấp mảnh da thú lại. Khi ấy, chư Thiên đã tụ hội lại. Ở cuộc tụ hội ấy, đức Thế Tôn đã thuyết giảng Giáo Pháp. Khi ấy: "Không những nhiều koṭi chúng sanh đã lãnh hội Giáo Pháp mà vô số chúng sanh đã an trú vào các sự nương tựa và các giới cấm. Chúa Trời Mahāsumana ở trên núi đá Sumanakūṭa 1 sau khi chứng đạt quả vị Nhập Lưu đã cầu xin bậc đáng cúng dường về vật để cúng dường.

1 Theo Geiger, Sumanakūṭa là Adam's Peak, một điểm du lịch của Sri Lanka ngày nay (The Mahāvaṃsa, trang 5, cước chú 1).

Siraṃ parāmasitvāna - nīlāmalasiroruhe, pāṇimatte adā kese - tassa pāṇihito jino.

So taṃ suvaṇṇacaṅgoṭa - varenādāya satthuno, nisinnaṭṭhāna racite - nānāratanasañcaye.

Uccato sattaratane - ṭhapetvāna siroruhe, taṃ indanīla-thūpena - pidahesi namassi ca." Parinibbute pana bhagavate dhammasenāpati- sāriputtattherassa antevāsiko sarabhū nāmeko thero citakato gīvaṭṭhidhātu gahetvā bhikkhusaṅgha-parivuto āgantvā tasmiṃyeva cetiye patiṭṭhāpetvā meghavaṇṇapāsāṇehi chādetvā dvādasahatthubbedhaṃ thūpaṃ kāretvā pakkāmi.

Atha devānampiyatissarañño bhātā cūḷābhayo nāma taṃ abbhutaṃ cetiyaṃ disvā tiṃsahatthubbedhaṃ cetiyaṃ kāresi. Idāni duṭṭhagāmaṇīpi abhayarājā mahiyaṅgaṇaṃ āgantvā tattha damiḷe maddanto asītihatthubbedhaṃ kañcukacetiyaṃ kāretvā pūjamakāsi.

"Evamaccāyikaṃ kammaṃ - karontāpi guṇākarā, karonti puññaṃ sappaññā - saṃsārabhayabhīrukā"ti.

Mahiyaṅgana-thūpa-kathā.

--ooOoo--

Đấng Chiến Thắng, bậc ân nhân của chúng sanh đã sờ vào đỉnh đầu rồi đã cho vị ấy nắm tóc từ mái tóc xanh tuyền. Vị ấy đã nhận lấy vật ấy bằng chiếc hòm vàng quý báu. Rồi đống báu vật gồm nhiều loại đã được gom tụ lại ở chỗ bậc Đạo Sư đã ngồi. Vị ấy đã tôn trí nắm tóc ở bên trên bảy loại báu vật, sau đó đã kiến tạo ngôi bảo tháp bằng ngọc trùm lên nắm tóc và khối báu vật ấy, rồi đã phụng thờ." 1 Hơn nữa, sau khi đức Thế Tôn đã viên tịch Niết Bàn, vị trưởng lão tên Sarabhū, đệ tử của bậc trưởng lão Tướng

Quân Chánh Pháp Sāriputta, đã nhận lấy xá-lợi xương đòn ở cổ từ lễ hỏa táng rồi được tháp tùng bởi hội chúng tỳ khưu đã đi đến và đã tôn trí ở ngay tại ngôi bảo điện ấy, sau đó đã đậy lên bằng những viên đá màu mây, đã cho xây dựng ngôi bảo tháp cao mười hai cánh tay, rồi ra đi. Sau đó, người em trai của đức vua Devānampiyatissa tên là Cūḷābhaya đã nhìn thấy ngôi bảo điện tuyệt vời ấy rồi đã cho xây dựng ngôi bảo điện cao ba mươi cánh tay. Lúc bấy giờ, đức vua Duṭṭhagāmaṇi Abhaya cũng đã đi đến Mahiyaṅgana, và trong khi khuất phục những người Damiḷa ở tại nơi ấy, đã cho xây dựng ngôi bảo điện bao bọc quanh cao tám mươi cánh tay rồi đã thực hiện việc cúng dường. “Ngay cả trong lúc tiến hành những công việc khẩn thiết như thế, những người hành đức hạnh, các bậc trí tuệ, những người sợ hãi nỗi hiểm nguy của sự luân hồi vẫn làm điều phước thiện.” Phần Giảng Giải về Ngôi Bảo Tháp ở Mahiyaṅgana.

--ooOoo--

1 Sđd., chương 1, các câu kệ 32-36.

MARICAVAṬṬI-VIHĀRA-KATHĀ

Tato rājā chatta-damiḷehi saddhiṃ yujjhitvā chattadamiḷaṃ gaṇhitvā tatra bahū damiḷe ghātetvā ambatitthaṃ āgantvā ambadamiḷaṃ catūhi māsehi gaṇhi. Tato oruyha mahabbale sattadamiḷe ekāheneva gaṇhi. Tato antarasobbhe mahākoṭṭha-damiḷaṃ, doṇagāme gavara- damiḷaṃ, hālakole mahissariya-damiḷaṃ, nāḷisobbhe nāḷika- damiḷaṃ, dīghābhayagallamhi dīghābhaya-damiḷaṃ gaṇhi. Tato kacchatitthe kiñcisīsa damiḷaṃ catūhi māsehi gaṇhi. Tato veṭhanagare tāḷa-damiḷaṃ, bhāṇaka-damiḷañca, vahiṭṭhe vahiṭṭha-damiḷaṃ, gāmiṇimhi gāmiṇi-damiḷaṃ, kumbugāmamhi kumbu-damiḷaṃ, nandikagāmamhi nandika- damiḷaṃ, khāṇugāmamhi khāṇu-damiḷaṃ, tambunnagāmake mātula bhāgineyye dve damiḷe ca gaṇhi.

Tadā, “Ajānitvā sakaṃ senaṃ - ghātenti sajanā iti, sutvāna saccakiriyaṃ - akari tattha bhūpati.

Rajjasukhāya vāyāmo - nāyaṃ mama kadāpi ca, sambuddhasāsanasseva - ṭhapanāya ayaṃ mama.

Tena saccena me senā – kāyopagata-bhaṇḍakaṃ, jālavaṇṇaṃva hotūti - taṃ tatheva tadā ahu.”

Chương 12: GIẢNG GIẢI VỀ TU VIỆN MARICAVAṬṬI

Kể từ đó, đức vua đã gây chiến với những người Damiḷa phe Chatta, rồi đã bắt được Chatta người Damiḷa và đã giết nhiều người Damiḷa tại nơi ấy, sau đó đã đi đến Ambatiṭṭhaṃ và đã bắt được Amba người Damiḷa sau bốn tháng. Từ đó, đức vua đã tiến xuống và chỉ trong một ngày đã bắt được bảy người Damiḷa có binh lực lớn mạnh. Sau đó, đã bắt được Mahākoṭṭha người Damiḷa ở Antarasobbha, Gavara người Damiḷa ở làng Doṇa, Mahissariya người Damiḷa ở Hālakola, Nāḷika người Damiḷa ở Nāḷisobbha, Dīghābhaya ở Dīghābhayagalla. Sau đó bốn tháng, đã bắt được Kiñcisīsa người Damiḷa ở Kacchatittha. Kế đến, đã bắt được Tāḷa người Damiḷa và Bhāṇaka người Damiḷa ở

thành phố Veṭha, Vahiṭṭha người Damiḷa ở Vahiṭṭha, Gāmiṇi người Damiḷa ở Gāmiṇi, Kumbu người Damiḷa ở làng Kumbu, Nandika người Damiḷa ở làng Nandika, Khāṇu người Damiḷa ở làng Khāṇu, và hai cậu cháu người Damiḷa ở thôn Tambunna. Khi ấy, "Ở tại nơi ấy, đức vua đã nghe được rằng: 'Không nhận ra đội quân của mình, những người cùng phe giết nhau,' nên đã bày tỏ lời chân thật rằng: 'Sự nỗ lực này của ta không bao giờ vì sự khoái lạc của vương quyền, việc này của ta chỉ nhằm việc thiết lập Giáo Pháp của đấng Toàn Giác. Do lời chân thật này, binh phục gắn trên mình các chiến sĩ của ta hãy trở nên giống như có màu sắc của ngọn lửa.' Khi ấy, sự việc ấy đã diễn ra đúng y như thế." 1

1 Sđd., chương 25, các câu kệ 16-18.

Evaṃ rājā gaṅgātīre damiḷe ghātesi. Ghātita-sesā sabbe āgantvā vijitanagare pavisiṃsu. Tadā rājā vijitanagaraṃ gaṇhituṃ vīmaṃsanatthāya āgacchantaṃ nandhimittaṃ disvā kaṇḍulaṃ muñcesi. Kaṇḍulopi taṃ gaṇhituṃ āgañchi. Tadā nandhimitto hatthethi ubho dante bāḷhaṃ gahetvā pīḷetvā ukkuṭikaṃ nisīdāpesi. Rājā ubho vīmaṃsetvā vijitanagaraṃ āgato. Tato dakkhiṇadvāre yodhānaṃ mahāsaṅgamo ahosi. Puratthimadvāre veḷusumano assaṃ āruyha bahū damiḷe ghātesi. Damiḷā anto pavisitvā dvāraṃ thakesuṃ. Tato rājā yodhe vissajjesi, kaṇḍulahatthi nandhimitto suranimmilo ca dakkhiṇadvāre kammaṃ kariṃsu. Mahāsoṇo goṭhayimbaro theraputtābhayo cāti ime tayo itaresu tīsu dvāresu kammaṃ kariṃsu.

Tañca nagaraṃ parikhattāya parikkhitaṃ, daḷha-pākāra- gopuraṃ, ayo dvārayuttaṃ ahosi. Kaṇḍulo jāṇuhi ṭhatvā silā sudhā iṭṭhakā bhinditvā ayodvāraṃ pāpuṇi. Tadā damiḷā gopure ṭhatvā nānāvudhāni khipiṃsu. Pakka-ayoguḷe ceva pakkaṭṭhita-silesañca hatthipiṭṭhiyaṃ pakkhipiṃsu. Tadā kaṇḍulo vedanaṭṭo udakaṭṭhānaṃ gantvā udake ogāhi. Tadā goṭhayimbaro "na idaṃ surāpānaṃ bhavati. Ayodvāra- vighāṭanaṃ nāma, gaccha dvāraṃ vighāṭehī"ti āha. Taṃ sutvā jātābhimāno kuñcanādaṃ katvā udakā uggamma thale aṭṭhāsi. Atha hatthivejjo silesaṃ dhovitvā osadhaṃ akāsi.

Đức vua đã giết các người Damiḷa ở bờ sông Gaṅgā như thế. Trừ số bị giết chết, tất cả số còn lại đã đi đến và vào trong thành phố Vijita. Khi ấy, đức vua đã nhìn thấy Nandhimitta đang tiến đến nhằm ra sức chiếm lấy thành phố Vijita nên đã thả con voi Kaṇḍula ra. Con voi Kaṇḍula cũng đã xông đến để tóm lấy Nandhimitta. Khi ấy, Nandhimitta đã dùng cả hai tay nắm chặt lấy hai ngà voi, ghì mạnh, và buộc con voi phải quỳ mọp xuống. Sau khi đã cho cả hai thử tài, đức vua đã đi đến thành phố Vijita. Khi ấy, ở cửa thành phía nam đã xảy ra trận xung đột dữ dội giữa các dũng sĩ. Ở cửa thành phía Đông Veḷusumana đã leo lên ngựa và đã giết nhiều người Damiḷa. Những người Damiḷa sau khi vào được bên trong đã đóng cửa thành lại. Do đó, đức vua đã cho các dũng sĩ xuất trận. Con voi Kaṇḍula, Nandhimitta, và Suranimmila đã thực hiện công việc ở cửa thành phía Nam. Mahāsoṇa, Goṭhayimbara, và Theraputtābhaya, ba người này đã thực hiện công việc ở ba cửa thành khác. Và thành phố ấy đã được bao bọc quanh bởi ba đường hào có tường thành và cổng thành vững chắc được gắn cánh cửa bằng sắt. Con voi Kaṇḍula đã quỳ bằng các đầu gối và phá vỡ các tảng đá, vữa hồ,

và các viên gạch rồi đã đến được cánh cửa bằng sắt. Khi ấy, những người Damiḷa đứng ở cổng thành đã phóng ra vô số vũ khí. Họ còn ném ra những trái banh sắt đã được nung đỏ và cả nhựa dính đã được nấu chảy vào lưng của con voi. Khi ấy, con voi Kaṇḍula bị thọ khổ nên đã chạy đến chỗ có nước và đắm mình trong nước. Khi ấy, Goṭhayimbara đã nói rằng: "Đây không phải là nước thánh. Việc cần thiết là phá hủy cánh cửa bằng sắt. Hãy đi đến và phá hủy cánh cửa." Nghe được điều ấy, con voi vô cùng tự hào về chủng loại đã rống lên tiếng rống của loài voi, rồi lội ra khỏi nước, và đứng ở trên mặt đất. Khi ấy, vị y sĩ chăm sóc voi đã rửa sạch chất nhựa dính rồi bôi thuốc vào.

Tato rājā hatthiṃ āruyha pāṇinā kumbhe parāmasitvā "Sakalalaṅkātale rajjaṃ tava dammī"ti tosetvā varabhojanaṃ bhojetvā vaṇaṃ sāṭakena veṭhetvā suvammitaṃ katvā cammapiṭṭhiyaṃ mahisacammaṃ sattaguṇaṃ katvā bandhitvā tassupari telacammaṃ bandhitvā taṃ vissajjesi. So asani-viya gajjanto gantvā dāṭhāhi padaraṃ vijjhitvā pādena ummāraṃ hani. Dvāra-bāhāhi saddhiṃ ayodvāraṃ mahāsaddena bhūmiyaṃ pati. Gopure dabbasambhāraṃ pana hatthipiṭṭhiyaṃ patantaṃ disvā nandhimitto bāhāhi paharitvā pavaṭṭesi. Tadā kaṇḍulo dāṭhāpīḷanaveraṃ chaḍḍesi.

Tato kaṇḍulo attano piṭṭhiṃ ārūhanatthāya nandhimittaṃ olokesi. So "tayā katamaggena na pavisissāmī"ti aṭṭhārasa- hatthubbedhaṃ pākāraṃ bāhunā paharitvā aṭṭhusabhappamāṇaṃ pākārappadesaṃ pātetvā suranimmilaṃ olokesi. Sopi tena katamaggaṃ anicchanto pākāraṃ laṅghitvā nagarabbhantare pati. Goṭhayimbaropi, soṇopi, theraputtābhayopi ekekadvāraṃ bhinditvā pavisiṃsu.

Sau đó, đức vua đã cỡi lên con voi rồi dùng bàn tay xoa trán khích lệ rằng: "Trẫm sẽ ban cho ngươi vương quyền ở trên toàn bộ đảo Laṅkā," sau đó đã cho ăn thức ăn hảo hạng, đã dùng vải đắp lên vết thương, rồi cho che chắn kỹ lưỡng, sau đó đã xếp bảy lớp da trâu ở trên lưng làm áo giáp rồi thắt lại, còn buộc thêm lớp da có bôi dầu ở phía trên nó nữa, rồi cho nó xuất trận. Con voi rống lên như tiếng sấm rồi đã tiến đến dùng ngà xuyên thủng bề mặt cánh cửa và đã dùng chân dẫm nát khung cửa. Cánh cửa bằng sắt với vòm cửa đã rơi trên mặt đất với tiếng động ầm ĩ. Hơn nữa, khi nhìn thấy những cây gỗ và vật liệu ở cổng thành đang rơi xuống trên lưng con voi, Nandhimitta đã dùng cánh hai tay cản lại và xô sang một bên. Khi ấy, con voi Kaṇḍula đã từ bỏ nỗi thù hằn vì việc hành hạ cặp ngà.

Sau đó, con voi Kaṇḍula đã nhìn Nandhimitta ngụ ý về việc cỡi lên ở trên lưng mình. Nandhimitta (nói rằng): "Ta sẽ không đi vào bằng con đường đã được ngươi dọn sẵn," sau đó đã dùng tay đập vào bức tường thành cao mười tám cánh tay và đã làm đổ xuống khoảng tường thành kích thước tám usabha 1 rồi nhìn Suranimmila. Suranimmila cũng không thích con đường đã được Nandhimitta tạo ra nên đã nhảy qua tường thành và rơi vào bên trong thành phố. Goṭhayimbara, Soṇa, Theraputtābhaya mỗi người cũng đã phá vỡ một cánh cửa rồi tiến vào.

1 18 hattha (cánh tay) = 9 m; 8 usabha = 400 m.

Tato “Hatthi gahetvā rathacakkaṃ - mitto sakaṭa-pañjaraṃ, nāḷikerataruṃ goṭho - nimmilo khaggamuttamaṃ.

Tālarukkhaṃ mahāsoṇo - theraputto mahāgadaṃ, visuṃ visuṃ vīthigatā - damiḷe tattha cuṇṇayuṃ.”

Evaṃ vijitanagaraṃ catūhi māsehi bhinditvā damiḷe māretvā tato girilokaṃ nāma gantvā giriya-damiḷaṃ aggahesi. Tato mahela-nagaraṃ gantvā catūhi māsehi mahela-rājānaṃ gaṇhi. Tato rājā anurādhapuraṃ gacchanto paritokāsapabbate nāma khandhāvāraṃ nivāsetvā tattha taḷākaṃ kāretvā jeṭṭhamūlamāsamhi udakakīḷaṃ kīḷi. Eḷāropi duṭṭhagāmaṇissa āgatabhāvaṃ sutvā amaccehi saddhiṃ mantetvā “sve yuddhaṃ karissāmā”ti nicchayaṃ akāsi. Punadivase sannaddho mahāpabbata-hatthiṃ āruyha mahābalakāya parivuto nikkhami. Gāmaṇīpi mātarā saddhiṃ mantetvā dvattiṃsa-balakoṭṭhake kāretvā chattadhare rājarūpake tattha tattha ṭhapesi. Abbhantarakoṭṭhake sayaṃ aṭṭhāsi.

Do đó: “Con voi đã nắm lấy bánh xe ngựa, Mitta đã nắm lấy khung xe kéo, Gotha đã nắm lấy thân cây dừa, Nimmila đã nắm lấy cây gươm tuyệt hảo.

Mahāsoṇa đã nắm lấy cây thốt nốt, Theraputta đã nắm lấy thanh sắt lớn rồi đã tiến lên theo đường lối riêng của mỗi người và đã nghiền nát những người Damiḷa tại nơi ấy.” 1

Như thế trong bốn tháng, sau khi đã phá vỡ thành phố Vijita và giết chết những người Damiḷa, đức vua đã từ đó đi đến địa điểm gọi là Giriloka và đã bắt giữ Giriya người Damiḷa, rồi từ đó đã đi đến thành phố Mahela và trong bốn tháng đã bắt được vua Mahela. Từ đó, trong khi đi đến Anurādhapura, đức vua đã cho đóng quân ở xung quanh hòn núi tên Kāsa, sau đó đã cho đào hồ nước ở nơi ấy và đã thưởng thức lễ hội nước vào đầu tháng Jeṭṭha. Về phần Eḷāra sau khi nghe được việc tiến đến của Duṭṭhagāmani đã hội thảo với các quan đại thần rồi đã quyết định rằng: “Ngày mai, ta sẽ gây chiến.” Vào ngày kế, Eḷāra đã vũ trang rồi leo lên con voi Mahāpabbata và đã xuất chinh có binh lực hùng vĩ tháp tùng. Gāmaṇi cũng đã hội thảo với người mẹ sau đó đã phân chia thành ba mươi hai đội binh và đã bố trí các hình tượng của đức vua có che lọng ở tại chỗ này chỗ nọ, còn bản thân đã ngự ở đội quân chính giữa.

1 Sđd., chương 25, hai câu kệ 45-46.

Tato saṅgāme vattamāne eḷāraraññho dīghajattu nāma mahāyodho khagga-phalakaṃ gahetvā bhūmito aṭṭhārasahatthaṃ nabhamuggantvā rājarūpaṃ chinditvā paṭhamaṃ balakoṭṭhakaṃ bhindi. Evaṃ sesepi balakoṭṭhake bhinditvā mahāgāmaṇinā ṭhitaṃ balakoṭṭhakaṃ āgami. Tadā suranimmilo raññho parigacchantaṃ disvā attano nāmaṃ sāvetvā taṃ akkosi. Taṃ sutvā dīghajattu “Paṭhamaṃ imaṃ māremī”ti kujjhitvā ākasamabbhuggantvā attanopari otarantaṃ disvā suranimmalo attano phalakaṃ upanāmesi. Itaropi “phalakena saddhiṃ taṃ bhindissāmī”ti cintetvā phalakaṃ pahari. Itaro phalakaṃ muñci, dīghajattu phalakaṃ chindanto bhūmiyaṃ pati. Suranimmilo taṃ sattiyā pahari. Phussadevo taṃ khaṇe saṅkhaṃ dhami, asanisaddo viya ahosi. Ummādappattā viya manussā ahesuṃ. Tato damiḷasenā bhijjittha, eḷāro palāyittha. Tadāpi bahudamiḷe ghātesuṃ.

“Tattha vāpijalaṃ āsi - hatānaṃ lohitāvilaṃ, tasmā kulatthavāpīti - nāmato vissutā ahu.

Carāpetvā tahiṃ bheriṃ - duṭṭhagāmaṇi bhūpati, na hanissatu eḷāraṃ - maṃ muñciya paro iti.

Sannaddho sayamāruyha - sannaddhaṃ kaṇḍulaṃ kariṃ, eḷāraṃ anubandhanto - dakkhiṇadvāramāgami.

Sau đó, trong lúc cuộc chiến đang xảy ra, đại dũng sĩ của đức vua Eḷāra tên là Dīghajattu đã cầm lấy thanh gươm và mộc che, sau đó đã từ mặt đất phóng lên không trung cao mười tám cánh tay, rồi đã chém đứt hình tượng đức vua, và đã phá vỡ đội binh thứ nhất. Như thế, sau khi phá vỡ các đội binh còn lại, Dīghajattu đã tiến đến đội binh do Gāmaṇi vĩ đại thống lãnh. Khi ấy, Suranimmila nhìn thấy Dīghajattu đang tấn công đức vua nên đã xưng tên của mình và đã mắng nhiếc vị ấy. Nghe được điều ấy, Dīghajattu đã nổi giận (nghĩ rằng): “Ta sẽ giết chết người này trước” rồi đã phóng lên không trung. Suranimmila nhìn thấy Dīghajattu đang lao xuống ở phía trên bản thân mình liền giương tấm mộc che của mình lên. Dīghajattu cũng đã suy nghĩ rằng: “Ta sẽ chém đứt gã cùng với tấm mộc che” rồi đã đánh vào tấm mộc che. Suranimmila đã buông rơi tấm mộc che. Trong khi chém đứt tấm mộc che, Dīghajattu đã rơi xuống ở trên mặt đất. Suranimmila đã dùng gươm chém gã. Vào giây phút ấy, Phussadeva đã thổi tù và, thanh âm nghe như là tiếng sấm. Mọi người dường như đã lên cơn điên loạn. Sau đó, đạo binh của người Damiḷa đã bị tan rã, Eḷāra đã trốn chạy. Cho đến khi ấy, họ đã giết nhiều người Damiḷa.

“Nơi ấy, nước hồ bị nhuộm đỏ bởi máu của những người đã bị giết chết; do đó được biết tiếng với tên là Kulatthavāpī. Ở nơi ấy, đức vua Duṭṭhagāmaṇi đã cho trống thông báo rằng: ‘Người khác chớ có giết Eḷāra, hãy nhường gã cho ta.’ Đức vua đã vũ trang rồi tự mình leo lên con voi được vũ trang Kaṇḍula, và trong lúc đuổi theo Eḷāra đã đi đến cửa thành phía Nam.

Pure dakkhiṇabhāgamhi - ubho yujjhiṃsu bhūmipā, tomaraṃ khipi eḷāro - gāmaṇi taṃ avañcayi.

Vijjhāpesi ca dantehi - taṃ hatthiṃ sakahatthinā, tomaraṃ khipi eḷāre - sahatthi tattha so pati.

Tato vijita saṅgāmo - sayoggabalavāhano, laṅkā ekātapattaṃ so - katvāna pāvisi puraṃ.”

Atha rājā nagare bheriṃ carāpetvā samantā yojanappamāṇe manusse sannipātetvā eḷāra rañño sarīraṃ mahantaṃ sakkāraṃ kāretvā kūṭāgārena netvā jhāpetvā tattha cetiyaṃ kāretvā parihāramadāsi. Ajjāpi rājāno taṃ padesampatvā bheriṃ na vādāpenti. Evaṃ duṭṭhagāmaṇi abhaya mahārājā dvattiṃsadamiḷarājāno māretvā laṅkādīpaṃ ekacchattamakāsi.

Cả hai vị vua đã chiến đấu ở khu vực phía nam thành phố. Eḷāra đã phóng cây thương, Gāmaṇi đã tránh khỏi nó.

Rồi thúc voi của mình dùng ngà đâm thủng con voi kia và đã phóng cây thương vào Eḷāra. Vị ấy và voi đã ngã xuống tại nơi ấy.

Do đó, với cuộc chiến đấu được thắng trận, vị ấy đã thực hiện xứ Laṅkā thành chung một quyền lãnh đạo và đã đi vào thành phố cùng với đoàn xe, và binh đội." 1

Sau đó, đức vua đã cho trống thông báo ở trong thành phố và đã tụ tập dân chúng trong khu vực xung quanh một do-tuần rồi đã thực hiện sự tôn vinh trọng thể đến thi thể của đức vua Eḷāra, sau đó đã đưa đến ngôi nhà mái nhọn, hỏa táng, rồi cho xây dựng ngôi bảo điện ở tại nơi ấy, và đã chu cấp sự bảo quản. Thậm chí hiện nay, các vị vua khi đi đến khu vực ấy cũng không cho khua trống. Như thế, đại vương Duṭṭhagāmaṇi Abhaya sau khi tiêu diệt ba mươi hai vị vua người Damiḷa đã thực hiện xứ Laṅkā thành chung một quyền lãnh đạo.

1 Sđd., chương 25, hai câu kệ 66-71.

Yadā duṭṭhagāmaṇi vijita-nagaraṃ gaṇhi, tadā dīghajattu-yodho eḷāraṃ upasaṅkamitvā attano bhāgineyyassa bhallūkassa yodhabhāvaṃ ācikkhitvā idhāgamanatthāya tassa santikaṃ pesesi. Bhallūkopi eḷārassa daḍḍha-divasato sattame divase saṭṭhiyā purisa-sahassehi saddhiṃ otiṇṇo rañño matabhāvaṃ sutvāpi lajjāya "yujjhissāmī"ti mahātitthato nikkhamitvā kolambahālake nāma gāme khandhāvāraṃ nivesesi. Rājāpi tassāgamanaṃ sutvā sannaddho kaṇḍulaṃ āruyha yodhaparivuto mahatā balakāyena abhinikkhami. Phussadevopi pañcāvudha-sannaddho rañño pacchimāsane nisīdi. Bhallūkopi pañcāvudha-sannaddho hatthiṃ āruyha rājābhimukhe agañchi. Tadā kaṇḍulo tassa vegamandibhāvatthaṃ sanikaṃ sanikaṃ paccosakki. Senāpi hatthinā saddhiṃ tatheva paccosakki.

Rājā phussadevaṃ āha: "Ayaṃ hatthi pubbe aṭṭhavīsatiyā yuddhesu apaccosakkitvā idāni kasmā pana paccosakkatī"ti. So āha: "Deva amhākameva jayo, ayaṃ gajo jayabhūmiṃ avekkhanto paccosakkati. Jayabhūmiṃ patvā ṭhassatī"ti. Nāgopi paccosakkitvā puradevassa passe mahāvihāra-sīmante aṭṭhāsi.

Khi Duṭṭhagāmaṇi chiếm giữ thành phố Vijita, dũng sĩ Dīghajattu đã đi đến gặp Eḷāra và đã kể lại bản chất dũng sĩ của người cháu trai tên Bhallūka của mình, rồi đã phái người đi đến gặp vị ấy nhằm mục đích triệu hồi đến nơi ấy. Vào ngày thứ bảy kể từ ngày Eḷāra được hỏa táng, Bhallūka đã đi đến cùng với sáu mươi ngàn nam nhân và đã nghe được sự việc tử trận của đức vua. Vì hổ thẹn, Bhallūka (nói rằng): "Ta sẽ gây chiến" rồi đã rời khỏi Mahātittha và cho đóng binh tại ngôi làng tên là Kolambahālaka. Hay tin về sự tiến quân của vị ấy, đức vua cũng đã vũ trang rồi cỡi lên con voi Kaṇḍula, có các dũng sĩ hộ vệ, đã cùng với binh lực hùng hậu xuất quân. Phussadeva cũng đã trang bị với năm loại vũ khí rồi đã ngồi ở chỗ ngồi phía sau đức vua. Bhallūka cũng đã trang bị với năm loại vũ khí rồi leo lên con voi tiến đến phía trước mặt của đức vua. Khi ấy, con voi Kaṇḍula đã từ từ rút lui theo bản tánh chậm chạp trong sự di chuyển của nó; và đoàn quân cũng đã cùng với con voi rút lui y như thế .

Đức vua đã nói với Phussadeva rằng: "Con voi này trong hai mươi tám trận chiến trước đây đã không rút lui, tại sao bây giờ lại rút lui?" Vị ấy đã nói rằng: "Tâu bệ hạ, chiến

thắng này chính là thuộc về chúng ta. Con voi này trong lúc quan sát vùng đất của chiến thắng nên mới rút lui. Đến được vùng đất của chiến thắng rồi thì nó sẽ đứng lại." Còn con voi sau khi rút lui đã đến đứng bên cạnh vị Thiên nhân của thành phố ở trong ranh giới của ngôi Mahāvihāra (Đại Tự).

Tato bhallūko rājābhimukhā āgantvā rājānaṃ uppaṇḍesi. Rājāpi khaggatalena mukhaṃ pidhāya taṃ akkosi. "Raññο mukhe vijjhissāmī"ti saraṃ khipi. So khaggatalamāhacca bhūmiyaṃ pati, bhallūko "mukhe viddhosmī"ti saññāya ukkuṭṭhiṃ akāsi. Tadā raññο pacchimāsane nisinno phussadevo raññο kuṇḍalaṃ ghaṭento tassa mukhe kaṇḍaṃ pātesi. Raññο pāde katvā patamānassa jāṇumhi aparena kaṇḍena vijjhitvā raññο sīsaṃ katvā pātesi. Rājā laddhajayo nagaraṃ āgantvā saraṃ āharāpetvā puṅkhena ujukaṃ ṭhapāpetvā taṃ pamāṇaṃ kahāpaṇarāsiṃ katvā phussadevassa adāsi.

Evaṃ laṅkārajjaṃ ekacchattaṃ katvā rājā yodhānaṃ yathānurūpaṃ ṭhānantaraṃ adāsi. Theraputtābhayo pana dīyamānaṃ ṭhānantaraṃ na gaṇhi. "Kasmā na gaṇhasī"ti pucchito "Yuddhaṃ atthi mahārājā"ti āha. "Idāni ekarajje kate kiṃ nāma yuddhan"ti pucchite, "Kilesa-corehi yujjhissāmī"ti āha. Rājā punappuna nivāresi. Sopi punappuna yācitvā rājānuññāya pabbajitvā vipassanāya kammaṃ karonto arahattaṃ patvā pañcakhīṇāsavasataparivāro ahosi.

Sau đó, Bhallūka đã đi đến trước mặt đức vua và đã chế giễu đức vua. Đức vua đã dùng bề mặt của thanh gươm bảo vệ khuôn mặt rồi cũng đã mắng lại vị ấy. Bhallūka đã bắn ra mũi tên (nghĩ rằng): "Ta sẽ xuyên thủng khuôn mặt của đức vua." Mũi tên đã chạm vào bề mặt của thanh gươm rồi rơi xuống ở trên mặt đất. Bhallūka tưởng rằng: "Ta đã bắn thủng khuôn mặt" nên đã la lớn lên. Khi ấy, Phussadeva ngồi ở chỗ ngồi phía sau đức vua, trong lúc chạm vào vòng đeo tai của đức vua, đã bắn ra mũi tên vào mặt Bhallūka. Vị ấy trong lúc té xuống đã hướng hai chân về phía đức vua. Phussadeva liền bắn mũi tên khác trúng vào đầu gối khiến vị ấy ngã xuống, đầu hướng về đức vua. Với chiến thắng đạt được, đức vua đã đi vào thành phố rồi đã bảo mang lại mũi tên, sau đó đã cắm đứng mũi tên hướng phần đuôi lên trên và đã chất đống tiền kahāpaṇa có chiều cao bằng mũi tên ấy, rồi đã ban thưởng cho Phussadeva.

Sau khi đã thực hiện vương quốc Laṅkā thành chung một quyền lãnh đạo như thế, đức vua đã ban thưởng các tước vị tương xứng đến các dũng sĩ. Tuy nhiên, trong khi được ban thưởng Theraputtābhaya đã không nhận lấy tước vị. Khi được hỏi rằng: "Vì sao khanh lại không nhận?" vị ấy đã trả lời rằng: "Tâu đại vương, có chiến tranh." Khi được hỏi rằng: "Giờ đây, khi sự thống nhất vương quốc đã được thực hiện, cái gì được gọi là chiến tranh?" vị ấy đã đáp rằng: "Thần sẽ chiến đấu với lũ giặc cướp phiền não." Đức vua đã nhiều lần ngăn cản. Còn vị ấy sau nhiều lần cầu xin đã được đức vua ưng thuận, rồi đã xuất gia, và trong lúc thực hành thiền minh sát đã đạt đến phẩm vị A-la-hán, rồi đã hòa nhập vào trong số năm trăm bậc Lậu Tận.

Tato rājā attano pāsādatale sirisayanagato mahatiṃ sampattiṃ oloketvā akkhohiṇi-senāghātaṃ anussari. Anussarantassa raññο mahantaṃ domanassaṃ

uppajji. “Saggamaggantarāyo me bhaveyyā”ti.

Tadā piyaṅgudīpe arahanto rañño parivitakkaṃ ñatvā taṃ assāsetuṃ aṭṭha-arahante pesesuṃ. Te āgantvā āgatabhāvaṃ nivedetvā pāsādatalaṃ abhiruhiṃsu. Rājā there vanditvā āsane nisīdāpetvā āgata-kāraṇaṃ pucchi. Therāpi āgata-kāraṇaṃ vatvā rañño tena kammunā saggamokkhantarāyā-bhāvaṃ bodhetvā pakkamiṃsu. Rājā tesaṃ vacanaṃ sutvā assāsaṃ paṭilabhitvā vanditvā (te vissajjetvā) sirisayanagato puna cintesi: “Mātipitaro kho pana ‘mā vo kadācipi vinā saṅghena āhāraṃ bhuñjathā’ti amhehi sapathaṃ kāresuṃ. Bhikkhusaṅghassa adatvā bhuttaṃ atthi nu kho natthī”ti cintayanto satisammosena saṅghassa adatvā pātarāsakāle paribhuttaṃ ekaṃyeva maricavaṭṭiṃ addasa. Disvā ca “ayuttaṃ mayā kataṃ daṇḍakammaṃ me kātabban”ti cintesi. Atha rājā chattamaṅgala-sattāhe vītivatte mahatā rājānubhāvena mahantena kīḷāvidhānena udakakīḷaṃ kīḷituṃ abhisittānaṃ rājūnaṃ cārittānupālanatthañca tissavāpiṃ agamāsi. Rañño sabbaṃ paricchadaṃ upāhanachattāni ca maricavaṭṭi- vihāraṭṭhānamhi ṭhapayiṃsu.

Sau đó, đức vua khi đang nằm tại long sàng ở mặt tiền lâu đài của mình đã xem xét lại sự thành tựu vĩ đại và đã nhớ đến việc giết hại nguyên cả đoàn quân. Trong lúc hồi tưởng, đức vua đã khởi lên tâm trạng buồn bã day dứt (nghĩ rằng): “Có thể là chướng ngại cho con đường sanh về cõi trời của ta.” Khi ấy, các vị A-la-hán ở Piyaṅgudīpa biết được suy nghĩ suy tầm của đức vua nên đã phái đến tám vị A-la-hán để sách tấn đức vua. Sau khi đi đến, các vị ấy đã cho người thông báo về việc đã đi đến, rồi đã bước lên mặt tiền của lâu đài. Đức vua đã đảnh lễ các vị trưởng lão, rồi đã mời chỗ ngồi và đã hỏi nguyên nhân của việc đi đến. Các vị trưởng lão cũng đã nói về nguyên nhân của việc đi đến, sau đó đã làm cho đức vua hiểu rõ về việc không có chướng ngại cho cõi trời và sự giải thoát do việc làm ấy, rồi đã ra đi. Đức vua sau khi lắng nghe lời dạy của các vị ấy đã đạt được sự an tâm, sau đó đã đảnh lễ tiễn đưa các vị ấy rồi lại đến nằm ở long sàng tiếp tục suy nghĩ: “Hơn nữa, cha mẹ ta đã buộc ta hứa rằng: ‘Con chớ bao giờ thọ dụng thức ăn mà chưa dâng đến hội chúng.’ Phải chăng có thức ăn đã được ta ăn vào mà không dâng đến hội chúng, hay là không có?” Trong lúc suy nghĩ, đức vua đã nhận thấy chỉ có mỗi một hạt tiêu đã được ăn vào bữa điểm tâm mà không dâng đến hội chúng vì sự xao lãng về niệm. Và sau khi nhận biết, đức vua đã suy nghĩ rằng: “Ta đã làm điều sai trái, ta phải chịu hành phạt.” Sau đó, khi bảy ngày lễ hội vương quyền đã trôi qua, đức vua với oai lực lớn lao của vương quyền và với sự thể hiện lớn lao của lễ hội đã đi đến để tham dự lễ hội nước ở Tissavāpī nhằm duy trì truyền thống của các vị vua đã được đăng quang. Người ta đã thiết lập mọi sự chuẩn bị cùng với đôi hài và các lọng che cho đức vua ở tại địa điểm của tu viện Maricavaṭṭi.

Tatrāpi thūpaṭṭhāne rājapurisā rañño sadhātukaṃ kuntaṃ ujukaṃ ṭhapesuṃ. Rājā divasabhāgaṃ orodha-parivuto kīḷitvā sāyaṇhe jāte “nagaraṃ gamissāma. Kuntaṃ vaḍḍhethā”ti āha. Rājapurisā kuntaṃ gaṇhantā cāletuṃ nāsakkhiṃsu. Rājasenā taṃ acchariyaṃ disvā samāgantvā gandhamālādīhi pūjesi. Rājāpi mahantaṃ acchariyaṃ disvā haṭṭhamānaso samantā ārakkhaṃ saṃvidahitvā nagaraṃ pāvisi.

Tato rājā kuntaṃ parikkhipāpetvā cetiyaṃ, taṃ parikkhipāpetvā vihārañca kāresi. Vihāro tīhi saṃvaccharehi niṭṭhāsi. Rājā vihāramahatthāya saṅghaṃ sannipātesi. Bhikkhūnaṃ satasahassāni bhikkhunīnaṃ navutisahassāni sannipatiṃsu. Tasmiṃ samāgame rājā saṅghaṃ vanditvā evamāha: “Bhante vissaritvā vinā saṅghena maricavaṭṭikaṃ paribhuñjiṃ. ‘Tadattha daṇḍa-kammaṃ me hotū’ti sacetiyaṃ maricavaṭṭiyaṃ vihāraṃ kāresiṃ patigaṇhātu bhante saṅgho sacetiyaṃ vihāran”ti dakkhiṇodakaṃ pātetvā bhikkhusaṅghassa vihāraṃ adāsi.

Cũng ở nơi ấy, tại địa điểm của ngôi bảo tháp, binh lính hoàng gia đã dựng đứng thẳng cây giáo của đức vua có gắn xá-lợi. Trong khoảng thời gian ban ngày, đức vua có các cung nữ vây quanh đã tiêu khiển , đến lúc hoàng hôn đổ xuống đã nói rằng: “Chúng ta sẽ đi đến thành phố. Hãy giương cây giáo lên.” Các binh lính hoàng gia trong lúc cầm lấy cây giáo đã không thể di động. Sau khi nhìn thấy hiện tượng kỳ lạ ấy, đội binh hoàng gia đã tụ họp lại rồi đã cúng dường với các vật thơm và bông hoa, v.v... Sau khi nhìn thấy hiện tượng vô cùng kỳ lạ ấy, đức vua với tâm ý hớn hở đã bố trí sự bảo vệ ở chung quanh rồi đã đi vào thành phố.

Sau đó, đức vua đã cho rào quanh cây giáo rồi đã cho xây dựng ngôi bảo điện, sau đó đã rào quanh khu vực ấy lại rồi cho xây dựng tu viện. Tu viện đã được hoàn tất trong ba năm. Đức vua đã triệu tập hội chúng lại nhằm mục đích làm lễ hội cho tu viện. Một trăm ngàn vị tỳ khưu và chín mươi ngàn vị tỳ khưu ni đã tụ hội lại. Trong cuộc hội họp ấy, đức vua đã đảnh lễ hội chúng và đã nói như vầy: “Bạch các ngài, sau khi không ghi nhớ trẫm đã thọ dụng hạt tiêu mà chưa dâng đến hội chúng. (Nghĩ rằng): ‘Hãy để trẫm chịu hành phạt vì lý do ấy.’ Trẫm đã cho xây dựng tu viện Maricavaṭṭiya (Hạt Tiêu) có cả ngôi bảo điện. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy thọ lãnh tu viện cùng với ngôi bảo điện,” rồi đã rưới nước cúng dường và đã dâng tu viện đến hội chúng tỳ khưu.

Vihārassa samantato bhikkhusaṅghassa nisīdanatthāya mahantaṃ maṇḍapaṃ kāresi. Maṇḍapa-pādā abhayavāpiyā jale patiṭṭhitā ahesuṃ. Sesokāse kathāvanatthi. Tattha bhikkhusaṅghaṃ nisīdāpetvā sattāhaṃ mahādānaṃ datvā sabbaparikkhāraṃ adāsi. Tattha saṅghattherena laddha- parikkhāro satasahassagghanako ahosi. Evaṃ-

“Yuddhe dāne ca sūrena - sūrinā ratanattaye, pasannāmalacittena - sāsanujjotanatthinā.

Raññā kataññunā tena - thūpakārāpanādito, vihāramahanantāni - pūjetuṃ ratanattayaṃ.

Pariccattadhanānettha - anagghāni vimuñciya, sesāni honti ekāya - ūnā vīsatikoṭiyo.

Evaṃ sapañño hi dūre asāre, dehe dhane saṅgamatikkamitvā. Katvāna puññaṃ sukhasādanatthaṃ, sāraṃ gahetuṃ satataṃ yateyyā”ti.

Maricavaṭṭi-vihāra-kathā.

--ooOoo--

Xung quanh tu viện, đức vua đã cho xây dựng nhà tiền sảnh vĩ đại để có chỗ ngồi cho hội chúng tỳ khưu. Các cột chống nhà tiền sảnh đã được thiết lập ở trong nước của hồ Abhaya. Không cần phải đề cập về khu vực còn lại. Sau khi đã thỉnh hội chúng tỳ khưu ngồi xuống tại nơi ấy, đức vua đã thực hiện lễ đại thí bảy ngày và đã cúng dường mọi thứ vật dụng. Vật dụng do vị trưởng lão của hội chúng thọ nhận tại nơi ấy trị giá một trăm ngàn. Như thế:

"Trong chiến trận và trong việc bố thí, vị vua thông minh có tâm tịnh tín trong sạch vào Tam Bảo và có ý định làm rạng rỡ Giáo Pháp.

Vị vua có lòng tri ân ấy khởi đầu với việc cho xây dựng ngôi bảo tháp và chấm dứt với các lễ hội của tu viện để cúng dường Tam Bảo.

Ở đây, không tính đến các phẩm vật quý giá đã được dâng cúng, chỉ riêng các phần còn lại là mười chín koṭi. 1

Như thế, sau khi vượt qua sự vướng bận vào tài sản cùng thân mạng ngắn ngủi và không bền vững, người có trí nên làm việc phước thiện nhằm mục đích thành tựu sự an lạc và nỗ lực không ngừng để đạt đến cứu cánh."

Phần Giảng Giải về Tu Viện Maricavaṭṭi.

--ooOoo--

1 Sđd., chương 26, các câu kệ 23-25.

THŪPA-SĀDHANA- LĀBHA-KATHĀ

Tato rājā cintesi: "Mahāmahindatthero kira mama ayyakassa devānampiya-tissa rañño evamāha: 'Nattā te mahārāja duṭṭhagāmaṇi abhayo vīsaṃ hatthasatikaṃ sovaṇṇamāliṃ thūpaṃ kāressati. Saṅghassa ca uposathāgāra-bhūtaṃ navabhūmakaṃ lohapāsādaṃ kāressatī'"ti cintetvā ca pana olokento rājagehe karaṇḍake ṭhapitaṃ suvaṇṇapaṭṭalekhaṃ disvā taṃ vācesi: "Anāgate cattālīsaṃ vassasataṃ atikkamma kākavaṇṇatissassa putto duṭṭhagāmaṇi abhayo idañcidañca kāressatī"ti sutvā haṭṭho udaggo appoṭhesi: "Ayyena kira vatamhi diṭṭho mahāmahindenā"ti.

Tato pātova mahāmeghavanaṃ gantvā bhikkhusaṅghaṃ sannipātetvā etadavoca: "Bhante bhikkhusaṅghassa uposathāgāraṃ katvā devavimāna-sadisaṃ pāsādaṃ kāressāmi. Devalokaṃ pesetvā paṭe vimānākāraṃ likhāpetvā me dethā"ti.

Chương 13: GIẢNG GIẢI VỀ SỰ NHẬN ĐƯỢC VẬT LIỆU XÂY DỰNG NGÔI BẢO THÁP

Sau đó, đức vua đã suy nghĩ rằng: "Nghe rằng vị đại trưởng lão Mahinda đã nói với đức vua Devānampiyatissa nội tổ của ta như vầy: 'Tâu đại vương, cháu trai của ngài tên là Duṭṭhagāmaṇi Abhaya sẽ thực hiện ngôi bảo tháp có vòng hoa vàng cao một trăm hai mươi cánh tay và sẽ xây dựng lâu đài bằng đồng chín tầng để làm nhà hành lễ Uposatha cho hội chúng.'" Vả lại, sau khi đã suy nghĩ và trong lúc tìm kiếm đã nhìn thấy giòng chữ khắc ở cái đĩa bằng vàng đặt trong cái rương ở hoàng cung, đức vua đã cho đọc lên dòng chữ ấy rằng: "Trong ngày vị lai sau khi trải qua một trăm bốn mươi năm, con trai của Kākavaṇṇatissa là Duṭṭhagāmaṇi Abhaya sẽ cho thực hiện việc này

và việc này.” Sau khi nghe xong, đức vua đã khởi tâm vui mừng phấn chấn vỗ tay (nói rằng): “Nghe rằng ngài đại đức Mahāmahinda đã tiên tri về ta quả nhiên là đúng!”

Sau đó, vào sáng sớm đức vua đã đi đến khu rừng Mahāmegha rồi đã cho triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và đã nói điều này: “Bạch các ngài, sau khi thực hiện nhà hành lễ Uposatha cho hội chúng tỳ khưu, trẫm sẽ xây dựng tòa lâu đài tương tự như là cung điện ở Thiên đình vậy. Xin các ngài hãy phái người đi đến cõi trời, cho vẽ hình dáng của cung điện ở trên mảnh vải, rồi trao cho trẫm.”

Saṅgho aṭṭhakhīṇāsave pesesi. Te tāvatiṃsa-bhavanaṃ gantvā dvādasayojanubbedhaṃ aṭṭhacattālīsa-yojana- parikkhepaṃ kūṭāgāraṃ sahassa patimaṇḍitaṃ navabhūmakaṃ sahassa-gabbhaṃ Bīraṇa-devadhītāya puññānubhāvanibbattaṃ ākāsaṭṭhaṃ ratanapāsādaṃ oloketvā hiṅgulakena paṭe tadākāraṃ likhitvā ānetvā bhikkhusaṅghassa adaṃsu. Saṅgho rañño pāhesi.

Taṃ disvā rājā tuṭṭhamānaso, tadā taṃ lekhatulyaṃ lohapāsādaṃ kāresi. Kammantārambhakāle pana catusu dvāresu aṭṭhasatasahassāni hiraññāni ṭhapāpesi. Tadā catusu dvāresu sahassa sahassaṃ vatthapuṭāni ceva guḷa-tela-sakkhara-madhupurā anekasahassacāṭiyo ca ṭhapāpesi. “Pāsāde amūlakena kammaṃ na kātabban”ti bheriṃ carāpetvā amūlakena katakammaṃ agghāpetvā kārakānaṃ mūlaṃ dāpesi. Pāsādo ekekena passena hatthasata hatthasatappamāṇo ahosi. Tathā ubbedhena, navabhūmiyo cassa ahesuṃ ekekissā bhūmiyā sataṃ sataṃ kūṭāgārāni, tāni sabbānipi ratanakhacitāni ceva suvaṇṇa-kiṅkiṇikāpanti parikkhittāni ca ahesuṃ. Tesaṃ kūṭāgārāni nānāratana- bhūmikā pavāḷa-vedikā ceva, tāsaṃ padumāni ca nānāratana-vicittāneva ahesuṃ. Tathā sahassa-gabbhā ca nānāratana-khacitā sīhapañjara-vibhūsitā ca. Vessavanassa nārivāhana-yānaṃ sutvā tadākāraṃ majjhe ratana- maṇḍapaṃ kāresi.

Hội chúng đã phái đi tám vị Lậu Tận. Các vị ấy sau khi đi đến cõi trời Đạo Lợi đã nhìn thấy tòa lâu đài bằng ngọc quý cao mười hai do-tuần, chu vi bốn mươi tám do-tuần ngự ở trên hư không, được điểm tô với ngàn tháp nhọn, có chín tầng lầu, một ngàn căn phòng, và được sanh lên bởi năng lực phước báu của người con gái của vị trời Bīraṇa. Sau khi vẽ lại hình dáng ấy bằng màu đỏ thắm ở trên mảnh vải, các vị đã đem lại và trao cho hội chúng tỳ khưu. Hội chúng đã gởi đến đức vua.

Sau khi nhìn thấy vật ấy, đức vua khởi tâm hoan hỷ rồi đã cho thực hiện lâu đài bằng đồng tương tợ như bản vẽ ấy. Hơn nữa, vào lúc khởi sự công trình, đức vua đã cho đặt tám trăm ngàn miếng vàng ở bốn cửa thành. Sau đó, đã cho đặt ở bốn cửa thành mỗi nơi một ngàn gói vải và hàng ngàn hũ chứa đầy mật đường, dầu ăn, đường tinh khiết, mật ong rồi cho đánh trống thông báo rằng: “Không được thực hiện công việc không lương ở tòa lâu đài.” Đức vua đã cho định giá công việc đã hoàn thành chưa được trả công rồi đã bảo trả tiền cho những người lao công. Tòa lâu đài đã có kích thước ở mỗi bên là một trăm cánh tay và chiều cao cũng như vậy. Lâu đài này có chín tầng, ở mỗi tầng lầu có hàng trăm tháp nhọn; và tất cả những tháp nhọn ấy được lát bằng bạc và được bao quanh bởi những chuông nhỏ bằng vàng. Các tháp nhọn của những nơi ấy là

các tầng gác bằng nhiều loại ngọc quý, có các lan can bằng đá san hô, và ở các lan can ấy còn có những đóa hoa sen được trang điểm bằng vô số loại ngọc quý nữa. Tương tợ như thế, một ngàn căn phòng được lát bằng nhiều loại ngọc quý khác nhau và được điểm tô với các cửa sổ. Sau khi nghe nói về chiếc xe chuyên chở phụ nữ của Vessavana, đức vua đã cho thực hiện mái che bằng ngọc quý theo hình thức ấy ở chính giữa.

So anekehi ratanatthambhehi sīhavyagghādi-rūpehi devatā-rūpehi ca patimaṇḍito samantato olambaka-muttā jālena ca parikkhitto ahosi. Pavālavedikā cassa pubbe vuttappakārāva. Sattaratana-vicittamaṇḍapa-majjhe pana phaḷikamaya-bhūmiyā dantamaya-pallaṅko ahosi. Apassenampi dantamayameva, so suvaṇṇa-suriya-maṇḍalehi rajata-canda-maṇḍalehi muttāmaya tārakāhi ca vicitto. Tattha tattha yathārahaṃ nānāratanamaya-padumāni ceva pasāda-janakāni ca jātakāni antarantarā suvaṇṇalatāyo ca kāresi. Tattha mahagghaṃ paccattharaṇaṃ attharitvā manuññaṃ danta-vījaniṃ ṭhapesi. Pavāḷamaya-pādukā kāresi. Tathā pallaṅkassopari phaḷikabhūmiyā patiṭṭhitaṃ rajatamayadaṇḍaṃ setacchattaṃ kāresi. Tattha sattaratanamayāni aṭṭhamaṅgalāni antarantarā ca maṇimuttāmayā catuppada-pantiyo ca kāresi. Chattantevassa ratana-maya-ghaṇṭā-pantiyo olambiṃsu.

Mái che được tô điểm với nhiều cột bằng ngọc quý có các hình ảnh sư tử, cọp, v.v... cùng với các hình ảnh chư Thiên, và được bao bọc bởi màng lưới ngọc trai treo ở xung quanh. Các lan can bằng san hô của nó cũng tương tợ như đã được đề cập trước đây. Hơn nữa, ở giữa mái che còn được trang điểm bằng bảy loại ngọc quý còn có chiếc giường làm bằng ngà ở trên mặt sàng làm bằng ngọc pha-lê. Ngay cả cái gối kê cũng được làm bằng ngà voi. Chiếc giường được tô điểm với những vầng mặt trời bằng vàng, với những vầng mặt trăng bằng bạc, và với các ngôi sao làm bằng ngọc trai. Ở chỗ kia chỗ nọ, tùy theo sự tương ứng, đức vua còn cho thực hiện những đóa hoa sen làm bằng nhiều loại ngọc quý khác nhau luôn cả các tranh chuyện Bổn Sanh làm sanh khởi niềm tin, và những hình dây leo bằng vàng xen kẽ ở giữa. Ở đó, đức vua đã cho trải ra tấm trải nền đắt giá và dựng đứng cây quạt xinh đẹp bằng ngà voi. Ngài đã cho thực hiện các đôi guốc bằng san hô. Tương tợ như thế, ở phía trên chiếc giường đức vua đã cho làm cái lọng màu trắng, có cán cầm bằng bạc được đặt cắm vào mặt nền bằng ngọc pha-lê. Ở đó, đức vua đã cho thực hiện tám biểu tượng kiết tường 1 làm bằng bảy loại ngọc quý, có các dãy thú bốn chân làm bằng ngọc ma-ni và ngọc trai xen kẽ ở khoảng giữa. Ở bìa mép của cái lọng, còn có các chuông làm bằng ngọc quý được treo thành hàng nữa.

1 Tám biểu tượng kiết tường là: vỏ sò, bánh xe, hũ nước đầy, cái chùy, bò con của sự may mắn (sirivaccha), gậy thúc voi, ngọn cờ, dấu hiệu chữ S ở mang rắn hổ (Encyclopaedia of Buddhism vol. vi. Sri Lanka: Government of Sri Lanka, 2002), 604.

Pāsādo chattaṃ pallaṅko maṇḍapo cāti cattāro anagghā ahesuṃ. Mahagghāni mañcapīṭhāni paññāpetvā tattha mahagghāni kambalāni bhummattharaṇāni attharāpesi, ācamana-kumbhi uḷuṅko ca sovaṇṇa-mayāyeva ahesuṃ. Sesa paribhoga-bhaṇḍesu vattabbameva natthi dvārakoṭṭhakopi manohara-pākārena parikkhitto. Tambalohiṭṭhikāhi pana chāditattā pāsādassa “lohapāsādo”ti vohāro

ahosi.

Evaṃ tāvatiṃsabhavane devasabhā viya pāsādaṃ niṭṭhāpetvā saṅghaṃ sannipātesi. Maricavaṭṭi vihāramahe viya saṅgho sannipati. Paṭhama-bhūmiyaṃ puthujjanāyeva aṭṭhaṃsu. Dutiyabhūmiyā tepiṭakā, tatiyādīsu tīsu bhūmisu kamena sotāpanna-sakadāgāmi-anāgāmino, upari catusu bhūmisu khīṇāsavāyeva aṭṭhaṃsu. Evaṃ saṅghaṃ sannipātetvā saṅghassa pāsādaṃ datvā maricavaṭṭi vihāramahe viya sattāhaṃ mahādānamadāsīti.

Pāsādahetu cattāni - mahācāgena rājinā, anagghāni ṭhapetvāna - ahesuṃ tiṃsakoṭiyo.

Pahāya gamanīyantaṃ - datvāna dhanasañcayaṃ, anugāmidhanaṃ dānaṃ - evaṃ kubbanti paṇḍitā.

Tòa lâu đài, cái lọng che, chiếc giường, mái che là bốn vật vô giá. Sau khi cho xếp đặt các giường ghế đắt giá ở tại đó, đức vua đã cho trải ra các tấm mền len đắt giá làm thảm trải nền. Hũ nước súc miệng và cái gáo múc cũng được làm bằng vàng. Cũng không cần nói đến các vật dụng và đồ đạc còn lại. Thậm chí khung cửa ra vào cũng được rào quanh bằng hàng rào tuyệt đẹp. Hơn nữa, do tính chất được bao phủ bởi gạch bằng đồng đỏ nên lâu đài được gọi là “Lâu Đài Bằng Đồng” (Lohapāsāda). 1

Như thế, sau khi đã cho thiết lập nên tòa lâu đài như là chỗ hội họp của chư Thiên ở cõi trời Đạo Lợi, đức vua đã cho triệu tập hội chúng lại. Hội chúng đã tụ hội lại như là vào dịp lễ hội của tu viện Maricavaṭṭi vậy. Các vị còn là phàm nhân đã đứng ở tầng lầu thứ nhất, các vị thông Tam Tạng ở tầng thứ nhì, trong ba tầng lầu kế, bắt đầu với tầng lầu thứ ba theo tuần tự là các vị Nhập Lưu, Nhất Lai, và Bất Lai, rồi chính các vị Lậu Tận đã đứng ở bốn tầng lầu ở bên trên. Như thế, sau khi đã cho triệu tập hội chúng lại, đức vua đã dâng tòa lâu đài đến hội chúng rồi đã cúng dường lễ đại thí trong bảy ngày như là lễ hội của tu viện Maricavaṭṭi vậy.

“Không tính đến bốn vật vô giá, đức vua đã hào phóng chi dụng ba mươi koṭi vì nguyên nhân tòa lâu đài. 2

Các bậc trí từ bỏ vật chất phù du và bố thí tài sản đã được tích lũy, sở dĩ thực hành như thế vì bố thí là tài sản luôn đi cùng.”

1
Loha: kim loại đồng, pāsāda: tòa lâu đài, dãy nhà dài, cung điện.
2
Mahāvaṃsa, so sánh với câu kệ 47, chương 27.
Athekadivasaṃ rājā satasahassaṃ vissajjetvā mahābodhi-pūjaṃ kāretvā nagaraṃ pavisanto thūpaṭṭhāne patiṭṭhitaṃ silāthūpaṃ disvā mahindattherena vuttavacanaṃ anussaritvā “mahāthūpaṃ kāressāmī”ti katasanniṭṭhāno nagaraṃ pavisitvā mahātalaṃ āruyha subhojanaṃ bhuñjitvā sirisayanagato evaṃ cintesi: “Mayā damiḷe maddamānena ayaṃ loko ativiya pīḷito. Kena nu kho upāyena lokassa pīḷanaṃ akatvā dhammena samena mahācetiyassa anucchavikaṃ iṭṭhakā uppādessāmī”ti. Taṃ cintitaṃ chatte adhivatthā devatā jānitvā “rājā evaṃ cintesī”ti ugghosesi.

Paramparāya devalokepi kolāhalamahosi. Taṃ ñatvā sakko devarājā vissakammaṃ āmantetvā “Tāta Vissakamma! Duṭṭhagāmaṇi abhaya mahārājā mahācetiyassa iṭṭhakatthāya cintesi. Tvaṃ gantvā uttarapasse nagarato yojanappamāṇe ṭhāne gambhīra-nadiyā tīre iṭṭhakā māpetvā ehī”ti pesesi.

Vào một ngày kia, đức vua đã xuất ra một trăm ngàn và đã cúng dường đến cội Đại Bồ Đề, rồi trong khi đi vào thành phố đã nhìn thấy tháp đá di tích được lập nên ở địa điểm của ngôi bảo tháp liền nhớ lại lời nói của ngài trưởng lão Mahinda và đã có quyết định rằng: “Ta sẽ xây dựng ngôi đại bảo tháp.” Sau khi đi vào thành phố, đức vua đã bước lên bục cao, thọ dụng thức ăn hảo hạng, rồi đã nằm xuống trên long sàng, và suy nghĩ như vầy: “Trong khi ta tàn sát người Damiḷa thì thế gian này đã bị hành hạ quá mức rồi. Vậy bằng phương thức nào ta không phải ngược đãi dân chúng mà vẫn tạo ra được các viên gạch cần thiết cho ngôi đại bảo tháp một cách đúng pháp và công bằng?” Vị Thiên nhân ngự ở trên cái lọng biết được điều suy nghĩ ấy nên đã công bố rằng: “Đức vua đã suy nghĩ như thế!”

Ngay cả ở cõi trời kế tiếp cũng đã có sự xáo trộn xảy ra. Sau khi biết được điều ấy, Chúa Trời Sakka đã bảo Vissakamma rằng: “Này khanh Vissakamma, đại vương Duṭṭhagāmaṇi Abhaya đã suy nghĩ về vấn đề gạch của ngôi đại bảo tháp. Ngươi hãy đi và làm hiện ra các viên gạch ở bờ sông Gambhīra tại địa điểm cách thành phố một do-tuần về phía Bắc, rồi hãy trở về.” Hiểu được điều ấy, Thiên tử Vissakamma đã đi đến và làm hiện ra các viên gạch cần thiết cho ngôi đại bảo tháp ở ngay tại chỗ ấy rồi đã trở về lại Thiên cung.

Taṃ ñatvā vissakamma devaputto āgantvā tattheva mahācetiyānucchavikā iṭṭhakā māpetvā devapurameva gato. Puna divase eko sunakhaluddo sunakhe gahetvā araññaṃ gantvā tattha tattha vicaranto taṃ ṭhānaṃ patvā iṭṭhakā adisvā ca nikkhami. Tasmiṃ khaṇe ekā bhummā devatā tassa iṭṭhakā dassetuṃ mahantaṃ godhāvaṇṇaṃ gahetvā luddassa sunakhānañca attānaṃ dassetvā tehi anubaddho iṭṭhakābhimukhaṃ gantvā antaradhāyi.

Sunakhaluddo iṭṭhakā disvā “Amhākaṃ rājā thūpaṃ kāretukāmo, mahanto vata no paṇṇākāro laddho”ti haṭṭhamānaso puna divase pātova āgantvā attanā diṭṭhaṃ iṭṭhaka-paṇṇākāraṃ rañño nivedesi. Rājā taṃ sāsanaṃ sutvā attamano hutvā tassa mahantaṃ sakkāraṃ kāretvā taṃ yeva iṭṭhaka-gopakaṃ kāresi. Tato rājā “ahameva iṭṭhakolokanatthāya gacchāmi, kuntaṃ vaḍḍhethā”ti āha.

Vào ngày kế, có một người thợ săn đã dẫn các con chó đi vào rừng, trong lúc lang thang đó đây đã đi đến địa điểm ấy nhưng không nhìn thấy các viên gạch nên đã bỏ đi. Vào giây phút ấy, nhằm làm cho người thợ săn nhìn thấy các viên gạch, một vị Thiên nhân địa cầu đã biến hóa thành con kỳ đà khổng lồ, rồi khiến cho người thợ săn và các con chó nhìn thấy bản thân mình, đến khi bị bọn chúng rượt theo đã chạy đến phía trước các viên gạch rồi biến mất.

Sau khi nhìn thấy các viên gạch, người thợ săn (nghĩ rằng): “Đức vua của chúng ta có ý định xây dựng ngôi bảo tháp. Đương nhiên là chúng ta đã đạt được món quà khổng lồ!”

rồi trở nên mừng rỡ, và vào lúc sáng sớm ngày hôm sau đã đi đến trình lên đức vua về món quà là các viên gạch đã được bản thân nhìn thấy. Đức vua sau khi nghe được tin ấy đã trở nên hoan hỷ, rồi đã cho thực hiện sự tôn vinh trọng thể đến người ấy, và đã cho chính người ấy làm người bảo vệ các viên gạch ấy. Sau đó, đức vua đã nói rằng: "Chính ta sẽ đi để xem xét các viên gạch. Hãy giương cây giáo lên!"

Tasmiṃyeva khaṇe puna aññaṃ sāsanaṃ āhariṃsu. Nagarato tiyojana-matthake ṭhāne pubbuttarakaṇṇe ācāraviṭṭhigāme tiyāmarattiṃ abhippavaṭṭe deve soḷasakarīsappamāṇe padese suvaṇṇabījāni uṭṭhahiṃsu. Tāni pamāṇato ukkaṭṭhāni vidatthippamāṇāni, omakāni aṭṭhaṅgulappamāṇāni ahesuṃ. Atha vibhātāya rattiyā gāmavāsino suvaṇṇa-bījāni disvā "Rājārahaṃ vata bhaṇḍaṃ uppannan"ti samantato ārakkhaṃ saṃvidahitvā suvaṇṇabījāni pātiyaṃ pūretvā āgantvā rañño dassesuṃ rājā tesampi yathārahaṃ sakkāraṃ kāretvā te yeva suvaṇṇagopake akāsi.

Atha tasmiṃyeva khaṇe aññaṃ sāsanaṃ āhariṃsu. Nagarato pācīnapasse sattayojana-matthake ṭhāne pāragaṅgāya tambaviṭṭhi nāma janapade tambalohaṃ uppajji. Gāmikā pātiṃ pūretvā tambalohaṃ gahetvā āgantvā rañño dassesuṃ. Rājā yathānurūpaṃ sakkāraṃ tesampi kāretvā te yeva gopake akāsi.

Tadantaraṃ aññaṃ sāsanaṃ āhariṃsu. Purato catuyojanamatthako ṭhāne pubbadakkhiṇa-kaṇṇe sumanavāpigāme uppalakuruvinda-missakā bahū maṇayo uppajjiṃsu. Gāmikā pātiṃ pūretvā āgantvā maṇayo rañño dassesuṃ. Rājā tesampi sakkāraṃ kāretvā te yeva gopake akāsi.

Chính vào giây phút ấy, dân chúng đã đem lại thông tin khác nữa. Tại địa điểm về phía đông-bắc cách thành phố ba do-tuần ở trong ngôi làng Ācāraviṭṭhi, sau khi trời mưa trọn ba canh của đêm ở tại khu vực có diện tích mười sáu karīsa 1 đã có các quặng vàng nổi lên. Về kích thước của chúng, các quặng lớn có kích thước là một gang tay và các quặng nhỏ có kích thước tám ngón tay. Sau đó, lúc đêm đã rạng các dân làng đã nhìn thấy các quặng vàng (nghĩ rằng): "Quả nhiên, vật xứng đáng với đức vua đã được sanh lên!" Sau khi bố trí sự bảo vệ ở xung quanh, họ đã chất đầy các quặng vàng ở trong cái dĩa rồi đã đi đến trình đức vua xem. Đức vua cũng đã cho thực hiện sự tôn vinh tương xứng đến những người ấy và đã cho chính những người ấy làm những người bảo vệ vàng. Khi ấy, vào đúng thời điểm ấy, dân chúng đã đem lại thông tin khác nữa. Tại địa điểm ở về phía đông cách thành phố bảy do-tuần phía bên kia sông Gaṅgā ở xứ sở tên là Tambaviṭṭhi đã xuất hiện đồng đỏ. Các dân làng đã lấy đồng đỏ chất đầy cái đĩa rồi đã đi đến trình đức vua xem. Đức vua cũng đã cho thực hiện sự tôn vinh tương xứng đến những người ấy và đã cho chính những người ấy làm những người bảo vệ. Cùng thời gian ấy, dân chúng đã đem lại thông tin khác nữa. Tại địa điểm ở về phía đông-nam cách thành phố bốn do-tuần ở ngôi làng tên là Sumanavāpī đã xuất hiện nhiều ngọc ma-ni trộn lẫn với ngọc bích và hồng ngọc. Các dân làng đã chất đầy cái dĩa rồi đã đi đến và trình các viên ngọc ma-ni lên đức vua. Đức vua cũng đã cho thực hiện sự tôn vinh đến những người ấy và đã cho chính những người ấy làm những người bảo vệ. 1 Karīsa là diện tích đất đủ để gieo trồng 1 karīsa hạt giống, ước lượng gần bằng 1 mẫu Anh (acre).

Tadantaraṃ aññampi sāsanaṃ āhariṃsu. Nagarato dakkhiṇa-passe aṭṭhayojana-matthake ṭhāne ambaṭṭhakola- janapade ekasmiṃ leṇe rajataṃ uppajji. Tasmiṃ samaye nagaravāsiko eko vāṇijo bahūhi sakaṭehi haḷiddi-siṅgiverādīnamatthāya malayaṃ gato, leṇassa avidūre sakaṭāni muñcitvā patodadāruṃ pariyesanto taṃ pabbataṃ abhirūḷho ekaṃ paṇasayaṭṭhiṃ addasa. Tassā mahantaṃ cāṭippamāṇaṃ ekameva paṇasa-phalaṃ taruṇayaṭṭhiṃ nāmetvā heṭṭhā pāsāṇapiṭṭhiyaṃ aṭṭhāsi. So taṃ phalabhārena namitaṃ disvā upagantvā hatthena parāmasitvā pakkabhāvaṃ ñatvā, vaṇṭaṃ chindi. Paṇasayaṭṭhi uggantvā yathāṭṭhānaṃ aṭṭhāsi. Vāṇijo “Aggaṃ datvā bhuñjissāmī”ti cintetvā kālaṃ ghosesi. Tadā cattāro khīṇāsavā āgantvā tassa purato pāturahesuṃ. Vāṇijo te disvā attamano pāde vanditvā nisīdāpetvā tassa phalassa vaṇṭa-sāmantā vāsiyā tacchetvā apassayaṃ luñcitvā apanāmesi. Samantato yūsaṃ otaritvā apassayānītaṃ āvāṭaṃ pūresi. Vāṇijo manosilodakavaṇṇa- paṇasayūsaṃ patte pūretvā adāsi. Te khīṇāsavā tassa passantasseva ākāsamabbhuggantvā pakkamiṃsu.

Cùng thời gian ấy, dân chúng đã đem lại thông tin khác nữa. Tại địa điểm ở về phía nam cách thành phố tám do-tuần ở trong xứ sở Ambaṭṭhakola đã có bạc sanh lên tại một hang động. Vào lúc bấy giờ, có một người thương buôn là cư dân của thành phố đã đi đến Malaya cùng với nhiều xe kéo vì mục đích về các loại gia vị như cà-ri, gừng, v.v... Sau khi tháo ra các xe kéo ở không xa hang động và trong lúc tìm kiếm nhánh cây để làm roi, người ấy đã leo lên hòn núi ấy và đã nhìn thấy một nhánh cây bánh mì. Nhánh cây ấy chỉ có mỗi một trái bánh mì khổng lồ có kích thước bằng cái chum làm trĩu nhánh cây non trẻ xuống và tựa lên bề mặt tảng đá ở bên dưới. Sau khi nhìn thấy sự trĩu xuống ấy do sức nặng của trái cây, người ấy liền đến gần dùng bàn tay sờ vào và biết được tình trạng đã chín tới nên đã cắt đi ở cuống. Nhánh cây bánh mình đã vươn lên và nằm yên ở vị thế tương xứng. Người thương buôn đã suy nghĩ rằng: “Ta sẽ cúng dường phần ngon nhất rồi mới thọ dụng,” sau đó đã thông báo về thời giờ. Khi ấy, bốn vị Lậu Tận đã đi đến và đã hiện ra phía trước vị ấy. Sau khi nhìn thấy các vị ấy, người thương buôn trở nên hoan hỷ, đã đảnh lễ ở chân, rồi thỉnh ngồi xuống, sau đó đã dùng dao khía xung quanh phần cuống của trái cây ấy, kéo phần ruột lên và lấy ra. Nước mật ở xung quanh đã giọt xuống và làm tràn đầy phần vỏ rỗng có phần ruột đã được lấy ra. Người thương buôn đã chứa đầy các bình bát với nước mật trái cây bánh mì có màu sắc của nước hồ Manosilā. Các bậc Lậu Tận ấy đã bay lên không trung và ra đi trong khi người thương buôn đang chăm chú nhìn theo.

So puna kālaṃ ghosesi. Aññe cattāro khīṇāsavā āgamiṃsu. Tesampi hatthato patte gahetvā suvaṇṇavaṇṇehi pana samiñjehi pūretvā adāsi. Tesu tayo therā ākāsena pakkamiṃsu. Itaro indaguttatthero nāma khīṇāsavo tassa taṃ rajataṃ dassetukāmo upari pabbatā otaritvā tassa leṇassa avidūre nisīditvā paṇasa-miñjaṃ paribhuñjati. Upāsako therassa gatakāle avasesa miñjaṃ attanāpi khāditvā sesakaṃ bhaṇḍikaṃ katvā ādāya gacchanto theraṃ disvā udakañca pattadhovanasākhañca adāsi.

Theropi leṇadvārena sakaṭa-samīpagāmi-maggaṃ māpetvā “Iminā maggena gaccha upāsakā”ti āha. So theraṃ vanditvā tena maggena gacchanto leṇadvāraṃ patvā

samantā leṇaṃ olokento taṃ rajatarāsiṃ disvā rajata-piṇḍaṃ gahetvā vāsiyā chinditvā rajatabhāvaṃ ñatvā mahantaṃ sajjhapiṇḍaṃ gahetvā sakaṭa-santikaṃ gantvā tiṇodaka- sampanne ṭhāne sakaṭāni nivesetvā lahuṃ anurādhapuraṃ gantvā rañño dassetvā tamatthaṃ nivedesi. Rājā tassāpi yathārahaṃ sakkāraṃ kāresi.

Người thương buôn lại thông báo thời giờ lần nữa. Bốn vị Lậu Tận khác đã đi đến. Sau khi nhận lấy các bình bát từ tay của các vị ấy, lần này người ấy đã chứa đầy với các múi có màu sắc vàng chói rồi đã dâng lên. Ba vị trưởng lão trong số ấy đã ra đi bằng đường không trung. Vị trưởng lão kia tên Indagutta là bậc Lậu Tận có ý định chỉ cho người thương buôn thấy số bạc ấy nên đã từ phía trên ngọn núi đi xuống, rồi đã ngồi xuống không xa hang động ấy và thọ thực phần ruột của trái bánh mì. Vào lúc vị trưởng lão đã ra đi, người cư sĩ cũng đã tự mình nhai phần ruột còn lại, sau đó đã gói ghém phần còn thừa rồi mang đi. Trong khi đi, người ấy đã nhìn thấy vị trưởng lão nên đã dâng nước và cành cây cho việc chùi rửa bình bát.

Vị trưởng lão cũng đã biến hóa ra con đường cho các xe tải đi đến gần cửa hang động rồi đã nói rằng: “Này cư sĩ, hãy đi bằng con đường này.” Sau khi đảnh lễ vị trưởng lão, người ấy trong khi đi theo con đường ấy đã đến được cửa hang động, và trong khi xem xét ở chung quanh hang động đã nhìn thấy đống bạc ấy, sau khi cầm lấy thỏi bạc rồi khía bằng con dao và biết được tính chất của bạc, rồi đã lấy đi khối bạc lớn và đi đến gần các xe kéo. Sau khi đã đưa các xe kéo đến địa điểm đầy đủ cỏ và nước, người ấy đã nhanh chóng đi đến Anurādhapura trình cho đức vua xem rồi đã tường thuật lại sự việc ấy. Đức vua cũng đã cho thực hiện sự tôn vinh tương xứng đến người ấy.

Tadantaraṃ aññampi sāsanaṃ āhariṃsu, nagarato pacchima-disābhāge pañca-yojana-matthake ṭhāne uruvelapabbate mahāmalakamattā pavāḷa-missakā saṭṭhi sakaṭappamāṇamuttā samuddato thalamuggamiṃsu. Kevaṭṭā disvā “rājārahaṃ vata bhaṇḍaṃ uppannan”ti rāsiṃ katvā ārakkhaṃ datvā pātiṃ pūretvā āgantvā rañño dassetvā tamatthaṃ nivedesuṃ. Rājā tesampi yathārahaṃ sakkāraṃ kāresi.

Puna aññaṃ sāsanaṃ āhariṃsu, nagarato pacchimuttara- kaṇṇe sattayojana-matthake ṭhāne peḷavāpi-gāmassa vāpiyā otiṇṇa-kandare pulina-piṭṭhe nisadapotappamāṇa-dīghato vidatthicaturaṅgulā ummāpupphavaṇṇā cattāro mahāmaṇi uppajjiṃsu. Atheko matto nāma sunakhaluddo sunakhe gahetvā tattha vicaranto taṃ ṭhānaṃ patvā disvā “rājārahaṃ vata bhaṇḍan”ti vālikāhi paṭicchādetvā āgantvā rañño nivedesi. Rājā tassāpi yathārahaṃ sakkāraṃ kāresi. Evaṃ rājā thūpatthāya uppannāni iṭṭhakādīni tadaheva assosi iṭṭhaka-rajatānaṃ uppannaṭṭhānaṃ teneva nāmaṃ labhi.

Thūpa-sādhana- lābha-kathā.

--ooOoo--

Cùng thời gian ấy, dân chúng cũng đã đem lại thông tin khác nữa. Tại địa điểm ở về phía tây cách thành phố năm do- tuần ở ngọn núi Uruvelā có những viên ngọc trai với số lượng sáu mươi xe kéo đã từ biển cả hiện lên trên đất liền; chúng được lẫn lộn với san hô và có kích thước của trái cây āmalaka cỡ lớn. Các ngư phủ sau khi nhìn thấy

(nghĩ rằng): “Quả nhiên vật xứng đáng với đức vua đã được sanh lên!” rồi đã chất thành đống, bố trí sự bảo vệ, chứa đầy cái đĩa, rồi đã đi đến trình đức vua xem và đã tường thuật lại sự việc ấy. Đức vua cũng đã cho thực hiện sự tôn vinh tương xứng đến những người ấy.

Dân chúng đã đem lại thông tin khác nữa. Tại địa điểm ở về phía tây-bắc cách thành phố bảy do-tuần, ở bãi cát nơi hang động dẫn xuống hồ nước của ngôi làng Peḷavāpī đã xuất hiện bốn loại ngọc ma-ni lớn có kích thước của viên đá mài nhỏ bề dài là một gang với bốn ngón tay, và có màu sắc của hoa cây bông vải . Khi ấy, một người thợ săn tên Matta đã dẫn bầy chó lang thang ở nơi ấy và đã đi đến địa điểm ấy, sau khi nhìn thấy (nghĩ rằng): “Quả nhiên là vật xứng đáng với đức vua!” rồi đã dùng cát lấp lại và đi đến thông báo cho đức vua. Đức vua cũng đã cho thực hiện sự tôn vinh tương xứng đến người ấy. Như thế, nội trong ngày hôm ấy đức vua đã nghe tin về các viên gạch, v.v... đã được sanh lên vì mục đích ngôi bảo tháp. Chính vì điều ấy, địa điểm phát sanh lên các viên gạch và bạc đã có được tên gọi.

Phần Giảng Giải về Sự Nhận Được Vật Liệu Xây Dựng Ngôi Bảo Tháp.

--ooOoo--

THŪPĀRAMBHA- KATHĀ

Atha rājā thūpatthāya uppannāni suvaṇṇādīni āharāpetvā bhaṇḍāgāresu rāsiṃ kāresi. Tato sabbasambhāre samatte visākha-puṇṇamuposathadivase patta-visākha-nakkhatte mahāthūpakaraṇatthāya bhūmiparikammaṃ ārabhi. Rājā thūpaṭṭhāne patiṭṭhāpitaṃ silāthūpaṃ harāpetvā thirabhāvatthāya samantato hatthipākāra-pariyantaṃ gambhīrato sataratanappamāṇaṃ bhūmiṃ khanāpetvā paṃsuṃ apanetvā yodhehi guḷapāsāṇe attharāpetvā kammārakūṭehi āhanāpetvā cuṇṇavicuṇṇe kāresi.

Tato cammavinaddhehi pādehi mahāhatthīhi maddāpetvā pāsāṇa-koṭṭimassupari navanīta-mattikaṃ attharāpesi. Ākāsa-gaṅgāya hi nipatitaṭṭhāne udakabindūni uggantvā samantā tiṃsayojanappamāṇapadese patanti. Yattha sayañjātasālī uppajjanti, taṃ ṭhānaṃ niccameva tintattā nintasīsakoḷaṃ nāma jātaṃ. Tattha mattikā sukhumattā “navanīta-mattikā”ti vuccati. Taṃ tato khīṇāsavā sāmaṇerā āharanti. “Tāya sabbattha mattikākiccan”ti ñātabbaṃ.

Chương 14: GIẢNG GIẢI VỀ SỰ KHỞI CÔNG XÂY DỰNG NGÔI BẢO THÁP

Sau đó, đức vua đã cho đem về các vật đã được phát sanh lên vì mục đích ngôi bảo tháp như vàng, v.v... và chất lại thành đống trong các kho chứa vật liệu. Sau đó, khi tất cả các vật liệu được đầy đủ đức vua đã khởi sự việc chuẩn bị làm nền móng cho việc xây dựng ngôi đại bảo tháp vào ngày Uposatha là ngày trăng tròn tháng Visākha khi chòm tinh tú Visākha xuất hiện. Đức vua đã cho mang lại tháp đá di tích được thiết lập tại địa điểm của ngôi bảo tháp, sau đó đã cho đào xuống mặt đất độ sâu một trăm ratana 1 rồi bao bọc bằng hàng rào đầu voi ở xung quanh nhằm đạt được trạng thái bền vững, đã cho di chuyển khối đất, và đã cho các dũng sĩ trải đều các tảng đá tròn rồi

dùng búa thợ rèn đập vỡ làm thành các mảnh vụn. Sau đó, đức vua đã cho các con voi khổng lồ có bàn chân được bao bọc bằng lớp da dầm đạp lên rồi đã cho trải đều đất sét bơ lỏng lên trên lớp nền bằng đá vụn. Tại địa điểm mà sông Gaṅgā ở trên trời đổ nước xuống, các hạt nước đã bắn lên và rơi xuống khu vực có kích thước ba mươi do-tuần ở xung quanh là nơi lúa sālī được sanh trưởng tự nhiên. Tại địa điểm ấy, chính vì tính chất ẩm ướt thường xuyên nên có tên là Tintasīsakoḷa; đất sét tại nơi ấy có bản chất mềm dẻo nên được gọi là "đất sét bơ lỏng." Các vị sa di là bậc Lậu Tận đã mang đất sét từ nơi ấy lại. Điều cần biết là "công việc về đất sét ở khắp các nơi đã được thực hiện với loại đất sét ấy."

1 Ratana: đơn vị đo chiều dài, vào khoảng 25 cm (1 ratana = 12 aṅgula - ngón tay).

Mattikopari iṭṭhakā attharāpesi. Iṭṭhakopari dvarasukammaṃ, tassopari kuruvindapāsāṇaṃ, tassopari ayojālaṃ, tassopari khīṇāsava-sāmaṇerehi himavantato āhaṭaṃ sugandhamārumbaṃ, tassopari khīrapāsāṇaṃ, tassopari phaḷikapāsāṇaṃ, tassopari silaṃ attharāpesi. Sabbamattikā kicce navanītamattikā eva ahosi.

Silāsanthāropari rasodaka-santintena kapittha-niyyāsena aṭṭhaṅgula-bahala-tambalohapaṭṭaṃ, tassopari tilatelasantintāya manosilāya sattaṅgula-bahalaṃ rajatapaṭṭaṃ attharāpesi. Evaṃ rājā sabbākārena bhūmi-parikammaṃ kārāpetvā āsāḷahi sukkapakkhassa cātuddasa divase bhikkhusaṅghaṃ sannipātetvā evamāha: "Sve puṇṇamuposathadivase uttarāsāḷha-nakkhattena mahācetiye maṅgaliṭṭhakaṃ patiṭṭhāpessāmi. Sve thūpūṭṭhāne sabbo saṅgho santipatatū"ti nagare bheriṃ carāpesi: "Mahājano uposathiko hutvā gandhamālādīni gahetvā thūpaṭṭhāne sannipatatū"ti.

Tato visākha-sirideva-nāmake dve amacce āṇāpesi: "Tumhe tumhe gantvā mahācetiyaṭṭhānaṃ alaṅkarothā"ti. Te gantvā samantato rajatapaṭṭavaṇṇa-vālukaṃ okirāpetvā lājapañcamakāni pupphāni vikiritvā kadalitoraṇaṃ ussāpetvā puṇṇaghaṭe ṭhapāpetvā maṇivaṇṇe veḷumhi pañcavaṇṇadhajaṃ bandhāpetvā gandhasampannāni nānāvidha-kusumāni santharāpetvā nānāppakārehi taṃ ṭhānaṃ alaṅkariṃsu.

Sau đó đã cho trải các viên gạch bên trên lớp đất sét, bên trên lớp gạch là công việc hồ dính, bên trên lớp ấy là đá hồng ngọc, bên trên lớp ấy là màng lưới bằng sắt, bên trên lớp ấy là cát có mùi thơm đã được các vị sa di Lậu Tận mang lại từ núi Hy-mã-lạp, bên trên lớp ấy là đá sữa, bên trên lớp ấy là đá pha-lê, rồi bên trên lớp ấy cho trải lớp đá cuội. Toàn bộ đất sét dùng trong công trình đều là loại đất sét bơ lỏng. Ở bên trên lớp trải đá, đức vua đã cho lát miếng đồng đỏ dày tám ngón tay bằng nhựa cây táo được làm mềm bởi nước tinh khiết, rồi đã cho lát miếng bạc dày bảy ngón tay bên trên lớp ấy bằng thạch tín được làm mềm bởi dầu hạt mè. Sau khi đã cho chuẩn bị mặt nền bằng mọi phương thức như thế, vào ngày mười bốn thượng huyền tháng Āsāḷha đức vua đã cho triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và đã nói như vầy: "Ngày mai là ngày trăng tròn Uposatha với chòm tinh tú Uttarāsāḷha, trẫm sẽ cho đặt viên gạch kiết tường ở ngôi đại bảo điện. Ngày mai, thỉnh toàn thể hội chúng hãy tụ hội tại địa điểm của ngôi bảo tháp" rồi đã cho trống thông báo ở trong thành phố rằng: "Dân chúng hãy thọ trì

ngày Trai Giới, hãy mang theo các loại hương thơm, tràng hoa, v.v... và hãy tụ hội tại địa điểm của ngôi bảo tháp." Kế đến, đức vua đã ra lệnh cho hai vị quan đại thần tên là Visākha và Sirideva: "Mỗi người các khanh hãy đến và trang hoàng khu vực ngôi đại bảo điện." Hai người ấy sau khi đi đến đã cho rải cát có màu sắc kim loại bạc xuống xung quanh, rồi đã cho rắc đều các loại bông hoa và bắp rang là loại thứ năm, rồi cho dựng lên cổng chào bằng cây chuối, cho đặt những chum đầy (nước uống), rồi cho buộc các cờ ngũ sắc ở những cây tre màu ngọc ma-ni, rồi đã cho trải ra nhiều loại bông hoa có hương thơm. Họ đã trang hoàng khu vực ấy bằng nhiều phương thức như thế.

Atha rājā sakalanagarañca vihāragāmi-maggañca alaṅkārāpesi. Pabhātāya rattiyā nagare catusu dvāresu massu-kammatthāya nahāpite, nahāpanatthāya nahāpanake, alaṅkāratthāya kappakeva nānāvirāga-vattha-gandha- mālādīni ca sūpa-vyañjana-sampannāni madhura-bhattāni ca ṭhapāpetvā "sabbe nāgarā ca jānapadā ca yathā ruciṃ massukammaṃ kāretvā nahātvā bhuñjitvā vatthābharaṇādīhi alaṅkaritvā mahācetiyaṭṭhānaṃ āgacchantū"ti āyuttakehi ārocāpesi.

Sayampi sabbābharaṇa-vibhūsito cattālīsa purisa- sahassehi saddhiṃ uposathiko hutvā anekehi sumaṇḍita- pasādhitehi amaccehi gahitārakkho alaṅkatāhi devakaññāpamāhi nāṭakitthīhi parivuto amaragaṇa-parivuto devarājā viya attano sirisampattiyā mahājanaṃ tosayanto anekehi turiya-saṅghuṭṭhehi vattamānehi aparaṇha mahāthūpaṭṭhānaṃ upagañchi. Mahācetiyaṭṭhāne maṅgalatthāya puṭabaddhāni vatthāni aṭṭhuttara-sahassaṃ ṭhapāpesi. Catusu passesu vattharāsiṃ kāresi. Tela-madhu- sakkara-phāṇitādīni ca ṭhapāpesi.

Sau đó, đức vua đã cho trang hoàng toàn bộ thành phố và con đường đi đến tu viện. Lúc đêm hừng sáng, ở bốn cổng trong thành phố đức vua đã ra lệnh bố trí những người thợ cạo cho công việc cạo râu, những người thợ tắm cho công việc tắm rửa, luôn cả những người phụ giúp cho công việc trang điểm nữa, cùng với các loại vải vóc nhiều màu sắc, các hương thơm và tràng hoa, v.v..., và các bữa ăn ngon ngọt có đủ xúp và thức ăn rồi đã cho những viên quan quản lý thông báo rằng: "Tất cả cư dân thành phố và xứ sở hãy để cho thực hiện công việc cạo râu, tắm rửa, thọ thực, trang điểm các loại vải vóc và đồ trang sức, v.v... theo như ý thích rồi hãy đi đến địa điểm của ngôi đại bảo điện."

Bản thân đức vua cũng đã được trang điểm với tất cả các đồ trang sức và đã thọ trì ngày Trai Giới cùng với bốn mươi ngàn người. Đức vua có sự bảo vệ do nhiều viên quan đại thần phục sức tráng lệ phụ trách và được hầu cận bởi những nữ vũ công trang điểm giống như các nàng tiên, trông tợ như vị Thiên vương được tùy tùng bởi Thiên chúng, trong lúc làm dân chúng vui mừng bởi sự thành tựu quyền quý của bản thân, đã đi đến địa điểm của ngôi đại bảo tháp vào lúc chiều tối trong khi vô số các loại nhạc cụ đang trình tấu. Nhằm mục đích kiết tường, đức vua đã cho đặt hơn tám ngàn cuộn vải tại vị trí của ngôi đại bảo điện, còn ở bốn bên đã cho chất các đống vải và đã cho xếp đặt các loại dầu ăn, mật ong, đường tinh khiết, v.v...

Atha nānādesato bahū bhikkhū āgamiṃsu. Rājagaha- samantā indaguttatthero nāma asītibhikkhusahassāni gahetvā ākāsenāgañchi tathā bārāṇasiyaṃ isipatane mahāvihārato dhammasenatthero nāma dvādasa bhikkhusahassāni. Sāvatthiyaṃ jetavanavihārato piyadassi nāma thero saṭṭhibhikkhusahassāni vesāliyaṃ mahāvanato buddharakkhitatthero aṭṭhārasabhikkhusahassāni, kosambiyaṃ ghositārāmato mahādhamma-rakkhitatthero tiṃsabhikkhusahassāni. Ujjeniyaṃ dakkhiṇagiri mahāvihārato dhammarakkhitatthero cattālīsabhikkhusahassāni. Pāṭaliputte asokārāmato mittiṇṇatthero bhikkhūnaṃ satasahassāni saṭṭhiñca sahassāni gandhāra-raṭṭhato attinna-thero nāma bhikkhūnaṃ dve satasahassāni asītiñca sahassāni. Mahāpallava-bhogato mahādevatthero bhikkhūnaṃ cattāri satasahassāni saṭṭhiñca sahassāni. Yonakaraṭṭhe alasandā nagarato yonaka-dhammarakkhitatthero tiṃsabhikkhusahassāni. Viñjhāṭavivattaniya senāsanato uttaratthero asītibhikkhusahassāni. Mahābodhimaṇḍa-vihārato cittaguttatthero tiṃsabhikkhusahassāni. Vanavāsibhogato candaguttatthero asītibhikkhusahassāni. Kelāsa- mahāvihārato suriyaguttatthero channavuti-sahassāni gahetvā ākāsenāgañchi.

Bhikkhūnaṃ dīpavāsīnaṃ - āgatānañca sabbaso, gaṇanāya paricchedo - porāṇehi na bhāsito.

Khi ấy, nhiều vị tỳ khưu đã đi đến từ các địa phương khác nhau. Vị trưởng lão tên Indagutta đã đưa tám mươi ngàn vị tỳ khưu từ vùng lân cận thành Rājagaha đi đến theo đường không trung. Tương tợ như thế, vị trưởng lão tên Dhammasena cùng mười hai ngàn vị tỳ khưu từ đại tu viện ở Isipatana, Bārāṇasī, vị trưởng lão tên là Piyadassi cùng với sáu mươi ngàn vị tỳ khưu từ tu viện Jetavana, thành Sāvatthi, trưởng lão Buddharakkhita cùng mười tám ngàn vị tỳ khưu từ Mahāvana, thành Vesālī, trưởng lão Mahādhammakkhita cùng ba mươi ngàn vị tỳ khưu từ tu viện Ghosita thành Kosambī, trưởng lão Dhammarakkhita cùng bốn mươi ngàn vị tỳ khưu từ đại tu viện Dakkhiṇagiri ở xứ Ujjenī, trưởng lão Mittiṇṇa cùng một trăm sáu mươi ngàn vị tỳ khưu từ tu viện Asoka thành Pāṭaliputta, trưởng lão Attinna cùng hai trăm tám mươi ngàn vị tỳ khưu từ xứ Gandhāra, trưởng lão Mahādeva cùng bốn trăm sáu mươi ngàn vị tỳ khưu từ khu vực Mahāpallava, trưởng lão Dhammarakkhita người xứ Yona cùng ba mươi ngàn vị tỳ khưu từ thành phố Alasandā thuộc xứ sở Yonaka, trưởng lão Uttara cùng tám mươi ngàn vị tỳ khưu từ trú xứ ở lối vào khu rừng Viñjha, trưởng lão Cittagutta cùng ba mươi ngàn vị tỳ khưu từ tu viện Mahābodhimaṇḍa, trưởng lão Candagutta cùng tám mươi ngàn vị tỳ khưu từ khu vực Vanavāsi, trưởng lão Suriyagutta đã đưa chín mươi sáu ngàn vị tỳ khưu từ đại tu viện Kelāsa đi đến theo đường không trung.

Đối với các vị tỳ khưu là cư dân ở đảo đã đi đến từ khắp các nơi, sự xác định về số lượng không được các tài liệu cổ đề cập đến.

Samāgatānaṃ bhikkhūnaṃ - sabbesaṃ taṃ samāgame, vuttā khīṇāsavāyeva - te channavuti koṭiyo.

Atha saṅgho parikkhitta-pavāḷavedikā viya majjhe rañño okāse ṭhapetvā aññamaññaṃ aghaṭṭetvā aṭṭhāsi. Pācīnapasse buddharakkhitanāmako khīṇāsāvatthero attanā sadisanāmake pañcasatakhīṇāsave gahetvā aṭṭhāsi. Tathā dakkhiṇapasse pacchimapasse uttarapasse ca dhammarakkhita-saṅgharakkhita-ānanda nāmakā khīṇāsavattherā attanā sadisanāmake pañcapañcasata khīṇāsave gahetvā aṭṭhaṃsu. Piyadassi nāma khīṇāsavatthero mahābhikkhusaṅghaṃ gahetvā pubbuttara-kaṇṇe aṭṭhāsi.

Rājā kira saṅghamajjhaṃ pavisantoyeva “Sace mayā kayiramānaṃ cetiyakammaṃ anantarāyena niṭṭhaṃ gacchati pācīna-dakkhiṇa-pacchima-uttarapassesu Buddharakkhita- Dhammarakkhita-Saṅgharakkhita-Ānanda nāmakā therā attanā sadisanāmake pañcapañcasatabhikkhū gahetvā tiṭṭhantu. Piyadassi nāma thero pubbuttarakaṇṇe bhikkhusaṅghaṃ gahetvā tiṭṭhatū”ti cintesi. “Therāpi rañño adhippāyaṃ ñatvā tathā ṭhitā”ti vadanti. Siddhatthero pana “maṅgalo sumano padumo sīvali candagutto sūriyagutto indagutto sāgaro cittaseno jayaseno acalo”ti imehi ekādasahi therehi parivuto puṇṇaghaṭe pūrato katvā puratthābhimukho aṭṭhāsi.

Trong số tất cả các vị tỳ khưu đã đi đến dự cuộc hội họp ấy, nghe nói chỉ riêng các vị Lậu Tận đã là chín mươi sáu koṭi vị. 1

Khi ấy, sau khi chừa lại khoảng trống ở trung tâm cho đức vua, hội chúng đã đứng không chạm lẫn nhau trông như là hàng rào san hô rào quanh vậy. Vị trưởng lão tên Buddharakkhita là bậc Lậu Tận đã đưa năm trăm vị Lậu Tận có cùng tên gọi với mình đứng ở phía đông. Tương tợ như thế, các vị trưởng lão tên Dhammarakkhita, Saṅgharakkhita, và Ānanda là các bậc Lậu Tận đã đưa từng nhóm năm trăm vị Lậu Tận có cùng tên gọi với mình đứng ở phía nam, ở phía tây, và ở phía bắc. Vị trưởng lão tên Piyadassi là bậc Lậu Tận đã đưa đại chúng tỳ khưu đứng ở góc đông bắc.

Nghe nói ngay trong khi đi vào giữa hội chúng, đức vua đã suy nghĩ rằng: “Nếu việc xây dựng ngôi bảo điện đang được ta thực hiện đạt đến sự hoàn tất không gặp chướng ngại, thì xin các vị trưởng lão tên Buddharakkhita, Dhammarakkhita, Saṅgharakkhita, và Ānanda hãy đưa từng nhóm năm trăm vị tỳ khưu có cùng tên gọi với mình đứng ở phía đông, ở phía nam, ở phía tây, và ở phía bắc. Vị trưởng lão tên Piyadassi hãy đưa hội chúng tỳ khưu đứng ở góc đông bắc.” Người ta kể lại rằng: “Các vị trưởng lão cũng đã biết được điều ước nguyện của đức vua nên đã đứng theo như thế.” Hơn nữa, vị trưởng lão Siddhattha được tháp tùng bởi mười một vị trưởng lão này là: Maṅgala, Sumana, Paduma, Sīvali, Candagutta, Sūriyagutta, Indagutta, Sāgara, Cittasena, Jayasena, Acala đã đứng quay mặt về hướng đông sau khi đã đặt các chum đầy nước ở phía trước.

1 Sđd., so sánh với câu kệ 44-45, chương 29.

Atha rājā tathā ṭhitaṃ bhikkhusaṅghaṃ disvā pasannacitto gandhamālādīhi pūjetvā padakkhiṇaṃ katvā catusu ṭhānesu vanditvā puṇṇaghaṭaṭṭhānaṃ pavisitvā suvaṇṇakhīle paṭimukkaṃ rajatamayaṃ paribbhamana- daṇḍaṃ vijjamānamātāpitūnaṃ ubhato sujātena sumaṇḍita- pasādhitena

abhimaṅgala-sammatena amaccaputtena gāhāpetvā mahantaṃ cetiyāvaṭṭaṃ kāretuṃ ārabhi. Tathā kārentaṃ pana siddhatthatthero nivāresi. Evaṃ kirassa ahosi: “Yadi mahārājā mahantaṃ cetiyaṃ karoti, aniṭṭhiteyeva marissati. Anāgate dupparihāriyañca bhavissatī”ti. Tasmiṃ khaṇe bhikkhu-saṅgho “Mahārāja thero paṇḍito, therassa vacanaṃ kātuṃ vaṭṭatī”ti āha.

Rājā bhikkhusaṅghassa adhippāyaṃ ñatvā “thero karotī”ti maññamāno “Kīdisaṃ bhante pamāṇaṃ karomī”ti āha. Thero “mama gatagataṭṭhānato cetiyāvaṭṭaṃ karohī”ti vatvā upadisanto āvijjhitvā agamāsi. Rājā therassa vuttanayena cetiyāvaṭṭaṃ kāretvā theraṃ upasaṅkamitvā nāmaṃ pucchitvā gandhamālādīhi pūjetvā vanditvā parivāretvā ṭhite sesa ekādasathere ca upasaṅkamitvā pūjetvā vanditvā tesaṃ nāmāni ca pucchitvā paribbhamana- daṇḍagāhakassa amaccaputtassa nāma pucchi.

Sau đó, khi nhìn thấy hội chúng tỳ khưu đứng như thế, đức vua đã sanh tâm tịnh tín và đã cúng dường các vật thơm, tràng hoa, v.v... rồi đã hướng vai phải nhiễu quanh, đã đảnh lễ bốn địa điểm, sau đó đã đi vào nơi có các chum đựng đầy (nước), rồi đã bảo người con trai của viên quan đại thần— được sanh ra hoàn hảo từ người mẹ và cha còn tại tiền, được khéo phục sức và trang điểm, được công nhận là điềm vô cùng tốt lành—cầm lấy cây gậy khoanh đường tròn được làm bằng bạc đã được buộc vào cây cọc bằng vàng (bởi sợi dây) và bắt đầu thực hiện vòng tròn lớn quanh ngôi bảo điện. Tuy nhiên, trong khi công việc đang được thực hiện như thế, vị trưởng lão Siddhattha đã cản lại. Nghe rằng vị này đã khởi ý như vầy: “Nếu vị đại vương xây dựng ngôi bảo điện, thì ngài sẽ băng hà ngay khi còn chưa được hoàn tất. Và sẽ khó được tiếp tục trong tương lai.” Vào giây phút ấy, hội chúng tỳ khưu đã nói rằng: “Tâu đại vương, vị trưởng lão là bậc trí tuệ. Nên làm theo lời nói của vị trưởng lão.” Sau khi biết được ý định của hội chúng tỳ khưu, đức vua trong lúc suy nghĩ rằng: “Vị trưởng lão sẽ thực hiện” nên đã nói như vầy: “Bạch các ngài, vậy trẫm sẽ thực hiện theo kích thước chừng nào?” Vị trưởng lão trong lúc vừa chỉ dẫn vừa nói rằng: “Ngài hãy thực hiện chu vi của ngôi bảo điện theo vị trí từng bước đi của tôi,” và đã khoanh đường tròn rồi bước đi. Sau khi cho thực hiện chu vi của ngôi bảo điện theo cách thức chỉ dẫn của vị trưởng lão, đức vua đã đi đến gần vị trưởng lão, đã hỏi tên, đã cúng dường các loại vật thơm và tràng hoa, v.v... rồi đã đảnh lễ, sau đó đã đến gần mười một vị trưởng lão còn lại đang đứng vòng quanh, đã cúng dường, đã đảnh lễ, đã hỏi tên của các vị ấy, và đã hỏi tên của người con trai viên quan đại thần là người cầm cây gậy khoanh đường tròn.

“Ahaṃ deva suppatiṭṭhita brahmā nāmā”ti vutte “tava pitā kiṃ nāmo”ti pucchitvā “nandiseno nāmā”ti vutte mātunāmaṃ pucchi. “Sumanādevī nāmā”ti vutte, “Sabbesaṃ nāmāni abhimaṅgalasammatāni, mayā kayiramānaṃ cetiyakammaṃ avassaṃ niṭṭhānaṃ gacchatī”ti haṭṭho ahosi, tato rājā majjhe aṭṭhasuvaṇṇaghaṭe rajataghaṭe ca ṭhapāpetvā te parivāretvā aṭṭhuttari-sahassa puṇṇaghaṭe ṭhapāpesi.

Atha aṭṭhasuvaṇṇiṭṭhakā ṭhapāpesi. Tāsu ekekaṃ parivāretvā aṭṭhuttarasata aṭṭhuttarasata-rajatiṭṭhakāyo aṭṭhuttarasata aṭṭhuttarasatavatthāni ca ṭhapāpesi. Atha suppatiṭṭhita brahma nāmena amaccaputtena ekaṃ suvaṇṇiṭṭhakaṃ gāhāpetvā tena sadisanāmehi ca jīvamānakamātāpitūhi sattahi amaccaputtehi sesa sattiṭṭhakāyo

gāhāpesi.

Tasmiṃ khaṇe mittatthero nāma puratthimadisābhāge paribbhamita-lekhāyaṃ bhūmiyaṃ gandhapiṇḍaṃ ṭhapesi. Jayasenatthero nāma udakaṃ āsiñcitvā santintetvā samaṃ akāsi. Suppatiṭṭhita brahmā bhaddanakkhattena evaṃ nānāvidha-maṅgalābhisaṅkhaṭaṭṭhāne paṭhamaṃ maṅgaliṭṭhakaṃ patiṭṭhāpesi. Sumanatthero nāma jātisumana-pupphehi taṃ pūjesi. Tasmiṃ khaṇe udakapariyantaṃ katvā mahāpaṭhavi kampo ahosi. Eteneva nayena sesa sattiṭṭhakāyopi patiṭṭhāpesuṃ.

Khi được nói rằng: “Tâu bệ hạ, thần tên là Suppatiṭṭhita Brahmā,” đức vua đã hỏi rằng: “Tên của cha khanh là gì?” Khi được nói rằng: “Tên là Nandisena,” đức vua đã hỏi đến tên của người mẹ. Khi được nói rằng: “Tên là Sumanādevī,” đức vua đã mừng rỡ (nghĩ rằng): “Các tên của tất cả đều được công nhận là vô cùng tốt lành, việc xây dựng ngôi bảo điện đang được ta thực hiện chắc chắn đạt đến sự hoàn tất.” Sau đó, đức vua đã cho đặt tám chum vàng và chum bạc ở giữa, rồi đã cho đặt hơn tám ngàn chum đầy bao quanh chúng.

Sau đó, đức vua đã cho đặt tám viên gạch bằng vàng Rồi mỗi một viên gạch trong số ấy, đức vua đã cho bao bọc quanh và xếp đặt hơn tám trăm viên gạch bằng bạc và hơn tám trăm tấm vải. Sau đó, đức vua đã bảo Suppatiṭṭhita Brahmā người con trai của viên quan đại thần cầm lấy một viên gạch bằng vàng rồi đã bảo bảy người con trai của các viên quan đại thần—có cùng tên gọi với Brahmā và có cha mẹ còn tại tiền—cầm lấy bảy viên gạch còn lại.

Vào giây phút ấy, vị trưởng lão tên Mitta đã đặt xuống cục đất sét có mùi thơm ở trên mặt đất theo đường vạch vòng tròn ở khu vực phía đông. Vị trưởng lão tên Jayasena đã rưới nước làm cho ẩm ướt rồi ban bằng phẳng. Vào thời điểm tốt lành, Suppatiṭṭhita Brahmā đã đặt viên gạch kiết tường thứ nhất ở vị trí được hội đủ vô số điều kiện tốt lành như thế. Vị trưởng lão tên Sumana đã cúng dường chỗ ấy với các bông hoa nhài. Vào thời điểm ấy, đại địa cầu đã tạo thành vòng đai bằng nước và đã rúng động. Họ cũng đã đặt xuống bảy viên gạch còn lại đúng theo cách thức như thế.

Tato rājā rajatiṭṭhakāyopi patiṭṭhāpetvā gandhamālādīhi pūjetvā maṅgala-vidhānaṃ niṭṭhāpetvā suvaṇṇapeḷāya pupphāni gāhāpetvā pācīnapasse bhikkhusaṅghassa purato ṭhitaṃ mahābuddharakkhitattheraṃ upasaṅkamitvā gandhamālādīhi pūjetvā vanditvā therassa parivāretvā ṭhita- bhikkhūnañca nāmāni pucchitvā tato dakkhiṇapasse ṭhitaṃ mahādhamma-rakkhitattheraṃ pacchimapasse ṭhitaṃ mahāsaṅgharakkhitattheraṃ uttarapasse ṭhitaṃ ānandattherañca upasaṅkamitvā gandhamālādīhi pūjetvā pañcapatiṭṭhitena vanditvā tatheva nāmāni pucchitvā pubbuttarakaṇṇaṃ gantvā tattha ṭhitaṃ piyadassi mahātheraṃ vanditvā pūjetvā nāmāni pucchitvā santike aṭṭhāsi.

Thero maṅgalaṃ vaḍḍhento rañño dhammaṃ desesi. Maṅgalapariyosāne sampatta-gihiparisāsu cattālīsasahassāni arahante patiṭṭhahiṃsu. Cattālīsa sahassāni sotāpattiphale, sahassaṃ sakadāgāmiphale, sahassaṃ anāgāmi-phale, bhikkhūnaṃ

pana aṭṭhārasa-sahassāni arahattaṃ pāpuṇiṃsu. Bhikkhunīnaṃ catuddasa sahassānīti.

Thūpārambhakathā.

--ooOoo--

Sau đó, đức vua cũng đã cho đặt xuống những viên gạch bằng bạc rồi đã cúng dường bằng các vật thơm và tràng hoa, v.v... rồi đã cho xếp đặt mọi việc được tốt đẹp, sau đó đã cho mang lại những bông hoa đựng trong chậu vàng và đi đến gần đại trưởng lão Buddharakkhita đang đứng trước hội chúng tỳ khưu ở phía đông, rồi đã cúng dường với các vật thơm và tràng hoa, v.v..., sau khi đảnh lễ đã hỏi tên các vị tỳ khưu đứng xung quanh vị trưởng lão; sau đó đã đi đến gần đại trưởng lão Dhammarakkhita đang đứng ở phía nam, rồi đại trưởng lão Saṅgharakkhita đang đứng ở phía tây, rồi trưởng lão Ānanda đang đứng ở phía bắc và đã cúng dường bằng các vật thơm và tràng hoa, v.v..., sau đó đã đảnh lễ với năm điểm tiếp xúc, 1 rồi tương tợ như thế đã hỏi các tên, sau đó đã đi đến góc đông bắc đảnh lễ vị đại trưởng lão Piyadassi đang đứng ở nơi ấy, đã đảnh lễ, đã hỏi các tên, rồi đã đứng bên cạnh.

Vị trưởng lão, trong lúc làm tăng trưởng phước lành, đã thuyết Pháp cho đức vua. Đến khi chấm dứt lễ hội, bốn mươi ngàn người trong hội chúng cư sĩ đến dự đã được an trú vào phẩm vị A-la-hán, bốn mươi ngàn vào quả vị Nhập Lưu, một ngàn vào quả vị Nhất Lai, một ngàn vào quả vị Bất Lai. Hơn nữa, mười tám ngàn vị tỳ khưu và mười bốn ngàn vị tỳ khưu ni đã đạt đến phẩm vị A-la-hán.

Phần Giảng Giải về Sự Khởi Công Xây Dựng Ngôi Bảo Tháp.

--ooOoo--

1 Dr. B.C. Law ghi ở cước chú là trán, hông, cùi chỏ, đầu gối, và hai bàn chân (tr. 73).

DHĀTUGABBHARŪPA- VAṆṆANĀ KATHĀ

Tato rājā bhikkhusaṅghaṃ vanditvā “Yāva mahācetiyaṃ niṭṭhāti tāva me bhikkhusaṅgho bhikkhaṃ gaṇhātū”ti āha. Bhikkhū nādhivāsesuṃ. Anupubbena yācanto upaḍḍhabhikkhūnaṃ sattāhaṃ adhivāsanaṃ labhitvā thūpaṭṭhānassa samantato aṭṭhārasasu ṭhānesu maṇḍape kārayitvā bhikkhu-saṅghaṃ nisīdāpetvā sattāhaṃ mahādānaṃ datvā sabbesaṃyeva tela-madhu-phāṇitādi bhesajjaṃ datvā bhikkhusaṅghaṃ vissajjesi. Tato nagare bheriṃ carāpetvā sabbe iṭṭhakavaḍḍhaki santipātesi. Te pañcasatamattā ahesuṃ.

Tesu eko “ahaṃ rañño cittaṃ ārādhetvā mahācetiyaṃ kātuṃ sakkomī”ti rājānaṃ passi. Rājā “kathaṃ karosī”ti pucchi. “Ahaṃ deva pesikānaṃ sataṃ gahetvā ekāhaṃ ekaṃ paṃsusakaṭaṃ khepetvā kammaṃ karomī”ti āha. Rājā “Evaṃ sati paṃsurāsikaṃ bhavissati. Tiṇarukkhādīni uppajjissanti. Addhānaṃ nappavattatī”ti taṃ paṭibāhi.

Chương 15: GIẢNG GIẢI VÀ MÔ TẢ HÌNH THỨC CỦA CĂN PHÒNG THỜ XÁ-LỢI

Sau đó, đức vua đã đảnh lễ hội chúng tỳ khưu rồi nói rằng: “Xin hội chúng tỳ khưu hãy thọ nhận vật thực của trẫm cho đến khi ngôi đại bảo điện được hoàn tất.” Các vị tỳ khưu đã không nhận lời. Trong lúc lần lượt thỉnh cầu và đạt được sự nhận lời trong bảy ngày của một nửa số lượng tỳ khưu, đức vua đã cho thực hiện các mái che ở mười tám địa điểm xung quanh vị trí của ngôi bảo tháp, rồi đã thỉnh hội chúng tỳ khưu ngồi xuống, và đã thực hiện cuộc lễ đại thí trong bảy ngày, sau đó đã dâng cúng dược phẩm như là dầu ăn, mật ong, đường mía, v.v... đến tất cả các vị, rồi đã tiễn biệt hội chúng tỳ khưu. Sau đó, đức vua đã cho trống thông báo trong thành phố và cho triệu tập tất cả các người thợ xây gạch lại. Bọn họ gồm có năm trăm người.

Một người trong nhóm (nghĩ rằng): “Sau khi được lòng đức vua, ta có thể thực hiện ngôi đại bảo điện” rồi đã nhìn vào đức vua. Đức vua đã hỏi rằng: “Khanh làm cách nào?” Người ấy đã nói rằng: “Tâu bệ hạ, thần chọn lấy một trăm nhân công, sau đó mỗi ngày cho đổ vào một xe đất, rồi tiến hành công việc.” Đức vua (nghĩ rằng): “Nếu như thế thì sẽ là đống đất. Các loại cỏ, cây, v.v... sẽ mọc lên và sẽ không tồn tại lâu dài,” rồi đã từ chối người ấy.

Añño “Ahaṃ purisasataṃ gahetvā ekāhaṃ ekaṃ paṃsugumbaṃ khepetvā kammaṃ karomī”ti āha.

Añño “Paṃsūnaṃ pañcammaṇāni khepetvā kammaṃ karomī”ti āha.

Añño “Dve ammaṇāni khepetvā kammaṃ karomī”ti āha. Tepi rājā paṭibāhiyeva.

Atha añño paṇḍito iṭṭhaka-vaḍḍhakī “Ahaṃ deva udukkhale koṭṭetvā suppehi vaṭṭetvā nisade piṃsitvā paṃsūnaṃ ekammaṇaṃ ekāheneva khepetvā pesikānaṃ sataṃ gahetvā kammaṃ karomī”ti āha.

Rājā “evaṃ sati mahācetiye tiṇādīni na bhavissanti. Ciraṭṭhitikañca bhavissatī”ti sampaṭicchitvā puna pucchi: “Kiṃ saṇṭhānaṃ pana karissasī”ti.

Tasmiṃ khaṇe vissakamma-devaputto vaḍḍhakissa sarīre adhimucci. Vaḍḍhakī suvaṇṇapātiṃ pūretvā udakamāharāpetvā pāṇinaṃ udakaṃ gahetvā udakapiṭṭhiyaṃ āhani. Phaḷikaghaṭasadisaṃ mahantaṃ udaka-bubbulaṃ uṭṭhāsi. “Deva īdisaṃ karomī”ti āha.

Rājā “sādhū”ti sampaṭicchitvā tassa sahassagghanakaṃ sāṭaka-yugalaṃ, sahassagghanakaṃ yeva puṇṇakaṃ nāma suvaṇṇālaṅkāraṃ, sahassagghanakā pādukā, dvādasa kahāpaṇa-sahassāni ca datvā anurūpaṭṭhāne gehañca khettañca dāpesi.

Người khác đã nói rằng: “Thần chọn lấy một trăm nam nhân, sau đó mỗi ngày cho đổ vào một khối đất, rồi tiến hành công việc.” Người khác đã nói rằng: “Thần cho đổ vào năm ghe đất rồi tiến hành công việc.” Người khác đã nói rằng: “Thần cho đổ vào hai ghe đất rồi tiến hành công việc.” Đức vua cũng đã từ chối những người ấy. Khi ấy, có người thợ xây gạch khác sáng trí đã nói rằng: “Tâu bệ hạ, sau khi cho giã trong cối giã, sàng bằng rây, nghiền nát bằng cối xay, mỗi một ngày thần sẽ cho đổ vào chỉ một ghe đất và chọn lấy một trăm nhân công rồi tiến hành công việc.” Đức vua (nghĩ rằng):

“Nếu như thế ở ngôi đại bảo điện sẽ không có các loại cỏ, v.v... và sẽ tồn tại lâu dài” nên đã đồng ý rồi hỏi thêm rằng: “Tuy nhiên, khanh sẽ làm hình dạng gì?”

Vào thời điểm ấy, Thiên tử Vissakamma đã nhập vào cơ thể của người thợ xây. Người thợ xây đã cho mang nước lại đổ đầy cái chậu bằng vàng, sau đó đã dùng bàn tay nhúng nước búng ở trên mặt nước và đã làm hiện ra bong bóng nước lớn như cái chậu bằng pha-lê. Người ấy đã nói rằng: “Tâu bệ hạ, thần làm như thế này.” Đức vua đã đồng ý (nói rằng): “Tốt lắm!” rồi đã ban cho người ấy hai xấp vải trị giá một ngàn, luôn cả đồ trang sức bằng vàng tên là puṇṇaka cũng trị giá một ngàn, đôi giày trị giá một ngàn, và mười hai ngàn đồng tiền, rồi còn bảo cấp cho nhà và ruộng ở địa điểm thích hợp nữa.

Tato rājā rattibhāge cintesi: “Kathaṃ nāma manusse apīḷetvā iṭṭhakā āharāpeyyan”ti. Devatā rañño cittaṃ ñatvā cetiyassa catusu dvāresu ekekadivasappahoṇakaṃ katvā tassāyeva rattiyā iṭṭhakārāsiṃ akaṃsu. Vibhātāya rattiyā manussā disvā rañño ārocesuṃ. Rājā tussitvā vaḍḍhakiṃ kamme paṭṭhapesi. Devatā eteneva nayena yāva mahācetiyassa niṭṭhānaṃ tāva ekekassa divasassa pahoṇakaṃ katvā iṭṭhakā āhariṃsu. Sakaladivasa-bhāge kammaṃ kataṭṭhāne mattikā iṭṭhaka-cuṇṇaṃ vāpi na paññāyati. Rattiyaṃ devatā antaradhāpenti.

Atha rājā mahācetiyakammakārāya catuparisāya hatthakammamūlatthaṃ catusu dvāresu ekekasmiṃ dvāre soḷasakahāpaṇasahassāni vatthālaṅkāra-gandha-māla-tela-madhu-phāṇita-pañcakaṭuka-bhesajjāni nānāvidha-sūpa- vyañjana-saṃyuttaṃ bhattaṃ yāgukhajjakādīni aṭṭhavidha- kappiya-pānakāni pañcavidha-mukhavāsa-sahita-tambulāni ca ṭhapāpetvā “mahācetiye kammaṃ karontā gahaṭṭhā vā pabbajitā vā yathājjhāsayaṃ gaṇhantu mūlaṃ agahetvā kammaṃ karontānaṃ kātuṃ na dethā”ti āṇāpesi.

Sau đó, trong đêm đức vua đã suy nghĩ rằng: “Làm thế nào ta có thể cho mang lại các viên gạch mà không phải đày đọa dân chúng?” Chư Thiên biết được tâm của đức vua nên ngay trong đêm ấy đã thực hiện đống gạch đủ cho từng ngày một ở bốn cổng vào của ngôi bảo điện. Khi đêm hừng sáng, dân chúng đã nhìn thấy và đã trình lên đức vua. Đức vua mừng rỡ rồi đã cho thợ xây gạch tiến hành công việc. Bằng chính phương thức ấy, chư Thiên đã thực hiện rồi đem lại số gạch vừa đủ của từng ngày một cho đến khi ngôi đại bảo điện được hoàn thành. Ở tại chỗ được tiến hành công việc, đất sét hoặc bột gạch không được sử dụng trọn thời gian trong ngày thì đã được chư Thiên làm cho biến mất vào ban đêm.

Khi ấy, ở mỗi một cánh cổng trong số bốn cổng vào, đức vua đã cho xếp đặt tiền lương và phần thưởng cho việc làm thủ công của bốn hội chúng tham gia công việc xây dựng ngôi đại bảo điện gồm có mười sáu ngàn đồng tiền, vải vóc, đồ trang sức, vật thơm, tràng hoa, dầu ăn, mật ong, đường mía, năm loại gia vị, các loại dược phẩm, bữa ăn gồm có nhiều loại xúp và thức ăn khác nhau, cháo, vật thực cứng, v.v..., tám loại thức uống được phép, các lá trầu kèm theo năm loại làm thơm miệng, rồi đã ra lệnh rằng: “Hãy để những người tại gia hoặc xuất gia đang tham gia công việc xây dựng ngôi đại bảo điện được nhận lãnh theo như ước muốn, những người tham gia công việc không

nhận lãnh lương không được phép làm việc.”

Atheko thero cetiyakamme sahāyabhāvaṃ icchanto kammakaraṇaṭṭhāne mattikā sadisaṃ katvā attanā abhisaṅkhaṭaṃ mattikā piṇḍaṃ ekena hatthena gahetvā aññena mālaṃ gahetvā mahācetiyaṅgaṇaṃ āruyha rājakammike vañcetvā vaḍḍhakissa adāsi. So gaṇhantova “pakatimattikā na bhavatī”ti ñatvā therassa mukhaṃ olokesi. Tassākaraṃ ñatvā tattha kolāhalamahosi anukkamena rājā sutvā āgantvā vaḍḍhakiṃ pucchi: “Tuyhaṃ kira bhaṇe eko bhikkhu amūlaka-mattikāpiṇḍaṃ adāsī”ti.

So evamāha: “Yebhuyyena ayyā ekena hatthena pupphaṃ ekena mattikā-piṇḍe gahetvā āharitvā denti tenāhaṃ ajānitvā kamme upanesiṃ. ‘Ayaṃ pana āgantuko, ayaṃ nevāsiko’ti ettakaṃ jānāmī”ti. “Tena hi taṃ theraṃ imassa dassehī”ti ekaṃ mahallakabalatthaṃ vaḍḍhakissa santike ṭhapesi. Vaḍḍhakī puna āgatakāle taṃ theraṃ balatthassa dassesi. So taṃ sañjānitvā rañño ārocesi.

Khi ấy, có một vị trưởng lão mong muốn việc góp phần trong công việc xây dựng ngôi bảo điện nên đã tạo ra đất sét giống như ở chỗ thực hiện việc xây dựng, sau đó đã dùng một tay cầm lấy cục đất sét đã được bản thân thực hiện còn tay kia cầm lấy tràng hoa rồi đã bước lên khuôn viên của ngôi đại bảo điện, đã đánh lạc hướng những người nhân công của đức vua, và đưa cho người thợ xây gạch. Người ấy ngay trong khi nhận lấy đã biết rằng: “Không phải là đất sét thiên nhiên” và đã nhìn vào khuôn mặt của vị trưởng lão. Sau khi biết được động cơ của vị ấy, tại đó đã xảy ra sự lộn xộn. Cuối cùng, đức vua đã nghe được nên đã đi đến hỏi người thợ xây gạch rằng: “Này khanh, nghe nói có một vị tỳ khưu đã trao cho khanh cục đất sét chưa được trả công.”

Người ấy đã nói như vầy: “Phần đông các ngài đại đức một tay cầm hoa tay kia cầm cục đất sét mang lại và trao cho, vì thế thần không biết nên đã đặt vào chỗ xây dựng. ‘Hơn nữa, vị này là vị vãng lai, vị này là vị tạm trú’ thần chỉ biết được chừng ấy.” (Đức vua đã nói rằng): “Như vậy thì hãy chỉ vị trưởng lão ấy cho người này” rồi đã bố trí một người lính thâm niên ở bên cạnh người thợ xây gạch. Khi vị trưởng lão lại đi đến, người thợ xây gạch đã chỉ vị ấy cho người lính. Người lính đã nhận diện vị ấy rồi trình lên đức vua.

Rājā tassa saññaṃ adāsi: “So tvaṃ tayo jātisumana- makula-kumbhe mahābodhi-aṅgaṇe rāsiṃ katvā gandhañca ṭhapetvā mahābodhi-aṅgaṇaṃ gatakāle āgantukassa therassa ‘pūjanatthāya rañño dāpitaṃ gandhamālan’ti vatvā dehī”ti. Balattho rañño vuttanayeneva tassa bodhi-aṅgaṇaṃ gatakāle taṃ gandhamālaṃ adāsi.

Sopi somanassappatto hutvā selasantharaṃ dhovitvā gandhena paribhaṇḍaṃ katvā silāsantharaṃ katvā pupphaṃ pūjetvā catusu ṭhānesu vanditvā pācīnadvāre añjaliṃ paggayha pītiṃ uppādetvā pupphapūjaṃ olokento aṭṭhāsi.

Balattho tasmiṃ kāle taṃ theraṃ upasaṅkamitvā vanditvā evamāha: “Bhante tumhākaṃ cetiyakamme sahāyabhāvatthāya dinnassa amūlaka-mattikāpiṇḍassa mūlaṃ dinnabhāvaṃ rājā jānāpeti. Attano vandanena vandāpetī”ti. Taṃ sutvā thero anattamano ahosi. Balattho “Tiṭṭhantu bhante tayo

sumana-makula-kumbhātattakāneva suvaṇṇapupphānipi etaṃ mattika-piṇḍaṃ nāgghanti. Cittaṃ pasādetha bhante”ti pakkāmi.

Đức vua đã trao nhiệm vụ cho người lính rằng: “Khanh đây hãy chất thành đống ba hũ hoa nhài vừa hé nụ và hãy xếp đặt vật thơm ở khuôn viên của cội Đại Bồ Đề. Vào thời điểm vị trưởng lão vãng lai đi đến khuôn viên của cội Đại Bồ Đề, hãy nói rằng: ‘Vật thơm và tràng hoa được đức vua ban cho nhằm mục đích cúng dường,’ rồi trao cho vị ấy.” Theo đúng phương thức chỉ bày của đức vua, người lính đã trao vật thơm và tràng hoa ấy cho vị trưởng lão vào lúc vị ấy đi đến khuôn viên cội Bồ Đề.

Vị ấy đã trở nên hoan hỷ, sau đó đã rửa sạch nền đá rồi đã khoanh vùng bằng hương thơm, sau khi đã thực hiện thảm trải bằng đá rồi đã cúng dường bông hoa và đảnh lễ bốn địa điểm, sau đó vị ấy đã chắp tay hướng về cánh cửa phía đông và sanh khởi niềm hoan hỷ đứng ngắm nhìn sự cúng dường bằng bông hoa.

Vào lúc bấy giờ, người lính đã đi đến gần vị trưởng lão ấy, đã đảnh lễ, rồi đã nói như vầy: “Bạch ngài, đức vua bảo cho ngài hay rằng sự vật được ban thưởng là phần lương bổng cho cục đất sét chưa được trả công đã được ngài trao ra nhằm mục đích góp phần trong công việc xây dựng ngôi bảo điện. Đức vua còn bảo nhân danh đức vua đảnh lễ ngài nữa.” Sau khi nghe điều ấy, vị trưởng lão đã trở nên không được hoan hỷ. Người lính đã nói rằng: “Bạch ngài, chẳng riêng gì ba hũ hoa nhài vừa hé nụ, mà ngay cả các bông hoa bằng vàng cũng không giá trị bằng cục đất sét ấy. Bạch ngài, xin ngài hãy hoan hỷ ở trong tâm!” rồi đã ra đi.

Tadā koṭṭhimālajanapade piyaṅgalla-vihāravāsī eko thero iṭṭhaka-vaḍḍhakissa ñātako ahosi. So āgantvā vaḍḍhakinā saddhiṃ mantetvā dīgha-bahala-tiriyato iṭṭhakappamāṇaṃ jānitvā gantvā sahattheneva sakkaccaṃ mattikaṃ madditvā iṭṭhakaṃ katvā pacitvā pattatthavikāya pakkhipitvā paccāgantvā ekena hatthena rañño iṭṭhakaṃ ekena pupphaṃ gahetvā attano iṭṭhakāya saddhiṃ rañño iṭṭhakaṃ adāsi. Vaḍḍhakī gahetvā kamme upanesi.

Thero sañjātapīti somanasso mahācetiye kammaṃ karonto iṭṭhakasāla-pariveṇe vasati. Tassa taṃ kammaṃ pākaṭaṃ ahosi. Rājā vaḍḍhakiṃ pucchi: “Bhaṇe ekena kira ayyena amūlika-iṭṭhakā dinnā”ti. “Saccaṃ deva, ekena ayyena dinna iṭṭhakā ‘amhākaṃ iṭṭhakāya sadisā’ti kamme upanesin”ti āha. “Puna taṃ iṭṭhakaṃ sañjānāsī”ti rañña vutto ñātakānuggahena “na jānāmī”ti āha.

Rājā “yadi evaṃ taṃ imassa dassehī”ti balatthaṃ ṭhapesi. Sopi taṃ pubbe viya balatthassa dassesi. Balattho pariveṇaṃ gantvā santike nisīditvā paṭisanthāraṃ katvā “bhante tumhe āgantukā nevāsikā”ti pucchi. “Āgantukomhi upāsakā”ti. “Katara raṭṭhavāsiko bhante”ti. “Koṭṭhimāla- janapade piyaṅgalla-vihāravāsimhi upāsakā”ti. “Idheva vasatha gacchathā”ti.

Khi ấy, có một vị trưởng lão cư ngụ ở tu viện Piyaṅgalla trong xứ sở Koṭṭhimāla là thân quyến của người thợ xây gạch. Vị ấy đã đi đến và chuyện trò với người thợ xây, sau khi biết được kích thước của viên gạch về chiều dài, bề dày, và chiều rộng thì đã ra đi. Vị ấy đã tự tay nhào trộn đất sét một cách cẩn thận rồi đã làm ra viên gạch, nung chín, và

bỏ vào túi đựng bình bát, sau đó đã quay trở lại một tay cầm viên gạch của đức vua, một tay cầm bông hoa, và đã đưa ra viên gạch của đức vua cùng với viên gạch của mình. Người thợ xây đã nhận lấy đặt vào chỗ xây dựng. Vị trưởng lão đã sanh khởi sự hoan hỷ và vui mừng rồi trong lúc làm công việc ở ngôi đại bảo điện đã trú ngụ tại gian phòng ở nhà chứa gạch. Việc làm ấy của vị ấy đã được đồn đãi. Đức vua đã hỏi người thợ xây rằng: "Này khanh, nghe nói có viên gạch chưa được trả công đã được vị đại đức trao cho." Người thợ xây đã nói rằng: "Tâu bệ hạ, đúng vậy. Có viên gạch đã được vị đại đức trao cho, thần (nghĩ rằng): 'Giống viên gạch của chúng ta' nên đã đặt vào chỗ xây dựng." Khi được đức vua hỏi rằng: "Khanh có nhận ra lại viên gạch ấy không?" Do sự quan hệ về quyến thuộc, người thợ xây đã đáp rằng: "Thần không nhận biết được." Đức vua đã bố trí người lính (nói rằng): "Nếu như vậy thì hãy chỉ vị ấy cho người này." Giống như trước đây, người ấy đã chỉ vị ấy cho người lính. Người lính đã đi đến căn phòng rồi đã ngồi xuống gần bên tỏ vẻ thân thiện rồi hỏi rằng: "Ngài là vị vãng lai hay là vị thường trú?" "Này cư sĩ, ta là vị vãng lai." "Bạch ngài, ngài cư ngụ ở xứ sở nào?" "Này cư sĩ, ta cư ngụ ở tu viện Piyaṅgalla trong xứ sở Koṭṭhimāla." "Ngài sẽ cư ngụ ở ngay tại chỗ này hay ngài sẽ đi?"

"Idha na vasāma asukadivase gacchāmā"ti āha. Balatthopi "ahampi tumhehi saddhiṃ āgamissāmi. Mayhampi gāmo etasmiṃyeva janapade asuka-gāmo nāmā"ti āha. Thero "sādhū"ti sampaṭicchi. Balattho taṃ pavattiṃ rañño nivedesi.

Rājā balatthassa sahassagghanakaṃ vatthayugalaṃ mahagghaṃ ratta-kambalaṃ upāhanayugaṃ sugandhatelanāḷiṃ aññañca bahuṃ samaṇa-parikkhāraṃ "therassa dehī"ti dāpesi. Sopi parikkhāraṃ gahetvā pariveṇaṃ gantvā therena saddhiṃ rattiṃ vasitvā pāto saddhiṃ yeva nikkhamitvā anupubbena gantvā piyaṅgalla- vihārassa dissamāne ṭhāne sītacchāyāya theraṃ nisīdāpetvā pāde dhovitvā gandhatelena makkhetvā guḷodakaṃ pāyetvā upāhanaṃ paṭimuñcitvā "idaṃ me parikkhāraṃ kulūpaga- therassatthāya gahitaṃ, idāni tumhākaṃ dammi, idaṃ pana sāṭakayugaṃ mama puttassa maṅgalatthāya gahitaṃ, tumhe cīvaraṃ katvā pārupathā"ti vatvā therassa pādamūle ṭhapesi.

Thero sāṭakayugaṃ pattatthavikāya pakkhipitvā sesaparikkhāraṃ bhaṇḍikaṃ katvā upāhanaṃ āruyha kattayaṭṭhiṃ gahetvā maggaṃ paṭipajji. Balattho tena saddhiṃ thokaṃ gantvā "Tiṭṭhatha bhante, mayhaṃ ayaṃ maggo"ti vatvā pubbe vuttanayeneva rañño sāsanaṃ therassa ārocesi.

Vị trưởng lão đã nói rằng: "Ta không cư ngụ ở đây, ta sẽ đi vào ngày ấy." Người lính cũng đã nói rằng: "Tôi cũng sẽ đi cùng với ngài. Ngôi làng của tôi có tên như vầy và cũng ở ngay trong xứ sở ấy." Vị trưởng lão đã đồng ý: "Tốt thôi!". Người lính đã tường trình lại sự việc ấy lên đức vua.

Đức vua đã trao cho người lính hai xấp vải trị giá một ngàn, một cái mền len nhuộm đắt giá, đôi dép, một nāḷi 1 dầu thơm hảo hạng, và nhiều vật dụng của Sa-môn khác nữa (nói rằng): "Hãy trao cho vị trưởng lão." Người lính đã nhận lấy vật dụng rồi đi đến căn phòng và đã ngụ qua đêm cùng với vị trưởng lão, sau đó đã cùng với vị ấy ra đi

vào buổi sáng. Tuần tự đã đi đến chỗ nhìn thấy được tu viện Piyaṅgalla, người lính đã thỉnh vị trưởng lão ngồi xuống ở bóng râm, đã rửa hai bàn chân (của vị trưởng lão) rồi xoa bằng dầu thơm, sau đó đã mời uống nước đường rồi đã lấy ra đôi dép nói rằng: "Vật dụng này đã được tôi mang theo cho ngài trưởng lão thân thiết, bây giờ tôi xin dâng đến ngài. Hơn nữa, đây là hai xấp vải đã được mang đi nhằm đem đến sự may mắn cho con trai của tôi, xin ngài hãy may y và khoác vào," rồi đã đặt ở chân của vị trưởng lão.

Vị trưởng lão đã để hai xấp vải vào trong túi đựng bình bát và đã buộc các vật dụng còn lại thành gói, sau đó đã mang dép vào, cầm lấy cây gậy chống, rồi tiếp tục cuộc hành trình. Người lính đã đi cùng với vị ấy một khoảng ngắn rồi nói rằng: "Bạch ngài, xin hãy dừng bước. Đây là lối đi của tôi" rồi đã kể lại cho vị trưởng lão lời giải thích của đức vua theo đúng như phương thức đã được đề cập ở trên.

1 Theo ngài Mahāsamaṇa Chao giải thích ở Vinayamukha thì 1 nāli = 2 pattha, và pattha là lượng chứa do hai tay bụm lại.

Thero taṃ sutvā "mahantena parakkamena katakammaṃ akataṃ viya jātan"ti, domanassappatto hutvā assudhāraṃ pavattetvā "upāsaka tava parikkhāraṃ tvameva gaṇhāhī"ti ṭhitakova sabbaṃ parikkhāraṃ chaḍḍesi. Balattho "Kiṃ nāma bhante vadatha. Esa rājā tuyhaṃ bhavaggappamāṇaṃ katvā paccayaṃ dentopi tava iṭṭhakānurūpaṃ kātuṃ na sakkoti. 'Kevalaṃ pana mahācetiye kammaṃ aññesaṃ apattakaṃ katvā karomī'ti adhippāyena evaṃ kāreti. Tumhe pana bhante attanā laddhaparikkhāraṃ gahetvā cittaṃ pasādethā"ti vatvā theraṃ saññāpetvā pakkāmi. Imasmiṃ pana cetiye bhatiyā kammaṃ katvā cittaṃ pasādetvā sagge nibbatta-sattānaṃ pamāṇaṃ natthi.

Tāvatiṃsa-bhavane kira nibbatta-devadhītaro attano sampattiṃ oloketvā "kena nu kho kammena imaṃ sampattiṃ labhimhā"ti āvajjamānā mahācetiye bhatiyā kammaṃ katvā laddhabhāvaṃ ñatvā "bhatiyā katakammassāpi phalaṃ īdisaṃ, attano santakena kammaphalaṃ saddahitvā katakammassa phalaṃ kīdisaṃ bhavissatī"ti cintetvā dibbagandhamālaṃ ādāya rattibhāge āgantvā pūjetvā cetiyaṃ vandanti.

Sau khi nghe được điều ấy, (nghĩ rằng): "Công việc đã được thực hiện với sự nỗ lực lớn lao giờ được biết là xem như chưa được thực hiện" vị trưởng lão đã trở nên buồn rầu, tuôn rơi giòng nước mắt (nói rằng): "Này cư sĩ, chính ngươi hãy nhận lại vật dụng của ngươi," rồi đứng ngay tại chỗ đó và đã bỏ xuống tất cả các vật dụng. Người lính đã nói rằng: "Bạch ngài, sao ngài lại nói vậy? Cho dầu đức vua ấy đã định giá cao nhất trong khi đưa ra vật dụng cho ngài cũng không thể sánh bằng viên gạch của ngài được. Đức vua bắt làm như vầy với ý định: 'Trẫm sẽ thực hiện toàn bộ việc xây dựng ở ngôi đại bảo điện, không để phần cho những người khác.' Bạch ngài, hơn nữa ngài hãy cầm lấy vật dụng đã được ngài nhận lãnh và hãy hoan hỷ ở trong tâm." Sau khi đã làm cho vị trưởng lão hiểu rõ, người lính đã ra đi. Tuy nhiên, không đếm được số lượng chúng sanh được sanh về cõi trời sau khi đã làm công việc với thù lao và đặt tâm hoan hỷ vào ngôi bảo điện này.

Nghe rằng có những tiên nữ được sanh lên cung trời Đạo Lợi sau khi nhìn thấy sự thành tựu của bản thân rồi trong lúc quán xét rằng: "Do nghiệp gì mà chúng ta đã đạt đến sự thành tựu này?" Sau khi nhận biết bản thể được thành tựu do đã làm công việc với thù lao ở ngôi đại bảo điện nên đã suy nghĩ rằng: "Thậm chí kết quả của hành động đã được thực hiện với thù lao còn là như thế này, vậy kết quả của hành động đã được thực hiện bằng vật sở hữu của bản thân sau khi đã có niềm tin vào nghiệp quả thì sẽ là như thế nào?" sau đó đã cầm lấy các vật thơm và tràng hoa của cõi trời rồi trong đêm đã đi đến cúng dường và đảnh lễ ngôi bảo điện.

Tasmiṃ khaṇe bhātivaṅkavāsī mahāsīvatthero nāma cetiyaṃ vandanatthāya gato, tā vandantiyo disvā mahāsattapaṇṇirukkhasamīpe ṭhito yathāruciṃ vanditvā gamanakāle pucchi: "Tumhākaṃ sarīrālokena sakalatambapaṇṇi-dīpo ekāloko, kiṃ kammaṃ karitthā"ti. "Bhante amhākaṃ santakena kata-kammaṃ nāma natthi. Imasmiṃ cetiye manaṃ pasādetvā bhatiyā kammaṃ karimhā"ti āhaṃsu. Evaṃ buddhasāsane pasannacittena bhatiyā kata-kammampi mahapphalaṃ hoti. Tasmā-

"Cittappasādamattena - sugate gati uttamā, labbhatīti viditvāna - thūpapūjaṃ kare buddho"ti.

Evaṃ rājā cetiyakammaṃ kārāpento pupphadhānattayaṃ niṭṭhāpesi. Taṃ khīṇāsavā thirabhāvatthāya bhūmisamaṃ katvā osīdāpesuṃ. Evaṃ navavāre citaṃ osīdāpesuṃ. Rājā kāraṇaṃ ajānanto anattamano hutvā bhikkhusaṅghaṃ sannipātesi. Asītibhikkhusahassāni sannipatiṃsu.

Vào thời khắc ấy, vị trưởng lão tên Mahāsīva cư trú ở Bhātivaṅka đã đi đến nhằm mục đích đảnh lễ ngôi bảo điện, sau khi nhìn thấy các tiên nữ ấy đang đảnh lễ liền đứng cạnh cây cổ thụ Thất Diệp (Sattapaṇṇi). Đến khi các tiên nữ đã đảnh lễ theo như ý thích và sắp sửa ra đi, vị trưởng lão đã hỏi rằng: "Toàn thể hòn đảo Tambapaṇṇi có được ánh sáng thuần nhất do ánh sáng từ thân thể của các cô, các cô đã thực hiện nghiệp gì vậy?" Các tiên nữ đã nói rằng: "Bạch ngài, không phải là nghiệp đã được thực hiện bằng vật sở hữu của chúng tôi, chúng tôi đã thực hiện công việc với thù lao sau khi đã khởi tâm hoan hỷ vào ngôi bảo điện này." Như thế, ngay cả công việc đã được thực hiện với thù lao do tâm hoan hỷ vào Giáo Pháp của đức Phật cũng có kết quả lớn. Do đó:

"Khi đã biết rằng: 'Dầu chỉ khởi tâm hoan hỷ cũng sẽ đạt được sự tái sanh cao quý vào cõi trời,' bậc trí tuệ nên thực hiện việc cúng dường ngôi bảo tháp." 1

Trong lúc cho tiến hành công việc xây dựng ngôi bảo điện như thế, đức vua đã cho hoàn tất cái đỉnh ba chân dùng để cắm hoa. Các bậc Lậu Tận đã làm cho vật ấy chìm xuống ngang bằng mặt đất để có được trạng thái vững chắc. Như thế, các vị đã làm cho vật đã được thiết kế chìm sâu xuống chín lần. Đức vua trong khi không hiểu được nguyên nhân nên đã không hài lòng và đã cho triệu tập hội chúng tỳ khưu lại. Tám mươi ngàn vị tỳ khưu đã tụ hội lại.

1 Sđd., chương 30, các câu kệ 43.

Rājā bhikkhusaṅghaṃ gandhamālādīhi pūjetvā vanditvā pucchi. “Bhante mahā-cetiye pupphadhānattayaṃ navavāre citaṃ paṭhaviyaṃ nimujji. Mama jīvitassa vā kammassa vā antarāyabhāvaṃ na jānāmī”ti. Bhikkhusaṅgho āha: “Mahārāja tuyhaṃ kammassa vā jīvitassa vā antarāyo natthi. Anāgate thirabhāvatthāya iddhimantehi osīdāpitaṃ, ito paṭṭhāya na osīdāpessanti. Tvaṃ aññathattaṃ akatvā mahāthūpaṃ samāpehī”ti. Taṃ sutvā haṭṭho rājā thūpakammaṃ kāresi.

Dasapupphadhānāni dasahi iṭṭhakākoṭīhi niṭṭhānaṃ gamiṃsu. Puna puppha-dhānattaye niṭṭhite bhikkhusaṅgho uttara-sumana nāmake dve khīṇāsava sāmaṇere āṇāpesi: “Tumhe sama-caturassaṃ aṭṭha-ratana-bahalaṃ ekeka- passato asīti-asīti-hatthappamāṇaṃ cha-medaka-vaṇṇa- pāsāṇe āharathā”ti. Te “sādhū”ti sampaṭicchitvā uttarakuruṃ gantvā vuttappakārappamāṇe bhaṇḍipupphanibhe chamedavaṇṇapāsāṇe āharitvā ekaṃ pāsāṇaṃ dhātu- gabbhassa bhūmiyaṃ attharitvā cattāro pāsāṇe catusu passesu saṃvidhāya aparaṃ dhātugabbhaṃ pidahanatthāya pācīna-disābhāge vāluka-pākāra-samīpe adissamānaṃ katvā ṭhapesuṃ.

Đức vua đã cúng dường hội chúng tỳ khưu bằng các vật thơm và bông hoa, v.v... rồi đã đảnh lễ và hỏi rằng: “Bạch các ngài, cái đỉnh ba chân để cắm hoa ở ngôi đại bảo điện đã bị chìm xuống trong lòng đất chín lần so với lúc đã được thiết kế. Trẫm không biết có phải là trạng thái nguy hiểm cho mạng sống của trẫm hay là cho công trình xây dựng?” Hội chúng tỳ khưu đã nói rằng: “Tâu đại vương, không có gì nguy hiểm cho công trình xây dựng hay là cho mạng sống của đại vương. Các vị có thần thông đã làm cho cái đỉnh ba chân chìm xuống để có được trạng thái vững chắc trong tương lai. Đến mức ấy rồi, các vị sẽ không làm cho chìm xuống nữa. Ngài chớ có làm khác đi và hãy cho hoàn thành ngôi đại bảo tháp.” Nghe được điều ấy, đức vua đã trở nên hoan hỷ và đã cho tiến hành công việc xây dựng ngôi bảo tháp.

Mười cái đỉnh cắm hoa đã được hoàn tất với mười koṭi viên gạch. Hơn nữa, khi cái đỉnh ba chân để cắm hoa đã được hoàn tất, hội chúng tỳ khưu đã ra lệnh cho hai vị sa di Lậu Tận tên là Uttara và Sumana rằng: “Hai ngươi hãy mang lại sáu tảng đá màu vàng có kích thước tám mươi cánh tay ở mỗi cạnh, dày tám ratana, và là hình vuông đều đặn.” Hai vị đã đồng ý (đáp rằng): “Lành thay!” rồi đã đi đến xứ Kuru ở phương Bắc và mang lại sáu tảng đá màu vàng giống màu hoa bhaṇḍi có kích thước như cách thức đã được mô tả, sau đó đã lót một tảng đá ở trên mặt nền của căn phòng thờ xá- lợi, sau đó xếp đặt bốn tảng đá ở bốn phía, rồi đã làm cho tảng đá còn lại trở nên vô hình và đặt ở bên cạnh hàng rào bằng cát ở khu vực phía đông nhằm mục đích niêm phong căn phòng thờ xá-lợi.

Tato rājā dhātugabbhassa majjhe sabbaratanamayaṃ sabbākārasampannaṃ manoharaṃ bodhirukkhaṃ kāresi so hi indanīlamaṇibhūmiyaṃ patiṭṭhito, tassa mūlāni pavāḷamayāni, khandho sirivacchādīhi aṭṭhamaṅgalikehi pupphapanti-latāpanti-catuppada-haṃsapantīhi ca vicitto aṭṭhārasa-hatthubbedho rajatamayo ahosi.

Pañcamahāsākhāpi aṭṭhārasahatthāca, pattāpi maṇimayāni, paṇḍupattāni, hemamayāni, phalā pavāḷamayāni. Tathā aṅkuropari celavitānaṃ bandhāpesi. Tassa ante samannato muttamaya-kiṅkiṇikajālaṃ olambati. Suvaṇṇaghaṇṭāpanti ca suvaṇṇadāmāni ca tahiṃ tahiṃ olambanti. Vitānassa catusu kaṇṇesu navasatasahassagghanako ekeko muttākalāpo olambati. Tattha yathānurūpaṃ nānāratana-katāneva canda-suriya- tārakārūpāni padumāni ca appitāni ahesuṃ. Mahagghāni anekavaṇṇāni aṭṭhuttara-sahassāni vatthāni olambiṃsu.

Sau đó, ở giữa căn phòng thờ xá-lợi đức vua đã cho thực hiện cây Bồ Đề được làm bằng tất cả các loại ngọc quý và có vẻ đẹp được thành tựu về mọi khía cạnh. Bởi vì nó được đặt ở trên mặt nền làm bằng ngọc bích và ngọc ma-ni, các rễ của nó được làm bằng san hô, thân được làm bằng bạc cao mười tám cánh tay, được tô điểm với tám biểu tượng kiết tường như là các con bò con của sự may mắn, v.v... những dãy lá cây, những giàn dây leo, và những hàng thú bốn chân và chim thiên nga.

Còn có năm cành cây lớn dài mười tám cánh tay, những lá cây làm bằng ngọc ma-ni, những lá úa làm bằng vàng, các trái cây làm bằng san hô. Tương tợ, ở phía trên các chồi non đức vua đã cho buộc tấm màn che bằng vải. Ở xung quanh viền của màn che, đức vua đã treo màn lưới các chuông nhỏ làm bằng ngọc trai. Các dãy chuông vàng và các sợi chỉ vàng được treo đó đây. Ở bốn góc của tấm màn che có treo mỗi góc một chuỗi ngọc trai trị giá chín trăm ngàn. Ở đó, các hình tượng về mặt trăng, mặt trời, và các ngôi sao được làm bằng nhiều loại ngọc quý khác nhau và các đóa hoa sen đã được gắn vào một cách tương xứng. Hơn tám ngàn tấm vải đắt giá có nhiều màu sắc đã được treo lên.

Tato bodhirukkhassa samantato satta-ratanamaya-vedikā kāretvā mahāmalaka-muttā attharāpesi. Muttā vedikānaṃ antare gandhodaka-puṇṇa-sattaratanamaya-puṇṇaghaṭapantiyo ṭhapāpesi. Tāsu suvaṇṇaghaṭe pavāḷamayāni pupphāni ahesuṃ. Pavāḷaghaṭe suvaṇṇamayāni pupphāni. Maṇighaṭe rajatamayāni pupphāni. Rajataghaṭe maṇimayāni pupphāni. Sattaratanaghaṭe sattaratanamayāni pupphāni ahesuṃ.

Bodhirukkhassa pācīna-disābhāge ratanamaye koṭi- agghanake pallaṅke ghanakoṭṭima-suvaṇṇamayaṃ buddhapaṭimaṃ nisīdāpesi. Tassā paṭimāya vīsati-nakhā akkhīnaṃ setaṭṭhānāni ca phaḷikamayāni hatthatala-pādatala-dantāvaraṇāni akkhīnaṃ rattaṭṭhānāni ca pavāḷamayāni kesa- bhamukāni akkhīnaṃ kāḷakaṭṭhānāni ca indanīla- maṇimayāni. Uṇṇālomaṃ pana rajatamayaṃ ahosi. Tato sahampati-mahābrahmānaṃ rajatacchattaṃ dhāretvā ṭhitaṃ kāresi. Tathā dvīsu devalokesu devatāhi saddhiṃ vijayuttarasaṅkhaṃ gahetvā abhisekaṃ dadamānaṃ sakkaṃ devarājānaṃ, pañcasikha-devaputtaṃ beḷuvapaṇḍu- vīṇamādāya gandhabbaṃ kurumānaṃ, mahākāḷa- nāgarājānaṃ nāgakaññā-parivutaṃ nānāvidhena thutighosena tathāgataṃ vaṇṇentaṃ kāresi.

Kế đến, đức vua đã cho thực hiện lan can bằng bảy loại ngọc quý ở xung quanh cây Bồ Đề và đã lót ở nền những viên ngọc trai bằng trái āmalaka cỡ lớn. Bên trong những lan

can bằng ngọc trai, đức vua đã cho đặt những hàng chậu làm bằng bảy loại ngọc quý và chứa đầy nước thơm. Trong số đó, ở cái chậu bằng vàng có các bông hoa làm bằng san hô, ở cái chậu bằng san hô có các bông hoa làm bằng vàng, ở cái chậu bằng ngọc ma-ni có các bông hoa làm bằng bạc, ở cái chậu bằng bạc có các bông hoa làm bằng ngọc ma-ni, ở cái chậu bằng bảy loại ngọc quý có các bông hoa làm bằng bảy loại ngọc quý.

Ở khu vực phía đông của cây Bồ Đề, đức vua đã cho đặt tượng đức Phật làm bằng vàng khối rắn chắc ngồi trên bảo tọa làm bằng ngọc quý trị giá một koṭi. Ở trên bức tượng ấy, hai mươi móng tay và những chỗ màu trắng của hai con mắt được làm bằng ngọc pha-lê. Lòng bàn tay, lòng bàn chân, các nướu răng, và những chỗ màu đỏ của hai con mắt được làm bằng san hô. Tóc, các lông mày, và những chỗ màu đen của hai con mắt được làm bằng ngọc bích và ngọc ma-ni. Tuy nhiên, sợi lông giữa hai lông mày được làm bằng bạc. Sau đó, đức vua đã cho thực hiện Đại Phạm Thiên Sahampati đứng cầm chiếc lọng bằng bạc. Tương tợ, đức vua đã cho thực hiện vị Chúa Trời Sakka cùng với chư Thiên ở hai cõi trời đang nắm lấy chiếc tù và bằng vỏ ốc Vijayuttara và đang ban cho lễ phong vương, rồi (đã cho thực hiện) Thiên tử Pañcasikha là vị nhạc sĩ Thiên đình cầm chiếc đàn vīṇā bằng gỗ beḷuva màu vàng úa đang tấu nhạc, và (đã cho thực hiện) Long Vương Mahākāḷa, được tùy tùng bởi các long nữ, đang ca ngợi đấng Như Lai bằng những lời tán dương theo nhiều cách khác nhau.

Vasavattimārampana bāhusahassaṃ māpetvā tisūla- muggarādi nānāvudhāni gahetvā sahassakumbhaṃ girimekhala-hatthikkhandhamāruyha mārabalaṃ parivāretvā bodhimaṇḍaṃ āgantvā anekabhiṃsanakaṃ kurumānaṃ kāresi. Sesāsu disāsu pācīnadisābhāge pallaṅkasadise koṭi- koṭi-agghanake tayo pallaṅke attharāpetvā dantamayadaṇḍaṃ pavāḷavījaniṃ ṭhapāpesi. Bodhikkhandhaṃ ussīsake katvā nānāratana-maṇḍitaṃ koṭi- agghanakaṃ rajatasayanaṃ attharāpesi.

Dasabalassa abhisambodhimpatvā animisena cakkhunā bodhipallaṅkaṃ olokitaṭṭhānaṃ sattāhameva ratanacaṅkame caṅkamitaṭṭhānaṃ ratanagharaṃ pavisitvā dhammasammasitaṭṭhānaṃ mucalindamūlaṃ gantvā 1 nisinnassa mucalindena nāgena sattakkhattuṃ bhogehi parikkhipitvā upari phaṇaṃ katvā ṭhitaṭṭhānaṃ, tato ajapālanigrodhamūlaṃ gantvā nisinnaṭṭhānaṃ, tato rājāyatanaṃ gantvā nisinnassa tapussa-bhallikehi vāṇijehi madhupiṇḍika-bhojane upanīte catumahārājehi upanītapattapaṭiggahaṇaṃ kāresi.

1 nisinno ti - katthaci.

Hơn nữa, đức vua đã cho thực hiện Ma Vương nổi tiếng về quyền lực đã biến hóa ra ngàn cánh tay cầm nhiều loại vũ khí như là chĩa ba, gậy ngắn, v.v... cỡi lên lưng voi Grimekhala có ngàn đầu được tháp tùng bởi binh lực hùng hậu đang tiến đến khuôn viên cội Bồ Đề và gây ra nhiều nỗi kinh hoàng. Sau khi đã cho trưng bày ở các phương còn lại ba bảo tọa trị giá mỗi cái một koṭi giống như cái bảo tọa ở khu vực phía đông, đức vua đã cho lắp đặt cây quạt san hô có cán làm bằng ngà. Đức vua còn cho đặt chiếc giường bằng bạc trị giá một koṭi được trang điểm với nhiều loại ngọc quý khác nhau và

đã đặt phần đầu hướng về cội Bồ Đề.

Đức vua đã cho thực hiện vị trí đấng Thập Lực đã đứng nhìn bảo tọa Bồ Đề bằng ánh mắt không chớp nháy sau khi thành tựu Chánh Đẳng Giác, (sau đó là) địa điểm kinh hành ở con đường kinh hành bằng ngọc trọn bảy ngày, (rồi đến) nơi chốn đã đi vào bảo thất và thâm nhập Giáo Pháp, (kế đến là) địa điểm gốc cây Mucalinda đã được Ngài đi đến và ngồi xuống sau đó được con rồng Mucalinda dùng các phần thân thể quấn quanh bảy vòng và phồng mang che ở phía trên rồi giữ yên, sau đó là địa điểm gốc cây Nigrodha của những người chăn dê đã được Ngài đi đến và ngồi xuống, kế đến là cội cây Rājāyatana đã được Ngài đi đến và ngồi xuống rồi sự thọ lãnh bình bát do bốn vị Đại Thiên Vương đem lại vào lúc vật thực là các cục mật ong được hai người thương buôn Tapussa và Bhallika mang đến.

Tato brahmāyācanaṃ dhammacakkappavattanaṃ, yasa- pabbajjaṃ, bhaddavaggiya-pabbajjaṃ, tebhātika-jaṭila- damanaṃ, laṭṭhivanuyyāne bimbisāropagamaṇaṃ, rājagahappavesanaṃ, veḷuvana-paṭiggahaṇaṃ, asīti mahāsāvake ca kāresi. Tato kapilavatthugamanaṃ ratanacaṅkame ṭhitaṭṭhānaṃ, rāhulapabbajjaṃ, nandapabbajjaṃ jetavanapaṭiggahaṇaṃ, gaṇḍambamūle yamaka-pāṭihāriyaṃ, devaloke abhidhamma-desanā devorohaṇa-pāṭihīraṃ therapañha-samāgamañca kāresi.

Tathā mahāsamayasutta-rāhulovādasutta-maṅgasutta- pārāyanasutta- samāgamaṃ, dhanapāla-āḷavaka-aṅgulimāla- apalāla-damanaṃ, āyusaṅkhāra vossajjanaṃ, sūkaramaddava-paṭiggahaṇaṃ, siṅgivaṇṇa-vatthayuga- paṭiggahaṇaṃ, pasannodakapānaṃ, parinibbānaṃ, devamanussa-paridevanaṃ mahākassapattherassa bhagavatopādavandanaṃ sarīraḍahanaṃ, agginibbānaṃ, āḷāhanasakkāraṃ doṇena brāhmaṇena katadhātu-vibhāgañca kāresi.

Sau đó, đức vua đã cho thực hiện sự thỉnh cầu của Phạm Thiên, sự chuyển vận bánh xe Pháp, sự xuất gia của Yasa, sự xuất gia của nhóm các vương tử, sự nhiếp phục ba anh em đạo sĩ tóc bện, sự đi đến của đức vua Bimbisāra ở công viên Laṭṭhivana, sự đi vào thành Rājagaha, sự thọ lãnh Veḷuvana (Trúc Lâm), và tám mươi vị đại đệ tử. Sau đó là việc đi đến thành Kapilavatthu (Ca Tỳ La Vệ), địa điểm đã đứng ở con đường kinh hành bằng ngọc quý, sự xuất gia của Rāhula, sự xuất gia của Nanda, sự nhận lãnh Jetavana (Kỳ Viên), sự thị hiện song thông ở gốc cây xoài Gaṇḍa, sự thuyết giảng Abhidhamma ở cõi trời, sự kỳ diệu trong việc hạ trần từ cõi trời, và cuộc hội họp với các câu hỏi của các vị trưởng lão.

Tương tợ như thế, đức vua đã cho thực hiện cuộc hội họp với những bài kinh Đại Hội, 1 kinh Giáo Giới La-hầu-la, 2 kinh Điềm Lành, 3 kinh Trên Đường Đến Bờ Kia, 4 (rồi các) sự nhiếp phục Dhanapāla (voi Nālāgiri), (Dạ-xoa) Āḷavaka, (tướng cướp) Aṅgulimāla, (rồng chúa) Apalāla, (sau đó đã cho thực hiện) sự từ bỏ thọ hành, sự thọ lãnh thịt heo hầm, sự thọ lãnh hai xấp vải màu vàng, sự uống nước đã được lắng đọng, sự Viên Tịch Niết Bàn, sự than khóc của chư Thiên và nhân loại, sự đảnh lễ hai bàn chân đức Thế Tôn của trưởng lão Mahākassapa, sự hỏa táng thi thể, về sự dập tắt ngọn lửa, sự long

trọng ở lễ hỏa táng, và sự phân chia xá-lợi đã được thực hiện bởi Bà-la-môn Doṇa.

1
Trường Bộ II, bài kinh số 7, Mahāsamayasuttaṃ.
2
Trung Bộ II, Phẩm Tỳ Khưu, bài kinh số 2; Kinh Trung Bộ III, Phẩm Sáu Xứ, bài kinh số 5.
3
Suttanipāta - Kinh Tập, TTPV tập 29, Maṅgalasuttaṃ, các trang 82-85.
4
Sđd., Pārāyanasuttaṃ, các trang 352-357.

Tathā addhacchaṭṭhāni jātakasatāni kāresi. Vessantarajātakaṃ pana kārento sañjaya-mahārājaṃ phūsatīdeviṃ maddideviṃ jāliya-kumāraṃ kaṇhā-jinañca kāresi. Tato paṇḍava-hatthidānaṃ satta-sataka mahādānaṃ nagara-vilokanaṃ sindhavadānaṃ devatāhi rohitavaṇṇena rathassa vahanaṃ rathadānaṃ sayamevoṇata-dumato phalaṃ gahetvā dārakadānaṃ madhu-maṃsa-dinna-nesādassa suvaṇṇa-sucidānaṃ vaṅkapabbatakucchimhi pabbajjāvesena vasitaṭṭhānaṃ pūjakassa dārakadānaṃ sakkabrāhmaṇassa bhariyādānaṃ pūjakassa devatānubhāvena dārake gahetvā gantvā sañjaya-narindassa purato gataṭṭhānaṃ tato vaṅkapabbatakucchiyaṃ channaṃ khattiyānaṃ samāgamaṃ vessantarassa maddiyā ca abhisekaṃ pattaṭṭhānaṃ nagarampaviṭṭhe sattaratanavassaṃ vassitaṭṭhānaṃ tato cavitvā tusitapure nibbattaṭṭhānañca sabbaṃ vitthārena kāresi.

Tato dasasahassa cakkavāḷadevatāhi buddhabhāvāya āyācitaṭṭhānaṃ apunarāvattanaṃ mātukucchi-okkamanaṃ mahāmāyādeviṃ suddhodana mahārājaṃ lumbinīvane jātaṭṭhānaṃ antalikkhato dvinnaṃ udakadhārānaṃ patanaṃ uttarābhimukhaṃ sattapadavītihāra-gamanaṃ kāḷadevalassa jaṭāmatthake mahāpurisassa pādapatiṭṭhānaṃ anativattamānāya jambucchāyāya dhātīnaṃ pamādaṃ disvā sirisayane pallaṅke nisīditvā jhānasamāpannaṭṭhānañca kāresi.

Tương tợ, đức vua đã cho thực hiện năm trăm năm mươi câu chuyện Bổn Sanh. Hơn nữa, trong khi thực hiện câu chuyện bổn sanh Vessantara, đức vua đã cho thực hiện đại vương Sañjaya, hoàng hậu Phūsatī, hoàng hậu Maddī, hoàng tử Jāliya và Kaṇhajinā. Sau đó, (đức vua đã cho thực hiện) sự bố thí voi Paṇḍava, bảy trăm lần đại thí, sự nhìn lại thành phố, sự bố thí ngựa Sindhava, sự kéo chiếc xe bởi chư Thiên trong hình dáng của các con nai, sự bố thí chiếc xe, sự bố thí cho hai đứa trẻ trái cây đã hái ở thân cây tự động uốn cong xuống, sự bố thí cây kim vàng cho người thợ săn đã cho mật ong và thịt, địa điểm đã trú ngụ với hình thức người xuất gia ở trong lòng ngọn núi Vaṅka, sự bố thí hai đứa con đến Pūjaka, sự bố thí người vợ đến Bà-la-môn Sakka, địa điểm Pūjaka đã đi đến trước đức vua Sañjaya sau khi đã nhận lấy và đưa đi hai đứa trẻ do nhờ oai lực của chư Thiên, sau đó là sự hội họp của sáu vị dòng dõi Sát-đế-lỵ ở trong lòng ngọn núi Vaṅka, địa điểm của Vessantara và Maddī đã thành tựu lễ đăng quang, địa điểm đã đổ xuống cơn mưa bảy loại báu vật khi họ đi vào thành phố, kế đến là địa

điểm tái sanh ở cung trời Đẩu Suất sau khi từ trần, đức vua đã cho thực hiện tất cả một cách chi tiết. Sau đó, đức vua đã cho thực hiện nơi chốn đã được chư Thiên trong mười ngàn thế giới thỉnh cầu hạ trần để trở thành đức Phật, sự không quay trở lại lần nữa, sự giáng sanh vào lòng mẹ, hoàng hậu Mahāmayā, đại vương Suddhodana, địa điểm đản sanh ở khu rừng Lumbinī, sự đổ xuống của hai luồng nước từ không trung, sự quay mặt về hướng bắc, sự bước đi bảy bước chân, việc bậc Đại Nhân đặt bàn chân trên đầu tóc bện của Kāḷadevala, vị trí Ngài ngồi tư thế kiết già trên long sàng và thể nhập thiền định ở bóng mát không di động của cây mận đỏ (jambu) sau khi nhìn thấy sự xao lãng của các nữ tỳ.

Tato rāhulamātaraṃ rāhulabhaddakañca kāresi. Tato ekūnatiṃsavassakāle uyyāne kīḷanatthāya gamanasamaye jiṇṇa-vyādhita-mata-saṅkhyāte tayo devadūte disvā nivattanaṭṭhānaṃ catutthavāre pabbajitarūpaṃ disvā “sādhu pabbajjā”ti cittaṃ uppādetvā uyyānaṃ gantvā uyyānasiriṃ anubhavitvā sāyaṇhasamaye nahātvā maṅgala-silāpaṭṭe nisinnamatte vissakammunā alaṅkaraṇaṭṭhāṇaṃ tato majjhimarattiyaṃ nāṭakānaṃ vippakāraṃ disvā kanthaka- haya-varamāruyha mahābhinikkhamaṇaṃ nikkhamitaṭṭhānaṃ dasasahassa cakkavāḷa-devatāhi katapūjāvidhiṃ kanthaka-nivattana-cetiyaṭṭhānaṃ anomā- nadī-tīre pabbajjaṃ rājagahappavesanaṃ paṇḍava- pabbatacchāyāya rañño bimbisārassa rajjakaraṇatthāya āyācanaṃ sujātāya dinnakhīrapāyāsa-paṭiggahaṇaṃ nerañjarāya nadiyā tīre pāyāsa-paribhogaṃ nadiyā pātivissaṭṭhaṃ pāṭihāriyaṃ sālavane divāvihāra-gataṭṭhānaṃ sotthiyena dinna-kusatiṇa-paṭiggahaṇaṃ bodhimaṇḍaṃ āruyha nisinnaṭṭhānañca sabbaṃ vitthārena kāresi.

Sau đó, đức vua đã cho thực hiện người mẹ của Rāhula và quý tử Rāhula. Kế đến là địa điểm quay trở lại sau khi nhìn thấy ba vị Thiên sứ trong hình dáng người già, người bệnh, và người chết vào dịp đi dạo chơi ở vườn hoa lúc hai mươi chín tuổi; (rồi đến) địa điểm đã được Vissakamma trang hoàng trong dịp (du hành) lần thứ tư Ngài đã nhìn thấy hình ảnh vị xuất gia rồi đã khởi tâm rằng: “Sự xuất gia là tốt đẹp!” sau đó đã đi đến vườn hoa và đã cảm nhận được vẻ tráng lệ của khu vườn, rồi đã tắm rửa vào lúc chiều tối và đã ngồi xuống trên phiến đá ở hoàng cung, kế đến là sự từ bỏ vĩ đại sau khi nhìn thấy sự biến đổi của những vũ công vào lúc giữa khuya rồi đã cỡi lên con ngựa Kanthaka quý báu, địa điểm đã ra đi, cách thức cúng dường đã được thực hiện bởi chư Thiên trong mười ngàn thế giới, địa điểm của ngôi bảo điện về sự quay trở lại của con ngựa Kanthaka, sự xuất gia ở bên bờ sông Anomā, sự đi vào thành Rājagaha, sự thỉnh cầu về việc cai trị vương quốc của đức vua Bimbisāra ở bóng râm tại núi Paṇḍava, sự thọ lãnh món cơm sữa được nàng Sujātā dâng cúng, sự thọ dụng món cơm sữa ở bờ sông Nerañjarā, sự kỳ diệu là sự lội ngược giòng sông của cái đĩa, chỗ đã đi đến nghỉ ngơi vào ban ngày ở trong rừng cây Sālā, sự thọ nhận cỏ kusa được Sotthiya dâng cúng, vị trí đã ngồi sau khi bước lên cội Bồ Đề, đức vua đã cho thực hiện tất cả một cách chi tiết.

Tato mahindatthera-pamukhe satta saha āgate ca kārāpesi. Catusu disāsu khaggahatthe cattāro mahārājāno kāresi. Tato dvattiṃsa devaputte tato

suvaṇṇa-daṇḍa- dīpakadhārā dvattiṃsa devakumāriyo tato aṭṭhavīsati yakkhasenāpatino tato añjaliṃ paggayha ṭhita-devatāyo tato ratanamaya-puppha-kalāpe gahetvā ṭhita-devatāyo tato suvaṇṇaghaṭe gahetvā ṭhita-devatāyo tato naccanaka- devatāyo tato turiyavādaka-devatāyo tato pacceka satasahassagghanake dasahatthappamāṇe ādāse gahetvā ṭhita-devatāyo tato tatheva satasahassagghanaka-puppha- sākhāyo gahetvā ṭhitadevatāyo tato candamaṇḍale gahetvā ṭhitadevatāyo sūriyamaṇḍale gahetvā ṭhitadevatāyo tato padumāni gahetvā ṭhitadevatāyo tato chattāni gahetvā ṭhitadevatāyo tato vicittavesadhare malladevaputte tato dussapoṭhana-devatāyo tato ratanagghike gahetvā ṭhitadevatāyo tato dhammacakkāni gahetvā ṭhitadevatāyo tato khaggadhārā devatāyo tato pañcahatthappamāṇa- gandhatelapūritā dukūlaṭṭiyaṃ pajjalita-dīpa-kañcanaka-pātiyo sīsehi dhāretvā ṭhitadevatāyo ca kārāpesi.

Tato catusu kaṇṇesu phaḷikamaya-agghiya matthake cattāro mahāmaṇi ṭhapāpesi. Catusu kaṇṇesu suvaṇṇa-maṇimutta-vajirānaṃ cattāro rāsiyo kāresi. Tato meghavaṇṇapāsāṇabhittiyaṃ vijjullatā kāresi. Tato ratana-latāyo tato vālavījaniyo tato nīluppale gahetvā ṭhitā nāgamaṇavikāyo kāresi.

Sau đó, đức vua đã cho thực hiện bảy vị dẫn đầu là trưởng lão Mahinda đã cùng nhau đi đến. Ở bốn hướng, đức vua đã cho thực hiện bốn vị đại vương cầm gươm ở tay, sau đó là ba mươi hai vị Thiên tử, rồi đến ba mươi hai vị tiên nữ cầm đèn có đế bằng vàng, sau đó là hai mươi tám vị tướng lãnh của các Dạ-xoa, rồi đến các Thiên nhân đứng chắp tay, sau đó là các Thiên nhân đứng cầm những bó hoa làm bằng ngọc quý, rồi đến các Thiên nhân đứng cầm những chậu vàng, sau đó là các Thiên nhân vũ công, rồi đến các Thiên nhân sử dụng nhạc cụ, sau đó là các Thiên nhân đứng cầm các gương soi có kích thước mười cánh tay và trị giá một trăm ngàn mỗi chiếc, rồi cũng tương tợ như thế đến các Thiên nhân đứng cầm những cành hoa trị giá một trăm ngàn, sau đó là các Thiên nhân đứng cầm các đĩa hình mặt trăng, rồi đến các Thiên nhân đứng cầm các đĩa hình mặt trời, sau đó là các Thiên nhân đứng cầm các đóa hoa sen, rồi đến các Thiên nhân đứng cầm các lọng che, sau đó là các Thiên tử võ sĩ mặc y phục sặc sỡ, rồi đến các Thiên nhân múa vải, sau đó là các Thiên nhân đứng cầm các ngọc quý đắt giá, rồi đến các Thiên nhân đứng cầm các bánh xe Pháp, sau đó là các Thiên nhân mang gươm, rồi đến các Thiên nhân đội ở trên đầu các chậu đèn bằng vàng có kích thước năm cánh tay được chứa đầy dầu thơm và được thắp sáng với những tim đèn bằng vải mịn.

Sau đó, ở bốn góc trên đỉnh đầu các vòm bằng pha-lê, đức vua đã cho đặt bốn viên ngọc ma-ni lớn và cho thực hiện bốn đống: vàng, ngọc ma-ni, ngọc trai, và kim cương ở bốn góc. Sau đó, ngài đã cho thực hiện các tia sét ở trên bức tường đá màu vàng. Kế đến đã cho thực hiện các chuỗi dây leo bằng ngọc quý, sau đó là các cây quạt lông thú, kế đến là các long nữ trẻ trung đứng cầm các bông hoa súng xanh.

Rājā ettakāni rūpakāyāni ghanakoṭṭima-suvaṇṇeheva kāresi. Avasesampi pūjāvidhiṃ sattaratneheva kāresīti. Ettha ca vuttappakārampana-pūjanīya-bhaṇḍaṃ anantama-parimāṇaṃ hoti. Tathā hi ambapāsānavāsī cittaguttatthero nāma heṭṭhā lohapāsāde sannipatitānaṃ dvādasannaṃ bhikkhusahassānaṃ dhammaṃ kathento

rathavinītasuttaṃ ārabhitvā mahādhātunidhānaṃ vaṇṇento “ekacce na saddahissantī”ti maññamāno osakkitvā kathesi. Tasmiṃ khaṇe koṭapabbatavāsī mahātissatthero nāma khīṇāsavo avidūre nisīditvā dhammaṃ suṇanto “āvuso dhammakathika tava kathāto parihīnampi atthi. Apaccosakkitvā vitthārena kathehī”ti āha. Atha imasmiṃ yeva dīpe bhātiya mahārājā nāma saddho pasanno ahosi. So sāyaṃ pātaṃ mahācetiyaṃ vanditvāva bhuñjati. Ekadivasaṃ vinicchaye nisīditvā dubbinicchitaṃ aṭṭaṃ vinicchitanto atisāyaṃ vuṭṭhito thūpa- vandanaṃ vissaritvā bhojane upanīte hatthaṃ otāretvā manusse pucchi: “Ajja mayā ayyako vandito na vandito”ti. Porāṇaka-rājāno hi satthāraṃ “ayyako”ti vadanti. Manussā “na vandito devā”ti āhaṃsu.

Đức vua đã cho thực hiện chừng ấy hình tượng toàn bằng vàng khối rắn chắc. Ngay cả các phương thức cúng dường còn lại, ngài cũng đã cho thực hiện toàn bằng bảy loại ngọc quý. Hơn nữa, đồ vật cúng dường ở tại nơi ấy như đã được mô tả là vô tận, không thể đo lường. Chính vì như thế, vị trưởng lão tên Cittagutta cư trú ở Ambapāsāna trong khi đang thuyết giảng Giáo Pháp đến mười hai ngàn vị tỳ khưu tụ hội ở tầng dưới của Lohapāsāda (Lâu đài bằng đồng) đã bắt đầu với bài kinh Trạm Xe, 1 và trong lúc ca ngợi về việc tôn trí xá-lợi vĩ đại đã suy nghĩ rằng: “Một số vị sẽ không tin” nên đã lược bớt rồi mới thuyết giảng. Vào thời điểm ấy, có vị trưởng lão tên Mahātissa cư trú tại núi Koṭa là bậc Lậu Tận ngồi ở chỗ không xa đang lắng nghe bài Pháp đã nói rằng: “Này đại đức Pháp Sư, có đoạn bỏ bớt trong bài giảng của đại đức. Có thể không cần lược bớt, hãy thuyết giảng chi tiết.” Khi ấy, ở ngay trên hòn đảo này, vị đại vương tên Bhātiya là có niềm tin và mộ đạo. Vị ấy, vào ban chiều và ban mai, chỉ sau khi đã đảnh lễ ngôi đại bảo điện rồi mới thọ thực. Đến một ngày nọ, vị đại vương ngồi ở nơi phòng xử án và đang phán quyết vụ án khó phần quyết định, đến lúc tối mịt đã đứng dậy, sau đó đã quên đi việc đảnh lễ ngôi bảo tháp và đặt tay vào thức ăn đã được mang lại nên đã hỏi mọi người rằng: “Có phải hôm nay trẫm chưa đảnh lễ bậc Tổ Phụ?” Bởi vì các vị vua thời xưa gọi bậc Đạo Sư là “Tổ Phụ.” Mọi người đã trả lời rằng: “Tâu bệ hạ, chưa đảnh lễ.”

1 Trung Bộ I, Opammavagga -Phẩm Ví Dụ, bài kinh số 4.

Tasmiṃ khaṇe rājā hatthena gahita-bhattapiṇḍaṃ pātiyaṃ pātetvā uṭṭhāya dakkhiṇadvāraṃ vivarāpetvā āgantvā pācīna-dvārena mahācetiyaṅgaṇaṃ āruyha vandanto anto dhātugabbhe khīṇāsavānaṃ dhammaṃ osāraṇa-saddaṃ sutvā “dakkhiṇadvāre”ti maññamāno tattha gantvā adisvā eteneva nayena itarānipi dvārāni gantvā tatthāpi adisvā “ayyā dhammaṃ osārento vicarantī”ti maññamāno olokanatthāya catusu dvāresu manusse ṭhapetvā sayaṃ puna vicaritvā apassanto manusse pucchitvā bahiddhā natthi bhāvaṃ ñatvā “anto dhātugabbhe bhavissatī”ti sanniṭṭhānaṃ katvā pācīnadvāre āsannatare mahācetiyābhimukho hatthapāde pasāretvā jīvitaṃ pariccajitvā daḷhasamādānaṃ katvā nipajji: “Sace maṃ ayyā dhātugabbhaṃ na olokāpenti sattāhaṃ nirāhāro hutvā sussamāno bhūsamuṭṭhi viya vippakiriyamānopi na uṭṭhahissāmī”ti. Tassa guṇānubhāvena sakkassa bhavanaṃ uṇhākāraṃ dassesi.

Vào giây phút ấy, đức vua đã buông rơi cục cơm được nắm trong tay vào đĩa, sau đó đã đứng dậy, bảo mở ra cánh cửa phía nam, rồi đã đi đến và bước lên khuôn viên ngôi đại bảo điện bằng cánh cửa phía đông, và trong khi đang đảnh lễ đã nghe được lời giảng Giáo Pháp của các bậc Lậu Tận ở bên trong căn phòng thờ xá-lợi nên suy nghĩ rằng: "Ở cánh cửa phía nam" rồi đã đi đến đó; sau khi không nhìn thấy nên đã theo đúng phương pháp ấy đi đến các cánh cửa khác, và cũng đã không nhìn thấy ở các nơi đó nên mới suy nghĩ rằng: "Các ngài đại đức di chuyển trong lúc giảng giải Giáo Pháp," sau đó đã bố trí quân lính ở bốn cánh cửa để quan sát rồi đích thân đã đi vòng quanh lần nữa, nhưng vẫn không nhìn thấy nên đã hỏi mọi người và biết rằng không có biểu hiện gì ở bên ngoài, nên đã kết luận rằng: "Sẽ ở bên trong căn phòng thờ xá-lợi." Và khi đang ở gần cánh cửa phía đông, đức vua đã quay mặt về ngôi đại bảo điện, buông xuôi tay chân, dứt bỏ mạng sống, nằm dài xuống, lập lời thệ nguyện rằng: "Nếu các ngài đại đức không làm cho trẫm nhìn thấy căn phòng thờ xá-lợi thì trẫm sẽ trải qua bảy ngày không vật thực và sẽ không đứng dậy cho dầu bị tan tác như nắm bột khô vậy." Do nhờ oai lực đức hạnh của vị ấy, cung điện của Sakka đã trở nên nóng nực.

Sakko āvajjanto taṃ kāraṇaṃ ñatvā āgantvā dhammaṃ osārentānaṃ therānaṃ evamāha: "Ayaṃ bhante rājā dhammiko buddhasāsane pasanno imasmiṃ ṭhāne sajjhāyana-saddaṃ sutvā 'dhātugabbhaṃ apassitvā na uṭṭhahissāmī'ti daḷhasamādānaṃ katvā nipanno sace dhātugabbhaṃ na passati tattheva marissati. Taṃ pavesetvā dhātugabbhaṃ olokāpethā"ti. Therāpi tassa anukampāya dhātugabbhaṃ dassetuṃ ekaṃ theraṃ āṇāpesuṃ "rājānaṃ ānetvā dhātugabbhaṃ olokāpetvā pesehī"ti. So rañño hatthe gahetvā dhātugabbhaṃ pavesetvā yathāruciṃ vandāpetvā sabbaṃ sallakkhitakāle pesesi. Rājā nagaraṃ gantvā aparena samayena dhātu-gabbhe attanā diṭṭharūpakesu ekadesāni suvaṇṇakhacitāni kāretvā rājaṅgaṇe mahantaṃ maṇḍapaṃ kāretvā tasmiṃ maṇḍape tāni rūpakāni saṃvidahāpetvā nagare sannipātetvā "dhātugabbhe mayā diṭṭhāni suvaṇṇa- rūpakāni īdisānī"ti āha. Tesaṃ rūpakānaṃ niyāmena katattā niyāmaka-rūpakāni nāma jātāni.

Rājā saṃvacchare saṃvacchare tāni rūpakāni nīharāpetvā nāgarānaṃ dassesi. Paṭhamaṃ dassitakāle nāgarā pasīditvā ekekakulato ekekaṃ dārakaṃ nīharitvā pabbājesuṃ.

Trong lúc suy xét, Sakka đã nhận biết được nguyên nhân ấy nên đã đi đến và đã nói với các vị trưởng lão đang giảng giải Giáo Pháp như vầy: "Bạch các ngài, vị vua này liêm chính, có niềm tin vào Phật Pháp, đã nghe được tiếng trì tụng ở nơi này nên đã nằm dài ra và lập lời thệ nguyện rằng: 'Không nhìn thấy căn phòng thờ xá-lợi ta sẽ không đứng dậy.' Nếu đức vua không nhìn thấy căn phòng thờ xá- lợi thì sẽ bị chết ngay tại chỗ ấy. Hãy cho đức vua đi vào nhìn thấy căn phòng thờ xá-lợi." Cũng vì lòng thương xót đến đức vua nên các vị trưởng lão đã ra lệnh cho một vị trưởng lão chỉ cho đức vua thấy căn phòng thờ xá-lợi (bảo rằng): "Hãy dẫn đức vua đến cho nhìn thấy căn phòng thờ xá-lợi rồi hãy đưa đi." Vị ấy đã nắm cánh tay của đức vua đưa vào căn phòng thờ xá-lợi và đã để cho đảnh lễ theo như ước muốn, rồi đã đưa đi khi đã chiêm ngưỡng xong tất cả. Sau khi đã trở về thành phố và vào thời gian sau đó, đức vua đã cho thực hiện các

sự trang hoàng bằng vàng tương tợ như các hình tượng đã được bản thân nhìn thấy ở căn phòng thờ xá-lợi. Sau đó đã cho thực hiện nhà lộ thiên lớn ở hoàng cung và ở trong nhà lộ thiên ấy đã cho trưng bày các hình tượng ấy, rồi đã cho triệu tập các cư dân thành phố lại nói rằng: "Các hình tượng bằng vàng như thế này đã được trẫm nhìn thấy ở căn phòng thờ xá-lợi." Do các hình tượng ấy đã được thực hiện theo bản chính nên được xem như là các hình tượng nguyên mẫu.

Hàng năm, đức vua đã cho đem lại các hình tượng ấy và cho các cư dân thành phố chiêm ngưỡng. Vào thời kỳ được chiêm ngưỡng lần thứ nhất, các cư dân thành phố đã khởi niềm tin và đã đem lại từ mỗi một gia đình là một đứa trẻ và đã cho xuất gia.

Puna rājā "ayyā etaṃ pakāraṃ ajānanakā bahū tesampi ārocessāmī"ti vihāraṃ gantvā heṭṭhā lohapāsāde bhikkhu- saṅghaṃ sannipātetvā sayaṃ dhammāsanagato tiyāmarattiṃ dhātugabbhe adhikāraṃ kathetvā pariyosāpetumasakkontoyeva uṭṭhāsi. Tattheko bhikkhu rājānaṃ pucchi: "Mahārāja tvaṃ pātarāsabhattaṃ bhutvā āgatosi. Tiyāmarattiṃ vaṇṇento dhātugabbhe pūjāvidhiṃpi pariyosāpetuṃ nāsakkhi aññampi bahuṃ atthī"ti. Rājā "kiṃ kathetha bhante, tumhākaṃ mayā kathitaṃ dasabhāgesu ekabhāgampi nappahoti. Ahampana mayā sallakkhita- mattameva kathesiṃ. Anantaṃ bhante dhātugabbhe pūjāvidhānan"ti āha.

Evaṃ anantaṃ pūjanīya-bhaṇḍaṃ samacaturasse ekeka- passato asīti asīti hatthappamāṇe dhātugabbhe nirantaraṃ katvā pūretumpi na sukaraṃ, pageva yathārahaṃ saṃvidhātu. "Tiṭṭhatu tāva dhātugabbhe yāva mahācetiye vāluka-pākāra-paricchedā nirantaraṃ pūretumpi na sakkā. Tasmā taṃ sabbaṃ pūjanīya-bhaṇḍaṃ tattha kathaṃ gaṇhī"ti yadatthe vattabbaṃ porāṇehi vuttameva.

Nigrodhapiṭṭhi-tepiṭaka-mahāsīvatthero kira rājagehe nisīditvā raññō dasabala-sīhanāda-suttaṃ kathento dhātunidhānaṃ vaṇṇetvā suttantaṃ vinivaṭṭesi.

Hơn nữa, đức vua (nghĩ rằng): "Các ngài đại đức có nhiều vị không biết sự trưng bày này. Ta sẽ cho thông báo đến các vị ấy" nên đã đi đến tu viện rồi đã cho triệu tập hội chúng tỳ khưu ở tầng dưới của Lohapāsāda, sau đó đã đích thân đi đến Pháp tọa và đã thuyết giảng cả ba canh của đêm về sự thể hiện ở căn phòng thờ xá-lợi mà vẫn không có thể hoàn tất nên đã đứng dậy. Ở nơi ấy, có một vị tỳ khưu đã hỏi đức vua rằng: "Tâu đại vương, ngài đã dùng bữa ăn sáng rồi mới đi đến và trong khi tán dương cách thức cúng dường ở căn phòng thờ xá-lợi cả ba canh của đêm mà vẫn không thể chấm dứt; vậy có còn nhiều điều khác nữa không?" Đức vua đã nói rằng: "Bạch ngài, ngài nói cái gì? Điều trẫm đã nói với ngài thậm chí còn chưa được một phần trong mười phần. Hơn nữa, trẫm cũng chỉ nói về sự việc đã được trẫm xem xét. Bạch ngài, hình thức cúng dường ở căn phòng thờ xá-lợi là vô tận." Đồ vật được cúng dường là vô tận như thế. Không dễ gì tiến hành theo thứ tự và đầy đủ ở trong căn phòng thờ xá-lợi hình vuông có kích thước mỗi một cạnh là tám mươi cánh tay, còn nói chi đến việc sắp xếp theo giá trị. Điều cần được nói về ý nghĩa của việc ấy đã được cổ nhân nói lên rằng: "Hãy vậy thôi! Không thể làm cho đầy đủ theo thứ tự kể từ ranh giới là hàng rào bằng cát của ngôi đại bảo điện cho đến căn phòng thờ xá-lợi. Vì thế, hãy xem như tất cả đồ vật được

cúng dường ấy là lời nói về nơi ấy.” Nghe rằng trưởng lão Mahāsīva là vị thông Tam Tạng ở Nigrodhapiṭṭhi đã ngồi xuống ở hoàng cung và trong lúc thuyết giảng về bài kinh Sư Tử Hống 1 của đấng Thập Lực cho đức vua đã ca ngợi về sự tôn trí xá-lợi rồi đã đề cập lại bài kinh.

1 Sđd., Sīhanādavagga - Phẩm Sư Tử Hống, bài kinh số 1 & 2.

Rājā therassa evamāha: “Ayaṃ bhante dhātugabbho samacaturasso, ekekapassato asīti asīti hatthappamāṇe ‘ettakāni pūjanīya-bhaṇḍāni ettha ṭhitānī’ti ko saddahessatī”ti. Thero āha: “‘Indasālaguhā kittakappamāṇā’ti tayā sutapubbā”ti. Rājā “khuddaka- mañcakappamāṇā bhante”ti āha. Tato thero āha: “Mahārāja amhākaṃ satthārā sakkassa sakkapañha-suttantaṃ kathanadivase guhāya kittakā parisā osaṭāti sutapubbā”ti. Rājā “dvīsu bhante devalokesu devatā”ti āha. “Evaṃ sante tampi asaddaheyyaṃ nu mahārājā”ti therena vutte rājā “taṃ pana devānaṃ deviddhiyā ahosi. Deviddhi nāma acinteyyā bhante”ti āha.

Tato thero “mahārāja taṃ ekāyayeva deviddhiyā ahosi. Idaṃ pana rañño rājiddhiyā devānaṃ deviddhiyā ariyānaṃ ariyiddhiyāti imāhi tīhi iddhīhi jātan”ti avoca. Rājā therassa vacanaṃ “sādhū”ti sampaṭicchitvā theraṃ setacchattena pūjetvā matthake chattaṃ dhārento mahāvihāraṃ ānetvā puna mahācetiyassa sattāhaṃ chattaṃ datvā jātisumanapupphapūjaṃ akāsīti.

Đức vua đã nói với vị trưởng lão như vầy: “Bạch ngài, căn phòng thờ xá-lợi này là hình vuông có kích thước mỗi một cánh là tám mươi cánh tay, ai sẽ tin được rằng: ‘Các đồ vật cúng dường nhiều như thế được đặt ở tại nơi ấy’?” Vị trưởng lão đã nói rằng: “Trước đây ngài có nghe về ‘Hang Indasāla có kích thước như thế nào’ không?” Đức vua đã nói rằng: “Bạch ngài, có kích thước của chiếc giường nhỏ.” Kế đó, vị trưởng lão đã nói rằng: “Tâu đại vương, trước đây ngài có nghe nói về ‘Bao nhiêu hội chúng đã ở trong hang vào ngày bậc Đạo Sư của chúng ta thuyết giảng bài kinh Đế Thích Sở Vấn 1 cho Sakka’ không?” Đức vua đã nói rằng: “Bạch ngài, chư Thiên ở hai cõi trời.” “Tâu đại vương, nếu là như thế phải chăng điều ấy cũng khó có thể tin được?” Khi được vị trưởng lão nói như thế, đức vua đã nói rằng: “Nhưng điều ấy là do quyền lực của chư Thiên. Bạch ngài, quyền lực của chư Thiên được xem là không thể nghĩ bàn.”

Sau đó, vị trưởng lão đã nói rằng: “Tâu đại vương, điều ấy là do quyền lực của chư Thiên, tức là chỉ mới mỗi một loại. Trái lại, việc này được sanh lên do ba loại quyền lực này là do quyền lực của đức vua, do quyền lực của chư Thiên, và do quyền lực cao quý của các bậc Thánh.” “Lành thay!” Đức vua đã đồng ý với lời nói của vị trưởng lão rồi đã cung nghinh vị trưởng lão với chiếc lọng màu trắng, và trong lúc cầm chiếc lọng che ở trên đầu, đã đưa đến ngôi Đại Tự, sau đó còn dâng chiếc lọng đến ngôi đại bảo điện trong bảy ngày và đã cúng dường các bông hoa nhài.

1 Trường Bộ II, bài kinh số 8.

Etassatthassa sādhanatthameva aññānipi bahūni vatthūni dassitāni “tāni kintehī”ti amhehi upekkhitāni ettha ca “rājā mahesakkho mahānubhāvo pūritapāramī katābhinīhāro”ti tassa vasena rājiddhi veditabbā, sakkena āṇattena vissakammunā

devaputtena ādito paṭṭhāya āvisitvā katattā tassa vasena deviddhi veditabbā, kammādhiṭṭhāyaka- indaguttatthero khuddānuddakaṃ kammaṃ anuvidhāyanto kāresi. Na kevalaṃ thero yeva, sabbepi ariyā attanā attanā kattabba-kiccesu ussukkamāpannāyeva ahesunti “imāhi tīhi iddhīhi katan”ti veditabbaṃ.

Vuttaṃ hetaṃ mahāvaṃse:

“Indagutta mahāthero - chaḷabhiñño mahāmati, kammādhiṭṭhāyako ettha - sabbaṃ saṃvidahi imaṃ.

Sabbaṃ rājiddhiyā etaṃ - devatānañca iddhiyā, iddhiyā ariyānañca - asambādhaṃ patiṭṭhitan”ti.

Dhātugabbharūpa- vaṇṇanā kathā.

--ooOoo--

Chỉ riêng mục đích hoàn tất ý nghĩa của điều này, còn có nhiều câu chuyện khác được biết đến; chúng đã được chúng tôi lược bỏ (nghĩ rằng): “Chúng không cần thiết.” Và ở đây, đức vua là có uy quyền lớn lao, có năng lực vĩ đại, có các Ba-la-mật đã được tròn đủ, có lời phát nguyện đã được thực hiện; quyền lực của đức vua nên được hiểu theo ý nghĩa của điều ấy. Do sự ra lệnh của Sakka, đầu tiên là Thiên tử Vissakamma hiện đến và hoàn tất công việc; quyền lực của chư Thiên nên được hiểu theo ý nghĩa của điều ấy. Vị trưởng lão Indagutta là vị quản lý việc xây dựng, trong khi đôn đốc công việc, đã cho thực hiện các việc nhỏ nhặt linh tinh. Không chỉ riêng vị trưởng lão mà tất cả các Thánh nhân đều có sự nỗ lực của từng cá nhân trong các phận sự cần được thực hiện; như thế cần được hiểu rằng: “Đã được thực hiện do ba loại quyền lực này.”

Bởi vì điều này đã được đề cập đến ở Mahāvaṃsa:

“Vị đại trưởng lão Indagutta, có sáu Thắng Trí, có đại trí tuệ, là vị quản lý việc xây dựng ở đây và đã sắp xếp tất cả công trình này.

Tất cả việc này được hoàn thành không bị chướng ngại nhờ vào quyền lực của đức vua, quyền lực của chư Thiên, và quyền lực của các bậc Thánh.” 1

Phần Giảng Giải và Mô Tả Hình Thức của Căn Phòng Thờ Xá Lợi.

--ooOoo--

1 Mahāvaṃsa, chương 30, hai câu kệ 98-99.

DHĀTU-NIDHĀNA-KATHĀ

Evaṃ rājā dhātugabbhe kattabba-kammaṃ niṭṭhāpetvā cātuddasi-divase vihāraṃ gantvā bhikkhusaṅghaṃ sannipātesi. Sannipatitā bhikkhū tiṃsa-sahassāni ahesuṃ. Rājā bhikkhusaṅghaṃ vanditvā evamāha: “Dhātugabbhe mayā kattabbakammaṃ niṭṭhāpitaṃ, sve āsāḷhimuposathadivase uttarāsāḷha-nakkhattena dhātunidhānaṃ bhavissati. Dhātuyo jānātha bhante”ti bhikkhusaṅghassa bhāraṃ katvā nagaramevāgañchi.

Atha bhikkhusaṅgho dhātu-āharakaṃ bhikkhuṃ gavesanto pūjā-pariveṇa-vāsikaṃ soḷasavassuddesikaṃ chaḷabhiññaṃ soṇuttaraṃ nāma sāmaṇeraṃ disvā taṃ pakkosāpetvā “āvuso soṇuttara rājā dhātugabbhaṃ niṭṭhāpetvā dhātu-ābharaṇaṃ bhikkhusaṅghassa bhāramakāsi. Tasmā tayā dhātuyo āharitabbā”ti. “Āharāmi bhante dhātuyo, kuto lacchāmī”ti pucchi.

Chương 16: GIẢNG GIẢI VỀ VIỆC TÔN TRÍ XÁ-LỢI

Sau khi hoàn tất công việc cần phải làm ở căn phòng thờ xá-lợi như thế, vào ngày mười bốn đức vua đã đi đến tu viện và cho triệu tập hội chúng tỳ khưu lại. Ba mươi ngàn vị tỳ khưu đã tụ họp lại. Đức vua đã đảnh lễ hội chúng tỳ khưu và đã nói như vầy: “Bạch các ngài, công việc cần phải làm ở căn phòng thờ xá-lợi đã được trẫm hoàn tất. Việc tôn trí các xá-lợi sẽ tiến hành vào ngày mai tức là ngày Uposatha của tháng Āsāḷha, trong thời điểm của sao Uttarāsāḷha. Xin các ngài hãy tìm các xá-lợi.” Sau khi đã trao trách nhiệm cho hội chúng tỳ khưu, đức vua đã trở về lại thành phố.

Khi ấy, trong lúc tìm kiếm vị tỳ khưu làm người rước xá-lợi đến, hội chúng tỳ khưu nhận thấy vị sa di tên Soṇuttara được mười sáu tuổi ngụ tại gian phòng cúng dường là có sáu Thắng Trí nên đã cho gọi vị ấy (nói rằng): “Này sư đệ Soṇuttara, đức vua đã cho hoàn tất căn phòng thờ xá-lợi và giao phó cho hội chúng tỳ khưu trách nhiệm đem lại xá-lợi. Vì thế, các xá-lợi cần được đệ rước lại.” Vị ấy đã hỏi rằng: “Bạch các ngài, tôi sẽ rước lại các xá-lợi, vậy sẽ nhận lãnh ở đâu?”

Tassa bhikkhusaṅgho evamāha: “Āvuso soṇuttara tathāgato maraṇamañce nipanno sakkaṃ devarājānaṃ āmantetvā ‘mayhaṃ aṭṭhadoṇappamāṇesu sārīrikadhātūsu ekaṃ doṇaṃ koḷiyarājūhi sakkataṃ, anāgate tambapaṇṇidīpe mahācetiye patiṭṭhahissatī’ti āha. Atha bhagavati parinibbute doṇa brāhmaṇo dhātuyo aṭṭhakoṭṭhāse katvā aṭṭhannaṃ nagaravāsīnaṃ adāsi. Te attano attano nagare cetiyaṃ kāretvā parihariṃsu. Tesu rāmagāme koḷiyehi katacetiye mahoghena bhinne dhātukaraṇḍako samuddaṃ pavisitvā ratanavālukāpiṭṭhe chabbaṇṇaraṃsi samākiṇṇo aṭṭhāsi.

Nāgā disvā mañjerika-nāga-bhavanaṃ gantvā mahākāḷa- nāga-rañño ārocesuṃ. So dasakoṭināgasahassa parivuto āgantvā gandhamālādīhi pūjetvā suvaṇṇa-pavāḷa-maṇi-rajata-dhaje ussāpetvā pañcaṅgika-turiya-paggahita- nānāvidha-nāga-nāṭakānaṃ majjhagato dhātukaraṇḍaṃ maṇicaṅgoṭake ṭhapetvā sīsenādāya mahāsakkāra-sammānaṃ karonto nāga-bhavanaṃ netvā channavutikoṭidhane pūjetvā sabbaratanehi cetiyañca cetiyagharañca māpetvā dhātuyo pariharati.

Hội chúng tỳ khưu đã nói với vị ấy như vầy: “Này sư đệ Soṇuttara, khi nằm trên chiếc giường tử biệt đức Như Lai đã cho mời Chúa Trời Sakka đến rồi nói rằng: ‘Trong số các xá-lợi di thể có số lượng tám doṇa của ta, một doṇa sẽ được các đức vua xứ Koḷiya tôn kính và trong tương lai sẽ được tôn trí ở ngôi đại bảo điện trên hòn đảo Tambapaṇṇi.’ Sau đó, khi đức Thế Tôn viên tịch Niết Bàn, Bà-la-môn Doṇa đã chia các xá-lợi thành tám phần rồi trao cho các cư dân của tám thành phố. Họ đã cho xây dựng ngôi bảo điện ở thành phố của từng nhóm rồi đã bảo quản. Trong số các phần xá- lợi ấy, khi ngôi

bảo điện được xây dựng bởi những người Koḷiya tại Rāmagāma bị cơn lũ lớn làm sụp đổ, hộp xá-lợi có hào quang sáu màu bao phủ đã rơi vào biển cả và nằm yên ở trên bãi cát có ngọc quý.

Loài rồng sau khi nhìn thấy đã đi đến cung điện Mañjerika của loài rồng và đã kể lại cho Long Vương Mahākāḷa. Long Vương được tùy tùng bởi mười ngàn koṭi con rồng đã đi đến, đã cúng dường với các vật thơm, tràng hoa, v.v... đã cho trương lên các lá cờ bằng vàng, san hô, ngọc ma-ni, và bạc, sau đó đã đặt hộp xá-lợi vào trong hòm bằng ngọc ma-ni, đội lên ở trên đầu, và đi giữa các vũ công là những con rồng thuộc nhiều chủng loại khác nhau có mang theo năm loại nhạc cụ. Trong lúc thực hiện sự tôn kính vô cùng trọng thể, Long Vương đã rước về long cung rồi đã cúng dường với các tài sản là chín mươi sáu koṭi, sau đó đã biến hóa ra ngôi bảo điện và gian nhà ở ngôi bảo điện với tất cả các loại ngọc quý, rồi đã bảo quản các xá-lợi.

Mahākassapatthero ajātasattuno dhātunidhānaṃ karonto rāmagāme dhātuyo ṭhapetvā sesa-dhātuyo āharitvā adāsi. Rājā ‘rāmagāme dhātuyo kasmā nāhaṭā’ti pucchi. Thero ‘mahārāja, tāsaṃ antarāyo natthi anāgate tambapaṇṇidīpe mahācetiye patiṭṭhahissantī’ti āha.

Asoko dhammarājāpi dhātunidhānaṃ ugghāṭetvā olokento aṭṭhamaṃ dhātudoṇaṃ adisvā ‘aparaṃ dhātudoṇaṃ kattha bhante’ti pucchi. ‘Mahārāja taṃ koḷiyehi gaṅgātīre katacetiye patiṭṭhitaṃ, mahoghena cetiye bhinne mahāsamuddaṃ pāvisi. Taṃ nāgā disvā attano nāgabhavanaṃ netvā pariharantī’ti khīṇāsavā āhaṃsu. Rājā ‘nāgabhavanaṃ nāma mama āṇāpavattanaṭṭhānaṃ, tampi āharāmi bhante’ti āha. ‘Mahārāja tā dhātuyo anāgate tambapaṇṇidīpe mahācetiye patiṭṭhahissantī’ti nivāresuṃ.

Tasmā tvaṃ mañjerika-nāga-bhavanaṃ gantvā taṃ pavattiṃ nāgarañño nivedetvā dhātuyo āhara, sve dhātunidhānaṃ bhavissatī”ti. Soṇuttaro “sādhū”ti sampaṭicchitvā attano pariveṇaṃ agamāsi.

Rājāpi nagaraṃ gantvā nagare bheriṃ carāpesi: “Sve dhātunidhānaṃ bhavissati. Nāgarā attano attano vibhavānurūpena alaṅkaritvā gandha-mālādīni gahetvā mahācetiyaṅgaṇaṃ otarantū”ti.

Trong lúc tôn trí các xá-lợi, trừ ra các xá-lợi ở Rāmagāma, các phần xá-lợi còn lại đã được trưởng lão Mahākassapa mang lại và trao cho Ajātasattu. Đức vua đã hỏi rằng: ‘Vì sao các xá-lợi ở Rāmagāma đã không được mang lại?’ Vị trưởng lão đã nói rằng: ‘Tâu đại vương, không có gì nguy hiểm cho các xá-lợi ấy; trong ngày vị lai chúng sẽ được tôn trí ở ngôi đại bảo điện trên hòn đảo Tambapaṇṇi.’ Ngay cả đức vua công chính Asoka sau khi khai quật chỗ tôn trí các xá-lợi, trong lúc xem xét đã không nhìn thấy phần xá-lợi thứ tám, nên đã hỏi rằng: ‘Bạch các ngài, phần xá-lợi kia ở đâu?’ Các bậc Lậu Tận đã đáp rằng: ‘Tâu đại vương, phần ấy đã được tôn trí tại ngôi bảo điện được xây dựng ở bờ sông Gaṅgā bởi những người Koḷiya, khi ngôi bảo điện bị sụp đổ bởi cơn lũ lớn đã rơi vào biển cả. Loài rồng sau khi nhìn thấy vật ấy đã đưa về long cung rồi đã bảo quản.’ Đức vua đã nói rằng: ‘Bạch các ngài, long cung là khu vực dưới quyền ra lệnh

của trẫm, trẫm cũng sẽ lấy phần ấy lại.' Các vị đã ngăn cản rằng: 'Tâu đại vương, trong ngày vị lai các xá-lợi ấy sẽ được tôn trí ở ngôi đại bảo điện ở hòn đảo Tambapaṇṇi.' Vì thế, ngươi hãy đi đến long cung Mañjerika và thông báo tin này cho Long Vương rồi rước các xá-lợi về. Việc tôn trí các xá-lợi sẽ diễn ra vào ngày mai." Soṇuttara đã đồng ý (đáp rằng): "Lành thay!" rồi đã đi về gian phòng của mình. Đức vua cũng đã đi vào thành phố rồi cho trống thông báo ở trong thành phố rằng: "Việc tôn trí các xá-lợi sẽ diễn ra vào ngày mai. Tùy theo khả năng của mỗi cá nhân, các cư dân thành phố hãy trang điểm, hãy mang theo các vật thơm và tràng hoa, v.v... rồi đi đến khuôn viên của ngôi đại bảo điện."

Sakkopi vissakammaṃ āṇāpesi: "Sve mahācetiye dhātunidhānaṃ bhavissati. Sakalatampapaṇṇi-dīpaṃ alaṅkarohī"ti. So punadivase ekūnayojanasatikaṃ tambapaṇṇidīpaṃ kasīṇamaṇḍalaṃ viya samaṃ katvā rajatapaṭṭasadisaṃ vālukākiṇṇaṃ pañcavaṇṇapupphasamākūlaṃ katvā samantato puṇṇaghaṭapantiyo ṭhapāpetvā sāṇīhi parikkhipitvā upari celavitānaṃ bandhitvā paṭhavitale thalapadumāni ākāse olambika-padumāni dassetvā alaṅkata-devasabhaṃ viya sajjesi. Mahāsamuddañca sannisinnaṃ pañcavidha-paduma- sañchannaṃ akāsi.

Dhātu-ānubhāvena sakalacakkavāḷaṃ gabbhokkamanābhisambodhikālādisu viya sajjitaṃ ahosi. Nāgarāpi nagara-vīthiyo sammajjitvā muttāphala-sadisaṃ vālukaṃ okiritvā lājapañcamaka-pupphāni samokiritvā nānāvirāga-dhajapaṭākāyo ussāpetvā suvaṇṇaghaṭa- kadalitoraṇa-mālagaghikādīhi alaṅkaritvā nagaraṃ sajjesuṃ. Rājā nagarassa catusu dvāresu anāthānaṃ manussānaṃ paribhogatthāya nānāppakāra-khādanīya-bhojanīya-gandha-
māla-vatthābharaṇa-pañcavidhi-mukhavāsa-sahita-tambulāni ca ṭhapāpesi.

Sakka cũng đã ra lệnh cho Vissakamma rằng: "Việc tôn trí các xá-lợi ở ngôi đại bảo điện sẽ diễn ra vào ngày mai. Ngươi hãy trang hoàng toàn bộ hòn đảo Tambapaṇṇi." Vị ấy, vào ngày kế, sau khi đã làm hòn đảo Tambapaṇṇi (kích thước) chín mươi chín do-tuần được bằng phẳng như là vòng tròn đề mục kasiṇa của thiền định, rồi đã phủ lên bằng các bông hoa ngũ sắc trông như là cái đĩa bằng bạc được rắc cát lên, sau đó đã xếp đặt các hàng chum đầy ở xung quanh, đã bao quanh với những màn che, đã buộc các lều vải ở bên trên, rồi đã trưng bày các hoa sen của đất liền ở trên mặt đất và các hoa sen treo lủng lẳng ở trên không trung; vị ấy đã chuẩn bị giống như là phòng hội của chư Thiên đã được trang hoàng vậy. Vị ấy còn làm cho đại dương được yên tĩnh và được bao phủ bởi năm loại hoa sen.

Do nhờ oai lực của xá-lợi, toàn bộ thế giới đã được trang hoàng giống như thời kỳ (Bồ Tát) nhập thai hoặc chứng ngộ Chánh Đẳng Giác, v.v... Các cư dân thành phố cũng đã quét dọn các con đường trong thành phố, đã rải lên loại cát giống như là các hạt ngọc trai, đã rắc đều các bông hoa và bắp rang là loại thứ năm, đã cho trương lên các cờ và biểu ngữ đủ loại màu sắc, đã tô điểm và trang hoàng thành phố với các chậu vàng, với các cổng chào bằng cây chuối, và bằng các tràng hoa đắt giá, v.v... Đức vua đã cho đặt ở bốn cổng của thành phố nhiều loại vật thực cứng, vật thực mềm, hương thơm, tràng hoa, vải vóc, đồ trang sức, các lá trầu cùng với năm vật làm sạch miệng nhằm cung cấp

vật dụng cho những người không nơi nương tựa.

Atha rājā sabbābharaṇa-vibhūsito kumuda-pattavaṇṇa-catusindhavayutta-rathavaramāruyha alaṅkataṃ kaṇḍula- hatthiṃ purato katvā suvaṇṇa-caṅgoṭakaṃ sīse katvā setacchattassa heṭṭhā aṭṭhāsi. Tasmiṃ khaṇe sakkaṃ devarājānaṃ devaccharā viya nānābharaṇavibhūsitā devakaññūpamā aneka-sahassa nāṭakitthiyo ceva dasamahāyodhā ca caturaṅginī senā ca rājānaṃ parivāresuṃ. Tathā aṭṭhuttarasahassa itthiyo ca puṇṇaghaṭe gahetvā parivāresuṃ aṭṭhuttarasahassa aṭṭhuttarasarassappamāṇeyeva purisā ceva itthiyo ca pupphasamuggāni daṇḍadīpikā nānāvaṇṇadhaje ca gahetvā parivāresuṃ. Evaṃ rājā mahantena rājānubhāvena nandanavanaṃ nikkhanta- devarājā viya nikkhami. Tadā nānāvidha-turiya-ghosehi ceva hatthassarathasaddehi ca mahāpaṭhavī bhijjanākārappattā viya ahosi.

Tasmiṃ khaṇe soṇuttaro attano pariveṇeyeva nisinno turiyaghosena rañño nikkhantabhāvaṃ ñatvā abhiññāpādakaṃ catutthajjhānaṃ samāpajjitvā adhiṭṭhāya paṭhaviyaṃ nimujjitvā mañjerikanāgabhavane mahākāḷanāga-rañño purato pāturahosi.

Sau đó, được trang điểm với tất cả các đồ trang sức, đức vua đã bước lên chiếc xe ngựa quý giá được thắng vào bốn con ngựa Sindhu có màu sắc của cánh hoa súng trắng, rồi đặt con voi Kaṇḍula đã được trang điểm ở phía trước, sau đó đã đội lên đầu chiếc hòm vàng, và đứng phía dưới chiếc lọng trắng. Vào thời điểm ấy, hàng ngàn nữ vũ công trông tợ như là các tiên nữ đã được điểm tô với vô số loại trang sức giống như là các nữ thần của Chúa Trời Sakka, và còn có mười vị đại dũng sĩ cùng với đoàn quân gồm bốn loại binh chủng đã hộ tống đức vua. Tương tợ, hơn tám ngàn nữ nhân đã mang các chậu đầy (nước) đứng xung quanh. Còn có số lượng hơn tám ngàn nam nhân và hơn tám ngàn nữ nhân đã cầm những giỏ bông hoa, những cây đuốc, và các cây cờ màu sắc khác nhau đứng xung quanh. Như thế, đức vua đã ra đi với oai lực vĩ đại của hoàng gia giống như là vị Thiên vương đang rời khỏi khu rừng Nandana. Khi ấy, đại địa cầu dường như đạt đến trạng thái bị vỡ tan bởi những âm thanh của nhiều loại nhạc cụ khác nhau và những tiếng động của loài voi, loài ngựa, và các cỗ xe.

Vào thời khắc ấy, Soṇuttara đang ngồi ở ngay trong phòng của mình và đã biết được việc ra đi của đức vua nhờ vào tiếng nhạc, sau đó đã thể nhập vào tứ thiền có nền tảng là thần thông, đã chú nguyện, rồi đi vào trong lòng trái đất, và đã hiện ra ở phía trước Long Vương Mahākāḷa tại cung điện Mañjerika của loài rồng.

Nāgarājā soṇuttaraṃ disvā uṭṭhāyāsanā abhivādetvā gandhodakena pāde dhovitvā vaṇṇa-gandha-sampanna- kusumehi pūjetvā ekāmantaṃ nisīditvā, “Kuto āgatattha bhante”ti pucchi. “Tambapaṇṇidīpato āgatamhā”ti vutte “Kimatthāyā”ti pucchi. “Mahārāja tambapaṇṇidīpe duṭṭhagāmaṇi abhaya mahārājā mahācetiyaṃ kārento dhātuyo bhikkhusaṅghassa bhāramakāsi. Mahāvihāre tiṃsamattāni bhikkhusahassāni sannipatitvā ‘mahāthūpatthāya ṭhapitadhātuyo mahākāḷa-nāga-rañño santike ṭhitā, tassa taṃ pavattiṃ kathetvā dhātuyo āharā’ti maṃ pesesuṃ. Tasmā idhāgatomhī”ti āha.

Taṃ sutvā nāgarājā pabbatena viya ajjhotthaṭo mahantena domanassena abhibhūto evaṃ cintesi: "'mayaṃ pana imā dhātuyo pūjetvā apāyato muñcitvā sagge nibbattissamā'ti amaññimha. Ayaṃ pana bhikkhu mahiddhiko mahānubhāvo, sace imā dhātuyo imasmiṃ ṭhāne ṭhito bhaveyyuṃ, amhe abhibhavitvāpi gaṇhituṃ sakkuṇeyya. Dhātuyo apanetuṃ vaṭṭatī"ti cintetvā parisaṃ olokento parisa-pariyante ṭhitaṃ vāsuladattaṃ nāma attano bhāgineyyaṃ disvā tassa saññamadāsi. So mātulassa adhippāyaṃ ñatvā cetiyagharaṃ gantvā dhātukaraṇḍakaṃ ādāya gilitvā sinerupabbatapāda-mūlaṃ gantvā-

Long Vương sau khi nhìn thấy Soṇuttara đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ, rồi đã dùng nước thơm rửa hai bàn chân (của vị sa di), sau đó đã cúng dường với các bông hoa xinh đẹp và thơm ngát, rồi đã ngồi xuống ở một bên hỏi rằng: "Thưa ngài, ngài từ đâu đi đến đây?" Khi được nói rằng: "Tôi đã đi đến từ hòn đảo Tambapaṇṇi," Long Vương đã hỏi rằng: "Vì mục đích gì?" Soṇuttara đã nói rằng: "Tâu đại vương, ở hòn đảo Tambapaṇṇi đại vương Duṭṭhagāmaṇi Abhaya trong lúc cho thực hiện ngôi đại bảo điện đã trao nhiệm vụ về các xá-lợi cho hội chúng tỳ khưu. Các vị tỳ khưu số lượng ba mươi ngàn đã tụ hội lại ở Mahāvihāra (Đại Tự) và đã phái tôi đến (nói rằng): 'Các xá-lợi được để riêng dành cho ngôi đại bảo tháp được để ở chỗ Long Vương Mahākāḷa. Hãy nói với Long Vương lời nhắn ấy và rước các xá-lợi về.' Vì thế, tôi đã đi đến đây."

Sau khi nghe được điều ấy, Long Vương bị tràn ngập bởi nỗi buồn lớn lao như là bị chèn ép bởi hòn núi nên đã suy nghĩ như vầy: "Chúng ta đã tin tưởng rằng: 'Sau khi cúng dường các xá-lợi này, chúng ta sẽ thoát khỏi địa ngục và sẽ sanh về cõi trời.' Tuy nhiên, vị tỳ khưu này lại có đại thần lực có đại oai lực. Nếu các xá-lợi này được duy trì ở tại nơi này thì vị ấy có thể khuất phục chúng ta và lấy đi. Vậy phải đưa các xá-lợi đi nơi khác." Sau khi đã suy nghĩ và trong lúc quan sát đám cận thần, Long Vương đã nhìn thấy người cháu trai của mình tên là Vāsuladatta đang đứng ở cuối đám đông nên đã ra hiệu cho vị ấy. Vị ấy biết được ý định của người cậu nên đã đi đến gian nhà ở ngôi bảo điện, cầm lấy hộp đựng xá-lợi nuốt vào, rồi đã đi đến chân của ngọn núi Sineru.

Yojanasatamāvaṭṭaṃ - dīghaṃ tisatayojanaṃ, phaṇānekasahassāni - māpayitvā mahiddhiko.

Sinerupādamūlamhi - dhūmāyanto ca pajjalaṃ, ābhujitvāna so bhoge - nipajji vālukātale.

Anekāni sahassāni - attanā sadise ahi, māpayitvā sayāpesi - samantā parivārite.

Bahū devā ca nāgā ca - osariṃsu tahiṃ tadā, "yuddhaṃ ubhinnaṃ nāgānaṃ - passissāma mayaṃ" iti.

Tato nāgarājā bhāgineyyena dhātuyo apanītabhāvaṃ ñatvā evamāha: "Mama santike dhātuyo natthi, tumhe idha papañcaṃ akatvā sīghaṃ gantvā bhikkhusaṅghassa taṃ pavattiṃ ārocetha. Bhikkhusaṅgho aññato dhātuṃ pariyesissatī"ti. Sāmaṇero ādito paṭṭhāya dhātu-āgamanaṃ vatvā "Dhātuyo tava santakeyeva, papañcaṃ akatvā dehī"ti codesi.

Tato nāgarājā sāmaṇerena mūlamhi gahitabhāvaṃ ñatvā “yena kenaci pariyāyena dhātuyo adatvāva pesituṃ vaṭṭatī”ti cintetvā sāmaṇeraṃ dhātugharaṃ netvā cetiyañca cetiyagharañca dassesi. Taṃ pana cetiyañca cetiyagharañca sabbaratanamayameva ahosi.

Con rồng có đại thần lực đã biến hóa ra thân hình chu vi một trăm do-tuần, dài ba trăm do-tuần, có hàng ngàn cái đầu. Trong lúc phun ra khói và khạc ra lửa ở chân của ngọn núi Sineru, con rồng đã cuộn mình nằm xuống ở trên bãi cát. 1 Nó đã biến hóa ra hàng ngàn con rắn giống như bản thân mình rồi cho nằm xuống bao bọc ở xung quanh. Khi ấy, đông đảo chư Thiên và loài rồng đã đáp xuống nơi ấy (nghĩ rằng): “Chúng ta sẽ chứng kiến cuộc chiến đấu của hai giống rồng.” 2

Sau đó, khi đã hay biết về việc các xá-lợi đã được người cháu đem đi, Long Vương đã nói như vầy: “Không có các xá-lợi ở nơi trẫm. Ngài chớ có chần chờ ở đây, hãy nhanh chóng đi và thông báo tin này cho hội chúng tỳ khưu. Hội chúng tỳ khưu sẽ tìm kiếm xá-lợi ở nơi khác.” Vị sa di đã nói về sự ngự đến của xá-lợi kể từ giai đoạn ban đầu rồi đã quở trách rằng: “Các xá-lợi là ở ngay nơi ngài, xin hãy trao ra và chớ làm chậm trễ.”

Khi ấy, Long Vương biết rằng vị sa di đã nắm được nguồn gốc của sự việc nên đã suy nghĩ rằng: “Phải mời vị này đi bằng bất cứ cách nào mà không phải trao ra các xá- lợi” nên đã đưa vị sa di đến gian nhà xá-lợi rồi chỉ cho thấy ngôi bảo điện và gian nhà của ngôi bảo điện. Hơn nữa, ngôi bảo điện và gian nhà của ngôi bảo điện đều được làm bằng tất cả các loại ngọc quý.

1
Sđd., so sánh với hai câu kệ 53-54, chương 31.
2
Sđd., chương 31, hai câu kệ 55-56.
Vuttaṃ hetaṃ mahāvaṃse: “Anekadhā anekehi - ratanehi susaṅkhetaṃ, cetiyaṃ cetiyagharaṃ - passa bhikkhu sunimmitan”ti.

Dassetvā ca pana cetiyagharato oruyha addhacandakapāsāṇe pavāla-padumamhi ṭhatvā “Imassa cetiyassa cetiyagharassa ca agghaṃ karohi bhante”ti āha. Sāmaṇero “Na sakkoma mahārāja agghaṃ kātuṃ, sakalepi tambapaṇṇidīpe ratanāni imaṃ addhacandakapāsāṇaṃ nāgghatī”ti āha.

Nāgarājā “evaṃ sante mahāsakkāraṭṭhānato appasakkāraṭṭhānaṃ dhātūnaṃ nayanaṃ ayuttaṃ nanu bhikkhū”ti āha. Sāmaṇero evamāha: “Mahārāja buddhā nāma dhammagarukā, na āmisagarukā, tumhesu cakkavāḷappamāṇaṃ ratanagharaṃ māpetvā sabbaratanassa pūretvā dhātuyo pariharantesupi ekanāgopi dhammābhisamayaṃ kātuṃ samattho nāma natthi. Yasmā:

Saccābhisamayo nāga - tumhākampi na vijjati, saccābhisamayaṭṭhānaṃ - netuṃ yuttaṃ hi dhātuyo.

Saṃsāradukkhamokkhāya - uppajjanti tathāgatā, buddhassa cetthādhippāyo - tena nessāmi dhātuyo.

Dhātunidhānaṃ ajjeva - so hi rājā karissati, Tasmā papañcamakaritvā - lahuṃ me dehi dhātuyo”ti- āha.

Bởi vì việc này đã được đề cập ở Mahāvaṃsa: “Này vị tỳ khưu, hãy nhìn xem ngôi bảo điện và gian nhà của ngôi bảo điện khéo được thực hiện khéo được thiết kế bằng nhiều ngọc quý thuộc nhiều loại.” 1 Hơn nữa, sau khi chỉ cho thấy Long Vương đã từ gian nhà của ngôi bảo điện bước xuống rồi đứng ở đóa hoa sen bằng san hô trên phiến đá hình bán nguyệt nói rằng: “Thưa ngài, hãy ước định giá trị của ngôi bảo điện và gian nhà của ngôi bảo điện này.” Vị sa di đã nói rằng: “Tâu đại vương, không thể ước định giá trị được, thậm chí các ngọc quý ở trên toàn bộ hòn đảo Tambapaṇṇi cũng không giá trị bằng phiến đá hình bán nguyệt này.” Long Vương đã nói rằng: “Này vị tỳ khưu, nếu như vậy thì việc di chuyển các xá-lợi từ nơi có sự tôn vinh trọng thể đến chỗ có sự tôn vinh kém hơn phải chăng là điều không hợp lý?” Vị sa di đã nói như vầy: “Tâu đại vương, theo chư Phật Giáo Pháp là quan trọng chứ tài vật không quan trọng. Trong khi ngài thị hiện ngôi nhà bằng ngọc quý có kích thước lớn bằng thế giới và chứa đầy tất cả các loại ngọc quý rồi bảo quản các xá-lợi, nhưng vẫn không có được một con rồng nào có khả năng thể nhập được Giáo Pháp. Vì thế: Sự thể nhập Chân Lý không hiện hữu ở các ngài là loài rồng. Điều hoàn toàn hợp lý là đưa các xá-lợi đến nơi có sự thể nhập chân lý. Các đấng Như Lai xuất hiện nhằm sự giải thoát khỏi khổ đau vì luân hồi. Và trong trường hợp này là ý định của đức Phật, vì thế ta sẽ rước các xá-lợi đi. Bởi vì đúng vào ngày hôm nay, vị vua ấy sẽ thực hiện việc tôn trí các xá-lợi. Do đó, chớ có làm chậm trễ. Hãy mau trao cho tôi các xá-lợi.” 2 1 Sđd., chương 31, câu kệ 60. 2 Sđd., chương 31, các câu kệ 63-65.

Evaṃ vutte nāgarājā appaṭibhāno hutvā “attano bhāgineyyena dhātuyo gopitā”ti maññamāno evamāha: “Tumhe bhante cetiye dhātūnaṃ atthibhāvaṃ vā natthibhāvaṃ vā ajānantā ‘dehi dehī’ti vadatha. Ahaṃ ‘natthī’ti vadāmi. Sace passatha gahetvā gacchathā”ti. “Gaṇhāmi mahārājā”ti, “gaṇha bhikkhū”ti. “Gaṇhāmi mahārājā”ti. “Gaṇha bhikkhū”ti tikkhattuṃ paṭiññaṃ gahetvā.

Sukhumaṃ karaṃ māpatvā - bhikkhu tatra ṭhitova so, bhāgineyyassa vadane - hatthampakkhippa tāvade.

Dhātukaraṇḍamādāya - tiṭṭha nāgāti bhāsiya, nimujjitvā paṭhaviyaṃ - pariveṇamhi uṭṭhahi.

Tadā “sāmaṇerassa nāgena saddhiṃ yuddhaṃ passissāmā”ti samāgatā deva-nāga-parisāpi bhikkhunāgassa vijayaṃ disvā haṭṭhā pamoditā dhātuyo pūjayantāva teneva saha āgamuṃ, Nāgarājā sāmaṇerassa gata kāle “bhikkhuṃ vañcetvā pesitomhī”ti haṭṭhatuṭṭho dhātuyo gahetvā āgamatthāya bhāgineyyassa sāsanaṃ pesesi.

Bhāgineyyo’tha kucchimhi - apassitvā karaṇḍakaṃ, paridevamāno āgantvā - mātulassa nivedayi.

Tadā so nāgarājāpi - “vañcitamha mayaṃ” iti, paridevi nāgā sabbepi - parideviṃsu pīḷitā.

Được nói như thế, Long Vương đã trở nên bối rối và trong lúc nghĩ rằng: “Các xá-lợi đã được cháu trai của ta bảo quản” nên đã nói như vầy: “Thưa ngài, trong khi ngài không biết rõ về trạng thái có hay trạng thái không có các xá-lợi ở ngôi bảo điện lại nói rằng: ‘Hãy trao ra, hãy trao ra.’ Trẫm nói rằng: ‘Không có.’ Nếu ngài nhìn thấy thì hãy cầm lấy rồi đi đi.” “Tâu đại vương, tôi sẽ lấy.” “Này tỳ khưu, hãy lấy đi.” “Tâu đại vương, tôi sẽ lấy.” “Này tỳ khưu, hãy lấy đi” và đã khẳng định ba lần. “Rồi trong khi đang đứng ngay tại chỗ ấy, vị tỳ khưu ấy đã biến hóa ra cánh tay mảnh khảnh rồi ngay lập tức đã vươn bàn tay đến miệng của người cháu trai. Sau khi cầm lấy hộp xá-lợi đã nói rằng: ‘Này rồng, hãy đứng yên’ rồi đã lặn vào trong lòng đất và nổi lên ở gian phòng.” 1 Sau đó, ngay cả hội chúng của chư Thiên và loài rồng đã tụ hội lại (nghĩ rằng): “Chúng ta sẽ chứng kiến cuộc chiến đấu của vị sa di với loài rồng.” Sau khi chứng kiến sự chiến thắng của vị tỳ khưu đối với loài rồng, họ đã trở nên mừng rỡ phấn chấn, và ngay trong lúc tôn vinh xá-lợi đã đi cùng với vị ấy. Lúc vị sa di đã ra đi, Long Vương (nghĩ rằng): “Ta đã đánh lừa được vị tỳ khưu và đã tiễn vị ấy đi” trở nên mừng rỡ hoan hỷ, sau đó đã nhắn tin cho người cháu trai cầm các xá-lợi đi đến. “Sau đó, khi không nhìn thấy hộp Xá-lợi ở trong bụng, người cháu trai trong lúc than vãn đã đi đến và thông báo cho người cậu. Khi ấy, ngay cả vị Long Vương ấy cũng đã than vãn rằng: ‘Chúng ta đã bị gạt rồi.’ Bị khổ sở, tất cả các con rồng cũng đã than vãn.” 2 1 Sđd., so sánh với hai câu kệ 53-54, chương 31. 2 Sđd., chương 31, các câu kệ 70-71.

Tato nāgabhavane sabbe nāgā samāgantvā kese muñcitvā ubhohi hatthehi hadaye gahetvā nīluppala-sadisehi nettehi vilīna-sokamiva assudhāraṃ pavattayamānā-

“Paridevamānā āgantvā - nāgā saṅghassa santike, bahudhā parideviṃsu - dhātāharaṇa-dukkhitā”ti.

Paridevitvā ca bhikkhusaṅghassa evamāhaṃsu: “Bhante kassaci pīḷaṃ akatvā amhākaṃ puññānubhāvena labhitvā ciraparihaṭa-dhātuyo kasmā anavasesaṃ katvā aharāpetha. Amhākaṃ saggamokkhantarāyaṃ karothā”ti.

Tesaṃ saṅgho’nukampāya - thokaṃ dhātumadāpayi, te tena tuṭṭhā gantvāna - pūjābhaṇḍāni āharuṃ.

Tato sakko devānamindo vissakammaṃ āmantetvā “sāmaṇerassa uṭṭhitaṭṭhāne sattaratanamayaṃ maṇḍapaṃ māpehī”ti āha. So tasmiyeva khaṇe maṇḍapaṃ māpesi. Atha sakko dvīsu devalokesu devapariyāya parivuto suvaṇṇacaṅgoṭakena saddhiṃ ratanapallaṅkamādāya āgantvā tasmiṃ maṇḍape patiṭṭhāpetvā sāmaṇerassa hatthato dhātukaraṇḍakaṃ gahetvā tasmiṃ pallaṅke patiṭṭhāpesi. Tadā-

Brahmā chattamadhāresi - santusito vāḷavījaniṃ, maṇitālavaṇṭaṃ suyāmo - sakko saṅkhantasodakaṃ.

Sau đó, tất cả các con rồng đã tụ họp lại ở long cung, rồi xõa tóc ra, dùng hai tay cầm lấy trái tim, và từ những con mắt giống như là những đóa sen xanh đang trào ra giòng nước mắt như là đang tuôn ra nỗi sầu dai dẳng. “Trong lúc than vãn, các con rồng đau khổ vì việc bị lấy đi các xá-lợi đã đi đến gần hội chúng và đã than vãn bằng nhiều cách.” 1 Và sau khi đã than vãn, các con rồng đã nói với hội chúng tỳ khưu như vầy:

“Bạch các ngài, chúng tôi đã không hành hạ đến người nào và đã nhận được các xá-lợi nhờ vào năng lực phước báu của chúng tôi, rồi đã bảo quản lâu nay. Tại sao các ngài lại thâu tóm tất cả và mang đi? Các ngài đã tạo nên chướng ngại cho cõi trời và sự giải thoát của chúng tôi.” “Vì lòng bi mẫn, hội chúng đã bảo cho lại loài rồng một ít xá-lợi. Vì thế, họ đã mừng rỡ ra đi rồi đã mang lại những lễ vật cúng dường.” 2

Sau đó, Chúa Trời Sakka đã gọi Vissakamma và nói rằng: “Ngươi hãy biến hóa ra mái che làm bằng bảy loại ngọc quý ở vị trí đang đứng của vị sa di.” Vị ấy đã biến hóa ra mái che vào ngay giây phút ấy. Sau đó, được tháp tùng bởi hội chúng chư Thiên ở cả hai cõi trời, Sakka đã cầm lấy chiếc ngai làm bằng ngọc quý cùng với chiếc hòm vàng đi đến đặt ở mái che ấy, sau đó đã nhận lấy hộp xá-lợi từ tay của vị sa di và đã đặt ở trên chiếc ngai. Khi ấy, “Phạm Thiên đã cầm chiếc lọng, Santussita đã cầm chiếc quạt lông đuôi thú, Suyāma đã cầm cành thốt nốt bằng ngọc ma-ni, Sakka đã cầm vỏ sò có chứa nước.

1
Sđd., chương 31, câu kệ 73.
2
Sđd., chương 31, câu kệ 74.
Cattāro tu mahārājā - aṭṭhaṃsu khaggapāṇino, samuggahatthā dvattiṃsā - devaputtā mahiddhikā.

Pāricchattaka-pupphehi - pūjayantā tahiṃ ṭhitā, kumāriyopi dvattiṃsā - daṇḍadīpadharā ṭhitā.

Palāpetvā duṭṭhayakkhe - yakkhasenāpati pana, aṭṭhavīsati aṭṭhaṃsu - ārakkhaṃ kurumānakā.

Vīṇaṃ vādayamānova - aṭṭhā pañcasikho tahiṃ, raṅgabhūmiṃ māpayitvā - timbarū turiyaghosavā.

Anekā devaputtā ca - sādhugītappayojakā, mahākāḷo nāgarājā - thūyamāno anekadhā.

Dibbaturiyāni vajjanti - dibbasaṅgīti vattati, dibbagandhā ca vassāni - vassāpenti ca devatā.

Tadā indaguttatthero mārassa paṭibāhanatthāya cakkavāḷapariyantaṃ katvā ākāse lohachattaṃ māpesi. Pañcanikāyikā therā dhātuyo parivāretvā pañcasu ṭhānesu nisīditvā gaṇasajjhāyamakaṃsu. Tasmiṃ kāle rājā taṃ ṭhānaṃ āgantvā sīsato suvaṇṇa-caṅgoṭakaṃ otāretvā dhātu- caṅgoṭakaṃ attano caṅgoṭake ṭhapetvā pallaṅke patiṭṭhāpetvā gandhamālādīhi pūjetvā pañcapatiṭṭhitena vanditvā sirasi añjaliṃ paggayha akkhīni ummīletvā olokento aṭṭhāsi.

Và bốn vị Đại Thiên Vương đã đứng cầm gươm trong bàn tay. Ba mươi hai vị Thiên tử có thần lực đã mang những cái giỏ ở cánh tay. Họ đã đứng ở chỗ đó và đang cúng dường bằng những bông hoa của cây san hô. Ba mươi hai thiếu nữ cũng đã đứng cầm các cây đuốc. Hơn nữa, hai mươi tám vị thủ lãnh Dạ-xoa đã đuổi đi những Dạ-xoa xấu

xa rồi đã đứng thực hiện sự bảo vệ. Pañcasikha đã đứng ở đó trình tấu đàn vīṇa. Timbarū đã biến hóa ra bục sân khấu rồi đã làm vang lên tiếng nhạc cụ. Và nhiều vị Thiên tử đã trình diễn những bài hát du dương. Long Vương Mahākāḷa đã ca ngợi bằng nhiều phương thức. Những nhạc cụ của Thiên đình được tấu lên, dàn hợp ca của Thiên cung đã trình diễn. Và chư Thiên đã làm những cơn mưa và các hương thơm của cõi trời rơi xuống." 1

Sau đó, trưởng lão Indagutta đã biến hóa ra cái lọng bằng đồng ở trên bầu trời che khắp cả thế giới nhằm xua đuổi Ma Vương. Các vị trưởng lão thông thạo về năm bộ Kinh đã vây quanh các xá-lợi, sau đó đã ngồi xuống ở năm vị trí, và đã tiến hành việc trùng tụng. Vào lúc bấy giờ, đức vua đã đi đến nơi ấy và đã hạ chiếc hòm vàng từ trên đầu xuống, sau đó đã đặt cái hòm xá-lợi vào trong cái hòm của mình, rồi đã đặt lên trên chiếc ngai, đã cúng dường bằng các loại vật thơm và tràng hoa, v.v... sau đó đã đảnh lễ với năm điểm tiếp xúc, rồi đã chắp tay ở đỉnh đầu, mở mắt ra, và đứng nhìn chăm chú.

1 Sđd., chương 31, câu kệ 78-84.

Tasmiṃ khaṇe dhātumatthake setacchattaṃ dissati. Chattagāhaka-brahmā na dissati. Tathā tālavaṇṭa-vījani- ādayo dissanti. Gāhakā na dissanti. Dibba-turiya-ghosa-saṅgītiyo suyyanti. Gandhabbadevatā na dissanti. Rājā etaṃ acchariyaṃ disvā indaguttattheraṃ evamāha: "Devatā dibbachattena pūjesuṃ ahaṃ mānusakacchattena pūjemi bhante"ti. Thero "yuttaṃ mahārājā"ti āha. Rājā attano suvaṇṇapiṇḍika-setacchattena pūjetvā suvaṇṇa-bhiṃkāraṃ gahetvā abhisekodakaṃ datvā taṃ divasaṃ sakalatambapaṇṇi-dīpe rajjaṃ adāsi.

Tato sabbaturiyāni paggaṇhiṃsu, gandhamālādīhi pūjetvā mahantaṃ sakkāramakaṃsu. Puna rājā theraṃ pucchi: "Amhākaṃ satthā dibbamānusakāni dve chattāni dhāresi bhante"ti. "Na dve chattāni tīṇi chattāni mahārājā"ti. "Aññaṃ chattaṃ na passāmi bhante"ti. "Sīlapatiṭṭhaṃ samādhidaṇḍakaṃ indriyasalākaṃ balamālaṃ maggaphalapatta-sañchannaṃ vimuttivarasetacchattaṃ ussāpetvā ñāṇābhisekampatto dhammaratana-cakkaṃ pavattetvā dasasahassa cakkavāḷesu buddharajjaṃ hatthagataṃ katvā rajjaṃ kāresī"ti. Rājā "Tīṇicchatta- dhārakassa satthuno tikkhattuṃ rajjaṃ dammī"ti tikkhattuṃ dhātuyo rajjena pūjesi.

Vào giây phút ấy, chiếc lọng trắng ở phía trên các xá-lợi đã được nhìn thấy nhưng vị Phạm Thiên là người cầm lọng lại không được nhìn thấy. Tương tợ như thế, cành thốt nốt, chiếc quạt, v.v... được nhìn thấy nhưng các người cầm lại không được nhìn thấy. Các sự hòa tấu và hợp xướng nhạc Thiên đình được nghe tiếng nhưng các Thiên nhân và Càn- thát-bà lại không được nhìn thấy. Đức vua sau khi nhận ra điều kỳ diệu ấy đã nói với trưởng lão Indagutta như vầy: "Bạch ngài, chư Thiên đã cúng dường bằng cái lọng của Thiên đình, trẫm sẽ cúng dường với cái lọng của nhân loại." Vị trưởng lão đã nói rằng: "Tâu đại vương, đúng vậy!" Đức vua, sau khi cúng dường chiếc lọng trắng có cán bằng vàng của bản thân, đã cầm lấy cái bình bằng vàng và đã rưới nước hiến dâng. Ngày hôm ấy, đức vua đã dâng cúng vương quyền ở trên toàn thể đảo Tambapaṇṇi.

Sau đó, họ đã cầm lấy tất cả các loại nhạc cụ, đã cúng dường bằng các loại vật thơm và tràng hoa, v.v... rồi đã tiến hành sự tôn vinh trọng thể. Đức vua lại hỏi vị trưởng lão rằng: "Bạch ngài, có phải bậc Đạo Sư của chúng ta đã sử dụng hai loại lọng che của chư Thiên và loài người?" "Tâu đại vương, là ba lọng che, không phải hai lọng che." "Bạch ngài, trẫm không nhìn thấy cái lọng che kia." "Bậc Đạo Sư đã trương lên chiếc lọng trắng cao quý của sự giải thoát với giới là cái đế, định là cán cầm, quyền là cái sườn, lực là tràng hoa, đạo quả đã đắc chứng là tấm che. Ngài đã chứng đạt sự tấn phong của trí tuệ, sau đó đã vận chuyển bánh xe Pháp, rồi đã sở hữu và đã trị vì Phật quốc ở trong mười ngàn thế giới." Đức vua đã cúng dường vương quyền đến xá lợi ba lần (nói rằng): "Trẫm xin dâng vương quyền ba lần đến bậc Đạo Sư là vị sử dụng ba chiếc lọng."

Tato rājā devamanussesu dibbagandhamālādīhi pūjentesu anekesu turiyaghosasaṅgītesu vattamānesu dhātukaraṇḍakaṃ sīsenādāya ratanamaṇḍapato nikkhamitvā bhikkhusaṅgha-parivuto mahācetiyaṃ padakkhiṇaṃ katvā pācīnadvārenāruyha dhātugabbhaṃ otari. Tato mahācetiyaṃ parivāretvā channavuti-koṭippamāṇa-arahanto aṭṭhaṃsu.

Rājā "sīsato dhātukaraṇḍakaṃ otāretvā mahārahe sayanapiṭṭhe ṭhapessāmī"ti cintesi. Tasmiṃ khaṇe dhātukaraṇḍako rañño sīsato sattatālappamāṇe ṭhāne gantvā sayameva vicari. Dhātuyo ākāsamuggantvā dvattiṃsa-mahāpurisa-lakkhaṇa-asīti-anubyañjana-byāmappabhā patimaṇḍitaṃ ketumālopa-sobhitaṃ nīla-pīta-lohitādi-bheda- vicitra-raṃsijālā samujjalaṃ buddhavesaṃ gahetvā gaṇḍambamūle yamaka-pāṭihāriya-sadisa-yamaka-pāṭihāriyaṃ akaṃsu. Taṃ dhātupāṭihāriyaṃ disvā pasīditvā arahattampattā devamanussā dvādasakoṭiyo ahesuṃ. Sesaphalattayaṃ pattā gaṇana-pathamatītā ahesuṃ. Evaṃ dhātuyo anekadhā pāṭihāriyaṃ dassetvā buddhavesaṃ vissajjetvā karaṇḍakaṃ pavisitvā tena saddhiṃ otaritvā rañño sīse patiṭṭhahiṃsu.

Sau đó, trong lúc chư Thiên và nhân loại đang cúng dường bằng các vật thơm và tràng hoa của Thiên đình, v.v... và trong lúc nhiều dàn hòa tấu và hợp ca đang được trình diễn, đức vua đã cầm lấy hộp xá-lợi đặt ở trên đầu và đã rời khỏi mái che bằng các loại ngọc quý. Sau đó, được hội chúng tỳ khưu tùy tùng đức vua đã hướng vai phải nhiễu quanh ngôi đại bảo điện, rồi đã bước lên cánh cửa phía đông, và bước vào căn phòng thờ xá-lợi. Ở đó, các vị A-la-hán có số lượng chín mươi sáu koṭi đã đứng vòng quanh ngôi đại bảo điện.

Đức vua đã suy nghĩ rằng: "Ta sẽ đưa cái hộp xá-lợi từ đỉnh đầu xuống và đặt ở bề mặt của long sàng vô cùng giá trị." Vào thời điểm ấy, cái hộp xá-lợi từ trên đầu của đức vua đã bay lên độ cao bảy thân cây thốt nốt rồi đã tự động mở ra. Các xá-lợi đã bay lên không trung tạo thành hình dáng của đức Phật được điểm tô với chùm ánh sáng từ ba mươi hai tướng của bậc đại nhân cùng tám mươi tướng phụ, được chiếu sáng bởi vầng hào quang ở đỉnh đầu, và rạng ngời với mạng lưới của vô số ánh sáng được phân thành các màu xanh, vàng, đỏ, v.v... rồi đã thị hiện song thông tương tợ như là song thông đã thị hiện ở cội cây xoài Gaṇḍa. Sau khi nhìn thấy thần thông ấy của xá-lợi, mười hai koṭi chư Thiên và nhân loại đã khởi niềm tin và đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Số đã

thành tựu ba quả vị còn lại là vượt ngoài khả năng tính đếm. Sau khi đã thị hiện thần thông bằng nhiều phương thức và đã phóng ra hình bóng của đức Phật như thế, các xá-lợi đã trở vào chiếc hộp, rồi đã cùng với chiếc hộp hạ xuống, và ngự ở trên đầu của đức vua.

Rājā amatena viya abhisitto saphalaṃ manussattapaṭilābhaṃ maññamāno ubhohi hatthehi dhātukaraṇḍakaṃ gahetvā nāṭakaparivuto alaṅkata-sayana-samīpaṃ gantvā dhātucaṅgoṭakaṃ ratanapallaṅke ṭhapetvā gandhavāsitodakena hatthe dhovitvā catujānīya-gandhena ubbaṭṭetvā ratana-karaṇḍakaṃ vicaritvā dhātuyo gahetvā evaṃ cintesi:

“Anākulā kehicipi yadi hessanti dhātuyo, janassa saraṇaṃ hutvā yadi ṭhassanti dhātuyo.

Satthunipannākārena - parinibbānamañcake, nipajjantu supaññatte - sayanamhi mahārahe”ti.

Evaṃ cintetvā pana varasayanapiṭṭhe dhātuyo ṭhapesi. Tasmiṃ khaṇe dhātuyo raññā cintita-niyāmeneva mahārahe sayane buddhavesena sayiṃsu.

Āsāḷhi-sukka-pakkhassa pannarasa-uposathe, uttarāsāḷha-nakkhatte evaṃ dhātu-patiṭṭhitā.

Saha dhātu-patiṭṭhānā akampittha mahāmahī, pāṭihīrāninekāni pavattiṃsu anekadhā.

Tadā hi udakapariyantaṃ katvā ayaṃ mahāpaṭhavī saṅkampi, sampakampi, sampavedhi. Mahāsamuddo saṅkhubhi, ākāse vijjullatā niccharimṣu. Khaṇika-vassaṃ vassi. Cha-devalokā ekakolāhalamahosi.

Như là đã được đăng quang với sự bất tử, đức vua, trong khi nghĩ đến sự thành tựu thân nhân loại đã có kết quả, đã dùng hai tay cầm lấy chiếc hộp xá-lợi, và được tháp tùng bởi các vũ công đã đi đến bên cạnh chiếc long sàng đã được trang hoàng, rồi đã đặt chiếc hòm xá-lợi trên chiếc ngai bằng ngọc quý, sau đó đã rửa hai tay bằng nước đã được tẩm hương, đã chà xát bằng bốn vật có mùi thơm tự nhiên, rồi đã mở ra chiếc hộp bằng ngọc quý cầm lấy các xá-lợi, và đã suy nghĩ như vầy: “Nếu các xá-lợi sẽ không bị khuấy nhiễu bởi bất cứ người nào và nếu các xá-lợi sẽ là nơi nương tựa cho mọi người và sẽ được tồn tại, Xin các xá-lợi hãy ngự xuống ở chỗ nằm vô cùng quý giá được khéo xếp đặt với hình dáng của bậc Đạo Sư đã nằm xuống ở trên chiếc giường Vô Dư Niết Bàn.” 1 Hơn nữa, sau khi đã suy nghĩ như thế, đức vua đã đặt các xá-lợi trên bề mặt của chiếc giường cao quý. Vào thời khắc ấy, các xá-lợi đã nằm với hình dáng của đức Phật ở trên chỗ nằm vô cùng giá trị theo đúng như cách thức đức vua đã nghĩ đến. “Vào ngày rằm Uposatha của thượng huyền tháng Āsāḷha và nhằm lúc chòm sao Uttarāsāḷha, các xá-lợi đã được tôn trí như thế. Do việc tôn trí xá-lợi, đại địa cầu đã rung chuyển và nhiều hiện tượng kỳ lạ đã xảy ra theo nhiều cách.” 2

Bởi vì khi ấy, đại địa cầu này đã được bao bọc quanh bởi nước và đã lay động, rúng động, chuyển động. Đại dương đã dậy sóng. Các tia chớp đã xuất hiện trên không trung. Mưa rào đã rơi xuống. Từ sáu cõi trời đã có một sự chộn rộn. 1 Sđd., chương 31, câu kệ

106-107. 2 Sđd., chương 31, câu kệ 109-110.

Rājā etaṃ acchariyaṃ disvā pasanno attano kañcanamālika-setacchattena dhātuyo pūjetvā tambapaṇṇidīpe rajjaṃ sattāhaṃ datvā tiṃsa satasahassagghanakaṃ alaṅkāra-bhaṇḍaṃ omuñcitvā pūjesi. Tathā sabbāpi nāṭakitthiyo amaccā sesa mahājano devā ca sabbābharaṇāni pūjesuṃ. Tasmā-

“Tiṭṭhantaṃ sugataṃ tilokamahitaṃ yo pūjaye sādaraṃ, yo vā sāsapa-bījamattampi taṃ dhātuṃ naro pūjaye.

Tesaṃ puññaphalaṃ samānamiti taṃ cittappasāde same, ñatvā taṃ parinibbutepi sugate dhātuṃ buddho pūjaye”ti.

Tato rājā cīvaravatthāni ceva guḷa-sappi-ādi bhesajjāni ca saṅghassa datvā sabbarattiṃ gaṇasajjhāyaṃ kāresi. Puna divase nagare bheriṃ carāpesi: “Mahājano imaṃ sattāhaṃ sattāhaṃ gandhamālādīni ādāya gantvā dhātuyo vandatū”ti. Indaguttattheropi “sakala-tambapaṇṇidīpe manussā dhātuyo vanditukāmā, taṃ khaṇaṃyeva āgantvā vanditvā yathāṭṭhānaṃ gacchantū”ti adhiṭṭhāsi.

Sau khi nhìn thấy điều kỳ diệu này, đức vua đã tịnh tín cúng dường đến các xá-lợi chiếc lọng trắng với tràng hoa bằng vàng của bản thân, rồi đã dâng lên vương quyền ở trên đảo Tambapaṇṇi trong bảy ngày, sau đó đã cởi ra và đã cúng dường vật dụng trang sức trị giá một trăm ngàn. Tương tợ, tất cả các nữ vũ công, các quan đại thần, tất cả dân chúng còn lại, và chư Thiên đã cúng dường toàn bộ đồ trang sức. Do đó,

“Người cúng dường với sự quý mến đến đấng Thiện Thệ khi Ngài còn tồn tại và được tôn kính trong tam giới, hoặc người cúng dường xá-lợi của vị ấy dầu chỉ nhỏ bằng hạt mùtạt. ‘Quả của những phước báu ấy đều bằng nhau’ người trí tuệ biết được điều ấy rồi đã cúng dường xá-lợi ấy với tâm tín thành và an tịnh cho dầu đấng Thiện Thệ đã Viên Tịch Niết Bàn.” 1

Sau đó, đức vua đã cúng dường đến hội chúng các loại vải may y và các loại dược phẩm như là đường viên, bơ lỏng, v.v... rồi đã cho trùng tụng suốt đêm. Vào ngày kế, đức vua đã cho trống thông báo trong thành phố rằng: “Dân chúng hãy mang theo các vật thơm và các tràng hoa, v.v... rồi hãy đi đến và đảnh lễ các xá-lợi trong bảy ngày của tuần lễ này.” Trưởng lão Indagutta cũng đã chú nguyện rằng: “Dân chúng ở trên toàn bộ đảo Tambapaṇṇi có ý định đảnh lễ các xá-lợi ngay trong thời hạn ấy hãy đi đến và đảnh lễ, rồi về lại chỗ ở của mình.”

1 Sđd., so sánh với câu kệ 100, chương 30.

Te tatheva dhātuyo vanditvā gamiṃsu. Rājā sattāhaṃ saṅghassa mahādānaṃ pavattetvā sattāhassa accayena “dhātugabbhe mayā kattabbakiccaṃ niṭṭhāpitaṃ, dhātugabbhaṃ pidahatha bhante”ti saṅghassa ārocesi. Saṅgho uttarasumana sāmaṇere āmantetvā “Tumhehi pubbe āhaṭa medavaṇṇa-pāsāṇena dhātugabbhaṃ pidahathā”ti āha. Te “sādhū”ti sampaṭicchitvā dhātugabbhaṃ pidahiṃsu.

Tato khīṇāsavā “dhātugabbhe gandhā mā susantu. Mālā mā milāyantu. Dīpā mā nibbāyantu. Ratanāni mā vivaṇṇāni hontu. Pūjanīyabhaṇḍāni mā nassantu. Medavaṇṇapāsāṇā sandhiyantu. Paccatthikānaṃ okāso mā hotū”ti adhiṭṭhahiṃsu.

Evaṃ rājā dhātū nidhāpetvā puna nagare bheriṃ carāpesi: “Mahācetiye dhātuṃ nidhetukāmā dhātuṃ āharitvā nidhānaṃ karontū”ti. Mahājano attano balānurūpena suvaṇṇa-rajatādi karaṇḍe kārāpetvā tattha dhātuyo patiṭṭhāpetvā dhātunidhānassupari medavaṇṇapāsāṇapiṭṭhiyaṃ nidahiṃsu. Sabbehi sannihita-dhātuyo sahassamattā ahesun”ti.

Iti sādhujanamanopasādanatthāya kate thūpavaṃse dhātu-nidhāna-kathā niṭṭhitā.

--ooOoo--

Dân chúng đã đảnh lễ các xá-lợi rồi đã ra đi đúng y như thế. Đức vua đã tiến hành lễ đại thí đến hội chúng trong bảy ngày, và khi bảy ngày trôi qua đã thông báo đến hội chúng rằng: “Bạch các ngài, công việc cần phải làm ở căn phòng thờ xá-lợi đã được trẫm hoàn tất. Xin các ngài hãy niêm phong căn phòng thờ xá-lợi.” Hội chúng đã gọi các vị sa di Uttara và Sumana rồi bảo rằng: “Hãy niêm phong căn phòng thờ xá-lợi bằng tảng đá màu vàng đã được hai ngươi mang lại trước đây.” Hai vị đã đồng ý (đáp rằng): “Lành thay!” rồi đã niêm phong căn phòng thờ xá-lợi. Sau đó, các bậc Lậu Tận đã chú nguyện rằng: “Ở trong căn phòng thờ xá-lợi, các hương thơm chớ bị phai tàn, các tràng hoa chớ bị héo úa, các ngọn đèn chớ bị dập tắt, các ngọc quý chớ bị phai màu, các đồ vật cúng dường chớ bị mất mát, các tảng đá màu vàng hãy được liền lặn, những kẻ thù nghịch không có được cơ hội.” Sau khi đã cho tôn trí các xá-lợi như thế, đức vua lại cho trống thông báo trong thành phố rằng: “Những người nào có ước muốn tôn trí xá-lợi ở ngôi đại bảo điện thì hãy mang xá- lợi đến và hãy tiến hành việc tôn trí.” Dân chúng đã cho thực hiện các hộp bằng vàng, bạc, v.v... tùy theo khả năng của cá nhân rồi đã để các xá-lợi vào trong đó và đã đặt xuống ở bề mặt tảng đá màu vàng bên trên chỗ tôn trí các xá-lợi. Các xá- lợi đã được quy tụ lại bởi tất cả dân chúng có số lượng là một ngàn.”

Phần Giảng Giải về Việc Tôn Trí Xá Lợi trong tập “Sử Liệu về Bảo Tháp Xá Lợi Phật” được thực hiện nhằm tạo niềm tin trong tâm trí của các thiện nhân đã chấm dứt.
--ooOoo--

MAHĀCETIYE KATHĀ

Tato rājā taṃ sabbaṃ pidahāpetvā cetiyaṃ karonto udarena saddhiṃ caturassa koṭṭhakaṃ niṭṭhāpesi. Atha chattakamme sudhākamme ca aniṭṭhiteyeva māraṇantika rogena gilāno hutvā dīghavāpito kaniṭṭha-bhātaraṃ pakkosāpetvā “Cetiye aniṭṭhitaṃ chattakammaṃ sudhākammañca sīghaṃ niṭṭhāpetvā maṃ tosehi tātā”ti āha. So rañño dubbalabhāvaṃ ñatvā “antare aniṭṭhitakammaṃ kātuṃ na sakkā”ti suddhavatthehi kañcukaṃ kāretvā cetiye paṭimuñcāpetvā cittakārehi kañcuka-matthake vedikā ca puṇṇaghaṭa-pañcaṅguli-pantiyo ca kārāpesi.

Naḷakārehi veḷumaya-chattaṃ kāretvā kharapattamaye candasuriyamaṇḍale muddhani vedikā kāretvā lākhākukuṭṭhakehi taṃ vicittaṃ katvā “Thūpa-kammaṃ niṭṭhitan”ti rañño arocesi. Rājā “Tena hi maṃ mahācetiyaṃ dassehī”ti vatvā sivikāya nipajjitvā cetiyaṃ padakkhiṇaṃ katvā dakkhiṇa-dvāre bhūmisayanaṃ paññāpetvā tattha nipanno dakkhiṇena passena sayitvā mahāthūpaṃ vāmapassena sayitvā lohapāsādaṃ olokento pasanna-citto ahosi.

Chương 17: GIẢNG GIẢI VỀ NGÔI ĐẠI BẢO ĐIỆN

Kế đến, đức vua đã cho niêm phong tất cả nơi ấy rồi trong lúc cho xây dựng ngôi bảo điện đã cho hoàn tất gian phòng hình chữ nhật cùng với phần bên trong. Sau đó, trong lúc công việc làm cái lọng che và công việc tô láng còn chưa được hoàn tất, đức vua đã lâm bệnh với căn bệnh chết người nên đã cho triệu hồi người em trai từ Dīghavāpī đến nói rằng: “Này em, công việc làm cái lọng che và công việc tô láng ở ngôi bảo điện chưa được hoàn tất; hãy nhanh chóng cho hoàn tất và hãy làm cho ta được hoan hỷ.” Biết được tình trạng yếu đuối của đức vua, người em (nghĩ rằng): “Không thể hoàn thành công việc chưa được hoàn tất trong khoảng thời gian ấy” nên đã cho thực hiện màn che bằng các tấm vải sạch rồi che ngôi bảo điện lại, sau đó ở bên trên tấm màn che đã cho thực hiện tranh vẽ hình lan can với hình các dãy chum được chứa đầy và các dấu vết năm ngón tay. Sau khi đã cho thực hiện cái lọng che làm bằng tre với các thanh sậy, người em đã cho thực hiện ở phía trên lan can các hình đĩa tròn mặt trăng và mặt trời được làm bằng các mảnh vải cứng, rồi đã tô điểm vật ấy với các loại nhựa cây và đất màu, sau đó đã thông báo với đức vua rằng: “Việc xây dựng ngôi bảo tháp đã được hoàn tất.” Đức vua đã nói rằng: “Như thế thì hãy cho trẫm nhìn thấy ngôi đại bảo điện,” rồi đã nằm xuống trên chiếc kiệu, và đã hướng vai phải nhiễu quanh ngôi bảo điện, sau đó đã cho sắp đặt giường nằm trên mặt đất ở cổng vào phía nam, rồi đã nằm tại chỗ ấy. Đức vua khi nằm bên hông phải thì nhìn thấy ngôi đại bảo tháp, và khi nằm bên hông trái thì nhìn thấy Lohapāsāda (Lâu đài bằng đồng) nên đã sanh khởi niềm tịnh tín.

Tadā rañño sāsanassa bahūpakārabhāvaṃ sallakkhetvā gilāna-pucchanatthāya tato tato āgatā bhikkhū channavuti- koṭiyo rājānaṃ parivāretvā aṭṭhaṃsu. Tato saṅgho vagga- vaggā hutvā gaṇasajjhāyaṃ akāsi.

Rājā tasmiṃ samāgame theraputtābhayattheraṃ adisvā evaṃ cintesi: “So mayi damiḷehi saddhiṃ aṭṭhavīsati- mahāyuddhe kayiramāne apaccosakkitvā idāni maraṇayuddhe vattamāṇe mayhaṃ parājayaṃ disvā maññe nāgacchatī”ti. Tadā thero karindanadī sīse pajjalita-pabbate vasanto, rañño parivitakkaṃ ñatvā pañcasata-khīṇāsava- parivuto ākāsenāgantvā rañño purato pāturahosi.

Rājā theraṃ disvā attano purato nisīdāpetvā evamāha: “Bhante tumhehi saddhiṃ dasamahāyodhe gahetvā damiḷehi saddhiṃ yujjhiṃ. Idāni ekakova maccunā saddhiṃ yujjhiṃ ārabhiṃ. Maccusattumpana parājetuṃ na sakkomī”ti. Tato-

Theraputtābhayatthero mā bhāyi manujādhipa, kilesa-sattuṃ ajinitvā ajeyyo maccusattuko.

Iti vatvā evaṃ anusāsi: “Mahārāja sabboyeva lokasannivāso jātiyā anugato, jarāya anusaṭo, vyādhinā abhibhūto, maraṇena abbhāhato. Tenāha:

Khi ấy, sau khi quán xét đến việc Giáo Pháp có nhiều lợi ích đối với đức vua, chín mươi sáu koṭi vị tỳ khưu từ nơi này nơi nọ đã đi đến nhằm mục đích thăm hỏi bệnh tình và đã đứng vây quanh đức vua. Sau đó, hội chúng đã phân thành từng nhóm và đã thực hiện việc trùng tụng. Đức vua không nhìn thấy trưởng lão Theraputtābhaya tại cuộc hội họp đó nên đã suy nghĩ như vầy: “Trong khi ta tiến hành hai mươi tám trận chiến đấu tàn khốc với những người Damiḷa, vị ấy đã không rút lui. Giờ đây, khi cuộc chiến đấu với tử thần đang diễn tiến, ta nghĩ rằng vị ấy đã nhìn thấy sự thất trận của ta nên không đi đến.” Khi ấy, vị trưởng lão đang cư trú tại ngọn núi Pajjalita ở thượng nguồn giòng sông Karinda đã biết được ý nghĩ suy tầm của đức vua nên đã cùng với năm trăm bậc Lậu Tận tùy tùng đi đến theo đường không trung và đã hiện ra ở phía trước đức vua. Đức vua sau khi nhìn thấy vị trưởng lão đã thỉnh ngồi xuống phía trước mình rồi đã nói như vầy: “Bạch ngài, sau khi có được ngài cùng với mười vị đại dũng sĩ, trẫm đã chiến đấu với những người Damiḷa. Giờ đây, trẫm chỉ mỗi một mình đã bắt đầu cuộc chiến đấu với tử thần. Tuy nhiên, trẫm không thể chiến thắng kẻ thù là thần chết được.” Do đó,

“Trưởng lão Theraputtābhaya đã nói rằng: Tâu chúa thượng, chớ có sợ hãi. Không chiến thắng được kẻ thù phiền não thì không thể chiến thắng kẻ thù là thần chết.” 1 Sau khi đã nói như thế, vị trưởng lão đã giảng dạy như vầy: “Tâu đại vương, hết thảy toàn bộ chúng sanh ở thế gian đều bị tác động bởi sự sanh, bị đày đọa bởi tuổi già, bị thống trị bởi bệnh tật, bị tấn công bởi sự chết. Vì thế, có điều nói rằng:

1 Sđd., so sánh với câu kệ 18, chương 32.

‘Yathāpi selā vipulā - nabhaṃ āhacca pabbatā, samantā anupariyeyyuṃ - nippothentā catuddisaṃ.

Evaṃ jarā ca maccu ca - adhivattanti pāṇino, khattiye brāhmaṇe vessa - sudde caṇḍāla pukkuse; na kiñci parivajjeti - sabbamevābhimaddati.

Na tattha hatthinaṃ bhūmi - na rathānaṃ na pattiyā, na cāpi mantayuddhena - sakkā jetuṃ dhanena vā’ti.

Tasmā idaṃ maraṇaṃ nāma mahāyasānaṃ mahāsammatādīnaṃ mahā-puññānaṃ jotiyādīnaṃ mahāthāmānaṃ baladevādīnaṃ sayambhūñāṇena adhigatasaccānaṃ paccekabuddhānaṃ sabbaguṇasamannāgatānaṃ sammāsambuddhānampi upari nirāsaṅkameva patati. Kimaṅga panaññesu sattesu? Tasmā-

Mahāyasā rājavarā gatā te sabbe mahāsammata-ādayopi, aniccabhāvaṃ baladeva-ādi mahābalā ceva tathā gamiṃsu. Ye puññavantāni gatā pasiddhiṃ mahaddhanaṃ jotiyameṇḍakādi, upāvisuṃ maccumukhaṃ sabhogā sabbepi te rāhumukhaṃ sasīva.

‘Cũng giống như ngọn núi đá vĩ đại trong khi nén xuống ở bốn phía có thể vươn đến không trung và làm chuyển động khu vực xung quanh, Tương tợ như thế, tuổi già và thần chết thống trị các chúng sanh dầu là Sát-đế-lỵ, Bà-la-môn, thương buôn, nông phu,

hạ tiện, cùng khổ. Chúng không tha bất cứ ai và đày đọa hết tất cả. Trong trường hợp ấy, không phải là môi trường của các con voi, của các xe ngựa, hay của binh lính, và cũng không thể chiến thắng bằng bùa chú, vũ khí, hay tài sản.' 1 Do đó, điều gọi là sự chết này, không còn gì phải nghi ngờ, áp dụng cho những người có danh tiếng lớn lao như là Mahāsammata, v.v... cho những người có phước báu cao cả như là Jotiya, v.v... cho những người có sức mạnh phi thường như là Baladeva, v.v... cho các bậc Độc Giác đã chứng ngộ các chân lý nhờ vào trí tuệ tự thân, luôn cả các bậc Chánh Đẳng Giác thành tựu tất cả các đức hạnh. Vậy còn những chúng sanh nào khác nữa? Vì thế, Tất cả những vị vua cao quý ấy dầu đã đạt đến danh tiếng lớn lao như là Mahāsammata, v.v... và có sức mạnh phi thường như là Baladeva, v.v... đều phải trải qua trạng thái vô thường như thế. Những vị đầy đủ phước báu đã đạt được danh vọng và tài sản lớn như là Jotiya và Meṇḍaka, v.v... tất cả những vị ấy mặc dầu giàu có cũng đã đi vào miệng của tử thần giống như mặt trăng bị mất đi vào lúc nguyệt thực.

1 Tương Ưng Bộ, Thiên Có Kệ, Tương Ưng Kosala, Phẩm 3.

Yo iddhimantesu tathāgatassa puttesu seṭṭho iti vissutopi, thero mahārāja saheva iddhibalena so maccumukhaṃ paviṭṭho. Sabbesu sattesu jinaṃ ṭhapetvā nevatthi paññāya samopi yena, so dhammasenāpati sāvakopi gato mahārāja aniccataṃ'va. Sayambhūñāṇassa balena santiṃ gatā mahārāja sayambhūnopi, sabbepi te ñāṇabalūpapannā aniccataṃ neva atikkamiṃsu. Tilokanātho purisuttamo so aniccabhāvaṃ samatikkamitvā, nāsakkhi gantuṃ sugatopi rāja aññesu sattesu kathāva natthi. Tasmā mahārāja bhavesu sattā sabbepi nāsuṃ maraṇā vimuttā, sabbampi saṅkhāragataṃ 'aniccaṃ dukkhaṃ anattā'ti vicintayassu.

Dutiye attabhāvepi dhammacchando mahā hi te, upaṭṭhite devaloke hitvā dibbasukhaṃ tuvaṃ.

Idhāgamma bahuṃ puññaṃ akāsi ca anekadhā, karaṇampekarajjassa sāsanajjotanāya te.

Mahārāja kataṃ puññaṃ yāvajja-divasā tayā, sabbaṃ anussaretheva sukhaṃ sajju bhavissati."

Tâu đại vương, trong số những người con trai có thần thông của đức Như Lai, ngay cả vị trưởng lão được nổi tiếng là đứng hàng đầu cũng đi vào miệng của tử thần cùng với năng lực thần thông (của mình). Tâu đại vương, trong tất cả chúng sanh ngoại trừ đấng Chiến Thắng, không ai có trí tuệ sánh bằng vị Thinh văn là Tướng Quân Chánh Pháp, ngay cả vị ấy cũng gánh chịu sự vô thường. Tâu đại vương, ngay cả những đấng Tạo Hóa đã đạt đến sự an tịnh nhờ vào năng lực trí tuệ của chính mình, tất cả các vị ấy dầu đã thành đạt được sức mạnh của trí tuệ cũng không vượt qua được sự vô thường. Ngay cả đấng Thiện Thệ là bậc đại nhân, là vị chúa tể của tam giới đã vượt qua bản thể của sự vô thường cũng không thể thoát khỏi. Tâu bệ hạ, không có gì để nói về những chúng sanh khác. Vì thế, tâu đại vương, mặc dầu tất cả các chúng sanh trong các cõi không sao tránh khỏi sự chết, trong khi còn luân hồi tất cả cũng nên suy xét về "vô thường khổ não vô ngã.

Ngay cả trong kiếp sống trước, sự ao ước về Chánh Pháp của bệ hạ thật là lớn lao. Trong khi đang ngự ở cõi trời, bệ hạ đã từ bỏ an lạc của Thiên đường. 1 Sau khi hạ sanh ở cõi này, bệ hạ đã thực hiện nhiều phước thiện bằng nhiều cách. Hơn nữa, sự thống nhất vương quốc của bệ hạ đem lại sự rạng ngời của Giáo Pháp. Tâu đại vương, chỉ tưởng nhớ đến tất cả phước thiện đã được bệ hạ thực hiện cho đến ngày hôm nay, an lạc sẽ hiện khởi ngay lập tức."

1 Mahāvaṃsa, câu kệ này và hai câu kế trích ở chương 32, câu kệ 21-23.

Taṃ sutvā tuṭṭhamānaso rājā "bhante tumhe maccuyuddhepi apassayā"ti vatvā laddhassāso puññapotthakaṃ vācetuṃ āṇāpesi lekhako puñña-potthakaṃ evaṃ vācesi.

"Ekūnasatavihārā mahārājena kāritā, ekūnasatakoṭīhi vihāro maricavaṭṭi ca.

Uttamo lohapāsādo tiṃsakoṭīhi kārito, mahāthūpe anagghāni kāritā catuvīsati.

Mahāthūpamhi sesāni kāritāni subuddhinā, koṭisahassaṃ agghanti mahārāja tayā puna.

Koḷamba nāma malaye akkhakkhāyika-chātake, kuṇḍalāni mahagghāni duve datvāna gaṇhiyaṃ.

Khīṇāsavānaṃ pañcannaṃ mahātherānamuttamo, dinno pasannacittena kaṅgu-ambila-piṇḍako.

Cūḷaṅgaṇiya-yuddhamhi parajjhitvā palāyatā, kālaṃ ghosāpayitvāna āgatassa vihāyasā.

Khīṇāsavassa yatino attānamanapekkhiya, dinnaṃ sarakabhattan"ti puññapetthaṃ avācayi.

Taṃ sutvā rājā tussitvā "ṭhapehi ṭhapehi bhaṇe"ti vatvā evamāha:

Sau khi lắng nghe điều ấy, đức vua đã khởi tâm hoan hỷ rồi nói rằng: "Bạch ngài, ngay cả trong cuộc chiến đấu với thần chết, ngài cũng là nguồn hỗ trợ." Nói xong, đức vua đã được yên tâm rồi ra lệnh đọc lên cuốn sách ghi chép về phước báu. Viên thư ký đã đọc lên cuốn sách ghi chép về phước báu như vầy:

"Chín mươi chín tu viện và tu viện Maricavaṭṭi đã được vị đại vương cho xây dựng với chín mươi chín koṭi. Lohapāsāda (Lâu đài bằng đồng) hạng nhất được cho xây dựng với ba mươi koṭi. Các vật quý giá ở ngôi đại bảo tháp đã được cho thực hiện là hai mươi bốn ngàn. Tâu đại vương, các việc còn lại ở ngôi đại bảo tháp cũng đã được bệ hạ là người có trí tuệ sắc sảo cho thực hiện trị giá một ngàn koṭi. Ở dãy núi tên Koḷamba vào nạn đói phải ăn hạt akkha, bệ hạ đã đưa ra hai bông tai rất quý giá để trao đổi. Với tâm tín thành, phần cháo chua hạt kê tuyệt hảo đã được dâng đến năm vị đại trưởng lão là các bậc Lậu Tận. Trong trận chiến ở Cūḷaṅgaṇiya, sau khi bị bại trận và đang trốn chạy, ngài đã thông báo về thời điểm (của bữa ăn) đến vị đã ngự đến theo đường hư không. Không quan tâm gì đến bản thân, ngài đã dâng đĩa thức ăn đến vị tu sĩ Lậu Tận. Cuốn sách ghi chép về phước báu đã được đọc lên như thế." 1

Sau khi lắng nghe điều ấy, đức vua đã trở nên hoan hỷ và bảo rằng: “Này khanh, hãy ngưng lại! Hãy ngưng lại!” rồi đã nói như vầy:

1 Sđd., so sánh với các câu kệ 26-32, chương 32.

“Maricavaṭṭi-vihāramahasattāhe thūpārambhasattāhe ca cātuddisa ubhato saṅghassa mahārahaṃ mahādānaṃ pavattesiṃ. Catuvīsatimahāvisākhapūjā kāresiṃ. Tambapaṇṇidīpe mahābhikkhusaṅghassa tikkhattuṃ cīvaramadāsiṃ. Satta satta dināni laṅkā-rajjaṃ sāsanassa pañcakkhattuṃ adāsiṃ. Sappi-sanninta-suparisuddha-vaṭṭiyā dvādasa-ṭhānesu satataṃ dīpasahassaṃ jālesiṃ. Aṭṭhārassu ṭhānesu gilānānaṃ vejjehi bhesajjañca bhattañca niccaṃ dāpesiṃ. Catucattālīsa-ṭhānesu telullopakañca adāsiṃ. Tattakesuyeva ṭhānesu ghatapakkajālapūve bhattena saddhiṃ niccaṃ dāpesiṃ. Māse māse aṭṭhasu uposathadivasesu laṅkādīpe sabbavihāresu dīpatelaṃ dāpesiṃ. ‘Āmisa-dānato dhammadānaṃ mahantan’ti sutvā heṭṭhā lohapāsāde dhammāsane nisīditvā maṅgalasuttaṃ osāretuṃ ārabhitvāpi saṅgha-gāravena osāretuṃ nāsakkhiṃ. Tato paṭṭhāya dhammadesake sakkaritvā sabbavihāresu dhammakathaṃ kathāpesiṃ. Ekekassa dhammakathikassa nāḷi nāḷippamāṇāni sappi-phāṇita-sakkharāni caturaṅgulamuṭṭhippamāṇaṃ yaṭṭhimadhukaṃ sāṭakadvayañca māsassa aṭṭhasu uposathadisesu dāpesiṃ. Etaṃ sabbampi issariye ṭhatvā dinnattā mama cittaṃ na ārādheti. Jīvitaṃ pana anapekkhitvā duggatena mayā dinnadānadvayameva ārādhetī”ti.

“Trong bảy ngày lễ hội của tu viện Maricavaṭṭi và bảy ngày khởi công ngôi bảo tháp, trẫm đã thực hiện cuộc lễ đại thí vô cùng xứng đáng đến cả hai hội chúng bốn phương. Trẫm đã cho thực hiện hai mươi bốn đại lễ cúng dường Vesākha (Rằm Tháng Tư) và đã cúng dường y đến đại chúng tỳ khưu ở trên hòn đảo Tambapaṇṇi ba lần. Trẫm đã cúng dường vương quyền của Laṅkā đến Giáo Pháp năm lần, mỗi lần bảy ngày. Trẫm đã cho thắp sáng thường xuyên một ngàn cây đèn ở mười hai địa điểm với tim đèn bằng vải trắng mịn được nhúng trong bơ lỏng. Trẫm đã ra lệnh cho các thầy thuốc thường xuyên bố thí thuốc men và thức ăn đến những người bệnh ở mười tám địa điểm. Trẫm đã bố thí dầu ăn và gạo ở bốn mươi bốn địa điểm. Trẫm đã cho bố thí thường xuyên các bánh nướng bơ với bữa ăn ở rất nhiều địa điểm. Mỗi tháng vào tám ngày Uposatha, trẫm đã ra lệnh bố thí dầu đèn ở tất cả các tu viện trên đảo Laṅkā. Sau khi đã nghe được rằng: ‘Sự bố thí Pháp là cao cả hơn sự bố thí tài vật,’ mặc dầu đã ngồi xuống trên Pháp tọa ở tầng dưới của Lohapāsāda (Lâu đài bằng đồng) và đã bắt đầu giảng giải bài kinh Điềm Lành, 1 nhưng trẫm đã không thể giảng giải vì sự tôn kính hội chúng. Từ đó trở đi, trẫm đã tôn vinh các vị Pháp sư và đã cho thuyết giảng Giáo Pháp ở tất cả các tu viện. Vào tám ngày Uposatha trong tháng, trẫm đã cho cúng dường đến mỗi một vị Pháp sư bơ lỏng, đường mía, đường viên mỗi loại một nāḷī, thanh cam thảo dài bốn ngón tay ước lượng một nắm tay, và hai xấp vải. Tất cả các việc này cũng chỉ là sự bố thí sau khi đã có quyền lực nên không làm cho tâm ta được hoan hỷ. Trái lại, có hai việc bố thí đã được ta thực hiện khi bị lâm vào sự nguy khốn và không còn quan tâm đến mạng sống lại làm ta hoan hỷ.”

1 Suttanipāta - Kinh Tập, TTPV tập 29, Maṅgalasuttaṃ, trang 82-85.

Taṃ sutvā abhayatthero “mahārāja pasādanīyaṭṭhāneyeva pasādaṃ akāsi. Taṃ pana ‘piṇḍapātadvayaṃ parassa pīḷaṃ akatvā laddha-dhammika- paccayattā attānaṃ anavaloketvā asajjamānena dinnattā paṭiggāhakānaṃ yāvadatthaṃ katvā dinnattā pītipāmojjaṃ janayitvā balava-saddhāya dinnattā deyyadhammassa niravasesaṃ paribhogaṃ gatattā’ti imehi pañcahi kāraṇehi mahantan”ti vatvā “mahārāja kaṅgu-ambila- piṇḍagāhakattheresu maliyamahādevatthero samantakūṭe pañcannaṃ bhikkhusatānaṃ datvā paribhuñji paṭhavi- cālanaka-dhammaguttatthero kalyāṇīya vihāre pañcannaṃ bhikkhusatānaṃ datvā paribhuñji. Talaṅgaravāsī dhammaguttattheropi piyaṅgudīpe dvādasannaṃ bhikkhu- sahassānaṃ datvā paribhuñji. Maṅgaṇavāsī cūḷatissatthero kelāsakūṭa- vihāre saṭṭhisahassānaṃ bhikkhūnaṃ datvā paribhuñji. Mahābhaggattheropi ukkānagara-vihāre sattasatānaṃ bhikkhūnaṃ datvā paribhuñji. Saraka-bhatta- gāhakatthero pana piyaṅgudīpe dvādasannaṃ bhikkhusahassānaṃ datvā paribhogamakāsī”ti vatvā rañño cittaṃ bhāsesi.

Rājā cittaṃ pasādetvā evamāha: “Ahaṃ bhante catuvīsati vassāni rajjaṃ kārento bhikkhusaṅghassa pahūpakāro ahosiṃ. Kāyopi me saṅghassa upakārako hotu. Saṅghadāsassa me sarīraṃ mahācetiyassa dassanaṭṭhāne saṅghassa kammamālake jhāpethā”ti.

Sau khi nghe được điều ấy, vị trưởng lão Abhaya đã nói rằng: “Tâu đại vương, bệ hạ đã đặt niềm tin vào đúng sự việc đáng để đặt niềm tin. Hơn nữa, hai lần vật thực ấy là vĩ đại do năm nguyên nhân này: Do duyên đã đạt được đúng Pháp bởi không hành hạ kẻ khác, do bản chất của sự bố thí không vướng mắc bởi không quan tâm đến bản thân, do bản chất của sự bố thí vật cần thiết đối với những người thọ lãnh, do bản chất của sự bố thí với đức tin mạnh mẽ tạo nên hỷ và lạc, và sự đạt đến tính chất hữu dụng một cách toàn diện của vật bố thí.” Rồi đã nói tiếp rằng: “Tâu đại vương, trong số các vị trưởng lão đã thọ lãnh món cháo chua hạt kê, vị trưởng lão Maliyamahādeva đã cho đến năm trăm vị tỳ khưu ở đỉnh núi Samanta rồi mới thọ dụng, vị trưởng lão Dhammagutta là vị đã làm rung động quả đất đã cho đến năm trăm vị tỳ khưu ở tu viện Kalyāṇī rồi mới thọ dụng, vị trưởng lão Dhammagutta cư ngụ ở Talaṅgara đã cho đến mười hai ngàn vị tỳ khưu ở Piyaṅgudīpe rồi mới thọ dụng, vị trưởng lão Cūḷatissa cư ngụ ở Maṅgaṇa đã cho đến sáu mươi ngàn vị tỳ khưu ở tu viện Kelāsakūṭa rồi mới thọ dụng, vị trưởng lão Mahābhagga cũng đã cho đến bảy trăm vị tỳ khưu ở tu viện Ukkānagara rồi mới thọ dụng. Hơn nữa, vị trưởng lão là người nhận lãnh thức ăn trong cái đĩa đã cho đến mười hai ngàn vị tỳ khưu ở Piyaṅgudīpe rồi mới tiến hành việc thọ thực;” và vị trưởng lão đã làm cho tâm của đức vua được thơ thới. Khi tâm đã được hoan hỷ, đức vua đã nói như vầy: “Bạch ngài, trong lúc trị vì vương quốc hai mươi bốn năm, trẫm đã là người có nhiều cống hiến cho hội chúng. Hãy để cho thân của trẫm cũng là vật cống hiến đến hội chúng. Các ngài hãy thiêu thi hài của trẫm là kẻ tôi đòi của hội chúng ở trong khuôn viên hành sự của hội chúng tại địa điểm nhìn thấy ngôi đại bảo điện.”

Tato kaniṭṭhaṃ āmantetvā: “Tāta! Tissa! Mahāthūpe aniṭṭhitaṃ kammaṃ sādhukaṃ niṭṭhāpesi. Sāyaṃ pāto ca mahāthūpe pupphapūjaṃ kāretvā tikkhattuṃ upahāraṃ kārehi. Mayā ṭhapitaṃ dānavaṭṭaṃ sabbaṃ aparihāpetvā saṅghassa kattabbakiccesu sadā appamatto hohī”ti anusāyitvā tuṇhī ahosi.

Tasmiṃ khaṇe bhikkhū gaṇasajjhāyaṃ ārabhiṃsu. Devatā pana cha devalokato charathe gahetvā ādāya paṭipāṭiyā ṭhapetvā “Mahārāja amhākaṃ devaloko ramaṇīyo, amhākaṃ devaloko ramaṇīyo”ti vatvā attano attano devalokaṃ āgamanatthāya yāciṃsu. Rājā tesaṃ vacanaṃ sutvā “yāvāhaṃ dhammaṃ suṇāmi- tāva adhivāsethā”ti te hatthasaññāya nivāresi. Saṅgho “gaṇasajjhāyaṃ nivāresī”ti maññitvā sajjhāyaṃ ṭhapāpesi. Rājā “Kasmā bhante gaṇasajjhāyaṃ ṭhapethā”ti āha. “Mahārāja tayā hatthasaññāya nivāritattā”ti. “Bhante tumhākaṃ saññaṃ nādāsiṃ. Devatā chadevalokato charathe ānetvā attano attano devalokaṃ gantuṃ yācanti tasmā tesaṃ ‘yāvāhaṃ dhammaṃ suṇāmi. Tāva āgamethā’ti saññaṃ adāsin”ti taṃ sutvā keci “ayaṃ rājā maraṇabhayabhito vippalapati, maraṇato abhāyanaka satto nāma natthī”ti maññiṃsu.

Sau đó, đã cho gọi người em trai (nói rằng): “Này em Tissa, Hãy cho hoàn tất một cách tốt đẹp công việc chưa được hoàn tất ở ngôi đại bảo tháp. Hãy cho tiến hành việc cúng dường bông hoa sáng và tối ở ngôi đại bảo tháp và cho thực hiện nghi thức cúng dường ba lần. Chớ có bỏ bê mọi tập quán bố thí đã được trẫm thiết lập và luôn luôn chớ xao lãng các phận sự cần phải làm đối với hội chúng.” Sau khi nhắn nhủ, đức vua đã im lặng.

Vào giây phút ấy, các vị tỳ khưu đã bắt đầu việc trùng tụng. Hơn nữa, chư Thiên từ sáu cõi trời đã lấy sáu chiếc xe ngựa đưa đến và xếp hàng theo thứ tự nói rằng: “Tâu đại vương, cõi trời của chúng tôi thú vị lắm! Cõi trời của chúng tôi thú vị lắm!” và đã thỉnh cầu về việc đi đến cõi trời của chính các vị. Nghe lời nói của họ, đức vua đã ngăn cản họ bằng cách giơ tay ra dấu hiệu rằng: “Hãy chờ đợi cho đến khi trẫm nghe Pháp xong.” Hội chúng lại nghĩ rằng: “Đức vua ngăn cản việc trùng tụng” nên đã ngưng lại việc tụng đọc. Đức vua đã nói rằng: “Bạch các ngài, tại sao các ngài lại ngưng việc trùng tụng?” “Tâu đại vương, vì ngài đã giơ tay ra hiệu ngăn cản.” “Bạch các ngài, trẫm đã không ra dấu hiệu cho các ngài. Chư Thiên từ sáu cõi trời đã đưa lại sáu chiếc xe ngựa và thỉnh cầu đi đến cõi trời của chính các vị. Vì thế, trẫm đã ra dấu hiệu cho họ rằng: ‘Hãy chờ đợi cho đến khi trẫm nghe Pháp xong.’” Sau khi nghe được điều ấy, một số người đã nghĩ rằng: “Vị vua này hoảng hốt vì sợ hãi sự chết nên nói nhảm. Không có chúng sanh nào gọi là người không sợ hãi sự chết.”

Tato abhayatthero āha: “Kathaṃ mahārāja saddahituṃ sakkā chadevalokato charathā ānītā”ti. Taṃ sutvā rājā ākāse pupphadāmāni khipāpesi. Tāni gantvā visuṃ rathadhure olambiṃsu. Mahājano ākāse olambantāni pupphadāmāni disvā nikkaṅkho ahosi.

Tato rājā theraṃ pucchi: “Katamo pana bhante devaloko ramaṇīyo”ti. “Tusitabhavanaṃ pana mahārāja ramaṇīyaṃ, buddhabhāvāya samayaṃ olokento

metteyyo bodhisattopi tasmiṃyeva vasatī”ti āha.

Taṃ sutvā rājā tasmiṃ ālayaṃ katvā mahāthūpaṃ olokento nipannova cavitvā suttappabuddho viya tusita- bhavanato āhaṭa-rathe nibbattitvā attano katapuññassa phalaṃ mahājanassa pākaṭaṃ kātuṃ ratheyeva ṭhatvā dibbābharaṇa-vibhūsito mahājanassa passantasseva tikkhattuṃ mahāthūpaṃ padakkhiṇaṃ katvā bhikkhusaṅghañca vanditvā tusitabhavanaṃ agamāsi.

Evaṃ asāre nicaye dhanānaṃ aniccasaṅghaṃ satataṃ sapaññā, katvāna cāgaṃ ratanattayamhi ādāya sāraṃ sugatiṃ vajanti.

Raññο nāṭakatthiyo matabhāvaṃ ñatvā yattha ṭhitā makuḷaṃ mocayiṃsu. Tasmiṃ ṭhāne katasālā makuḷamuttasālā nāma jātā.

Do đó, trưởng lão Abhaya đã nói rằng: “Tâu đại vương, làm thế nào có thể tin được rằng sáu chiếc xe ngựa đã được đưa lại từ sáu cõi trời?” Sau khi nghe được điều ấy, đức vua đã bảo ném những lẳng hoa lên không trung. Các lẳng hoa ấy đã bay lên và từng cái một đã máng vào ở càng xe. Đám đông sau khi nhìn thấy các lẳng hoa được máng ở trên không trung nên đã hết hoài nghi. Sau đó, đức vua đã hỏi vị trưởng lão rằng: “Bạch ngài, vậy cõi trời nào là thú vị?” Vị trưởng lão đã nói rằng: “Tâu đại vương, cung trời Đẩu Suất là thú vị. Bồ Tát Metteyya trong lúc quán xét thời điểm để trở thành Phật cư ngụ ở ngay tại nơi ấy.” Sau khi nghe được điều ấy, đức vua đã chọn sanh xứ ở cõi ấy và đã từ trần ngay trong lúc đang nằm ngắm nhìn ngôi đại bảo tháp, rồi đã tái sanh vào chiếc xe được đem lại từ cõi trời Đẩu Suất như là người vừa thức dậy sau giấc ngủ. Để bày tỏ đến đám đông quả báu của phước thiện đã được thực hiện bởi bản thân, đức vua được điểm tô với những vật trang sức của cõi trời đã đứng ở ngay trong chiếc xe ngựa, rồi trong khi đám đông đang chăm chú nhìn, đã hướng vai phải nhiễu quanh ngôi đại bảo tháp ba vòng, đã đảnh lễ hội chúng tỳ khưu, rồi đã đi đến cõi trời Đẩu Suất. Như vậy, vô thường luôn luôn hiện hữu trong việc tích lũy vô ích đối với các tài sản. Những người có trí tuệ thực hiện sự xả bỏ tài sản đến Tam Bảo và nắm giữ thực chất sẽ sanh về cõi trời. Các nữ vũ công sau khi biết được trạng thái băng hà của đức vua đã đứng tại chỗ cởi bỏ chóp mũ đội đầu; tại chỗ ấy đã được xây dựng gian nhà gọi tên là Makuḷamuttasālā (sảnh đường của các chóp mũ đội đầu đã được cởi bỏ).

Raññο sarīrasmiṃ citakaṃ āropite yattha mahājano hatthe paggahetvā viravi. Tattha katasālā viravitthasālā nāma jātā. Raññο sarīraṃ yattha jhāpesuṃ so sīmāmālako rājamālako nāma jāto. Atha raññο kaniṭṭhabhātā saddhātissa- mahārājā nāma hutvā cetiye aniṭṭhitaṃ chattakammaṃ sudhākammañca niṭṭhāpetvā thūpamakāsī”ti.

Iti sādhujanamanopasādanatthāya kate thūpavaṃse mahācetiye kathā niṭṭhitā.

--ooOoo--

Khi thi thể của đức vua được đưa lên giàn hỏa thiêu, tại địa điểm đám đông đã đưa tay lên khóc lóc đã được xây dựng sảnh đường gọi tên là Viravitthasālā (sảnh đường của sự khóc lóc). Tại chỗ họ đã hỏa táng thi thể của đức vua, chỗ ấy là khuôn viên của ranh giới và được gọi tên là Rājamālaka (khuôn viên của đức vua). Sau đó, người em trai của

đức vua đã trở thành vị đại vương tên là Saddhātissa, sau đó đã cho hoàn tất công việc làm chiếc lọng che và công việc tô láng ở ngôi bảo điện chưa được hoàn tất, rồi đã cho xây dựng ngôi bảo tháp."

Phần Giảng Giải về Ngôi Đại Bảo Điện trong tập "Sử Liệu về Bảo Tháp Xá Lợi Phật" được thực hiện nhằm tạo niềm tin trong tâm trí của các thiện nhân đã chấm dứt.

--ooOoo--

NIGAMANAṂ

"Etarahi duṭṭhagāmaṇi abhaya mahārājassa pitā kākavaṇṇatissa rājā metteyyassa bhagavato pitā bhavissati. Vihāramahādevī mātā bhavissati. Duṭṭhagāmaṇi abhayo aggasāvako bhavissati. Kaniṭṭho dutiya-sāvako bhavisasati. Rañño pitucchā anuḷādevī aggamahesī bhavissati. Rañño putto sālirājakumāro putto bhavissati. Bhaṇḍāgārika saṅghāmacco aggupaṭṭhāko bhavissati. Tassāmaccassa dhītā aggupaṭṭhāyikā bhavissatī"ti.

"Evaṃ sabbepi katādhikārā hetu sampannā tassa bhagavato dhammaṃ sutvā dukkhassantaṃ karitvā anupādisesāya nibbānadhātuyā parinibbāyissantī"ti.

Ettāvatā ca

"Mahindasena nāmamhi vasanto pariveṇake, pattacīvarapādo yo piṭakattaya pārago.

Saddhāsīlaguṇūpeto sabbasattahite rato, tena sādhu samajjhiṭṭho yamahaṃ kātumārabhiṃ.

Sodāni niṭṭhaṃ sampatto thūpavaṃso anākulo, paripuṇṇo sabbathā sādhu paṇḍitehi pasaṃsito.

PHẦN KẾT THÚC:

"Đức vua Kākavaṇṇatissa, người cha của đại vương Duṭṭhagāmaṇi Abhaya trong thời hiện tại, sẽ là người cha của đức Thế Tôn Metteyya (trong thời vị lai). Vihāramahādevī sẽ là người mẹ. Duṭṭhagāmaṇi Abhaya sẽ là vị đệ nhất Thinh Văn. Người em trai sẽ là vị đệ nhị Thinh Văn. Hoàng hậu Anuḷā, người cô của đức vua, sẽ là chánh cung hoàng hậu. Hoàng tử Sālirāja, con trai của đức vua, sẽ là người con trai. Viên thủ khố Saṅghāmacca sẽ là vị nam thí chủ hàng đầu. Người con gái của viên quan đại thần ấy sẽ là vị nữ thí chủ hàng đầu."

"Như thế, tất cả những người có lời phát nguyện đã được khẳng định và thành tựu nhân duyên, sau khi nghe Pháp của đức Thế Tôn ấy sẽ chấm dứt khổ đau và sẽ viên tịch Niết Bàn trong cảnh giới Niết Bàn không còn dư sót."

Và chỉ có bấy nhiêu.

"Là người rành rẽ về Tam Tạng sống ở gian phòng tên Mahindasena với căn bản là y và bình bát. Là người đã được thành tựu về niềm tin và giới đức, và hoan hỷ trong việc lợi ích cho tất cả chúng sanh; vì thế, được yêu cầu bởi các thiện nhân tôi đã khởi sự thực hiện tác phẩm này. Giờ đây, việc ấy đã được dứt điểm. Tác phẩm Thūpavaṃsa (Sử Liệu

về Bảo Tháp Xá Lợi Phật) đã được hoàn thành, đầy đủ, không lẫn lộn, tốt đẹp về mọi phương diện, được các bậc trí thức khen ngợi.

Yaṃ pattaṃ kusalaṃ kammaṃ karontena imaṃ mayā. tena etena puññena sattā gacchantu nibbutiṃ. Anantarāyena yathā ca siddhimūpāgato thūpavarassa vaṃso, tatheva saddhammasitā janānaṃ manorathā sīghamupentu siddhiṃ. Paṭisambhidāmaggassa yena līnatthadīpanī ṭīkā viracitā sādhu saddhammodaya kāminā. Tathā pakaraṇe saccasaṅkhepe atthadīpanā, dhīmatā sukatā yena suṭṭhu sīhaḷa bhāsato. Visuddhimagga-saṅkhepe yena atthappakāsanā, yogīnamupakārāya katā sīhaḷabhāsato. Parakkama narindassa sabbabhūpāla ketuno, dhammāgāre niyutto yo piṭakattaya pārago. Sāsanaṃ suṭṭhitaṃ yassa antevāsika bhikkhusu, tena vācissaratthera pādena likhito ayan”ti.

Thūpavaṃso niṭṭhito.

--ooOoo--

Với phước báu đạt được trong khi tôi thực hiện việc phước thiện này, xin cho tất cả chúng sanh đều đạt đến Niết Bàn Lịch sử của các ngôi bảo tháp cao quý đã đạt đến sự hoàn tất không bị chướng ngại như thế nào thì những ước nguyện có liên quan đến Chánh Pháp của chúng sanh hãy đạt đến sự thành tựu một cách mau chóng như thế ấy. Sớ giải Līnatthadīpanī của Paṭisambhidāmagga đã được vị ấy thực hiện tốt đẹp do sự ước muốn đề cao Chánh Pháp. Tương tợ như thế, các sự giảng giải ý nghĩa về tác phẩm Saccasaṅkhepa đã khéo được thực hiện tốt đẹp bằng ngôn ngữ Sinhala bởi vị ấy là bậc có trí tuệ ấy. Các sự giảng giải ý nghĩa về Visuddhimaggasaṅkhepa nhằm đem lại lợi ích cho các thiền sinh đã được vị ấy thực hiện bằng ngôn ngữ Sinhala. Vị ấy rành rẽ về Tam Tạng và có trách nhiệm ở thư khố của đức vua Parakkama là vị vua đứng đầu trong tất cả các vị vua. Giáo Pháp đã được khéo thiết lập cho các tỳ khưu đệ tử của vị ấy. Tác phẩm này được viết ra với lời văn của trưởng lão Vācissara ấy.”

Sử Liệu về Bảo Tháp Xá Lợi Phật được chấm dứt.

--ooOoo--

PHƯƠNG DANH THÍ CHỦ

Tu Nữ Diệu Phước (Viên Không, Bà Rịa)

Tu Nữ Minh Giới

Tu Nữ Viên Thành

Bà Mai Thị Tùng (Như Bá)

Bé Nguyên Anh

Bé Nguyễn Đức Khôi Nguyên (Nhật Minh)

Bé Nguyễn Minh Duyên

Chị Đậu (Hà Nội)

Cô Diệu Minh (Nam Quang Tự, Hội An)

Cô Diệu Tấn (Nam Quang Tự, Hội An)

Cô Giáo Đoạt

Cô Hạnh Pháp

Cô Loan

Cô Lưu (Sobhanā) (USA)

Cô Mai

Đặng Thị Điểu

Đặng Thị Tuyết

Diệu Hiền (Nam Quang Tự, Hội An)

Diệu Huyền (Nam Quang Tự, Hội An)

Đinh Banh

Đoàn Ngọc Mỹ Linh

Gia đình Hồng Trâm (Duyên Hạnh) (USA)

Gia đình Huỳnh Văn Nhiều (Bà Rịa)

Gia đình Lê Quang Vinh (USA)

Gia đình Võ Đạt Mai (Bà Rịa)

Gia đình Chính Nghĩa

Gia đình Đoàn Ngọc Bích Thuỷ

Hà Thị Mỹ Hiền

Hồ Bảo Dũng

Hồ Bảo Quốc Việt

Hoàng Thái Sơn

Hoàng Thanh Nam

Hoàng Thị Hiền

Hoàng Thị Hoa

Hoàng Thị Lựu

Huyền Xưa

Huỳnh Ngọc Yến (Bà Rịa)

Huỳnh Nguyên Vũ

Huỳnh Thị Bé

Huỳnh Thị Tường

Khương Xuân Vinh

Lê Lan Danh

Lê Quang Vũ (USA)

Lê Thị Hồng Lê (USA)

Lê Thị Hồng Viên (Tâm Hương, USA)

Lê Thị Ngọc Trâm

Lê Thị Tứ

Lê Vinh Quang (USA)

Ngô Thành Nghĩa

Ngô Thị Loan

Ngô Thị Phượng

Nguyễn Anh Tú (Paññā Ditthi)

Nguyễn Công Cường

Nguyễn Đức Dũng (Nhật Huy)

Nguyễn Lương Dẫn

Nguyễn Thị Bích Đào

Nguyễn Thị Bích Huyền

Nguyễn Thị Bích Thủy (ôn Tina)

Nguyễn Thị Dư

Nguyễn Thị Hạnh

Nguyễn Thị Hồng

Nguyễn Thị Huyên

Nguyễn Thị Loan

Nguyễn Thị Nguyệt Anh (Từ Nhẫn)

Nguyễn Thị Như Hồng

Nguyễn Thị Tồn

Ông Nguyễn Đức Vui (Nhật Thiện)

Phạm Thị Hộp

Phước Mỹ

Thái Ngọc Đình

Thái Ngọc Liên

Thái Thị Linh

Thiện Tuệ

Thủy (Phần Lan)

Tôn nữ Minh Ngọc

Tôn nữ Minh Trí

Tôn Thất Lộc

Trần Thị Ánh

Trần Thị Khứu

Trần Thị Lan

Trần Thị Ngọc Lang

Trần Thị Thôi

Trần Thị Yến

Viên Nga

Võ Cẩm Tú (Bà Rịa)

Võ Kim Dung (Bà Rịa)

CÁC BẢN DỊCH CỦA TỲ KHƯU INDACANDA, Ph.D.

Trọn Bộ Bản Dịch về Tạng Luật Pāli: (9 tập)

Pārājikapāḷi & Phân Tích Giới Tỳ Khưu I (2008)
Pācittiyapāḷi bhikkhu & Phân Tích Giới Tỳ Khưu II (2008)
Pācittiyapāḷi bhikkhunī & Phân Tích Giới Tỳ Khưu Ni (2008)
Mahāvaggapāḷi I & Đại Phẩm I (2009)
Mahāvaggapāḷi II & Đại Phẩm II (2009)
Cullavaggapāḷi I & Tiểu Phẩm I (2009)
Cullavaggapāḷi II & Tiểu Phẩm II (2009)
Parivārapāḷi I & Tập Yếu I (2010)
Parivārapāḷi II & Tập Yếu II (2010)

Các Bản Dịch thuộc Tạng Kinh Pāli: (10 tập)

Theragāthāpāḷi - Trưởng Lão Kệ (2011)
Therīgāthāpāḷi - Trưởng Lão Ni Kệ (2011)
Paṭisambhidāmaggapāḷi I - Phân Tích Đạo, tập I (2006)
Paṭisambhidāmaggapāḷi II - Phân Tích Đạo, tập II (2006)
Apadānapāḷi I - Thánh Nhân Ký Sự, tập I (2008)
Apadānapāḷi II - Thánh Nhân Ký Sự, tập II (2007)
Apadānapāḷi III - Thánh Nhân Ký Sự, tập III (2007)
Buddhavamsapāḷi - Phật Sử (2005)
Cariyāpitakapāḷi - Hạnh Tạng (2005)
Milindapañhapāḷi - Milinda Vấn Đạo (2011)

Các Dịch Phẩm và Tài Liệu Khác về Pāli:

Bhikkhunī pātimokkha - Giới bổn Pātimokkha của Tỳ khưu ni
Dīpavaṃsa - Sử liệu về đảo Lanka
Saddhammasaṅgaha - Diệu pháp yếu lược
Buddhaghosuppatti - Cuộc đời ngài Buddhaghosa
Dāthāvaṃsa - Sử liệu về Xá-lợi Răng Phật
Thūpavaṃsa - Sử liệu về Bảo tháp Xá-lợi Phật
Mẫu Tự Pāli và Cách Phát Âm, Tỳ khưu Indacanda soạn
Học Pāli qua kinh tụng, Tỳ khưu Indacanda soạn

Các văn bản trên được trình bày ở trang web

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.